

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026

Số: ... 416 / PVD-TCKT

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước / Sở Giao dịch Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam/ Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of Organization: Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling)/ Petrovietnam Drilling & Well Service Corporation (PV Drilling).

- Mã chứng khoán/Ticker: PVD.

- Địa chỉ/Address: Lầu 4, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, P. Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh/4th Floor, Sailing Tower, 111A Pasteur Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3914 2012

Fax: (028) 3914 2021

- E-mail: IR@pvdrilling.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of Disclosure:

PV Drilling kính gửi Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (SGDCK TP. HCM) về việc công bố thông tin Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của PV Drilling.

PV Drilling hereby submits to the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) the disclosure of the Sustainable Development Report 2025 of PV Drilling.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2026 tại đường dẫn: <https://www.pvdrilling.com.vn/phat-trien-ben-vung>.

This information was publicly disclosed on the Company's official website on 20 April, 2026, at the following link: https://www.pvdrilling.com.vn/en-US/sustainable-development.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above

- Lưu/Save VT, B.TCKT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/ VICE PRESIDENT



DO DANH RANG

**VỮNG NỘI LỰC
CHUẨN VẬN HÀNH
BỀN TƯƠNG LAI**



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

0.1 Thông điệp của Ban Lãnh đạo về phát triển bền vững	06
0.2 Các con số nổi bật năm 2025	10
0.3 Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	16

01

THÔNG TIN CHUNG VỀ PV DRILLING

1.1 Tổng quan về công ty và Bối cảnh hoạt động	22
1.2 Mô hình và các hoạt động kinh doanh	30
1.3 Các sự kiện nổi bật năm 2025, các danh hiệu và giải thưởng	40

02

NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1 Định hướng chiến lược phát triển bền vững	58
2.2 Gắn kết các bên liên quan	74
2.3 Chủ đề trọng yếu	88

03

VỮNG NỘI LỰC

3.1 Quản trị công ty – nền tảng cho hoạt động phát triển bền vững	104
3.2 Quản trị ESG	116
3.3 Đạo đức kinh doanh	132
3.4 Quản lý rủi ro	134
3.5 Tác động kinh tế	138
3.6 Quan hệ lao động và phúc lợi người lao động	146
3.7 Bình đẳng và không phân biệt đối xử	150

04

CHUẨN VẬN HÀNH

4.1 An toàn sức khỏe lao động	154
4.2 Quản lý nước, hóa chất và chất thải	168
4.3 Quản lý sự cố môi trường	174
4.4 Đào tạo, phát triển kỹ năng và thu hút nhân lực khoan	180
4.5 Tối ưu hóa vận hành	184

05

BỀN TƯƠNG LAI

5.1 Ứng phó với biến đổi khí hậu	192
5.2 Quản lý năng lượng và giảm phát thải	194
5.3 Đa dạng sinh học	204
5.4 Tuân thủ môi trường và sáng kiến giảm thiểu tác động trong vận hành giàn khoan	210
5.5 Cộng đồng địa phương	216

06

THÔNG TIN VỀ BC PTBV

6.1 Tổng quan về Báo cáo Phát triển bền vững	224
6.2 Chuẩn mực báo cáo	228
6.3 Nguyên tắc xây dựng báo cáo	230
6.4 Kỳ báo cáo	232
6.5 Phạm vi báo cáo	232
6.6 Định dạng báo cáo	232
6.7 Thông tin liên hệ	232
6.8 Kiểm toán/Đảm bảo các thông tin liên quan	234

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 – Danh mục GRI	238
Phụ lục 2 – Danh mục SASB	250
Phụ lục 3 – Dữ liệu bộ chỉ số	252
Phụ lục 4 – Các tác động được đánh giá	260



PHẦN MỞ ĐẦU

0.1	Thông điệp của Ban Lãnh đạo về phát triển bền vững	06
0.2	Các con số nổi bật năm 2025	10
0.3	Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	16

THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



“ Năm 2026, Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling) kỷ niệm 25 năm thành lập với phương châm Khai phá – Kiến tạo – Phát triển. Tiếp tục khai phá những thị trường mới, nghiên cứu và phát triển các dịch vụ mới để xây dựng vị thế nhà thầu hàng đầu khu vực Đông Nam Á cung cấp dịch vụ khoan, kỹ thuật giếng khoan dầu khí và dịch vụ kỹ thuật cao cho các ngành công nghiệp – năng lượng, đồng thời khẳng định niềm tin và danh tiếng đối với khách hàng, đối tác cũng như thực hiện cam kết phát triển bền vững với cổ đông, nhà đầu tư. Bên cạnh đó, PV Drilling tiếp cận thận trọng với việc chuyển dịch năng lượng, bảo đảm tăng trưởng phải đi kèm hiệu quả. ”

Kính thưa Quý cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác, khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên!

Năm 2025 đánh dấu sự phục hồi của thị trường khoan dầu khí nhưng cũng mở ra yêu cầu chuyển đổi mạnh mẽ trước áp lực chuyển dịch năng lượng, tiêu chuẩn Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) ngày càng cao. PV Drilling đã mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế, chú trọng nâng cao hiệu suất vận hành các giàn khoan và tài sản, tăng cường quản trị rủi ro và thúc đẩy đổi mới theo hướng bền vững nhằm củng cố nền tảng tăng trưởng dài hạn.

Bước sang giai đoạn 2026-2030, PV Drilling xác định phát triển bền vững là trụ cột chiến lược, đóng vai trò nền tảng nâng cao khả năng chống chịu và duy trì lợi thế cạnh tranh. Tập trung vào các chủ đề trọng yếu như phát triển nguồn nhân lực, tăng cường quản trị rủi ro, minh bạch, nâng cao an toàn – sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường và tối ưu hiệu quả tài sản, Tổng công ty hướng tới thực thi chiến lược tăng trưởng hiệu quả, bền vững và tạo giá trị lâu dài cho các bên liên quan.

Một bước tiến quan trọng trong quá trình chuyển hóa định hướng thành hành động là việc Hội đồng quản trị đã phê duyệt mục tiêu ESG định lượng năm 2026 và đến năm 2030 với một số mục tiêu quan trọng thể hiện cam kết mạnh mẽ của Ban Lãnh đạo đối với phát triển bền vững như sau:

- ▶ **Về môi trường:** so với năm 2025, cường độ phát thải trên doanh thu giảm 2% vào năm 2026 và giảm 10% vào năm 2030; duy trì thành tích không có sự cố tràn dầu đáng kể trong cả giai đoạn 2026-2030.
- ▶ **Về xã hội:** không có sự cố gây mất thời gian lao động trong năm 2026 và duy trì thành tích trong cả giai đoạn 2026-2030.
- ▶ **Về quản trị:** nằm trong Top 20 doanh nghiệp tiên phong nâng cao quản trị công ty (VNCG), Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất – Nhóm vốn hóa lớn (VLCA) vào năm 2026; nằm trong Top 10 doanh nghiệp tiên phong nâng cao quản trị công ty (VNCG), Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất – Nhóm vốn hóa lớn (VLCA), tiệm cận tiêu chuẩn ACGS vào năm 2030.

THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị PV Drilling xác định ESG là một cấu phần cốt lõi trong định hướng phát triển và cam kết tích hợp đầy đủ vào chiến lược, quản trị rủi ro, quyết định đầu tư cũng như cơ chế giám sát hiệu quả hoạt động trên toàn hệ thống. Chúng tôi kiên định thúc đẩy chuẩn mực quản trị minh bạch, trách nhiệm giải trình và đạo đức kinh doanh, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan. Thông qua vai trò dẫn dắt này, Hội đồng quản trị hướng tới xây dựng nền tảng quản trị hiện đại, củng cố văn hóa doanh nghiệp bền vững và tạo động lực cho tăng trưởng dài hạn của PV Drilling.

Kết quả hoạt động năm 2025 của PV Drilling cho thấy mối liên hệ rõ nét giữa định hướng phát triển bền vững và hiệu quả sản xuất kinh doanh. PV Drilling ghi nhận mức doanh thu, lợi nhuận cao nhất trong gần 10 năm, với doanh thu hợp nhất đạt 10.897 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1.386 tỷ đồng, trong đó duy trì hiệu suất hoạt động của các giàn khoan rất cao từ 99,7% đến gần 100%; các giàn khoan có hợp đồng dài hạn tại các thị trường mục tiêu trong khu vực; dịch vụ kỹ thuật giếng khoan có sự tăng trưởng ấn tượng; đồng thời đầu tư, nâng cấp và đưa vào khai thác giàn PV DRILLING VIII đã đóng góp quan trọng vào thành tích đáng tự hào nêu trên.

Những kết quả này phản ánh hiệu quả của cách tiếp cận tích hợp giữa chiến lược và vận hành, khi các yếu tố an toàn – sức khỏe nghề nghiệp, quản trị rủi ro, tối ưu hiệu quả tài sản và nâng cao chất lượng dịch vụ không chỉ bảo đảm vận hành ổn định mà còn trực tiếp tạo giá trị tài chính và củng cố vị thế thị trường. Đồng thời, PV Drilling tiếp tục tăng cường nền tảng quản trị theo hướng minh bạch, trách nhiệm giải trình và đạo đức kinh doanh, gắn với kỷ luật tuân thủ và bảo vệ quyền lợi các bên liên quan.

Bên cạnh kết quả tài chính và vận hành, duy trì thành tích an toàn tích cực, nâng cao chất lượng

quản trị dữ liệu phục vụ điều hành, Tổng công ty được ghi nhận với các danh hiệu Top 10 Doanh nghiệp bền vững trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ (Chương trình CSI) và Top 8 Quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa lớn (VLCA). Đây là những dấu ấn quan trọng khẳng định hiệu quả của định hướng chiến lược phát triển bền vững, đồng thời tạo nền tảng để PV Drilling tiếp tục nâng chuẩn ESG và tăng cường năng lực cạnh tranh trong giai đoạn tiếp theo.

Bước sang năm 2026, PV Drilling xác định các ưu tiên chiến lược gồm triển khai các sáng kiến ESG trọng điểm và tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tối ưu vận hành các giàn khoan và thiết bị, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động, nâng cao hiệu quả khai thác tài sản, thúc đẩy chuyển đổi số, qua đó củng cố năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tạo động lực tăng trưởng ổn định trong giai đoạn tiếp theo.

Chúng tôi ý thức rằng hành trình phát triển dài hạn của PV Drilling đòi hỏi sự đồng lòng và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, người lao động trong toàn hệ thống. Ban Lãnh đạo Tổng công ty kêu gọi mỗi cán bộ nhân viên tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, đổi mới và hợp tác, cùng hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm, đồng thời đóng góp tích cực vào giá trị chung của PV Drilling và cộng đồng.

PV Drilling trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và toàn thể người lao động đã tin tưởng, đồng hành và đóng góp vào những thành quả đạt được trong năm qua. Chúng tôi cam kết tiếp tục phát triển PV Drilling trên nền tảng quản trị minh bạch, tăng trưởng bền vững, qua đó tạo dựng giá trị dài hạn cho cổ đông, đối tác và xã hội. Sự hỗ trợ của các bên liên quan là nền tảng quan trọng để Tổng công ty tiếp tục vững bước trên hành trình phát triển trong tương lai.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MAI THẾ TOÀN

TỔNG GIÁM ĐỐC PV DRILLING

NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

CÁC CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2025



KINH TẾ

- Tổng doanh thu hợp nhất:
10.897 tỷ đồng, tăng **17%** so với năm 2024
- Lợi nhuận trước thuế:
1.386 tỷ đồng, tăng **48%** so với năm 2024
- Lợi nhuận sau thuế:
1.052 tỷ đồng, tăng **51%** so với năm 2024
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu: **9,7%** tăng **2,1%** so với năm 2024
- Đóng góp cho ngân sách nhà nước (số đã nộp): **1.033** tỷ đồng
tăng **24%** so với năm 2024
- Hiệu suất hoạt động trung bình của giàn khoan
Giàn sở hữu: **99,85%**
- Hiệu suất sử dụng trung bình của giàn khoan
Giàn sở hữu: **82,6%**



CÁC CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2025 (TIẾP THEO)



XÃ HỘI

Tổng chi phí đào tạo

29,39

tỷ đồng

Tổng số PVD Card:

187.739

Số giờ đào tạo trung bình:

37,36

giờ/người/năm

Tổng số lượt người lao động
được đào tạo về HSEQ

15.270

lượt người

Tổng chi phí Hoạt động cộng đồng &
An sinh xã hội

~30,2

tỷ đồng

Tổng số lượt diễn tập
Ứng phó tình huống khẩn cấp:

723

lượt



CÁC CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2025 (TIẾP THEO)



MÔI TRƯỜNG

Chi phí hoạt động (OpEx) được phân bổ cho hoạt động liên quan đến phát triển bền vững:

3.025 tỷ đồng
tăng 28% so với năm 2024

Chi phí đầu tư (CapEx) được phân bổ cho kế hoạch/hoạt động liên quan đến phát triển bền vững:

262 tỷ đồng
tăng 877% so với năm 2024

Trồng 112.000 cây xanh trong năm 2025

Nâng tổng số cây trồng trong giai đoạn 2022-2025 lên 138.014 cây (vượt 38% kế hoạch)

Cường độ sử dụng nước theo doanh thu:

1,46 m³/tỷ đồng
giảm 12,05% so với năm 2024

Cường độ tiêu thụ điện theo doanh thu:

239,30 kWh/tỷ đồng
giảm 13,24% so với năm 2024

100%

nước thải được xử lý đúng quy định



100%

chất thải nguy hại được phân loại & xử lý đúng quy định



0

sự cố tràn dầu



0

vụ vi phạm pháp luật về môi trường



TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

16 PHẤN MỞ ĐẦU



TẦM NHÌN

- » Trở thành nhà thầu khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới.



SỨ MỆNH

- » Cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực, tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những dịch vụ chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.

17 VỮNG NỘI LỰC - CHUẨN VẬN HÀNH - BỀN TƯƠNG LAI

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

(TIẾP THEO)



18 PHẦN MỞ ĐẦU

19 VỮNG NỘI LỰC - CHUẨN VẬN HÀNH - BỀN TƯƠNG LAI



CON NGƯỜI

- ▶ Duy trì các mối quan hệ công việc tích cực.
- ▶ Nuôi dưỡng nhiệt huyết bằng việc chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý tưởng và thông tin với nhau.
- ▶ Tạo ra một môi trường làm việc mà trong đó mọi người có thể học hỏi, cống hiến và trở nên xuất sắc cùng với sự phát triển của PV Drilling.
- ▶ Đảm bảo an toàn cho con người và môi trường trong quá trình hoạt động.



SỰ CHÍNH TRỰC

- ▶ Nỗ lực hành động theo pháp luật và bộ Quy tắc ứng xử.
- ▶ Mạnh dạn đưa ra ý kiến đối với những sự việc không phù hợp.
- ▶ Giữ gìn tài sản của PV Drilling và khách hàng.
- ▶ Sẵn sàng chịu trách nhiệm cho mọi hành động của mình.



SỰ CHUYÊN NGHIỆP

- ▶ Đủ năng lực trong mọi việc làm.
- ▶ Tôn trọng mọi cam kết và cố gắng đưa ra kết quả tốt nhất bằng những phương pháp phù hợp với chi phí tối ưu.
- ▶ Không ngừng cải tiến, sáng tạo để mang đến giá trị gia tăng cho khách hàng.
- ▶ Hành động vì lợi ích hợp pháp cao nhất của PV Drilling, hướng đến lợi ích lâu dài của khách hàng và nhà đầu tư.



1

THÔNG TIN CHUNG VỀ PV DRILLING

1.1	Tổng quan về PV Drilling và bối cảnh hoạt động	22
1.2	Mô hình và các hoạt động kinh doanh	30
1.3	Các sự kiện nổi bật năm 2025, các danh hiệu và giải thưởng	40

TỔNG QUAN VỀ PV DRILLING VÀ BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

GRI 2-1



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ PETROVIETNAM DRILLING & WELL SERVICE CORPORATION

Tên viết tắt:	PV Drilling
Mã niêm yết:	PVD
Vốn điều lệ:	5.562.960.060.000 đồng
Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số:	0302495126, đăng ký lần đầu ngày 15/02/2006, thay đổi lần thứ 18 ngày 16/9/2025.
Trụ sở:	Lầu 4, Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84 – 28) 3914 2012
Fax:	(84 – 28) 3914 2021, (84 – 28) 3914 2022
Website:	www.pvdrilling.com.vn

LĨNH VỰC KINH DOANH

GRI 2-6

- ▶ Dịch vụ khoan, gồm cung cấp – vận hành giàn khoan biển tự nâng và giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm.
- ▶ Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.
- ▶ Dịch vụ cung ứng nhân lực và đào tạo chuyên môn.
- ▶ Dịch vụ cơ khí chế tạo, kiểm định bảo dưỡng, thương mại và dịch vụ khác.
- ▶ Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu và bảo vệ môi trường.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

EM-SV-000.A, EM-SV-000.B, EM-SV-000.C

Hiện PV Drilling đang sở hữu 6 giàn khoan tự nâng (jack-up), 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD). Năm 2025, Tổng Công ty có 6 giàn khoan hoạt động và đã triển khai dịch vụ tại 45 giếng đang hoạt động với tổng khối lượng khoan hoàn thành trong năm đạt 91.769 mét. Các chỉ tiêu này thể hiện năng lực vận hành và quy mô hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ báo cáo.

PV Drilling hiện đang nắm giữ khoảng 70% thị phần khoan tại Việt Nam. Năm 2025, các giàn khoan của PV Drilling chủ yếu hoạt động tại các thị trường như Malaysia, Indonesia và Việt Nam (giàn jack-up), Brunei (giàn TAD).

Các dịch vụ kỹ thuật khác: PV Drilling đang chiếm lĩnh khoảng 80% – 100% thị phần các dịch vụ như dịch vụ cung ứng nhân lực, dịch vụ tiện ren và ứng cứu sự cố tràn dầu.

TỔNG QUAN VỀ PV DRILLING VÀ BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN GẮN VỚI NGÀNH DẦU KHÍ



TỔNG QUAN VỀ PV DRILLING VÀ BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)



VAI TRÒ CỦA PV DRILLING TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ DẦU KHÍ QUỐC GIA

PV Drilling không chỉ là nhà thầu khoan mà còn là mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị thượng nguồn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam).

Việc cung cấp dịch vụ cho các khách hàng lớn tại Malaysia, Indonesia và Brunei với các yêu cầu nghiêm ngặt về HSEQ, ESG và tỷ lệ nội địa hóa đã khẳng định năng lực của doanh nghiệp Việt Nam – PV Drilling trong chuỗi cung ứng dịch vụ khoan tại thị trường khu vực.

Trong gần 25 năm hoạt động, PV Drilling đã đào tạo và phát triển đội ngũ hàng nghìn kỹ sư, chuyên gia khoan và nhân sự vận hành giàn khoan theo các tiêu chuẩn quốc tế. Việc làm chủ công nghệ quản lý và vận hành giàn khoan tự nâng, giàn khoan nước sâu và giàn khoan đất liền, cùng với hệ thống quản trị ERP, HSEQ và quản trị rủi ro, v.v. đã giúp PV Drilling từng bước giảm sự phụ thuộc vào các chuyên gia nước ngoài trong các khâu dịch vụ cốt lõi. Đây là nền tảng quan trọng để Petrovietnam nâng cao tính chủ động trong chiến lược phát triển khối thượng nguồn (Khối E&P).

Đồng thời, thông qua hoạt động đầu tư, vận hành, bảo dưỡng và tái khởi động giàn khoan, PV Drilling cũng tạo động lực cho các doanh nghiệp cơ khí và dịch vụ kỹ thuật trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, từng bước hình thành hệ sinh thái dịch vụ khoan nội địa hoàn chỉnh. Năm 2025 tiếp tục ghi nhận sự trưởng thành của đội ngũ kỹ sư và người lao động PV Drilling, thể hiện qua việc trực tiếp đảm nhận các công việc kỹ thuật phức tạp như mua, nâng cấp, cải hoán và đưa giàn khoan PV DRILLING VIII vào khai thác, cũng như cung cấp các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan vốn trước đây phụ thuộc nhiều vào chuyên gia nước ngoài. Thành quả này đã minh chứng cho hướng đi đúng đắn trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của nhà thầu khoan PV Drilling.

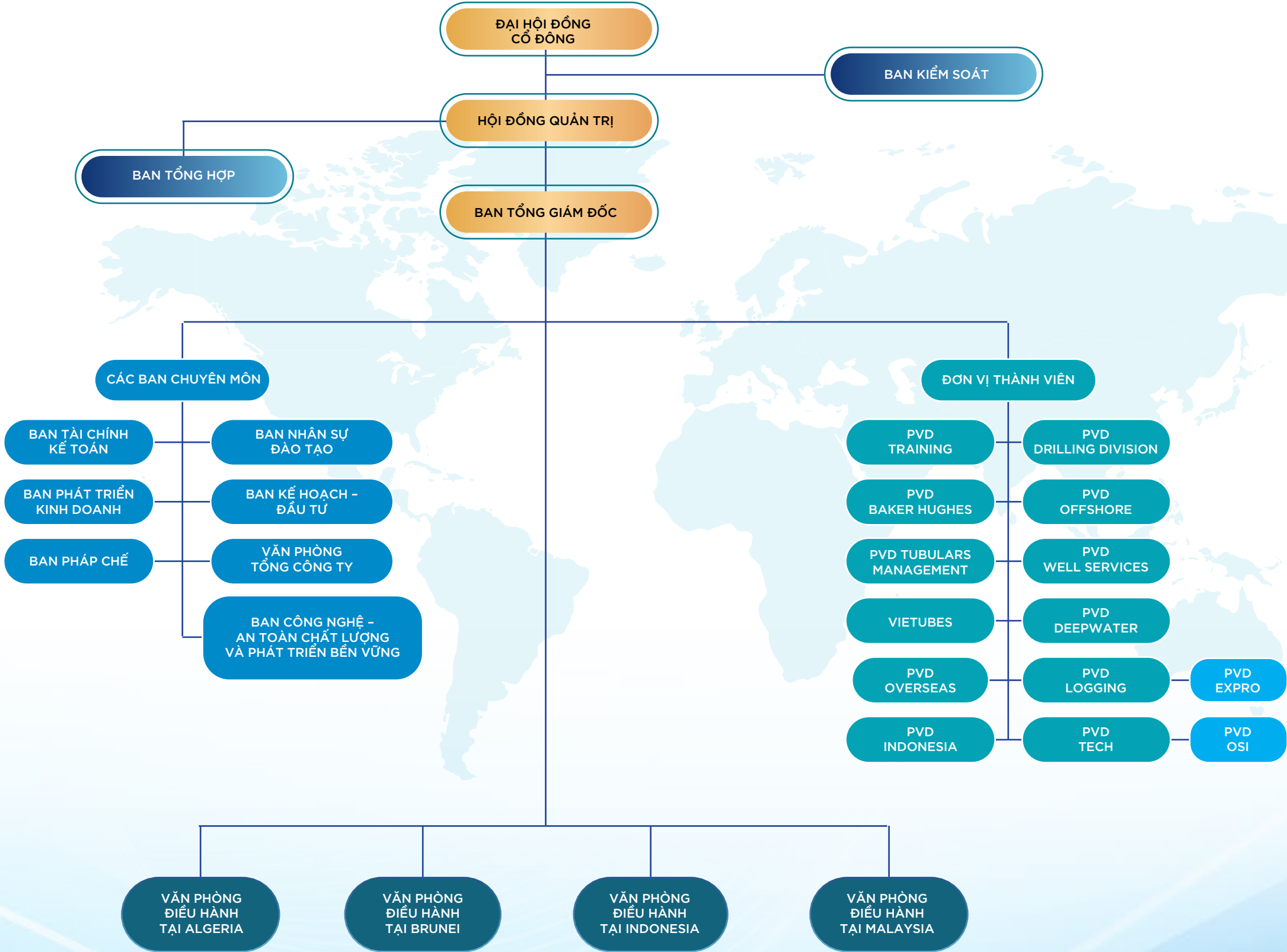
THÍCH ỨNG VỚI CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hành trình gần 25 năm của PV Drilling cho thấy phát triển bền vững không phải là một đích đến tách rời, mà là quá trình thích ứng liên tục trước những biến động của thị trường năng lượng toàn cầu. Từ một doanh nghiệp non trẻ, PV Drilling đã vươn lên trở thành nhà thầu khoan hàng đầu khu vực, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị dầu khí quốc gia và quá trình nâng cao năng lực nội địa.

Chuyển dịch năng lượng là xu thế tất yếu gắn với các cam kết của Việt Nam hướng tới mục tiêu giảm phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Đối với PV Drilling, việc tham gia vào quá trình này không tách rời khỏi hoạt động khoan dầu khí truyền thống. Trọng tâm trước hết nằm ở việc tối ưu hóa hoạt động hiện hữu, nâng cao hiệu quả vận hành, giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm phát thải trong quá trình khoan và cung cấp dịch vụ. Các nội dung liên quan đến ESG được triển khai gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đối tác quốc tế.

Trên cơ sở đó, PV Drilling đang nghiên cứu và từng bước tham gia vào một số lĩnh vực mới có sự tương đồng với năng lực cốt lõi, đặc biệt là năng lực khoan và làm việc ngoài khơi. Các lĩnh vực tiềm năng bao gồm khoan địa nhiệt, dịch vụ điện gió ngoài khơi và các giải pháp thu giữ và lưu trữ carbon. Đây là hướng phát triển phù hợp với xu hướng ngành năng lượng thế giới, giúp PV Drilling tận dụng kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật và hệ thống quản trị hiện có, qua đó từng bước mở rộng không gian tăng trưởng theo lộ trình chuyển đổi có kiểm soát, bảo đảm cân bằng giữa hiệu quả kinh tế, trách nhiệm môi trường và giá trị xã hội trong dài hạn.

TỔNG QUAN VỀ PV DRILLING VÀ BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

PV Drilling vận hành theo mô hình Công ty Mẹ – công ty con, trên cơ sở chuyên môn hóa theo chuỗi giá trị và thống nhất định hướng chiến lược, quản trị trong toàn hệ thống, cụ thể:

- ▶ **Công ty Mẹ – PV Drilling:** đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng chiến lược phát triển, định hướng đầu tư các tài sản trọng yếu (đặc biệt là giàn khoan), tổ chức quản trị điều hành và kiểm soát hoạt động của các đơn vị thành viên.
- ▶ **Xí nghiệp Điều hành khoan (đơn vị hạch toán phụ thuộc):** thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành các giàn khoan của PV Drilling, bao gồm giàn khoan biển tự nâng (jack-up) và giàn khoan nước sâu (TAD).
- ▶ **Các đơn vị thành viên:** bao gồm các công ty con do PV Drilling sở hữu 100% vốn, các công ty cổ phần do PV Drilling nắm quyền chi phối, và các công ty liên doanh, liên kết mà PV Drilling có quyền kiểm soát, chi phối hoặc ảnh hưởng đáng kể. Mỗi đơn vị đảm nhiệm một (hoặc một nhóm) chức năng chuyên biệt trong hệ sinh thái dịch vụ kỹ thuật dầu khí.
- ▶ **Các văn phòng điều hành tại nước ngoài** (Malaysia, Brunei, Indonesia, Algeria) đóng vai trò đầu mối tiếp cận khách hàng, hỗ trợ quản lý vận hành dự án/hợp đồng với khách hàng và phối hợp tuân thủ pháp lý tại nước sở tại.

MÔ HÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PV DRILLING



1. BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG VÀ CÁCH TIẾP CẬN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

PV Drilling hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, bao gồm dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan – một lĩnh vực có mức độ rủi ro cao về an toàn, môi trường và kỹ thuật, đồng thời chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của các quy định pháp luật, tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu từ khách hàng.

Trong bối cảnh ngành dầu khí đang đối mặt với nhiều thách thức như biến động thị trường năng lượng, yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, gia tăng kỳ vọng của nhà đầu tư và khách hàng về ESG, PV Drilling xác định việc tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào mô hình kinh doanh là điều kiện cần thiết để duy trì hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh và khả năng tạo giá trị dài hạn.

Mô hình kinh doanh của PV Drilling được xây dựng nhằm tạo ra giá trị kinh tế bền vững cho cổ đông, đồng thời đảm bảo an toàn cho người lao động, cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng và quản lý, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội.

2. CÁCH THỨC TÍCH HỢP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (PTBV) VÀO MÔ HÌNH KINH DOANH

Đối với PV Drilling, PTBV không được xem là một tập hợp các hoạt động độc lập hay mang tính tuân thủ đơn thuần, mà là một phần không tách rời trong chiến lược phát triển, hệ thống quản trị và hoạt động vận hành hằng ngày. Các yếu tố PTBV được tích hợp vào quá trình ra quyết định ở các cấp độ khác nhau, từ hoạch định chiến lược, đầu tư tài sản, quản lý vận hành đến cung cấp dịch vụ và quản trị rủi ro.

Việc tích hợp PTBV giúp Tổng công ty chủ động nhận diện và quản lý các rủi ro liên quan đến an toàn, môi trường và xã hội, đồng thời tận dụng các cơ hội nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tối ưu chi phí và cải thiện chất lượng dịch vụ. Thông qua cách tiếp cận này, PV Drilling hướng tới việc cân bằng giữa mục tiêu hiệu quả kinh doanh ngắn hạn và tạo giá trị bền vững trong trung và dài hạn, phù hợp với kỳ vọng của các bên liên quan.

MÔ HÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PV DRILLING (TIẾP THEO)

3. CHUỖI GIÁ TRỊ VÀ MÔ HÌNH TẠO GIÁ TRỊ CỦA PV DRILLING

GRI 2-6

3.1 Các hoạt động cốt lõi trong chuỗi giá trị



LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH



ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN



KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH DOANH



VẬN HÀNH GIÀN KHOAN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ



BẢO TRÌ VÀ NÂNG CẤP LỚN TÀI SẢN



KẾT THÚC VÒNG ĐỜI THẢO DỖ - TÁI CHẾ GIÀN KHOAN

" Mô hình kinh doanh của PV Drilling dựa trên chuỗi giá trị dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan, bao trùm toàn bộ vòng đời tài sản và hoạt động kinh doanh, từ lập kế hoạch, đầu tư, ký kết hợp đồng, vận hành đến bảo trì và kết thúc vòng đời tài sản. Xuyên suốt các giai đoạn, Tổng công ty tạo giá trị kinh tế, đồng thời tích hợp quản lý rủi ro, tối ưu tài nguyên và các yếu tố ESG nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững. "

Lập kế hoạch kinh doanh là bước khởi đầu của chuỗi giá trị, trong đó PV Drilling phân tích thị trường dầu khí, xu hướng cung – cầu, chính sách năng lượng và yêu cầu khách hàng để xây dựng kế hoạch sản xuất – kinh doanh và chiến lược phát triển phù hợp với năng lực cốt lõi và mục tiêu dài hạn. Quá trình này được thực hiện gắn với quản trị rủi ro và đánh giá các yếu tố ESG, giúp Tổng công ty chủ động ứng phó với biến động thị trường, yêu cầu giảm phát thải và thay đổi chính sách. Nhờ đó, PV Drilling tối ưu phân bổ nguồn lực, duy trì ổn định hoạt động và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

PV Drilling triển khai đầu tư và quản lý danh mục tài sản bao gồm giàn khoan, thiết bị kỹ thuật và hạ tầng phục vụ dịch vụ khoan, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác. Các quyết định đầu tư được xem xét trên cơ sở hiệu quả kinh tế dài hạn, khả năng khai thác tài sản, rủi ro tài chính và yêu cầu an toàn – môi trường. Tổng công ty áp dụng hệ thống quản lý tài sản và công nghệ số để theo dõi tình trạng thiết bị, tối ưu sử dụng và nâng cao hiệu quả quản lý vòng đời tài sản. Đồng thời, PV Drilling đầu tư vào hệ thống quản trị, ERP và nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tăng cường năng lực vận hành và kiểm soát toàn bộ chuỗi giá trị.

Hoạt động ký kết hợp đồng kinh doanh đóng vai trò kết nối giữa năng lực nội tại của PV Drilling và nhu cầu của thị trường. Tổng công ty tham gia đàm phán và ký kết các hợp đồng cung cấp và vận hành giàn khoan, dịch vụ khoan trọn gói và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan & các dịch vụ khác với khách hàng trong và ngoài nước.

Trong giai đoạn này, PV Drilling quản lý chặt chẽ các yếu tố liên quan đến điều khoản hợp đồng, giá dịch vụ, tiến độ thực hiện, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn an toàn – môi trường nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh và duy trì quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng.

Đây là giai đoạn trực tiếp tạo ra giá trị kinh tế. PV Drilling vận hành các giàn khoan và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan như khoan định hướng, đo địa vật lý, bơm trám xi măng và hoàn thiện giếng.

Đồng thời, Tổng công ty cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như cơ khí, kiểm định, sửa chữa, đào tạo nhân lực và ứng cứu sự cố môi trường.

Các hoạt động được triển khai trong khuôn khổ hệ thống HSEQ và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001 và API Q1/Q2, nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng và tính liên tục của hoạt động, qua đó nâng cao sự hài lòng của khách hàng và uy tín thương hiệu.

PV Drilling thực hiện bảo trì định kỳ, đại tu và nâng cấp lớn tài sản nhằm đảm bảo độ tin cậy, hiệu suất hoạt động và hiệu quả khai thác của tài sản trong suốt vòng đời. Công tác bảo trì được hỗ trợ bởi hệ thống quản lý tài sản và công nghệ số, giúp theo dõi tình trạng thiết bị, lập kế hoạch bảo dưỡng và phát hiện sớm rủi ro kỹ thuật. Cách tiếp cận này giúp giảm thời gian dừng thiết bị, tối ưu chi phí và kéo dài tuổi thọ tài sản. Các chương trình nâng cấp còn hướng tới nâng cao hiệu suất vận hành, cải thiện tiêu chuẩn an toàn và giảm tác động môi trường, đáp ứng yêu cầu ESG ngày càng cao.

Khi tài sản kết thúc vòng đời hoặc không còn phù hợp, PV Drilling thực hiện đánh giá, tháo dỡ và xử lý theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn môi trường – an toàn. Quá trình này bao gồm đánh giá kỹ thuật, lập phương án tháo dỡ, phân loại vật liệu và tái chế thiết bị có thể tái sử dụng.

Các hoạt động được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường và quản lý chất thải hiệu quả. Tổng công ty ưu tiên tái sử dụng và tái chế vật liệu, qua đó tối ưu giá trị còn lại của tài sản, giảm thiểu tác động môi trường và thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn.

MÔ HÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PV DRILLING (TIẾP THEO)

3.2 Giá trị dài hạn được tạo ra

Thông qua việc triển khai hiệu quả chuỗi giá trị và các hoạt động hỗ trợ, PV Drilling tạo ra giá trị dài hạn cho các bên liên quan, bao gồm:



GIÁ TRỊ KINH TẾ

Tạo ra doanh thu và lợi nhuận bền vững, duy trì năng lực cạnh tranh và đóng góp cho sự phát triển của ngành dịch vụ dầu khí.



GIÁ TRỊ CHO KHÁCH HÀNG

Cung cấp các dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan với chất lượng cao, đảm bảo an toàn và hiệu quả vận hành.



GIÁ TRỊ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng môi trường làm việc an toàn, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ kỹ thuật.



GIÁ TRỊ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Giảm thiểu tác động môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Thông qua mô hình này, PV Drilling hướng tới cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm đối với môi trường, xã hội, đồng thời củng cố nền tảng cho tăng trưởng bền vững và tạo giá trị dài hạn cho các bên liên quan.



4. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Trên cơ sở chuỗi giá trị hoạt động của PV Drilling bao gồm các khâu lập kế hoạch kinh doanh, đầu tư dự án, phát triển hợp đồng và cung cấp dịch vụ, Tổng công ty triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ nhằm đảm bảo hiệu quả vận hành, tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro và tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn. Các hoạt động hỗ trợ này bao gồm quản trị và phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, quản trị chuỗi cung ứng – mua sắm, cũng như quản lý rủi ro và tuân thủ. Hệ thống quản trị doanh nghiệp Oracle ERP được áp dụng xuyên suốt nhằm tích hợp dữ liệu, chuẩn hóa quy trình và nâng cao tính minh bạch trong quản trị và điều hành.

Trong đó, nguồn nhân lực có chuyên môn cao là yếu tố then chốt giúp PV Drilling đảm bảo chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh ngành khoan dầu khí có yêu cầu kỹ thuật

và an toàn nghiêm ngặt. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số thông qua hệ thống ERP giúp tối ưu hóa quy trình vận hành, tăng cường khả năng phân tích và quản trị dữ liệu, qua đó nâng cao hiệu quả ra quyết định. Bên cạnh đó, hoạt động mua sắm và quản trị chuỗi cung ứng được triển khai theo các nguyên tắc minh bạch, hiệu quả và kiểm soát rủi ro, góp phần tối ưu chi phí, đảm bảo tính liên tục của hoạt động cung cấp dịch vụ và hạn chế các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

Thông qua việc kết hợp chặt chẽ giữa các hoạt động cốt lõi và các hoạt động hỗ trợ, PV Drilling không chỉ duy trì hiệu quả hoạt động trong từng giai đoạn của chuỗi giá trị mà còn tạo ra giá trị dài hạn cho khách hàng, người lao động, cổ đông và các bên liên quan, đồng thời củng cố nền tảng cho chiến lược phát triển bền vững của Tổng công ty trong ngành dịch vụ khoan dầu khí.

MÔ HÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PV DRILLING (TIẾP THEO)



Thông qua chuỗi dịch vụ đa dạng và tích hợp, các lĩnh vực hoạt động của PV Drilling không chỉ đáp ứng trực tiếp nhu cầu của khách hàng trong ngành dầu khí mà còn góp phần tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành, tăng cường quản lý rủi ro và an toàn, đồng thời gắn chặt với chiến lược phát triển bền vững và tích hợp ESG của Tổng công ty trong ngắn, trung và dài hạn.

5. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PV Drilling hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ dầu khí, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật cao phục vụ toàn bộ vòng đời khoan và vận hành giếng khoan dầu khí tại Việt Nam và khu vực. Thông qua hệ sinh thái dịch vụ đồng bộ, Tổng công ty không chỉ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao của khách hàng mà còn góp phần hình thành chuỗi giá trị toàn diện, tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và các bên liên quan. Kết quả là tổng doanh thu thuần hợp nhất của PV Drilling đạt 9.288 tỷ đồng năm 2024 và tăng lên 10.897 tỷ đồng năm 2025, phản ánh hiệu quả từ việc duy trì và mở rộng các lĩnh vực hoạt động cốt lõi.

Hoạt động cốt lõi của PV Drilling là dịch vụ cung cấp và vận hành giàn khoan, bao gồm giàn khoan tự nâng và giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm. Tổng công ty sở hữu và vận hành các giàn khoan hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, kỹ thuật và môi trường, phục vụ các hợp đồng khoan trọn gói cho khách hàng trong và ngoài nước, đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu.

Bên cạnh đó, PV Drilling cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan với danh mục dịch vụ chuyên sâu, bao gồm: dịch vụ Đo Karota khai thác và dịch vụ Đo Karota khí; dịch vụ Kéo thả thiết bị trong lòng giếng; dịch vụ Kéo thả ống chống; dịch vụ Khoan định hướng và khảo sát; dịch vụ lấy mẫu lõi; dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan; dịch

vụ bơm trám xi măng; dịch vụ hoàn thiện giếng thông minh; dịch vụ kích thích vỉa, thả cột ống mềm và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan khác.

Trong lĩnh vực cơ khí chế tạo và cung cấp thiết bị, PV Drilling thực hiện thiết kế, chế tạo, gia công, kiểm định, bảo dưỡng và sửa chữa các cấu kiện, thiết bị khoan và thiết bị dầu khí theo các tiêu chuẩn quốc tế như API, DNV và các yêu cầu kỹ thuật của khách hàng. Tổng công ty cung cấp đa dạng các sản phẩm như ống chống, cần khoan, đầu nối, thiết bị áp lực, kết cấu kim loại, đồng thời cung ứng vật tư và thiết bị phục vụ ngành dầu khí và các ngành công nghiệp liên quan.

Ngoài ra, PV Drilling còn triển khai dịch vụ kiểm định, bảo dưỡng và sửa chữa công trình, thiết

bị nhằm duy trì tính sẵn sàng, độ tin cậy và kéo dài vòng đời của thiết bị; cung cấp dịch vụ cung ứng nhân lực và đào tạo chuyên môn; thực hiện dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu, góp phần bảo vệ môi trường biển và đảm bảo an toàn trong hoạt động dầu khí.

Thông qua chuỗi dịch vụ đa dạng và tích hợp, các lĩnh vực hoạt động của PV Drilling không chỉ đáp ứng trực tiếp nhu cầu của khách hàng trong ngành dầu khí mà còn góp phần tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành, tăng cường quản lý rủi ro và an toàn, đồng thời gắn chặt với chiến lược phát triển bền vững và tích hợp ESG của Tổng công ty trong ngắn, trung và dài hạn.

MÔ HÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PV DRILLING (TIẾP THEO)

6. CÁC SÁNG KIẾN CẢI TIẾN, ĐỔI MỚI VÀ QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh, PV Drilling triển khai nhiều sáng kiến tập trung vào nâng cao hiệu suất sử dụng giàn khoan, tối ưu chi phí và cải tiến công nghệ, trong đó các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là một trong những động lực phát triển dài hạn của Tổng công ty. Các hoạt động này được dẫn dắt trực tiếp từ thực tiễn cung cấp dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, tập trung vào cải tiến kỹ thuật, đổi mới và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, đảm bảo an toàn và tối ưu chi phí.

Trong giai đoạn 2023-2025, PV Drilling đã ghi nhận hàng chục sáng kiến kỹ thuật, mang lại tổng giá trị làm lợi gần 200 tỷ đồng, qua đó đóng góp trực tiếp vào hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty. Nhiều đề tài nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật tiêu biểu đã được triển khai và ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn vận hành, như thiết kế hệ thống bôi trơn cưỡng bức cho tời neo giàn tiếp trợ, nghiên cứu chế tạo các kết cấu phục vụ sửa chữa giàn khoan tự nâng, nâng cấp các hệ thống hỗ trợ vận hành trên giàn khoan. Các sáng kiến này không chỉ mang lại hiệu quả tài chính rõ rệt mà còn góp phần nâng cao mức độ an toàn, độ tin cậy và tính sẵn sàng của hệ thống thiết bị.

Không chỉ dừng lại ở đó, PV Drilling còn đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và vận hành, từng bước hoàn thiện các nền tảng số như hệ thống ERP – quản lý tài sản và bảo dưỡng thiết bị, số hóa dữ liệu và quy trình nghiệp vụ, hướng tới mô hình vận hành dựa trên dữ liệu. Các hoạt động khoa học công nghệ – đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được triển khai có trọng tâm, phù hợp với đặc thù doanh nghiệp dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao, tạo nền tảng cho việc nâng cao hiệu quả vận hành, quản trị rủi ro và hỗ trợ thực hiện chiến lược phát triển bền vững của PV Drilling trong trung và dài hạn.

Các sáng kiến tích hợp yếu tố an toàn, môi trường và hiệu quả năng lượng được PV Drilling triển khai đồng bộ, tập trung vào ba nhóm giải pháp chính: sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng, đổi mới công nghệ kiểm soát tiêu thụ nhiên liệu và chuyển đổi sang nhiên liệu phát thải thấp. Từ năm 2020, PV Drilling từng bước thay thế hệ thống chiếu sáng hiện hữu bằng đèn LED trên các giàn khoan tự nâng và giàn tiếp trợ, giúp giảm đáng kể tiêu thụ điện và nhiên liệu phát điện. Đến cuối năm 2025, khoảng 81% số đèn trên các giàn PV DRILLING I, II, III, V và VI đã được thay thế, góp phần giảm khoảng 1,1 triệu kWh điện/năm, qua đó giảm khoảng 308 tấn dầu DO và 919 tấn CO₂e phát thải.

Bên cạnh đó, PV Drilling đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong kiểm soát năng lượng, tiêu biểu là lắp đặt thử nghiệm phần mềm MAESTRO™ tại giàn PV DRILLING V từ tháng 9/2023 và sẽ đi vào vận hành chính thức từ năm 2026. Giải pháp này cho phép giám sát thiết bị khoan theo thời gian thực, tối ưu công suất phát điện phù hợp với chế độ vận hành, góp phần giảm khoảng 7% năng lượng tiêu thụ, tương đương 577,8 tấn dầu DO/năm.

Ngoài các giải pháp trên, PV Drilling cũng đã thực hiện chuyển đổi nhiên liệu từ Diesel sang Bio-Diesel (B30) tại các giàn khoan làm việc với khách hàng Pertamina, giúp giảm tổng lượng phát thải khí nhà kính năm 2025 khoảng 6.898 tấn CO₂e, đóng góp thiết thực vào mục tiêu giảm phát thải của Tổng công ty.

Thông qua mô hình và các hoạt động kinh doanh, PV Drilling hướng tới việc tạo ra giá trị kinh tế dài hạn đồng thời quản lý các tác động về môi trường và xã hội phát sinh từ hoạt động của Tổng công ty. Việc tích hợp ESG vào chiến lược, quản trị và vận hành giúp PV Drilling nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro và đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan, qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong trung và dài hạn.



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025, CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

Năm 2025 được xác định là cột mốc bản lề trong chiến lược phát triển dài hạn của PV Drilling, đánh dấu bước chuyển dịch từ định hướng sang triển khai thực chất các sáng kiến ESG. Việc lựa chọn năm 2025 là năm cơ sở (baseline year) cho lộ trình giảm phát thải không chỉ tạo nền tảng cho việc quản lý và kiểm soát phát thải một cách hệ thống, góp phần thực hiện mục tiêu Net Zero của Việt Nam, mà còn gắn kết chặt chẽ giữa hiệu quả vận hành và mục tiêu phát triển bền vững, qua đó gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông, người lao động và cộng đồng.

1. CÁC SỰ KIỆN ESG NỔI BẬT NĂM 2025

1

HỘI NGHỊ HSEQ DAY 2024 (20/03/2025):



Hội nghị nhằm tổng kết công tác HSEQ năm 2024 và định hướng các ưu tiên trọng tâm cho năm tiếp theo. Sự kiện có sự tham dự của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) với vai trò Công ty Mẹ, cùng các khách hàng như Vietsovpetro, PVEP, Zarubezhneft và các công ty điều hành chung (JOCs).

Thông qua hội nghị, PV Drilling thúc đẩy cơ chế trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và kinh nghiệm vận hành giữa các bên trong chuỗi giá trị, qua đó nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.

Về môi trường, PV Drilling ghi nhận mức giảm gần 7.000 tấn CO₂e thông qua ba dự án tối ưu hóa nhiên liệu, tạo nền tảng cho việc thiết lập hệ thống quản lý và kiểm soát phát thải trong các giai đoạn tiếp theo.

Về an toàn, hội nghị tiếp tục khẳng định văn hóa an toàn chủ động với các cột mốc tiêu biểu như giàn PV DRILLING II đạt 15 năm Zero LTI và PV DRILLING VI đạt 10 năm Zero LTI, phản ánh hiệu quả của hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế.

2

LỄ ĐẶT TÊN GIÀN KHOAN TỰ NÂNG PV DRILLING VIII (18/08/2025):



Sự kiện đánh dấu bước tiến cụ thể trong chiến lược mở rộng năng lực dịch vụ của PV Drilling, đồng thời phản ánh định hướng tích hợp mô hình kinh tế tuần hoàn trong quản lý tài sản. Theo đó, bên cạnh đầu tư phát triển, Tổng công ty ưu tiên các giải pháp tái sử dụng và nâng cấp tài sản hiện hữu nhằm kéo dài vòng đời thiết bị và giảm phát thải vòng đời so với phương án đóng mới, thông qua việc tối ưu hóa nhu cầu vật liệu, năng lượng và kiểm soát phát sinh chất thải công nghiệp. Các hạng mục nâng cấp được triển khai có trọng tâm, giúp cải thiện hiệu suất vận hành đồng thời kiểm soát chặt chẽ mức phát thải bổ sung.

Cách tiếp cận này không chỉ rút ngắn thời gian đưa giàn vào vận hành và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, mà còn đảm bảo tích hợp các tiêu chuẩn an toàn và vận hành hiện đại. Qua đó, PV Drilling khẳng định cách tiếp cận phát triển bền vững dựa trên việc cân bằng hiệu quả kinh tế với mục tiêu giảm phát thải trong toàn bộ vòng đời tài sản.

3

HỘI THẢO HSEQ 2025 – CÙNG CỐ, NÂNG CAO VĂN HÓA AN TOÀN VÀ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC ESG (27/11/2025):



PV Drilling đã tổ chức thành công Hội thảo nội bộ HSEQ năm 2025 với chủ đề xuyên suốt “Cùng cố, nâng cao văn hóa an toàn và đẩy mạnh công tác ESG”. Sự kiện có sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị thành viên, Ban quản lý các giàn khoan và đội ngũ chuyên trách HSEQ toàn Tổng công ty.

Điểm nhấn chiến lược của hội thảo là sự chuyển dịch mạnh mẽ trong tư duy quản trị: bên cạnh việc phân tích sâu các giải pháp phòng ngừa rủi ro để giữ vững thành tích an toàn, hội nghị đã thống nhất cao độ lộ trình tích hợp các chỉ số Môi trường (E) và Xã hội (S) vào quy trình vận hành hằng ngày (Daily Operations). Đây được xác định là bước chuyển đổi thiết yếu nhằm đưa chiến lược ESG đi sâu vào thực tiễn sản xuất, củng cố nội lực và nâng cao vị thế cạnh tranh của PV Drilling trong giai đoạn phát triển mới.

4

PV DRILLING ĐỒNG HÀNH CÙNG GIÁO DỤC TỈNH AN GIANG – TÀI TRỢ 10,5 TỶ ĐỒNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG PHÒNG HỌC STEM:



Trong lĩnh vực trách nhiệm xã hội, PV Drilling đã triển khai chương trình tài trợ phát triển giáo dục STEM tại tỉnh An Giang với tổng giá trị 10,5 tỷ đồng, nằm trong khuôn khổ chương trình “STEM Innovation Petrovietnam” do Petrovietnam phát động.

Chương trình bao gồm việc đầu tư đồng bộ hệ thống phòng học thực hành STEM hiện đại cho ba trường, gồm Trường THCS & THPT Võ Văn Kiệt, Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt và Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu, qua đó tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học.

Thông qua sáng kiến này, PV Drilling không chỉ đóng góp vào mục tiêu phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương, mà còn thể hiện vai trò tích cực trong việc triển khai các chương trình phát triển bền vững của Petrovietnam. Đồng thời, chương trình góp phần xây dựng nguồn nhân lực kỹ thuật trong dài hạn, phù hợp với nhu cầu phát triển của ngành dầu khí và dịch vụ kỹ thuật năng lượng.

5

GIẢI CHẠY VIỆT DÃ “PVD RUN 2025: ĐỘNG LỰC BỨT PHÁ” (17/05/2025):



Giải chạy thu hút hơn 1.200 người tham gia, là một trong những hoạt động tiêu biểu thúc đẩy sức khỏe người lao động và gắn kết cộng đồng.

Sự kiện đồng thời lồng ghép các hoạt động trách nhiệm xã hội và môi trường, bao gồm chiến dịch thu gom rác thải bãi biển với sự tham gia của gần 200 tình nguyện viên và chương trình hỗ trợ an sinh xã hội trị giá 500 triệu đồng.

Thông qua đó, PV Drilling thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và tăng cường kết nối với cộng đồng địa phương.

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025, CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG (TIẾP THEO)

2. HOẠT ĐỘNG & DỰ ÁN TIÊU BIỂU LIÊN QUAN ĐẾN ESG:

Trong năm 2025, PV Drilling triển khai đồng thời các giải pháp tối ưu hóa tài sản, ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và kiểm soát phát thải:

1

CHIẾN LƯỢC "TÁI SINH TÀI SẢN" (KINH TẾ TUẦN HOÀN)



PV Drilling triển khai chiến lược "tái sinh tài sản" thông qua việc đưa vào vận hành giàn PV DRILLING VIII và tái khởi động PV DRILLING IX. Việc nâng cấp các tài sản hiện hữu giúp giảm đáng kể phát thải vòng đời so với phương án đóng mới, đồng thời tối ưu hóa chi phí đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

2

LỘ TRÌNH GIẢM PHÁT THẢI & BẢO TỒN HỆ SINH THÁI



- ▶ Thiết lập năm cơ sở: chính thức công bố năm 2025 là năm cơ sở để đo lường và xây dựng lộ trình giảm phát thải khí nhà kính (phạm vi 1 & 2), tạo nền tảng cho việc xây dựng lộ trình giảm phát thải trong các giai đoạn tiếp theo.
- ▶ Năm 2025 là năm PV Drilling triển khai các chương trình trồng cây với tổng số khoảng 112.000 cây tại nhiều địa phương, góp phần phục hồi hệ sinh thái và nâng cao khả năng hấp thụ carbon trong dài hạn.
- ▶ Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng cũng được triển khai tại khối văn phòng và cơ sở sản xuất, bao gồm thay thế hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED, tối ưu hóa sử dụng thiết bị và giảm thiểu nhựa dùng một lần.

3

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC ỨNG PHÓ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP



Ngày 29/12/2025, PV Drilling đã chủ trì đợt diễn tập giả định (Desktop drill) cùng các đơn vị thành viên (PVD DD, PVD Offshore, PVD Well Services) nhằm nâng cao năng lực sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp của toàn Tổng công ty. Với kịch bản giả định hỏa hoạn và tai nạn nghiêm trọng trên giàn khoan, hệ thống Ứng phó khẩn cấp (ERP) đã được kích hoạt đồng bộ, vận hành chính xác từ khâu khoanh vùng sự cố, sơ cấp cứu đến phối hợp Medevac quốc tế với ISOS. Kết quả diễn tập là cơ sở quan trọng để Tổng công ty rà soát và cải tiến liên tục quy trình ứng phó tình huống khẩn cấp, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người và tính liên tục trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4

AN TOÀN & SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (HEALTH & SAFETY)



Cam kết bảo vệ con người là ưu tiên hàng đầu, duy trì môi trường làm việc đảm bảo an toàn:

- ▶ **Chiến dịch An toàn theo Quý trên các giàn khoan: triển khai đồng bộ các chủ đề trọng điểm:** phòng ngừa vật rơi (Q1); bảo vệ bàn tay (Q2); quyền dừng công việc (Q3); tuân thủ quy trình & quản lý sự mệt mỏi (Q4).
- ▶ **Giám sát chặt chẽ các đơn vị trên bờ:** ban CNATCL đã thực hiện 04 đợt kiểm tra, bao gồm các đợt kiểm tra không báo trước (tháng 2, tháng 9, tháng 12/2025) và kiểm tra có thông báo trước vào Tháng hành động ATVSLĐ (tháng 5/2025) tại 13 đơn vị thành viên/liên doanh.
- ▶ **Chương trình "Thẻ Quan sát PVD" (PVD Cards):** chương trình "Thẻ quan sát PVD" được duy trì như một chỉ số dẫn dắt (leading indicator), khuyến khích người lao động chủ

động nhận diện rủi ro và đề xuất giải pháp cải thiện điều kiện làm việc.

- ▶ Thành tích Zero LTI tiếp tục là minh chứng rõ nét cho công tác bảo đảm an toàn của PV Drilling, cụ thể:
 - » Khối cơ sở trên bờ: mục tiêu vận hành an toàn, không để xảy ra sự cố gây mất thời gian lao động (Zero – LTI) đã đạt được trong toàn bộ các hoạt động của cơ sở sản xuất, cung cấp dịch vụ trên bờ.
 - » Các giàn khoan do Tổng công ty PV Drilling sở hữu đạt thành tích nhiều năm liên tiếp không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Lost Time Incident) theo tiêu chí của Hiệp hội các Nhà thầu khoan quốc tế (International Association of Drilling Contractors – IADC) và được IADC công nhận như sau:
 - Giàn khoan **PV DRILLING II** đạt thành tích 16 năm liên tiếp Zero LTI vào ngày 15/9/2025.
 - Giàn khoan **PV DRILLING III** đạt thành tích 6 năm Zero LTI vào ngày 7/12/2025.
 - Giàn khoan **PV DRILLING VI** đạt thành tích 10 năm liên tiếp Zero LTI vào ngày 28/02/2025.

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025, CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG (TIẾP THEO)

3. DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

Các giải thưởng đạt được trong năm 2025 là sự ghi nhận độc lập đối với năng lực vận hành, tiêu chuẩn an toàn và chất lượng dịch vụ của PV Drilling. Những danh hiệu này góp phần củng cố uy tín thương hiệu, nâng cao mức độ tin nhiệm của khách hàng và tạo lợi thế cạnh tranh trong các dự án quốc tế.

Đồng thời, đây cũng là cơ sở để Tổng công ty tiếp tục đầu tư vào các sáng kiến ESG, hướng tới nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và hoàn thiện hệ thống quản trị theo thông lệ quốc tế.



BEST RIG (CƠ QUAN QUẢN LÝ DẦU KHÍ MALAYSIA)



GIẢI THƯỞNG "MISSION: ZERO POSSIBLE" (PETRONAS)



DANH HIỆU "EXCELLENT PERFORMANCE" (PERTAMINA)



VINH DANH CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ (PERTAMINA)

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025, CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG (TIẾP THEO)

DANH HIỆU
TRONG NƯỚC



TOP 10 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG TRONG LĨNH VỰC
THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ



TOP 20 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT –
NHÓM NGÀNH PHI TÀI CHÍNH (HẠNG NHẤT).



TOP 8 DOANH NGHIỆP QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT – NHÓM VỐN HÓA LỚN



TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT 2025

2

NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1	Định hướng chiến lược phát triển bền vững	50
2.1.1	Tổng quan về định hướng chiến lược tại PV Drilling	50
2.1.2	Khung định hướng chiến lược phát triển bền vững của PV Drilling	58
2.2	Gắn kết các bên liên quan	74
2.3	Chủ đề trọng yếu	88

TỔNG QUAN VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TẠI PV DRILLING

1. BỐI CẢNH XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1 Bối cảnh bên ngoài

Thế giới đang phải đối mặt với các thách thức lớn về suy giảm, cạn kiệt tài nguyên, thiếu hụt năng lượng, ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính gia tăng ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống con người và quan trọng hơn nữa là ảnh hưởng đến trái đất, môi trường sống tự nhiên của mọi sinh vật trên trái đất. Trong bối cảnh đó, cộng đồng thế giới và mỗi quốc gia đã dồn sự quan tâm đến việc thúc đẩy phát triển nền kinh tế theo hướng xanh, bền vững.

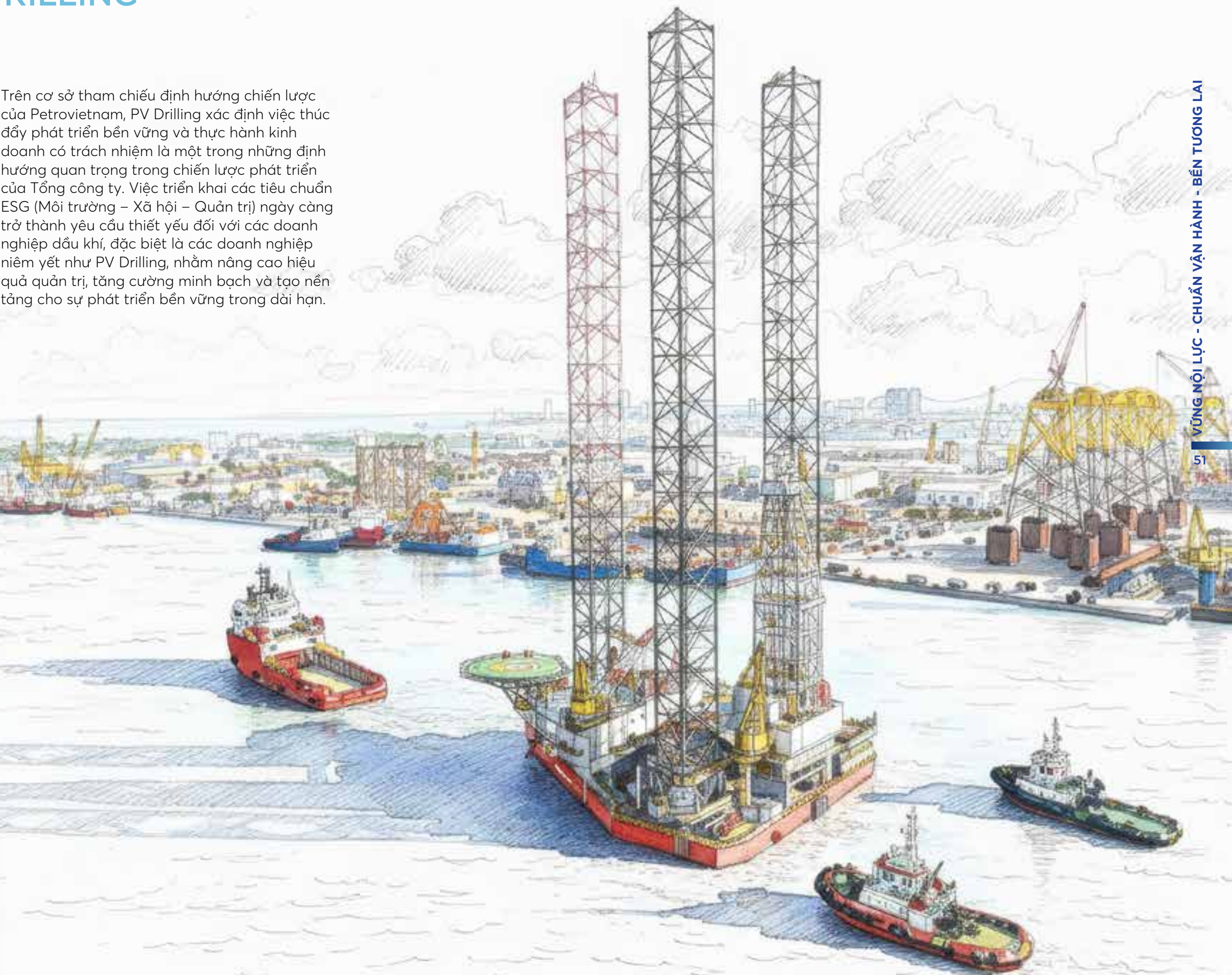
1.2 Bối cảnh bên trong

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều biến động, ngành dầu khí và lĩnh vực cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan dầu khí đang phải đối mặt với không ít khó khăn như suy giảm kinh tế, biến động giá năng lượng và yêu cầu ngày càng cao về phát triển bền vững. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước và ngành dầu khí Việt Nam sau hơn 40 năm đổi mới, các doanh nghiệp dầu khí đã từng bước nâng cao năng lực, tích lũy kinh nghiệm và khẳng định vị thế trên thị trường. Đây là nền tảng quan trọng để PV Drilling tiếp tục nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức và hướng tới giai đoạn phát triển mới.

Các doanh nghiệp dầu khí tại Việt Nam nói chung và PV Drilling nói riêng cũng lựa chọn đẩy mạnh hợp tác quốc tế thúc đẩy phát triển bền vững, chuyển dịch năng lượng, chuyển đổi xanh, giảm phát thải và kinh tế tuần hoàn như đã cam kết mạnh mẽ đạt mục tiêu của đất nước phát thải ròng bằng "0" (Net Zero) vào năm 2050, chung tay ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, Petrovietnam đã xác định mục tiêu phát triển giai đoạn 2025-2030 là xây dựng Tập đoàn có tiềm lực mạnh, năng lực cạnh tranh cao, tiên phong trong dịch chuyển năng lượng và tăng trưởng xanh bền vững. Petrovietnam định hướng phát triển xa hơn trên nền tảng công nghiệp dầu khí truyền thống với 3 trụ cột chiến lược gồm: năng lượng, công nghiệp và dịch vụ kỹ thuật cao, trong đó năng lượng là trụ cột cốt lõi.

Trên cơ sở tham chiếu định hướng chiến lược của Petrovietnam, PV Drilling xác định việc thúc đẩy phát triển bền vững và thực hành kinh doanh có trách nhiệm là một trong những định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển của Tổng công ty. Việc triển khai các tiêu chuẩn ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) ngày càng trở thành yêu cầu thiết yếu đối với các doanh nghiệp dầu khí, đặc biệt là các doanh nghiệp niêm yết như PV Drilling, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường minh bạch và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.



TỔNG QUAN VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TẠI PV DRILLING (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC:

Hệ thống chính sách Việt Nam về thúc đẩy phát triển bền vững đã cơ bản được hình thành, thể hiện rõ nét trong các văn bản của Đảng, Chính phủ và Nhà nước, cụ thể như: Nghị quyết số 136/NQ-TW ngày 25/9/2020 về phát triển bền vững; Quyết định 622/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV; Luật Bảo vệ môi trường 2020; Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021-2030; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh; Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả

và các chiến lược, chính sách, quy định về năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

Sự đổi tên từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam là sự kiện quan trọng của Petrovietnam trong năm 2025. Việc đổi tên không chỉ là sự thay đổi về mặt pháp lý hay thương hiệu, mà còn thể hiện sự chuyển mình mang tính chiến lược và tầm nhìn dài hạn của Petrovietnam, đáp ứng những yêu cầu mới trong kỷ nguyên năng lượng bền vững và tăng trưởng xanh.



Petrovietnam cũng đặt ra mục tiêu trung và dài hạn như sau:



Tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch 5 năm 2026-2030 của Petrovietnam gắn với mục tiêu tăng trưởng của đất nước và mục tiêu gia nhập danh sách Fortune Global 500 vào năm 2030 của Petrovietnam.



Từng bước hoàn thiện mô hình Petrovietnam, nâng cao quy mô – giá trị – năng lực cạnh tranh quốc tế (Xây dựng và hoàn thiện Mô hình kinh doanh quốc tế thống nhất trong toàn Tập đoàn, đảm bảo khả thi và tối ưu hiệu quả kinh doanh thương mại); Phát triển bền vững gắn với chuyển dịch năng lượng, tăng trưởng xanh, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



Bám sát và đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án trọng điểm; Các chỉ tiêu dịch vụ/phát triển sản phẩm mới; Tối ưu hiệu quả hoạt động M&A khi có cơ hội và điều kiện thuận lợi về phạm vi và dư địa theo chính sách, quy định pháp luật mới.



Đồng bộ phương thức quản trị hiện đại theo chuẩn OECD: Quản trị theo chuỗi giá trị, quản trị số, quản trị rủi ro, tuân thủ; Chuẩn hóa hệ thống, quy trình, phân cấp phân quyền gắn với nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát trong thực thi và trách nhiệm, phù hợp với mô hình chuyển đổi của PV Drilling và Petrovietnam trong xu thế phát triển đất nước và quốc tế.

Việc xây dựng chiến lược của PV Drilling, đơn vị thành viên Petrovietnam, phải theo đúng hướng, phù hợp chiến lược của Petrovietnam tới năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050, trong đó đặc biệt lưu ý tới các mục tiêu, giải pháp liên quan tới phát triển bền vững.

3. NGUYÊN TẮC ĐỊNH HƯỚNG:

Nguyên tắc định hướng PTBV cốt lõi là sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường.

Trong chiến lược phát triển dài hạn, PV Drilling nêu rõ PTBV là nền tảng cho tăng trưởng dài hạn; cân bằng giữa hiệu quả kinh tế – an toàn – môi trường – trách nhiệm xã hội – quản trị minh bạch. Ngoài việc PV Drilling bảo đảm danh tiếng và uy tín của

một nhà thầu khoan cung cấp chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng còn phải mang đến một môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, ưu tiên an toàn con người và an toàn vận hành giảm thiểu mọi rủi ro và tác động đến môi trường, cũng như có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Bên cạnh đó, PV Drilling cần đẩy nhanh công tác chuyển dịch năng lượng, tập trung nghiên cứu cung cấp các dịch vụ liên quan tới năng lượng tái tạo như điện gió cũng như các lĩnh vực khác.

TỔNG QUAN VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TẠI PV DRILLING (TIẾP THEO)

4. MỐI LIÊN KẾT VỚI CHIẾN LƯỢC KINH DOANH:

Phát triển bền vững đã được PV Drilling tích hợp vào chiến lược sản xuất kinh doanh, quản trị rủi ro và đầu tư, rõ nhất thông qua việc áp dụng bộ ba tiêu chí của ESG như một mô hình vận hành cốt lõi và xem đây là như một yếu tố nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín thương hiệu.

PV Drilling tập trung tăng cường đổi mới sáng tạo, đầu tư công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Đồng thời, ưu tiên tập trung công tác quản trị doanh nghiệp.

Cùng với việc đầu tư và sở hữu các giàn khoan và máy móc thiết bị hiện đại, PV Drilling rất chú trọng xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến, tối ưu hóa các quy trình vận hành, thực hiện tiết giảm chi phí, áp dụng các công cụ, giải pháp tăng năng suất lao động, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế. Nhờ đó, Tổng công ty đã đáp ứng được yêu cầu hội nhập nhanh chóng vào môi trường cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Các hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến, đạt chuẩn quốc tế như phần mềm quản lý dữ liệu Oracle ERP, phần mềm quản lý hàng tồn kho Maximo, phần mềm hỗ trợ kiểm soát công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị RCM (Reliability – Centered Maintenance) và hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp ERM (theo chuẩn ISO 31000 và COSO) đã giúp PV Drilling điều hành hiệu quả doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo dựng uy tín thương hiệu đối với khách hàng.

Trong công tác quản trị, năm 2025 ghi nhận những kết quả bước đầu trong hoạt động chuyển đổi số, với trọng tâm là rà soát, chuẩn hóa dữ liệu quản lý nhân sự trên các hệ thống Oracle HRMS và HR Portal; triển khai hệ sinh thái Microsoft 365; xây dựng nền tảng số hóa dữ liệu và quy trình nghiệp vụ; đồng thời thúc đẩy triển khai các sáng kiến số tại từng phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Thực hiện định hướng của Petrovietnam và PV Drilling về tăng cường quản trị, minh bạch thông tin và phát triển bền vững, Tổng công ty đã triển khai và khai thác hệ sinh thái Microsoft 365 như một nền tảng dùng chung, phục vụ quản lý điều hành, số hóa quy trình nội bộ và từng bước chuẩn hóa dữ liệu liên quan đến công tác ESG.

Việc ứng dụng Microsoft 365 góp phần chuẩn hóa quy trình quản lý thông tin, hồ sơ và báo cáo, đặc biệt trong các lĩnh vực an toàn, môi trường, nhân

sự, vận hành và quản trị doanh nghiệp. Các công cụ hỗ trợ thiết lập luồng xử lý công việc, phân quyền, phê duyệt và lưu vết dữ liệu, qua đó nâng cao tính tuân thủ, tăng cường kiểm soát nội bộ và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý – phù hợp với yêu cầu của trụ cột Quản trị (G) trong ESG.

Như vậy, chiến lược kinh doanh của PV Drilling đã xác định việc ứng dụng chuyển đổi số là nền tảng hỗ trợ quản trị dữ liệu và thông tin ESG, tạo tiền đề cho việc nâng cao chất lượng báo cáo bền vững, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ, giám sát

của cơ quan chủ góp phần củng cố năng lực quản trị doanh nghiệp, tăng tính minh bạch và hỗ trợ PV Drilling thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo định hướng chung của Petrovietnam.

Đồng thời, PV Drilling cũng đã xây dựng và ban hành tiêu chí đánh giá lựa chọn nhà cung cấp thực hiện các hoạt động kinh doanh bền vững ESG: giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đảm bảo trách nhiệm xã hội và tuân thủ các tiêu chuẩn về đạo đức kinh doanh trong công tác đầu tư, mua sắm, lựa chọn nhà thầu.



TỔNG QUAN VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TẠI PV DRILLING (TIẾP THEO)

5. ĐỊNH HƯỚNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Hoạt động khoan và kỹ thuật giếng khoan dầu khí khá đặc thù, các giàn khoan chủ yếu làm việc ở môi trường khó khăn như ngoài biển xa, thời tiết khắc nghiệt và luôn chịu những áp lực về phòng chống cháy nổ, phun trào, tràn dầu. Hoạt động trong lĩnh vực năng lượng hóa thạch, PV Drilling ý thức rõ về tác động của hoạt động sản xuất – kinh doanh đối với môi trường xung quanh.

Để giảm thiểu những tác động nói trên, PV Drilling đã chủ động xây dựng hệ thống an toàn – chất lượng của Tổng công ty cũng như tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn như ISO 14001 (quản lý môi trường) và ISO 45001 (quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp); đồng thời, thiết kế bổ sung những quy tắc an toàn – chất lượng, ứng dụng số hóa trong quản lý an toàn, bảo trì, giám sát vận hành giàn khoan, đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu suất, tiết kiệm năng lượng, tối ưu chi phí phù hợp với đặc thù của ngành khoan dầu

khí nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh của Tổng công ty được thực hiện hiệu quả nhất trên cơ sở giảm thiểu ở mức thấp nhất tác động tới môi trường.

Phát triển Công nghệ giúp giảm rủi ro sự cố, tai nạn lao động và phát thải như ứng dụng PVD HSEQ Reporting Online được PV Drilling xây dựng nhằm giám sát mức tiêu thụ năng lượng và nhiên liệu, cũng như các chỉ số phát thải hàng tháng, góp phần vào việc truy xuất và quản lý dữ liệu về tiêu thụ năng lượng và phát thải môi trường một cách nhanh chóng và hiệu quả.

PV Drilling cũng chú trọng phát triển công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo dưới phân công chỉ đạo của Tập đoàn về việc triển khai các dự án công nghệ chiến lược và "Hệ thống tối ưu hóa quá trình khoan bằng trí tuệ nhân tạo".

PV Drilling xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đòn bẩy chiến lược để duy trì lợi thế cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới.

► Số hóa để tối ưu hóa quản trị và vận hành

Xây dựng hệ sinh thái quản trị số thống nhất, kết nối xuyên suốt các dòng dữ liệu từ tài chính, nhân sự đến quản lý tài sản và bảo trì thiết bị.

Tập trung hoàn thiện cơ sở dữ liệu và hướng tới ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI để chuyển đổi từ mô hình quản trị phản ứng sang quản trị dự báo, giúp ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

► Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh

Ưu tiên nghiên cứu và áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại trong dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan nhằm rút ngắn thời gian thi công, tiết kiệm chi phí cho khách hàng và giảm thiểu tác động môi trường.

Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn hệ thống, biến các sáng kiến kỹ thuật thành giá trị kinh tế thực tế cũng như các giải pháp bảo vệ môi trường, giảm phát thải.

► Ứng dụng công nghệ trong công tác quản trị rủi ro

Sử dụng các công cụ giám sát thời gian thực

để kiểm soát chặt chẽ các rủi ro về an toàn, sức khỏe, môi trường (HSEQ) và phát thải.

Thực hiện số hóa (Digitization) và áp dụng các ứng dụng số (Digital Applications) vào hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM), giúp nhận diện sớm các biến động và các mối đe dọa tiềm tàng đối với hoạt động kinh doanh liên tục (Business Continuity).

► Đổi mới sáng tạo hướng tới phát triển Bền vững (ESG)

Các sáng kiến đổi mới sáng tạo không chỉ tập trung vào kinh tế mà còn giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội:

Giảm phát thải: Thay thế nhiên liệu chạy máy phát từ Diesel sang Bio-Diesel trên giàn PV DRILLING II; Thay thế đèn huỳnh quang bằng đèn LED trên các giàn khoan.

Tái sử dụng tài nguyên: Ứng dụng hệ thống rửa tuần hoàn khép kín tại xưởng cơ khí PVD Offshore để tái sử dụng nước, giúp tiết kiệm tài nguyên nước.

Văn hóa đổi mới sáng tạo: PV Drilling xây dựng văn hóa doanh nghiệp khuyến khích tư duy số, phát động phong trào thi đua sáng kiến, sáng chế với mục tiêu hiệu quả mang lại gấp hơn hai lần chi phí đầu tư,...



PV Drilling xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đòn bẩy chiến lược để duy trì lợi thế cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới.

KHUNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING

GRI 2-22

1. NHẬN DIỆN TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ QUẢN TRỊ THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Là doanh nghiệp dịch vụ khoan dầu khí kỹ thuật cao hoạt động tại Việt Nam và nhiều thị trường quốc tế, PV Drilling xác định việc nhận diện và quản lý các tác động Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) xuyên suốt chuỗi giá trị là nền tảng để kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả vận hành và bảo đảm phát triển bền vững dài hạn.

Các tác động ESG và quản lý tác động ESG gắn với các bước trong chuỗi giá trị của PV Drilling được thể hiện như sau:



STT	CHUỖI GIÁ TRỊ	HÀNH ĐỘNG	TÁC ĐỘNG ESG	QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG ESG
1	 Lập kế hoạch kinh doanh	- Phân tích bối cảnh thị trường, xu hướng cung – cầu dịch vụ khoan, chính sách năng lượng và yêu cầu của khách hàng. - Xây dựng kế hoạch sản xuất – kinh doanh và chiến lược phát triển thị trường phù hợp với năng lực cốt lõi và mục tiêu tăng trưởng dài hạn - Dự toán ngân sách. - Phân bổ nguồn lực thực hiện. - Phê duyệt kế hoạch.	Tác động không đáng kể hoặc gián tiếp.	Lồng ghép các yêu cầu ESG vào quá trình lập kế hoạch kinh doanh.
2	 Đầu tư & quản lý tài sản	- Đóng mới/mua mới giàn khoan/ mua giàn khoan đã qua sử dụng để tái khởi động đưa vào vận hành, mua mới thiết bị & đầu tư hạ tầng kỹ thuật (nhà xưởng, căn cứ) đạt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, kỹ thuật, môi trường. - Quyết định đầu tư được xem xét dựa trên hiệu quả dài hạn – mức độ rủi ro & nhu cầu thị trường. - Quản lý tài sản hiệu quả và nâng cao hiệu quả quản lý vòng đời tài sản.	Môi trường: phát sinh chất thải và phát thải ra môi trường trong quá trình thi công đóng mới giàn khoan, lắp đặt & chạy thử, tái khởi động giàn đã qua sử dụng, sản xuất thiết bị, thi công hạ tầng kỹ thuật. Xã hội: công tác an toàn khi lắp đặt; quan hệ với người lao động của nhà thầu. Quản trị: rủi ro trong quá trình đầu tư, quản lý tài sản.	- Đánh giá rủi ro trước khi phê duyệt dự án, quản lý sự tuân thủ pháp luật và hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường (HSE), quản lý phát thải, chất thải của nhà thầu. - Đưa yêu cầu về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe môi trường và quản lý phát thải, chất thải vào tiêu chí đánh giá lựa chọn nhà thầu. - Giám sát việc tuân thủ quy định về an toàn sức khỏe môi trường và quản lý phát thải, chất thải theo quy định pháp luật, hệ thống quản lý và các điều khoản hợp đồng. - Áp dụng hệ thống quản lý tài sản và công nghệ số để theo dõi tình trạng thiết bị, tối ưu hóa sử dụng tài sản.
3	 Ký kết hợp đồng kinh doanh	- Đánh giá điều khoản Hợp đồng, tiến độ thực hiện Dịch vụ, yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn an toàn – môi trường nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh và khả năng triển khai hợp đồng. - Đàm phán, ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng.	Tác động ESG trực tiếp chưa đáng kể.	- Duy trì và vận hành hiệu quả hệ thống tích hợp An toàn – Sức khỏe – Môi trường – Chất lượng (HSEQ). - Tuân thủ các cam kết về an toàn lao động, bảo đảm nhân sự cung cấp đáp ứng yêu cầu về năng lực, chứng chỉ và đào tạo theo chức danh. - Giám sát, quản lý việc thực hiện các điều khoản hợp đồng theo quy định pháp luật và hệ thống quản lý của Tổng công ty.

KHUNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING

(TIẾP THEO)

STT	CHUỖI GIÁ TRỊ	HÀNH ĐỘNG	TÁC ĐỘNG ESG	QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG ESG
4	 Vận hành giàn khoan và cung cấp dịch vụ	- Vận hành giàn khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan theo yêu cầu khách hàng (định vị giàn, thi công giếng khoan, vận hành thiết bị). - Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị trong quá trình vận hành.	Môi trường: phát sinh chất thải và phát thải ra môi trường và tiêu thụ năng lượng trong quá trình vận hành, bảo trì bảo dưỡng. Xã hội: an toàn vận hành; sức khỏe và điều kiện lao động của người lao động PV Drilling và các nhà thầu. Quản trị: tuân thủ quy định pháp luật, tiêu chuẩn quốc tế và các yêu cầu hợp đồng; bảo đảm chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng.	- Vận hành hiệu quả hệ thống tích hợp An toàn – Sức khỏe – Môi trường – Chất lượng (HSEQ). - Ban hành, cập nhật Quy trình ứng phó tình huống khẩn cấp và tổ chức diễn tập định kỳ. - Kiểm soát phát thải và quản lý chất thải trong quá trình vận hành giàn khoan theo quy định pháp luật và hệ thống HSEQ. - Ứng dụng IBM Maximo để lập kế hoạch bảo trì theo mức độ ưu tiên, dự báo nhu cầu vật tư và theo dõi sát tình trạng thiết bị. - Đánh giá sự hài lòng của khách hàng sau mỗi chiến dịch khoan hoặc định kỳ hằng năm.
5	 Bảo trì & nâng cấp lớn tài sản (định kỳ UWILD – 3 năm & Overhaul – 5 năm)	- Phân tích nhu cầu bảo trì, nâng cấp lớn đối với giàn khoan và thiết bị chính. - Dự trù vật tư & lập kế hoạch bảo trì và nâng cấp trên hệ thống IBM Maximo - Triển khai công tác bảo trì/nâng cấp/sửa chữa, thay thế các thiết bị chính (*) thường thực hiện trong quá trình giàn không có hợp đồng/ tạm dừng giàn	Môi trường: phát sinh chất thải và phát thải ra môi trường trong quá trình bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa/ thay thế thiết bị chính. Xã hội: an toàn lao động trong bảo trì bảo dưỡng, nâng cấp thay thế; điều kiện làm việc của người lao động và nhà thầu. Quản trị: tuân thủ quy trình nội bộ, quy định pháp luật tiêu chuẩn quốc tế; quản lý nhà thầu và chất lượng thực hiện công việc.	- Đánh giá rủi ro an toàn – môi trường trước khi phê duyệt kế hoạch bảo trì, nâng cấp lớn. - Lồng ghép các yêu cầu về hệ thống quản lý HSE và quản lý phát thải, chất thải vào tiêu chí đánh giá lựa chọn nhà thầu. - Giám sát việc tuân thủ quy định về HSE và quản lý phát thải, chất thải theo quy định pháp luật, hệ thống quản lý và điều khoản hợp đồng.
6	 Kết thúc vòng đời, tháo dỡ, tái chế giàn khoan và tài sản	- Đánh giá tình trạng kỹ thuật giàn khoan và tài sản. - Lựa chọn đối tác tái chế. Ưu tiên đối tác có phương án tái chế trong đó thúc đẩy việc thu hồi, tái sử dụng và tái chế vật liệu. - Chuyển giao tài sản cho đơn vị tái chế. - Theo dõi quá trình tái chế và bảo đảm tuân thủ các yêu cầu pháp luật có liên quan về an toàn sức khỏe môi trường.	Môi trường: - Thúc đẩy tái chế kim loại và thiết bị công nghiệp, giảm nhu cầu khai thác nguyên liệu mới. - Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn thông qua việc thu hồi và tái sử dụng vật liệu từ các cấu kiện giàn khoan. - Phát sinh chất thải hoặc vật liệu nguy hại trong quá trình tháo dỡ, xử lý vật liệu, tái chế thiết bị. Xã hội: - Tạo cơ hội việc làm cho các doanh nghiệp tháo dỡ và tái chế công trình công nghiệp. - An toàn trong công tác tháo dỡ, xử lý vật liệu; điều kiện làm việc và sức khỏe người lao động của nhà thầu. Quản trị: tuân thủ quy định về lựa chọn nhà thầu, quản lý việc chuyển giao tài sản và vật liệu theo đúng quy định pháp luật.	- Đánh giá tác động môi trường, rủi ro trước khi phê duyệt tháo dỡ & tái chế giàn khoan; quản lý sự tuân thủ pháp luật và hệ thống quản lý HSE, quản lý phát thải, chất thải của nhà thầu. - Bảo đảm quy trình lựa chọn đối tác tái chế minh bạch và có trách nhiệm. - Đưa yêu cầu về hệ thống quản lý HSE và quản lý phát thải, chất thải vào tiêu chí đánh giá lựa chọn nhà thầu & khi thao tác công việc. - Giám sát việc tuân thủ quy định về HSE và quản lý phát thải, chất thải theo quy định pháp luật, hệ thống quản lý và điều khoản liên quan trong hợp đồng.

KHUNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING

(TIẾP THEO)

2. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN & HOẠT ĐỘNG CỦA PV DRILLING

CÁC TRỤ CỘT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MÔI TRƯỜNG

- 1. Biến đổi khí hậu
- 2. Năng lượng & tài nguyên thiên nhiên
- 3. Xử lý chất thải & bảo vệ môi trường



XÃ HỘI

- 1. Môi trường làm việc gắn kết, đa dạng và hòa nhập
- 2. Trách nhiệm với Người lao động
- 3. Trách nhiệm với khách hàng
- 4. Trách nhiệm với xã hội



QUẢN TRỊ

- 1. Quản trị công ty theo thông lệ tốt
- 2. Quản trị rủi ro
- 3. Quản trị chuỗi cung ứng
- 4. Quản trị dữ liệu cá nhân

Thông lệ tốt

Tham vấn các bên liên quan

Định hướng của Petrovietnam

Các quy định pháp luật

Khung định hướng chiến lược PTBV của PV Drilling được cụ thể hóa thông qua ba trụ cột Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG). Ba trụ cột này không tồn tại độc lập mà được thiết kế như một hệ định hướng tích hợp, đóng vai trò là đòn bẩy chiến lược nhằm hỗ trợ thực hiện chiến lược kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo đảm tăng trưởng dài hạn của Tổng công ty.

Mỗi trụ cột ESG được xác định với vai trò chiến lược riêng, gắn với các chủ đề trọng yếu, mục tiêu định lượng và nhóm hành động ưu tiên, qua đó bảo đảm PTBV được lồng ghép xuyên suốt từ hoạch định chiến lược đến quản trị và vận hành.

1

TRỤ CỘT MÔI TRƯỜNG (E): Kiểm soát rủi ro – Tối ưu hiệu quả – Thích ứng chuyển dịch năng lượng

Các định hướng chiến lược trọng tâm của trụ cột Môi trường bao gồm:

- ▶ Kiểm soát và giảm cường độ phát thải khí nhà kính thông qua tối ưu vận hành, cải tiến công nghệ và quản lý phạm vi 1-2; Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nước và các nguồn tài nguyên khác gắn với hiệu quả kinh tế;
- ▶ Quản lý chất thải và phòng ngừa sự cố môi trường, đặc biệt trong môi trường biển và ngoài khơi;
- ▶ Từng bước nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế;
- ▶ Định hướng này giúp PV Drilling vừa kiểm soát các tác động môi trường trọng yếu, vừa tạo nền tảng để nâng cao hiệu suất vận hành và khả năng cạnh tranh trong dài hạn.

2

TRỤ CỘT XÃ HỘI (S): Bảo đảm an toàn – Phát triển con người – Gắn kết bền vững

Các định hướng chiến lược trọng tâm của trụ cột Xã hội bao gồm:

- ▶ Duy trì và củng cố mục tiêu an toàn (Zero LTI), tăng cường văn hóa an toàn và sự tham gia của người lao động;
- ▶ Phát triển nguồn nhân lực dựa trên tiêu chuẩn năng lực, bảo đảm đội ngũ kế thừa và năng lực vận hành trong dài hạn;
- ▶ Bảo đảm quan hệ lao động hài hòa, công bằng, tuân thủ các chuẩn mực lao động quốc tế;
- ▶ Gắn kết và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

3

TRỤ CỘT QUẢN TRỊ (G): Nền tảng minh bạch – Điều hành hiệu quả – Hội nhập quốc tế

Các định hướng chiến lược trọng tâm của trụ cột Quản trị bao gồm:

- ▶ Hoàn thiện cơ cấu quản trị ESG với sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;
- ▶ Nâng cao minh bạch, chất lượng công bố thông tin và chuẩn hóa dữ liệu ESG;
- ▶ Tăng cường đạo đức kinh doanh, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm giải trình;
- ▶ Tích hợp các rủi ro ESG vào hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp theo khung COSO ERM;
- ▶ Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị, quản lý tài sản và vận hành.

KHUNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING (TIẾP THEO)

3. MỤC TIÊU ĐỊNH LƯỢNG & LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI (2026-2030)

Năm 2025 là năm PV Drilling hệ thống hóa lại các chỉ số, đồng thời cũng là năm cuối chu kỳ 2021-2025, nền tảng cho giai đoạn mới 2026-2030. Vì lý do đó, PV Drilling đã lấy năm 2025 làm năm cơ sở để xây dựng và triển khai các mục tiêu theo 3 giai đoạn: ngắn hạn – trung hạn – dài hạn; nhấn mạnh tuân thủ, an toàn, giảm phát thải và nâng cao năng lực quản trị, trong đó:

- ▶ Các chỉ số ESG (ESG Metrics) được sử dụng làm mục tiêu phản ánh các trọng tâm mà PV Drilling muốn theo dõi, cải thiện trong tương lai phù hợp với khung định hướng phát triển bền vững của PV Drilling được ban hành.
- ▶ Hiện tại các mục tiêu ESG chỉ được đặt đến 2030 vì năm 2025 là năm đầu tiên PV Drilling đặt các mục tiêu định lượng mang tính hệ thống. Dựa vào kết quả thực hiện trong 1-2 năm tới, PV Drilling sẽ cân nhắc các mục tiêu dài hạn hơn phù hợp với định hướng lâu dài của PV Drilling.

Trên cơ sở 03 trụ cột cốt lõi Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG), PV Drilling đã ban hành Định lượng Mục tiêu ESG năm 2026-2030 theo Nghị quyết số 3/12/2025/NQ-HĐQT ngày 31/12/2025, với mong muốn thúc đẩy các mục tiêu có thể đo lường được và đảm bảo trách nhiệm thực hiện trong các nỗ lực phát triển bền vững lâu dài.

Các mục tiêu hàng năm và dài hạn được xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn ngành và các khuôn khổ phát triển bền vững toàn theo lộ trình sau:



- ▶ **Ngắn hạn:** Tuân thủ pháp luật, nâng cao an toàn lao động, bảo vệ môi trường và củng cố hệ thống quản trị.



- ▶ **Trung hạn:** Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải, phát triển nguồn nhân lực và hoàn thiện năng lực quản trị ESG.



- ▶ **Dài hạn:** Tăng cường khả năng chống chịu trước biến động thị trường, tạo giá trị bền vững cho cổ đông và các bên liên quan, đồng thời khẳng định vị thế nhà thầu khoan uy tín trong khu vực và trên thị trường quốc tế.



KHUNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING

(TIẾP THEO)

ĐỊNH LƯỢNG MỤC TIÊU TỪ NĂM 2026-2030 & GIẢI PHÁP/SÁNG KIẾN:

- GRI 11.2.3
- ▶ PV Drilling đã ban hành Định lượng mục tiêu từ năm 2026-2030 theo Nghị quyết số 03/12/2025/NQ-HĐQT ngày 31/12/2025.
 - ▶ Bên cạnh đó, PV Drilling cũng đưa ra các giải pháp/sáng kiến về Môi trường, Xã hội, Quản trị – phù hợp với chiến lược hoạt động chung của PV Drilling & đảm bảo tích hợp nội dung PTBV trong thực hiện các chiến lược chung và trong vận hành của PV Drilling.
 - ▶ Định lượng mục tiêu ESG & giải pháp/sáng kiến như bảng sau:



STT	LĨNH VỰC	MÔ TẢ CHỈ SỐ	ĐƠN VỊ	DỮ LIỆU CƠ SỞ NĂM 2025	MỤC TIÊU NĂM 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030	GIẢI PHÁP/SÁNG KIẾN
A MÔI TRƯỜNG							
Quản lý khí thải							
1	Giảm phát thải carbon	Phạm vi phát thải 1 & 2					▶ Vận hành chính thức phần mềm MAESTRO™ tại giàn khoan PV Drilling V – tối ưu công suất máy phát điện, giúp giảm 7% năng lượng tiêu thụ cho các thiết bị của hệ thống khoan (~1.847 tấn CO₂e/năm/giàn). ▶ Mở rộng thay thế hệ thống chiếu sáng trên các giàn TAD & jack-up: LED hóa 100% hạng mục chiếu sáng tại các giàn và căn cứ bờ (năm 2025 đã đạt 81%). ▶ Triển khai Bio-Diesel (B30) theo hợp đồng với khách hàng quốc tế (Pertamina), xem xét mở rộng cho các chiến dịch khoan giai đoạn 2026-2030 trên cơ sở đồng thuận từ khách hàng. ▶ Tuyên truyền sử dụng thiết bị điện. ▶ Tắt các thiết bị điện không cần thiết của văn phòng trong thời gian làm việc hoặc trong giờ nghỉ giải lao, cuối giờ.
		Giảm cường độ phát thải trên doanh thu	tấn CO ₂ e/tỷ đồng	0,40	Giảm 2% cường độ phát thải trên doanh thu	Giảm 10% cường độ phát thải trên doanh thu so với năm cơ sở	
Quản lý nước thải							
2	Xử lý nước thải đúng yêu cầu pháp luật	Tỷ lệ % lượng nước thải trên giàn khoan & cơ sở sản xuất được xử lý đúng quy định pháp luật	%	100%	100%	100%	▶ Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước trong quá trình vận hành, gắn với kiểm soát phát sinh và chất lượng nước thải. ▶ Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn áp dụng về thu gom, xử lý và xả thải nước thải tại các giàn khoan và cơ sở sản xuất.

KHUNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING

(TIẾP THEO)

STT	LĨNH VỰC	MÔ TẢ CHỈ SỐ	ĐƠN VỊ	DỮ LIỆU CƠ SỞ NĂM 2025	MỤC TIÊU NĂM 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030	GIẢI PHÁP/SÁNG KIẾN
Quản lý khí thải							
3	Xử lý chất thải nguy hại đúng yêu cầu pháp luật	Tỷ lệ % lượng chất thải nguy hại được phân loại rác tại nguồn (tại giàn khoan/căn cứ/xưởng của PV Drilling) & xử lý theo đúng quy định pháp luật	%	100	100	100	- Thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật và yêu cầu quản lý nội bộ. - Tối ưu các giải pháp giảm thiểu và tái sử dụng phù hợp (bao bì, pallet, khay/kệ) nhằm hạn chế phát sinh chất thải nguy hại. - Tăng cường kiểm soát tuân thủ trong toàn bộ quá trình quản lý chất thải nguy hại tại giàn khoan, căn cứ và cơ sở sản xuất.
4	Giảm cường độ chất thải phát sinh	Giảm cường độ chất thải phát sinh trên doanh thu so với năm cơ sở	tấn chất thải/tỷ đồng	0,032	Giảm 1% cường độ chất thải phát sinh trên doanh thu so với năm cơ sở	Giảm 5% cường độ phát thải theo doanh thu so với năm cơ sở	- Tích hợp chỉ tiêu giảm cường độ chất thải vào hệ thống quản lý vận hành và tài sản (IBM Maximo), theo dõi theo đơn vị tấn chất thải/tỷ đồng doanh thu. - Triển khai đồng bộ mô hình 3R (Reduce – Reuse – Recycle) tại văn phòng, giàn khoan và các căn cứ nhằm hạn chế phát sinh chất thải và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.
Quản lý năng lượng							
5	Giảm cường độ tiêu thụ điện	Giảm cường độ tiêu thụ điện trên doanh thu	số kWh điện/tỷ đồng	239,30	Giảm 1% cường độ tiêu thụ điện trên doanh thu so với năm cơ sở	Giảm 5% cường độ tiêu thụ điện trên doanh thu so với năm cơ sở	- Thay thế đèn trên giàn khoan bằng đèn Led. - Tối ưu hóa hệ thống máy phát điện trong công tác vận hành và tự động bật/tắt máy phát theo nhu cầu thực tế để giảm chạy dư tải.
Tác động môi trường							
6	Tránh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường	Số lượng vụ tràn dầu đáng kể (> 100 lít)	số lượng	Không có vụ tràn dầu đáng kể nào xảy ra	Không có vụ tràn dầu đáng kể nào xảy ra	Không có vụ tràn dầu đáng kể nào xảy ra	- Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu định kỳ nhằm nâng cao năng lực sẵn sàng và phối hợp ứng phó. - Cập nhật và hoàn thiện kịch bản, kế hoạch ứng phó sự cố phù hợp với đặc thù từng khu vực và điều kiện hoạt động.
7	Tuân thủ quy định pháp luật về môi trường	Số lượng vụ vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường	số lượng	Không có vụ vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường	Không có vụ vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường	Không có vụ vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường	Duy trì cam kết và thực hiện đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng cường kiểm soát tuân thủ và khắc phục kịp thời các vấn đề phát sinh.

KHUNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING

(TIẾP THEO)

STT	LĨNH VỰC	MÔ TẢ CHỈ SỐ	ĐƠN VỊ	DỮ LIỆU CƠ SỞ NĂM 2025	MỤC TIÊU NĂM 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030	GIẢI PHÁP/SÁNG KIẾN
B XÃ HỘI							
Sức khỏe & An toàn							
8	An toàn cho người lao động	Số sự cố gây mất thời gian lao động (LTI)	số sự cố	4	Không có LTI	Không có LTI	- Duy trì mục tiêu Zero LTI thông qua tăng cường phòng ngừa rủi ro và kỷ luật an toàn trong vận hành. - Bảo đảm an toàn, sức khỏe nghề nghiệp phù hợp với đặc thù hoạt động khoan dầu khí ngoài khơi. - Tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, gắn trách nhiệm an toàn với vai trò quản lý. - Cải thiện môi trường làm việc và kiểm soát các yếu tố nguy hại đối với người lao động. - Chuẩn hóa, theo dõi và hoàn thiện hệ thống KPIs an toàn phù hợp với văn hóa và chiến lược của PV Drilling.
		Tần suất xảy ra sự cố cần ghi nhận (số sự cố cần ghi nhận/1 triệu giờ công) (TRFR)		1,95	1,00	1,00	
9	Sự tham gia của người lao động vào chương trình thẻ quan sát an toàn (PVD card)	Số thẻ PVD Card/người/năm	số lượng	103	Tăng 2 thẻ PVD Card/người/năm so với năm cơ sở	Tăng 10 thẻ PVD Card/người/năm so với năm cơ sở	- Chuẩn hóa tiêu chí và duy trì biện pháp khuyến khích người lao động tham gia chương trình PVD Card. - Gắn PVD Card với KPI cá nhân và đánh giá nhà thầu.
Đào tạo & nâng cao năng lực							
10	Đào tạo & nâng cao năng lực cho người lao động	Tỷ lệ % các khóa đào tạo cho người lao động khối giàn khoan được tổ chức/tổng số khóa yêu cầu theo ma trận đào tạo	%	90,82 (* Chỉ tiêu năm 2025 được tổng hợp sau thời điểm xây dựng mục tiêu ESG 2026-2030; mục tiêu 2030 được thiết lập theo nguyên tắc thận trọng để bảo đảm tính ổn định trong dài hạn	80	85	- Phát triển nguồn nhân lực kế thừa, đội ngũ quản lý và chuyên gia kỹ thuật có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu vận hành và mở rộng thị trường. - Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân lực có chuyên môn, nghiệp vụ cao, phù hợp với đặc thù hoạt động dịch vụ khoan và kỹ thuật dầu khí. - Triển khai hệ thống đào tạo theo tiêu chuẩn năng lực (competency-based training) cho các vị trí công việc. - Tăng cường đào tạo và phát triển năng lực lãnh đạo cho đội ngũ quản lý các cấp. - Hoàn thiện chính sách lương thưởng và phúc lợi nhằm thu hút, giữ chân và phát triển nhân tài.
An sinh xã hội							
11	Đóng góp vào công tác an sinh xã hội	Số tiền đóng thực hiện công tác an sinh xã hội hàng năm	tỷ đồng	30,2 tỷ đồng/năm	40 tỷ đồng/năm	50 tỷ đồng/năm	Tiếp tục triển khai các hoạt động an sinh xã hội, ưu tiên tại các địa bàn có hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và khả năng nguồn lực của PV Drilling.

KHUNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING

(TIẾP THEO)

STT	LĨNH VỰC	MÔ TẢ CHỈ SỐ	ĐƠN VỊ	DỮ LIỆU CƠ SỞ NĂM 2025	MỤC TIÊU NĂM 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030	GIẢI PHÁP/SÁNG KIẾN
C	QUẢN TRỊ	Quản trị & đạo đức					
12	Cam kết về tính chính trực	Số lượng vụ tham nhũng được xác nhận trong năm căn cứ theo công bố của cơ quan có thẩm quyền	số lượng	Không có vụ tham nhũng nào xảy ra	Không có vụ tham nhũng nào xảy ra	Không có vụ tham nhũng nào xảy ra	- Vận hành hiệu quả Ủy ban ESG và cơ chế giám sát tuân thủ, thực hiện báo cáo định kỳ về liêm chính kinh doanh và phòng chống tham nhũng ở cấp Hội đồng quản trị. - Tích hợp rủi ro liêm chính và chống tham nhũng vào hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (COSO/ERM), bao gồm các rủi ro về xung đột lợi ích, gian lận, tuân thủ pháp luật tại các thị trường hoạt động. - Thiết lập và vận hành kênh tiếp nhận tố cáo (whistleblowing mechanism) bảo đảm tính bảo mật và độc lập trong xử lý các phản ánh về hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh. - Tăng cường đánh giá tuân thủ và kiểm toán nội bộ định kỳ đối với các quy trình có rủi ro tham nhũng cao (mua sắm, ký kết hợp đồng, thanh toán, quản lý nhà thầu).
13	Cam kết nâng cao năng lực quản trị	Thứ hạng về quản trị công ty trong Top doanh nghiệp tiên phong nâng cao quản trị công ty VNCG50; Top Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất – nhóm vốn hóa lớn	thứ hạng	Nằm trong top 20 VNCG, Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất – nhóm vốn hóa lớn	Nằm trong top 20 VNCG, Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất – nhóm vốn hóa lớn	Nằm trong top 10 VNCG, Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất – nhóm vốn hóa lớn, tiệm cận tiêu chuẩn ACGS của quốc tế	- Chuẩn hóa Bộ chỉ số PVD ESG Index theo thông lệ quốc tế và tăng cường kiểm soát, rà soát chất lượng dữ liệu ESG trọng yếu (LTI, phát thải, nước, chất thải nguy hại). - Tăng cường minh bạch thông tin và chuẩn hóa báo cáo ESG, từng bước triển khai lộ trình báo cáo theo Chuẩn mực Báo cáo Phát triển bền vững IFRS S1/S2, bao gồm xây dựng kịch bản rủi ro khí hậu phù hợp với đặc thù hoạt động của PV Drilling. - Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị công ty theo chuẩn ASEAN Corporate Governance Scorecard (ACGS), tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị và các Ủy ban chuyên trách. - Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (COSO ERM) và tích hợp các yếu tố ESG vào quá trình ra quyết định chiến lược của Tổng công ty.

4. CAM KẾT ĐIỀU HÀNH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành PV Drilling cam kết tích hợp PTBV vào chiến lược, kế hoạch hằng năm và hệ thống quản trị rủi ro của Tổng công ty; đồng thời công bố minh bạch tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu ESG theo các chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của các thị trường hoạt động, nhằm bảo đảm PTBV trở thành nền tảng cho tăng trưởng dài hạn và uy tín của PV Drilling trên thị trường khu vực và quốc tế.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

GRI 11.21.6
GRI 2-26, 2-28, 2-29, 207-3

Gắn kết các bên liên quan là nền tảng để PV Drilling tích hợp các kỳ vọng trọng yếu vào chiến lược, quản trị và vận hành, qua đó củng cố nội lực quản trị, tăng cường minh bạch và thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong dài hạn.



Bước 1: Quy trình xác định, đánh giá và gắn kết các bên liên quan của PV Drilling
Nhận diện các nhóm có mối quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với hoạt động sản xuất – kinh doanh, quản trị và chiến lược phát triển bền vững của PV Drilling.



Bước 3: Xây dựng phương thức gắn kết phù hợp với từng bên liên quan
Lựa chọn hình thức đối thoại, tham vấn và trao đổi thông tin phù hợp với đặc thù, mức độ tác động và kỳ vọng của từng nhóm.



Bước 5: Triển khai kế hoạch gắn kết các bên liên quan
Thực hiện các hoạt động đối thoại, truyền thông, tham vấn theo kế hoạch đã xây dựng.



Bước 2: Đánh giá mức độ ưu tiên của các bên liên quan
Đánh giá trên cơ sở tổng hợp nhiều tiêu chí, phản ánh mức độ ảnh hưởng hai chiều và mức độ liên quan đến các vấn đề trọng yếu của Tổng công ty.



Bước 4: Thu thập và phân tích thông tin từ các bên liên quan
Tổng hợp các ý kiến, quan tâm và phản hồi thông qua các kênh gắn kết đã thiết lập.



Bước 6: Theo dõi, rà soát và đánh giá kết quả thực hiện
Định kỳ cập nhật, đánh giá hiệu quả gắn kết và điều chỉnh phương thức triển khai khi cần thiết, bảo đảm phù hợp với chiến lược và bối cảnh hoạt động của Tổng công ty.

CÁC TIÊU CHÍ CHÍNH

Mức độ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của hoạt động, quyết định hoặc kết quả kinh doanh của PV Drilling đến các bên liên quan

Mức độ tác động của các bên liên quan đến chiến lược phát triển, hiệu quả hoạt động, quản trị rủi ro và uy tín của Tổng công ty

Các yêu cầu pháp lý, chuẩn mực quản trị, cam kết phát triển bền vững và thông lệ quốc tế mà PV Drilling áp dụng hoặc tham chiếu

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PV Drilling xác định gắn kết các bên liên quan là cấu phần trọng yếu trong hệ thống quản trị ESG, góp phần nâng cao hiệu quả ra quyết định, quản trị rủi ro và tính minh bạch. Hoạt động này được triển khai xuyên suốt, gắn với hoạch định chiến lược, quản trị và vận hành của Tổng công ty.

Việc gắn kết giúp PV Drilling tích hợp các kỳ vọng trọng yếu vào chiến lược phát triển, qua đó củng cố năng lực quản trị và thúc đẩy tăng trưởng bền vững dài hạn.

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CÁC BÊN LIÊN QUAN

PV Drilling áp dụng cách tiếp cận có hệ thống, phù hợp với GRI 2021, bao gồm:

- 1. Xác định các bên liên quan
- 2. Đánh giá mức độ ưu tiên (dựa trên mức độ ảnh hưởng hai chiều và tính liên quan đến các vấn đề trọng yếu)
- 3. Xây dựng phương thức gắn kết
- 4. Thu thập và phân tích thông tin
- 5. Triển khai đối thoại
- 6. Theo dõi và cải tiến

Danh mục các bên liên quan được rà soát định kỳ nhằm phản ánh thay đổi về chiến lược, mô hình hoạt động và bối cảnh thị trường.

PHƯƠNG THỨC ĐỐI THOẠI VÀ GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trên cơ sở kết quả xác định các bên liên quan, PV Drilling triển khai hoạt động đối thoại và gắn kết các bên liên quan theo một quy trình

có hệ thống, được tích hợp trong cơ chế quản trị ESG, nhằm duy trì trao đổi thông tin hai chiều, củng cố niềm tin và tăng cường sự đồng hành của các bên liên quan trong quá trình phát triển của Tổng công ty.

Hoạt động gắn kết được thực hiện linh hoạt, phù hợp với đặc thù và mức độ tác động qua lại đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của từng bên liên quan. Theo đó, PV Drilling xác định hình thức đối thoại và tần suất gắn kết phù hợp, tập trung vào việc làm rõ các tác động hiện tại và tiềm ẩn, cũng như các vấn đề cần được xem xét trong quản trị và điều hành. Kết quả đối thoại được sử dụng làm cơ sở để rà soát chính sách, điều chỉnh biện pháp quản lý và nâng cao chất lượng ra quyết định trong phạm vi thẩm quyền của Tổng công ty.

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ PHẢN HỒI Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN

PV Drilling thiết lập các kênh tiếp nhận ý kiến đa dạng, bảo đảm các mối quan tâm được ghi nhận và xử lý kịp thời.

- Các ý kiến được:
- ▶ Tổng hợp, phân tích
 - ▶ Tích hợp vào cải tiến hoạt động và chính sách

Ban Điều hành chịu trách nhiệm triển khai, trong khi HĐQT và các Ủy ban thực hiện giám sát, bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Cơ chế này giúp PV Drilling nâng cao khả năng thích ứng, quản trị rủi ro và hiệu quả ra quyết định.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

TỔNG HỢP CÁC BÊN LIÊN QUAN, KỲ VỌNG VÀ PHƯƠNG THỨC GẮN KẾT CỦA PV DRILLING

VAI TRÒ VÀ MỨC ĐỘ
ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI
PV DRILLING

KỲ VỌNG ĐỐI VỚI
PV DRILLING

PHƯƠNG THỨC THAM VẤN

TẦN SUẤT
ĐỐI THOẠI

PHẢN HỒI CỦA PV DRILLING



CỔ ĐÔNG &
NHÀ ĐẦU TƯ

Nhóm bên liên quan có ảnh hưởng cao đến định hướng chiến lược, năng lực huy động vốn của Tổng công ty.

- ▶ Hiệu quả kinh doanh ổn định.
- ▶ Chiến lược phát triển bền vững rõ ràng.
- ▶ Minh bạch, kỷ cương trong quản trị và công bố thông tin.

- ▶ Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- ▶ Tổ chức gặp gỡ định kỳ các quỹ đầu tư theo quý và theo yêu cầu.
- ▶ Tổ chức các cuộc họp trực tuyến với nhà đầu tư, cổ đông hiện hữu (86 cuộc họp trong năm).
- ▶ Báo cáo hoạt động giàn khoan định kỳ quý qua website.
- ▶ Tiếp nhận và trả lời các câu hỏi của cổ đông (qua email, điện thoại, nền tảng trực tuyến, v.v.).
- ▶ Công bố và tiếp nhận thông tin (song ngữ Anh – Việt) trên website của doanh nghiệp: <https://www.pvdrilling.com.vn/quan-he-co-dong>.

- ▶ Liên tục
- ▶ Hàng quý
- ▶ Hàng năm
- ▶ Khi cần

- ▶ Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời.
- ▶ Tổ chức ĐHĐCĐ 2025 ngày 23/04/2025.
- ▶ Tham gia sự kiện gặp gỡ nhà đầu tư như Vietnam Access Day, v.v..
- ▶ Cung cấp thông tin về kết quả hoạt động, định hướng phát triển và các vấn đề cổ đông quan tâm.



CƠ QUAN
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Nhóm bên liên quan có ảnh hưởng trực tiếp đến tính pháp lý, tính liên tục và ổn định trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

- ▶ Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật.
- ▶ Đáp ứng yêu cầu về giấy phép, chứng chỉ và nghĩa vụ báo cáo theo quy định.

- ▶ Thực hiện báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước định kỳ theo quy định của pháp luật.
- ▶ Đóng góp ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành.
- ▶ Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành do các Bộ, ban, ngành tổ chức;
- ▶ Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Bộ, ban, ngành giải trình các vấn đề liên quan, khắc phục các hạn chế (nếu có) theo yêu cầu hoặc khuyến nghị của các đoàn kiểm tra.

- ▶ Liên tục
- ▶ Hàng quý
- ▶ Hàng năm
- ▶ Khi cần

- ▶ Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về thuế, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường...
- ▶ Đề xuất điều chỉnh đối với các chính sách, quy định còn nhiều bất cập như quy định cơ chế, chính sách phát triển chuỗi giá trị dầu khí, bao gồm dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao.
- ▶ Báo cáo, cung cấp thông tin và phối hợp theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	VAI TRÒ VÀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI PV DRILLING	KỶ VỌNG ĐỐI VỚI PV DRILLING	PHƯƠNG THỨC THAM VẤN	TẦN SUẤT ĐỐI THOẠI	PHẢN HỒI CỦA PV DRILLING
 TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM	Cổ đông chi phối, định hướng chiến lược và giám sát toàn diện hoạt động của Tổng công ty.	▶ Phù hợp định hướng chiến lược của Petrovietnam. ▶ Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.	▶ Tham gia các cuộc họp chiến lược. ▶ Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư và quản trị rủi ro. ▶ Tham vấn Petrovietnam trong các vấn đề liên quan đến chiến lược ngành, tái cơ cấu, phân bổ nguồn lực và hợp tác nội bộ.	▶ Hàng quý ▶ Hàng năm ▶ Khi cần	▶ Điều chỉnh chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh. ▶ Tuân thủ các yêu cầu về quản trị theo chuẩn mực Tập đoàn. ▶ Phối hợp, chia sẻ nguồn lực và năng lực kỹ thuật với các đơn vị thành viên.
 NGƯỜI LAO ĐỘNG & CÔNG ĐOÀN	Nguồn lực then chốt bảo đảm vận hành an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững của Tổng công ty.	▶ Môi trường làm việc an toàn. ▶ Thu nhập, phúc lợi minh bạch. ▶ Cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp.	▶ Tổ chức Hội nghị người lao động và đối thoại với Công đoàn; triển khai khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng và nhu cầu đào tạo. ▶ Vận hành hệ thống PVD Card, khuyến khích người lao động tham gia nhận diện rủi ro (187.739 thẻ năm 2025).	▶ Hàng quý ▶ Hàng năm ▶ Khi cần	▶ Cải thiện điều kiện làm việc; triển khai chính sách lương thưởng, phụ cấp và khen thưởng minh bạch. ▶ Thực hiện các chương trình phúc lợi (khám sức khỏe, bảo hiểm) và chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động. ▶ Đẩy mạnh đào tạo nâng cao năng lực, bao gồm an toàn, kỹ thuật chuyên sâu và kỹ năng quản lý, chuyển đổi số.
 KHÁCH HÀNG	Nhóm bên liên quan quyết định doanh thu, vị thế thị trường và uy tín dịch vụ của PV Drilling.	▶ Hiệu suất vận hành cao. ▶ An toàn tuyệt đối trong hoạt động khoan. ▶ Dịch vụ trọn gói, chất lượng và cạnh tranh.	▶ Tổ chức hội nghị sơ kết hoạt động giàn khoan định kỳ. ▶ Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng theo quý và theo từng dự án (21 lần/năm). ▶ Thăm hiện trường, giàn khoan để trao đổi trực tiếp với khách hàng (22 lần/năm). ▶ Báo cáo định kỳ, họp cập nhật tiến độ và trao đổi kỹ thuật (1.247 lần/năm). ▶ Tham dự hội thảo, hội nghị chuyên đề về kỹ thuật và hợp tác (2 lần/năm). ▶ Kết nối tại các hội chợ, triển lãm chuyên ngành trong và ngoài nước.	▶ Liên tục ▶ Hàng quý ▶ Khi cần	▶ Đảm bảo chiến dịch khoan an toàn, chất lượng và hiệu suất cao, đáp ứng yêu cầu khách hàng. ▶ Tăng cường đối thoại thông qua hội thảo kỹ thuật, họp vận hành và tham gia các diễn đàn chuyên ngành. ▶ Chủ động điều phối nguồn lực, thực hiện cam kết và theo dõi kết quả qua cơ chế báo cáo.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)



NHÀ CUNG CẤP

Đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng, bảo đảm tiến độ và chất lượng dịch vụ.

VAI TRÒ VÀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI PV DRILLING

- ▶ Lựa chọn và hợp tác công bằng, minh bạch.
- ▶ Thanh toán đúng hạn.
- ▶ Quan hệ hợp tác ổn định, lâu dài.

KỶ VỌNG ĐỐI VỚI PV DRILLING

- ▶ Thông qua quy chế, quy trình liên quan đến hoạt động mua sắm phục vụ sản xuất kinh doanh.
- ▶ Thông qua hoạt động đấu thầu, lựa chọn nhà cung cấp.
- ▶ Hợp và làm việc định kỳ trong quá trình triển khai thực hiện hợp đồng.
- ▶ Tiến hành đánh giá nhà cung cấp vật tư thiết bị cho giàn khoan và các hạng mục trọng yếu định kỳ hàng năm.

PHƯƠNG THỨC THAM VẤN

- ▶ Liên tục
- ▶ Khi cần

TẦN SUẤT ĐỐI THOẠI

- ▶ Lựa chọn nhà cung cấp minh bạch, công bằng, tuân thủ quy định và phòng ngừa tham nhũng.
- ▶ Bảo đảm thanh toán đúng hạn theo hợp đồng.
- ▶ Đánh giá định kỳ và phê duyệt danh sách nhà cung cấp cho các hạng mục trọng yếu.

PHẢN HỒI CỦA PV DRILLING



ĐỐI TÁC

Phối hợp cung cấp dịch vụ, tư vấn và nguồn lực chuyên môn cho PV Drilling tùy theo hình thức hợp tác.

- ▶ Hợp tác hiệu quả.
- ▶ Tuân thủ các cam kết đã ký kết;
- ▶ Tính chuyên nghiệp trong triển khai dự án.

- ▶ Ký kết hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ; cùng tham gia hợp sơ kết thực hiện dự án/ chiến dịch khoan với khách hàng, trao đổi định kỳ.
- ▶ Trao đổi cơ hội hợp tác với các đối tác dầu khí trong và ngoài nước.
- ▶ Thăm hiện trường, làm việc trực tiếp tại giàn khoan, công trình để nắm tình hình và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ (nếu cần).

- ▶ Liên tục
- ▶ Khi cần

- ▶ Chủ động phối hợp triển khai dự án, rà soát thực hiện các thỏa thuận hợp tác.
- ▶ Đánh giá hiệu quả hợp tác để duy trì, mở rộng hoặc điều chỉnh quan hệ đối tác.
- ▶ Tăng cường trao đổi cơ hội cung cấp giàn khoan tại các thị trường quốc tế; phối hợp tổ chức hội thảo với đối tác (PT Jimmulya – Pertamina, 02/2025).



TỔ CHỨC TÀI CHÍNH

Cung cấp nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, sản xuất – kinh doanh và phát triển dài hạn.

- ▶ Năng lực tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán tốt.
- ▶ Minh bạch trong quản trị tài chính và công bố thông tin.
- ▶ Quản trị rủi ro tài chính hiệu quả, tuân thủ các cam kết tín dụng.
- ▶ Duy trì các chỉ số tài chính an toàn theo thỏa thuận.

- ▶ Làm việc định kỳ với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để thu xếp vốn và quản lý các khoản vay.
- ▶ Cung cấp báo cáo tài chính, báo cáo dòng tiền và các thông tin theo yêu cầu của tổ chức tín dụng.
- ▶ Trao đổi, đàm phán các điều khoản tín dụng, biện pháp bảo đảm và các hệ số tài chính.
- ▶ Tham gia các hoạt động đánh giá, xếp hạng tín dụng và rà soát điều kiện vay.

- ▶ Hàng năm
- ▶ Khi cần

- ▶ Đã xây dựng chính sách bảo vệ chủ nợ.
- ▶ Quản lý và theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, bảo đảm thanh toán gốc và lãi đúng hạn.
- ▶ Thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán, xây dựng kế hoạch trả nợ và cân đối dòng tiền.
- ▶ Duy trì các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

VAI TRÒ VÀ MỨC ĐỘ
ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI
PV DRILLING

KỲ VỌNG ĐỐI VỚI
PV DRILLING

PHƯƠNG THỨC THAM VẤN

TẦN SUẤT
ĐỐI THOẠI

PHẢN HỒI CỦA PV DRILLING



CỘNG ĐỒNG
ĐỊA PHƯƠNG

Ảnh hưởng đến tính
chấp thuận xã hội và
sự bền vững của
hoạt động sản xuất –
kinh doanh.

- ▶ Bảo vệ môi trường
địa phương.
- ▶ Giảm thiểu tác động
từ hoạt động sản xuất
– kinh doanh.
- ▶ Đóng góp
cho các chương trình
an sinh xã hội.

- ▶ Lắng nghe ý kiến cộng đồng thông qua các
chương trình an sinh xã hội, hoạt động cộng
đồng và các chuyến khảo sát thực địa.
- ▶ Phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ
người dân có hoàn cảnh khó khăn.

- ▶ Hàng năm
- ▶ Khi cần

- ▶ Triển khai các biện pháp giảm thiểu tác
động môi trường – xã hội, hạn chế ảnh
hưởng đến cộng đồng.
- ▶ Thực hiện các chương trình an sinh và
bảo vệ môi trường, gồm: tài trợ phòng
STEM và học bổng tại 3 trường ở An
Giang; tặng 25 xe đạp tại Đồng Nai; 300
sứt quả Tết tại Đắk Nông và Thanh Hóa;
tri ân 238 cán bộ hưu trí; trồng cây tại
Cần Thơ, Cà Mau; thu gom rác, làm sạch
bờ biển Vũng Tàu.



HIỆP HỘI NGÀNH

Hỗ trợ PV Drilling
cập nhật thông lệ, xu
hướng và nâng cao vị
thế ngành.

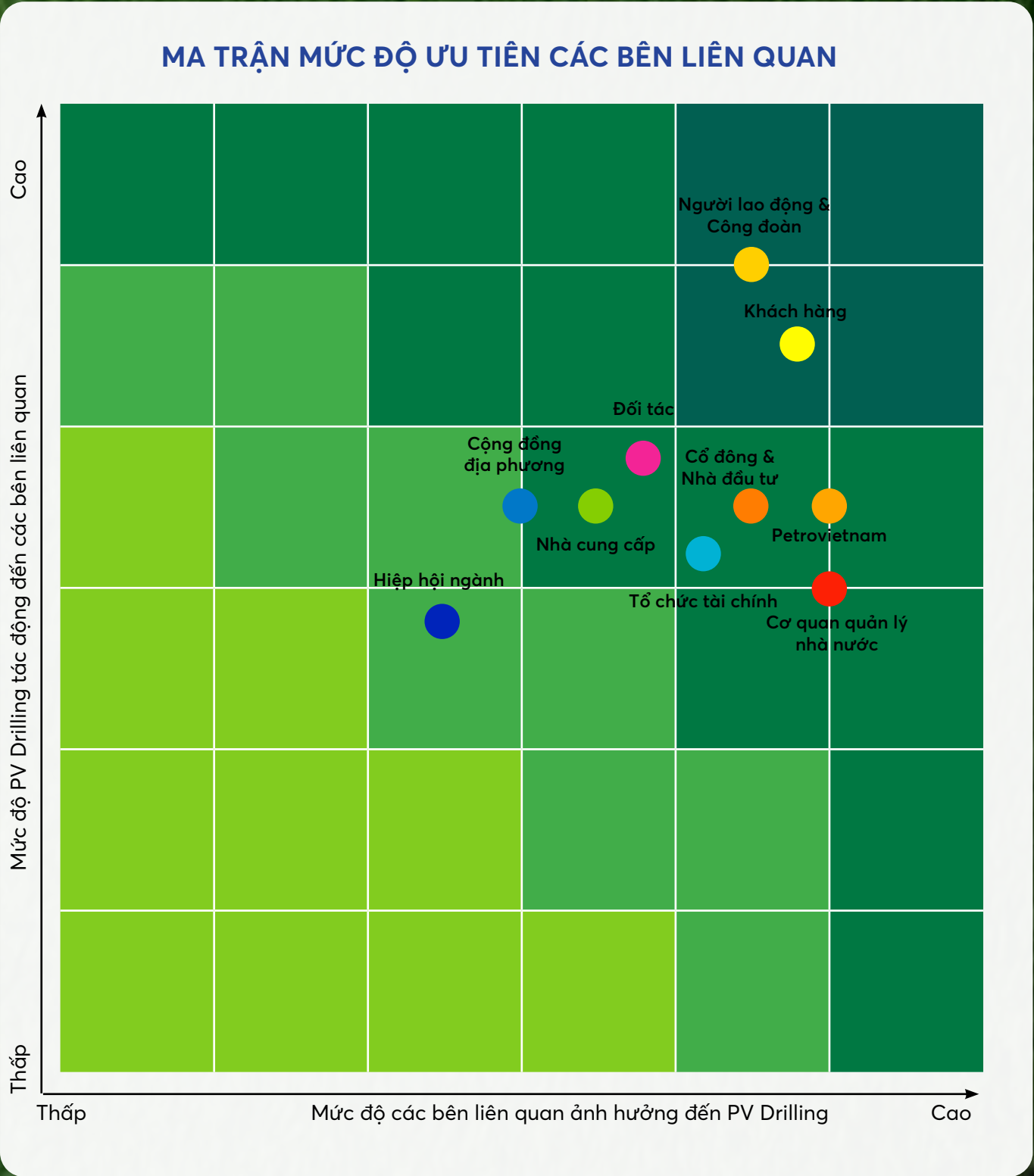
- ▶ Chia sẻ thông tin
thị trường.
- ▶ Cập nhật xu hướng và
thông lệ ngành.
- ▶ Tham gia các hoạt động
phát triển ngành.

- ▶ Báo cáo hoạt động của giàn khoan.
- ▶ Tham gia các cuộc họp, diễn đàn, hội thảo
chuyên đề do Hiệp hội ngành tổ chức
(2 lần trong năm).
- ▶ Trao đổi chuyên môn, kỹ thuật và chính sách.

- ▶ Hàng năm
- ▶ Khi cần

- ▶ Báo cáo dữ liệu hoạt động giàn khoan theo
quy định của IADC; tham gia các hội thảo,
triển lãm chuyên ngành (IADC World Drilling
2025 – 06/2025; Triển lãm địa nhiệt Indonesia
lần thứ 11 – 09/2025).
- ▶ Chia sẻ kinh nghiệm vận hành, sáng kiến cải
tiến; tăng cường minh bạch và tuân thủ các
chuẩn mực ngành.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

GRI 3-1, 3-2, 3-3

1. VAI TRÒ CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong bối cảnh ngành dầu khí nói chung và dịch vụ kỹ thuật dầu khí nói riêng đang chịu tác động ngày càng lớn từ biến động thị trường năng lượng, yêu cầu chuyển dịch năng lượng, áp lực tuân thủ ESG và kỳ vọng ngày càng cao của các bên liên quan, việc xác định đúng và đầy đủ các chủ đề trọng yếu đóng vai trò then chốt đối với chiến lược phát triển bền vững của PV Drilling.

Đối với PV Drilling, chủ đề trọng yếu không chỉ là cơ sở để xây dựng nội dung Báo cáo Phát triển bền vững mà còn là nền tảng để:

- ▶ Lồng ghép ESG vào chiến lược phát triển và quản trị doanh nghiệp;
- ▶ Ưu tiên nguồn lực cho các vấn đề có tác động lớn nhất đến hiệu quả kinh doanh, an toàn, môi trường và xã hội;
- ▶ Nâng cao khả năng quản trị rủi ro và tận dụng cơ hội trong trung và dài hạn;
- ▶ Đáp ứng yêu cầu minh bạch thông tin theo chuẩn mực quốc tế (GRI, SASB,...) và yêu cầu của cổ đông, khách hàng, đối tác quốc tế.

Trên cơ sở đó, PV Drilling tiếp tục triển khai quy trình xác định chủ đề trọng yếu năm 2025 theo phương pháp khoa học, có hệ thống, đảm bảo tính nhất quán với các năm trước, đồng thời phản ánh kịp thời các thay đổi trong bối cảnh hoạt động và chiến lược của Tổng công ty.

2. CƠ SỞ VÀ KHUNG PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU NĂM 2025

2.1. Khung tham chiếu và tiêu chuẩn áp dụng

Quy trình xác định chủ đề trọng yếu năm 2025 của PV Drilling được xây dựng và triển khai phù hợp với Tiêu chuẩn GRI 3 – Material Topics (2021), trong đó trọng tâm là cách tiếp cận dựa trên tác động nhằm nhận diện và ưu tiên các tác động thực tế và tiềm tàng của hoạt động sản xuất kinh doanh đến kinh tế, môi trường và con người.

Trong khuôn khổ Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025, PV Drilling tập trung đánh giá mức độ tác động và khả năng xảy ra của các chủ đề ESG phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.

Quá trình đánh giá được thực hiện một cách có hệ thống, trên cơ sở xem xét bối cảnh bên ngoài, phân tích nội tại tại doanh nghiệp và tham vấn các bên liên quan.

Quy trình xác định chủ đề trọng yếu năm 2025 của PV Drilling được xây dựng trên cơ sở tham chiếu thông lệ báo cáo phát triển bền vững quốc tế, các tiêu chuẩn và hướng dẫn chuyên ngành dầu khí (GRI, SASB, IPIECA, IADC), định hướng phát triển bền vững của Petrovietnam, cùng với chiến lược phát triển và mô hình kinh doanh bền vững của PV Drilling. Cách tiếp cận này nhằm đảm bảo các chủ đề trọng yếu được lựa chọn phản ánh đúng đặc thù ngành, bối cảnh hoạt động và năng lực quản trị hiện tại của PV Drilling.

Việc áp dụng các khung tham chiếu nêu trên giúp PV Drilling đảm bảo tính nhất quán, minh bạch và khả năng so sánh của kết quả đánh giá trọng yếu giữa các kỳ báo cáo, đồng thời tạo nền tảng để Tổng công ty từng bước hoàn thiện phương pháp đánh giá trọng yếu theo hướng tiệm cận với yêu cầu về tính trọng yếu kép (double materiality) trong các giai đoạn tiếp theo, phù hợp với lộ trình phát triển ESG và năng lực dữ liệu của doanh nghiệp.

2.2. Phạm vi xác định chủ đề trọng yếu

Phạm vi xác định chủ đề trọng yếu năm 2025 bao gồm:

- ▶ Công ty Mẹ PV Drilling;
- ▶ Các đơn vị trực thuộc tham gia trực tiếp vào chuỗi giá trị dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan;
- ▶ Các tác động phát sinh trong toàn bộ chuỗi giá trị, từ đầu tư, vận hành giàn khoan, cung cấp dịch vụ và quản lý HSEQ, bảo trì, đến các hoạt động hỗ trợ như nhân sự, mua sắm, công nghệ và quản trị rủi ro.

Phạm vi này phản ánh đúng bản chất của PV Drilling là doanh nghiệp dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao, có hoạt động tại thị trường trong nước và khu vực, với các tác động ESG gắn liền chặt chẽ với hoạt động vận hành giàn khoan và cung cấp dịch vụ.



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

3. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Bước 1: Hiểu bối cảnh của tổ chức

PV Drilling bắt đầu quy trình xác định các vấn đề trọng yếu bằng việc xem xét toàn diện bối cảnh hoạt động của Tổng công ty, bao gồm mô hình kinh doanh, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh chủ yếu. Nội dung đánh giá tập trung vào:

- ▶ Rà soát các hoạt động thực tế trong toàn bộ chuỗi giá trị, từ đầu tư, vận hành, cung cấp dịch vụ và quản lý HSEQ đến bảo trì;
- ▶ Phân tích các rủi ro và cơ hội liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (ESG) gắn với đặc thù ngành dịch vụ khoan dầu khí;
- ▶ Tham chiếu danh mục các chủ đề trọng yếu đã được xác định trong các kỳ báo cáo trước, đặc biệt là năm 2024, nhằm đảm bảo tính kế thừa và nhất quán;
- ▶ Đối chiếu với yêu cầu của các tiêu chuẩn GRI chuyên đề liên quan như GRI 302, 303, 305, 306, 403, 404, GRI 11,... để bảo đảm phạm vi nhận diện phù hợp với thông lệ quốc tế.

Trên cơ sở đó, PV Drilling rà soát các nhóm vấn đề ESG có thể phát sinh tác động trong hoạt động sản xuất kinh doanh xác định danh mục các chủ đề ESG của PV Drilling, tập trung vào ba trụ cột:

QUẢN TRỊ (G)



▶ Quản trị công ty

G1

▶ Đạo đức kinh doanh

G2

▶ Quản lý rủi ro

G3

▶ Tác động kinh tế

G4

▶ Minh bạch thuế

G5

▶ Cạnh tranh lành mạnh

G6

▶ Quản lý chuỗi cung ứng

G7

▶ Bảo mật dữ liệu

G8

MÔI TRƯỜNG (E)



▶ Ứng phó với biến đổi khí hậu

E1

▶ Phát thải khí nhà kính

E2

▶ Quản lý và sử dụng tài nguyên

E3

▶ Quản lý chất thải

E4

▶ Sự cố môi trường

E5

▶ Đa dạng sinh học

E6

▶ Phát thải không khí

E7

▶ Phục hồi môi trường

E8

▶ Sử dụng nguyên liệu

E9

XÃ HỘI (S)



▶ An toàn, sức khỏe nghề nghiệp

S1

▶ Quan hệ lao động

S2

▶ Bình đẳng và không phân biệt đối xử

S3

▶ Đào tạo và phát triển nhân sự

S4

▶ Cộng đồng địa phương

S5

▶ Quyền sử dụng đất

S6

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

Bước 2: Xác định các tác động

Trên cơ sở bối cảnh của tổ chức và danh mục các chủ đề ESG, PV Drilling tiến hành nhận diện các tác động kinh tế, môi trường và xã hội phát sinh từ hoạt động của Tổng công ty. Việc xác định tác động bao gồm:

- ▶ Các tác động tích cực và tiêu cực;
- ▶ Các tác động thực tế đã xảy ra và các tác động tiềm tàng có khả năng phát sinh trong tương lai.

Các tác động được xem xét trong mối liên hệ với đặc thù cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, điều kiện vận hành ngoài khơi và trên bờ, các mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, người lao động và cộng đồng, cũng như bối cảnh môi trường – xã hội tại các khu vực hoạt động của Tổng công ty.

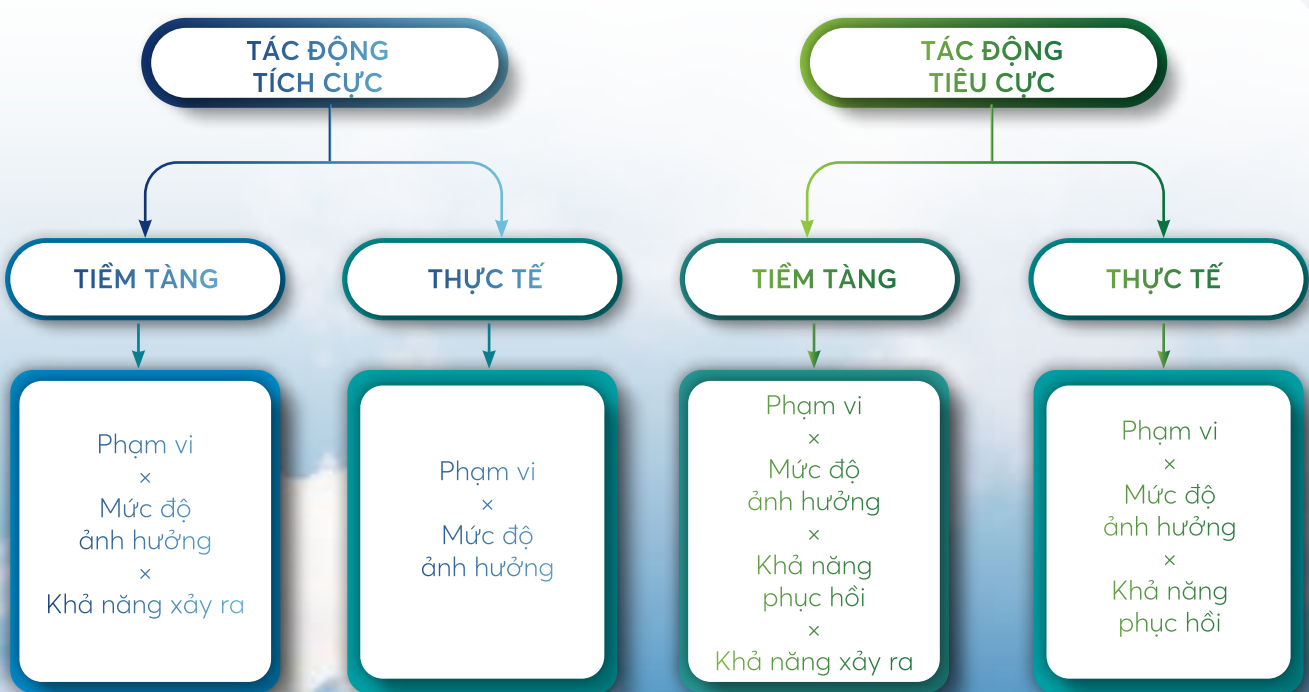
Bước 3: Đánh giá mức độ tác động

Việc đánh giá mức độ tác động của các vấn đề ESG tại PV Drilling được thực hiện nhằm xác định mức độ tác động và ý nghĩa của từng tác động đối với Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ hướng dẫn của GRI 3 – Material Topics (2021). Quá trình đánh giá xem xét đồng thời tác động tích cực và tác động tiêu cực, bao gồm tác động thực tế đã xảy ra và tác động tiềm tàng có khả năng phát sinh trong tương lai, phù hợp với đặc thù hoạt động của

PV Drilling, bối cảnh ngành dịch vụ khoan dầu khí, các mối quan hệ kinh doanh và điều kiện môi trường – xã hội liên quan.

- ▶ Đối với các tác động tích cực, PV Drilling đánh giá riêng cho tác động thực tế và tác động tiềm tàng. Đối với tác động thực tế, mức độ tác động được xác định dựa trên phạm vi ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng mà hoạt động của Tổng công ty đã tạo ra.
- ▶ Đối với các tác động tiêu cực, PV Drilling áp dụng cách tiếp cận thận trọng hơn cho cả tác động tiềm tàng và tác động thực tế. Với tác động tiềm tàng, mức độ tác động được đánh giá dựa trên phạm vi ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra và khả năng phục hồi, qua đó phản ánh mức độ rủi ro nếu tác động xảy ra trong tương lai. Đối với tác động tiêu cực thực tế, việc đánh giá tập trung vào phạm vi ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng và khả năng phục hồi, nhằm xem xét mức độ nghiêm trọng của tác động đã phát sinh cũng như năng lực kiểm soát, ứng phó và khắc phục của Tổng công ty.

Chi tiết danh mục các tác động đã được đánh giá được trình bày tại Phụ lục 4 của Báo cáo



Thông qua việc kết hợp các yếu tố đánh giá nêu trên, PV Drilling xác định và ưu tiên các tác động ESG có ý nghĩa, làm cơ sở cho việc lựa chọn chủ đề trọng yếu, xây dựng nội dung báo cáo và định hướng các biện pháp quản lý, cải thiện trong hoạt động phát triển bền vững.

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

Bước 4: Ưu tiên các tác động quan trọng nhất

Kết quả đánh giá ở bước 3 được tổng hợp và chấm điểm theo phương pháp: (Mức độ ảnh hưởng x Khả năng xảy ra) để xác định mức độ ưu tiên của các tác động ESG.

Table with 2 columns: 'Mức độ ảnh hưởng x Khả năng xảy ra' and 'Mức ưu tiên'. Rows include ranges like ≤ 6, 7 – 12, 13 – 19, ≥ 20 and corresponding priority levels: Thấp, Trung bình, Cao, Rất cao.

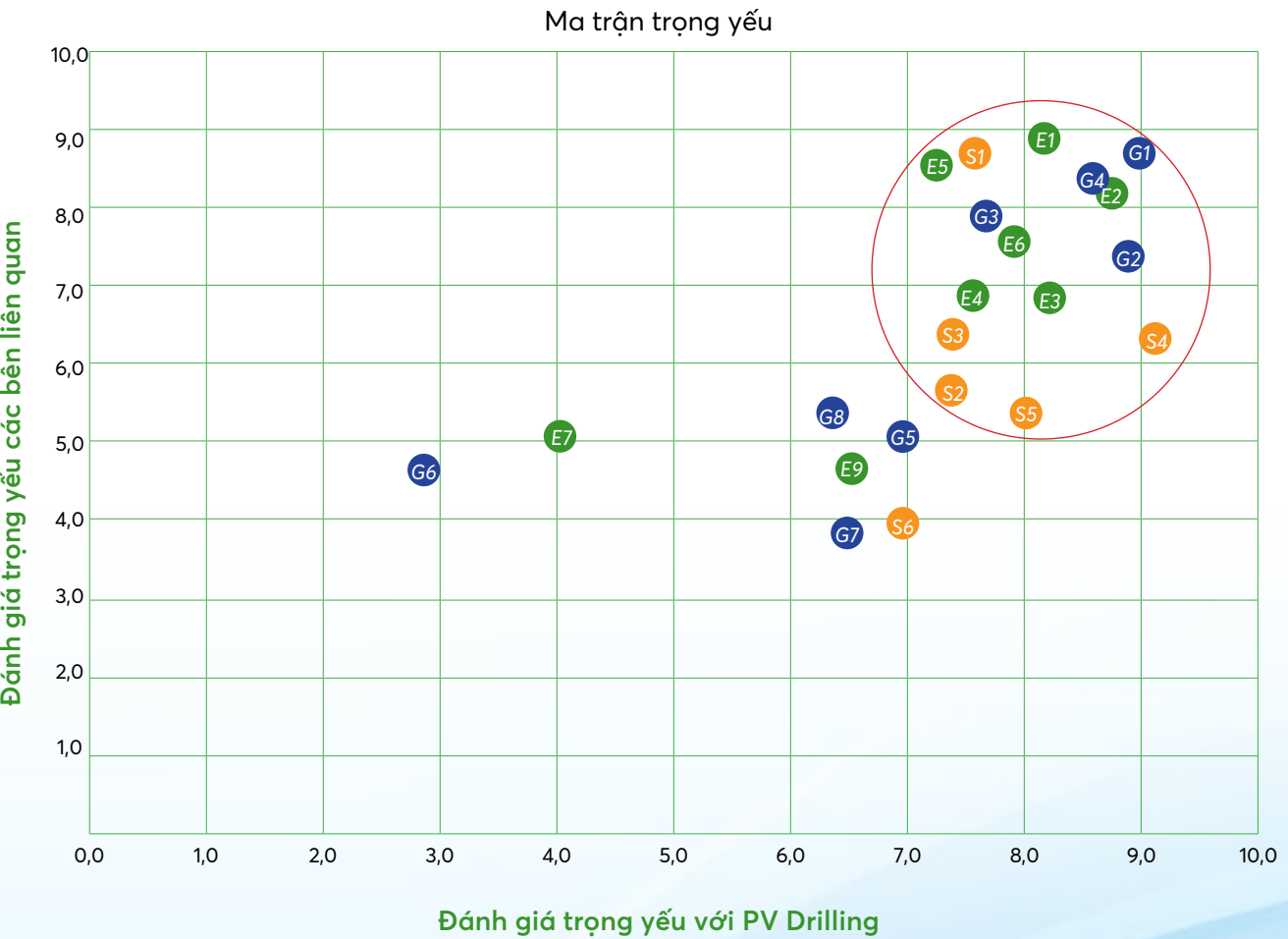
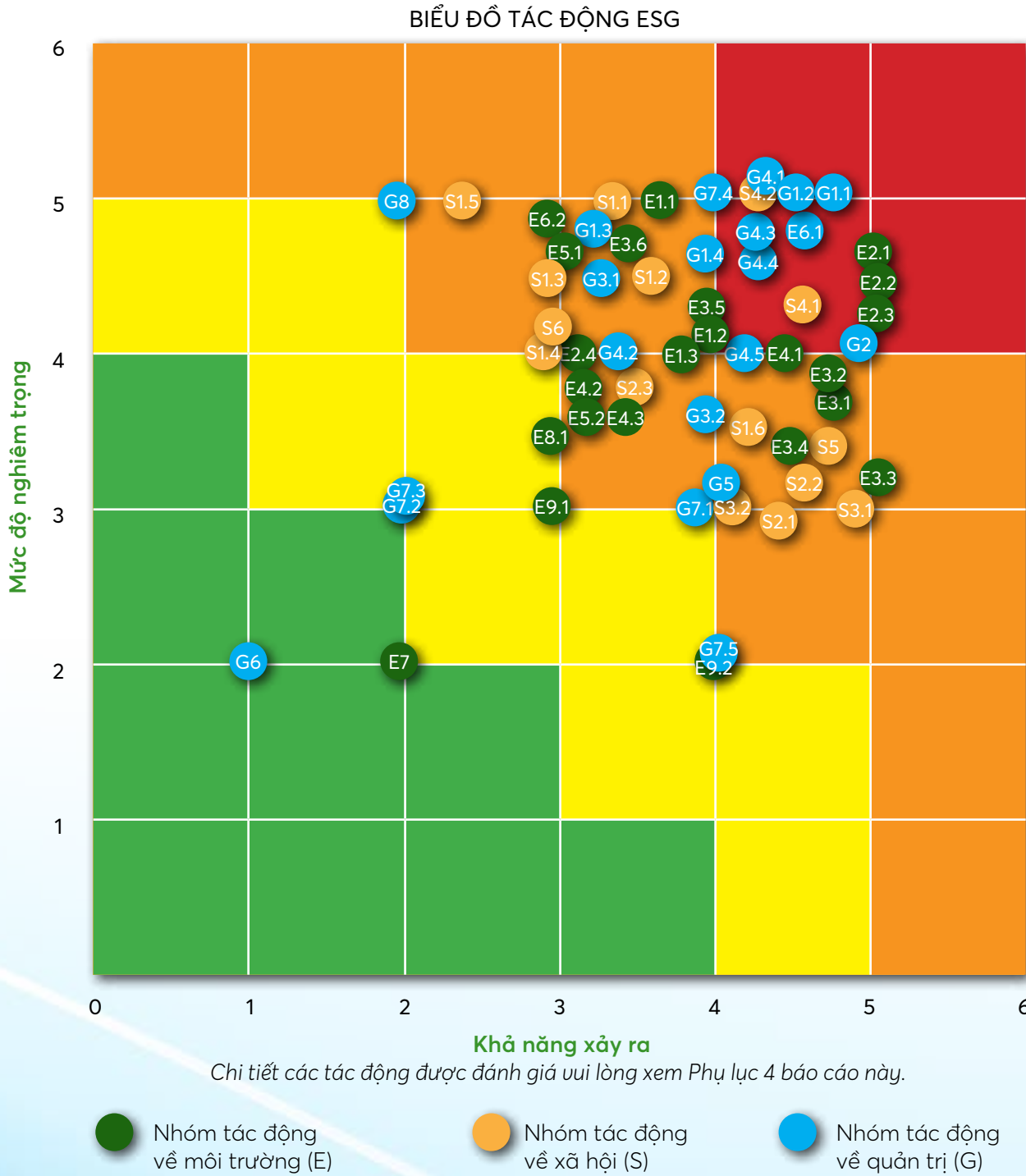
Trên cơ sở đó, các tác động có điểm trung bình đánh giá lớn hơn 12 điểm được xem là các tác động trọng yếu ưu tiên.
Kết quả đánh giá được thể hiện thông qua Biểu đồ tác động ESG, trong đó trục tung phản ánh mức độ nghiêm trọng của tác động, còn trục hoành thể hiện khả năng xảy ra của từng vấn đề.

Bước 5 . Đánh giá và xếp hạng mức độ trọng yếu

Các chủ đề được đánh giá dựa trên hai tiêu chí chính:

- 1. Mức độ trọng yếu đối với PV Drilling
- 2. Mức độ trọng yếu với các bên liên quan

Kết quả đánh giá được lượng hóa và thể hiện thông qua Ma trận trọng yếu năm 2025, trong đó các chủ đề có điểm số cao trên cả hai trục được xác định là chủ đề trọng yếu ưu tiên.



Ma trận trọng yếu năm 2025 thể hiện rõ các chủ đề ưu tiên cao, nằm ở khu vực có mức độ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh và được các bên liên quan quan tâm cao. Đây là những vấn đề được PV Drilling ưu tiên nguồn lực quản lý, theo dõi và cải thiện liên tục, đồng thời là cơ sở để PV Drilling xây dựng các chương trình hành động và giải pháp quản trị ESG trong giai đoạn tiếp theo.

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

Từ ma trận trọng yếu, PV Drilling đã xác định được Danh mục chủ đề trọng yếu sau:

TRỤ CỘT	KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ	GHI CHÚ
 Môi trường (E)	E1	▶ Ứng phó với biến đổi khí hậu	▶ Hoạt động của PV Drilling chịu tác động từ các chính sách giảm phát thải và yêu cầu chuyển dịch năng lượng toàn cầu. Các biện pháp quản lý và thích ứng với biến đổi khí hậu chủ yếu tập trung trên các giàn khoan và tại các cơ sở trên bờ như văn phòng, nhà xưởng và căn cứ dịch vụ, nơi PV Drilling trực tiếp kiểm soát tiêu thụ năng lượng và phát thải trong phạm vi quản lý của mình.
	E2	▶ Phát thải khí nhà kính	▶ Hoạt động vận hành giàn khoan và thiết bị sử dụng nhiên liệu hóa thạch phát sinh phát thải khí nhà kính. Kiểm soát và giảm cường độ phát thải là yếu tố quan trọng nhằm giúp PV Drilling nâng cao hiệu quả năng lượng, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với các tiêu chuẩn ESG trong ngành dầu khí
	E3	▶ Quản lý và sử dụng tài nguyên (năng lượng và nước)	▶ Quản lý và sử dụng tài nguyên (năng lượng và nước) là một vấn đề trọng yếu trong ngành dầu khí do hoạt động vận hành giàn khoan và thiết bị tiêu thụ đáng kể năng lượng và nước. Việc quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên này giúp tối ưu chi phí vận hành, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và đáp ứng yêu cầu của khách hàng cũng như các tiêu chuẩn ESG trong ngành. Đối với PV Drilling, tiêu thụ năng lượng và nước phát sinh từ hoạt động vận hành giàn khoan, thiết bị liên quan và các cơ sở trên bờ như văn phòng, nhà xưởng và căn cứ dịch vụ. Việc kiểm soát, tiết kiệm và tối ưu hóa sử dụng năng lượng và nước góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thiểu tác động môi trường và hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Tổng công ty.
	E4	▶ Quản lý chất thải	▶ Quá trình khoan và bảo dưỡng thiết bị phát sinh nhiều loại chất thải, bao gồm chất thải nguy hại. Quản lý và xử lý chất thải đúng quy định giúp giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo tuân thủ pháp luật và duy trì uy tín của PV Drilling trong hoạt động dịch vụ dầu khí.
	E5	▶ Sự cố môi trường	▶ Các sự cố môi trường như tràn dầu hoặc rò rỉ hóa chất có thể gây tác động đáng kể đến hệ sinh thái và uy tín doanh nghiệp. Việc phòng ngừa và kiểm soát rủi ro môi trường là yếu tố trọng yếu trong quản lý vận hành và an toàn của PV Drilling.
	E6	▶ Đa dạng sinh học	▶ Hoạt động khoan dầu khí ngoài khơi có thể ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển. Việc kiểm soát các tác động môi trường và bảo vệ đa dạng sinh học là yêu cầu quan trọng để đảm bảo hoạt động khai thác và dịch vụ dầu khí của PV Drilling diễn ra một cách bền vững.

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

TRỤ CỘT	KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ	GHI CHÚ
 Xã hội (S):	S1	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Ngành dịch vụ khoan dầu khí có mức độ rủi ro cao đối với người lao động. Việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn và bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp là yếu tố trọng yếu nhằm giúp PV Drilling duy trì hoạt động ổn định và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về HSE.
	S2	Quan hệ lao động	Quan hệ lao động minh bạch và hài hòa giúp duy trì môi trường làm việc ổn định, nâng cao sự gắn kết của người lao động và hỗ trợ hiệu quả hoạt động dài hạn của PV Drilling
	S3	Bình đẳng và không phân biệt đối xử	Thúc đẩy môi trường làm việc công bằng và tôn trọng sự đa dạng giúp PV Drilling thu hút, giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao và phù hợp với các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp hiện đại.
	S4	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	Ngành dầu khí yêu cầu đội ngũ nhân sự có trình độ kỹ thuật cao và được đào tạo liên tục. Việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực giúp PV Drilling nâng cao năng lực vận hành, đảm bảo an toàn và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao của ngành.
	S5	Cộng đồng địa phương	Hoạt động của PV Drilling có mối liên hệ với cộng đồng địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động. Việc duy trì mối quan hệ tích cực và đóng góp cho phát triển kinh tế – xã hội địa phương giúp tăng cường sự tin tưởng và hỗ trợ hoạt động lâu dài của doanh nghiệp.

TRỤ CỘT	KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ	GHI CHÚ
 Quản trị (G):	G1	Quản trị công ty	Hệ thống quản trị minh bạch và hiệu quả là nền tảng giúp PV Drilling đảm bảo tuân thủ pháp luật, nâng cao trách nhiệm giải trình và tăng cường niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư.
	G2	Đạo đức kinh doanh	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh và phòng chống tham nhũng là yếu tố quan trọng để PV Drilling duy trì uy tín, đảm bảo tính minh bạch và xây dựng quan hệ bền vững với khách hàng và đối tác.
	G3	Quản lý rủi ro	Ngành dầu khí chịu nhiều rủi ro liên quan đến kỹ thuật, thị trường và môi trường. Hệ thống quản lý rủi ro giúp PV Drilling chủ động nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động và hiệu quả kinh doanh.
	G4	Tác động kinh tế	PV Drilling đóng góp vào sự phát triển kinh tế thông qua việc tạo việc làm, đóng góp ngân sách và cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho ngành dầu khí. Việc quản lý hiệu quả các tác động kinh tế giúp doanh nghiệp tạo ra giá trị dài hạn cho cổ đông và các bên liên quan.

Ma trận trọng yếu cho thấy các chủ đề nằm trong vùng mức ưu tiên cao và rất cao là những vấn đề có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của PV Drilling và nhận được sự quan tâm lớn từ các bên liên quan. Các chủ đề này phản ánh các tác động quan trọng của Tổng công ty đối với môi trường, xã hội và kinh tế, trong đó trọng tâm bao gồm quản lý phát thải và sử dụng tài nguyên, đảm bảo an toàn – sức khỏe nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, cũng như tăng cường quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Đây là những nội dung được PV Drilling ưu tiên trong công tác quản lý, theo dõi và cải thiện liên tục, đồng thời làm cơ sở định hướng các chương trình hành động nhằm nâng cao hiệu quả triển khai chiến lược phát triển bền vững và quản trị ESG.

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

4. PHÊ DUYỆT VÀ TÍCH HỢP VÀO QUẢN TRỊ

Danh mục các chủ đề trọng yếu năm 2025 và Ma trận trọng yếu đã được Ủy ban ESG của Tổng công ty rà soát và thảo luận, sau đó đệ trình Hội đồng quản trị (HĐQT) xem xét và phê duyệt nhằm đảm bảo các nội dung trọng yếu phản ánh đầy đủ các tác động quan trọng của PV Drilling đối với môi trường, xã hội và quản trị, đồng thời phù hợp với định hướng chiến lược và yêu cầu quản trị ESG của Tổng công ty.

Trên cơ sở phê duyệt của HĐQT, Ban Lãnh đạo Tổng công ty tổ chức triển khai và tích hợp các chủ đề trọng yếu vào công tác quản trị và điều hành, làm cơ sở cho:

- ▶ Xây dựng nội dung Báo cáo Phát triển bền vững
- ▶ Ban hành mục tiêu và chỉ tiêu ESG;
- ▶ Lồng ghép các yếu tố ESG vào chiến lược, kế hoạch và hệ thống quản trị rủi ro của Tổng công ty.

Thông qua quy trình xác định chủ đề trọng yếu năm 2025, PV Drilling khẳng định cam kết tiếp cận phát triển bền vững một cách hệ thống, dựa trên đánh giá tác động và gắn chặt với chiến lược kinh doanh. Danh mục các chủ đề trọng yếu đóng vai trò nền tảng để Tổng công ty tiếp tục tích hợp ESG vào hoạt động quản trị và vận hành, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng cường quản lý rủi ro và tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông và các bên liên quan trong trung và dài hạn.

3

VỮNG NỘI LỰC

3.1	Quản trị công ty – nền tảng cho hoạt động phát triển bền vững	104
3.2	Quản trị ESG	116
3.3	Đạo đức kinh doanh	132
3.4	Quản lý rủi ro	134
3.5	Tác động kinh tế	138
3.6	Quan hệ lao động và phúc lợi người lao động	146
3.7	Bình đẳng và không phân biệt đối xử	150

QUẢN TRỊ CÔNG TY – NỀN TẢNG CHO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

GRI 2-9, 2-11

Quản trị công ty là trụ cột Governance trong khung ESG, đóng vai trò nền tảng bảo đảm PV Drilling vận hành minh bạch, kiểm soát rủi ro hiệu quả và tạo giá trị dài hạn. Thông qua việc thiết lập và liên tục hoàn thiện hệ thống quản trị, Tổng công ty củng cố định hướng chiến lược, phân định trách nhiệm rõ ràng, tăng cường cơ chế giám sát và thúc đẩy văn hóa liên chính trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

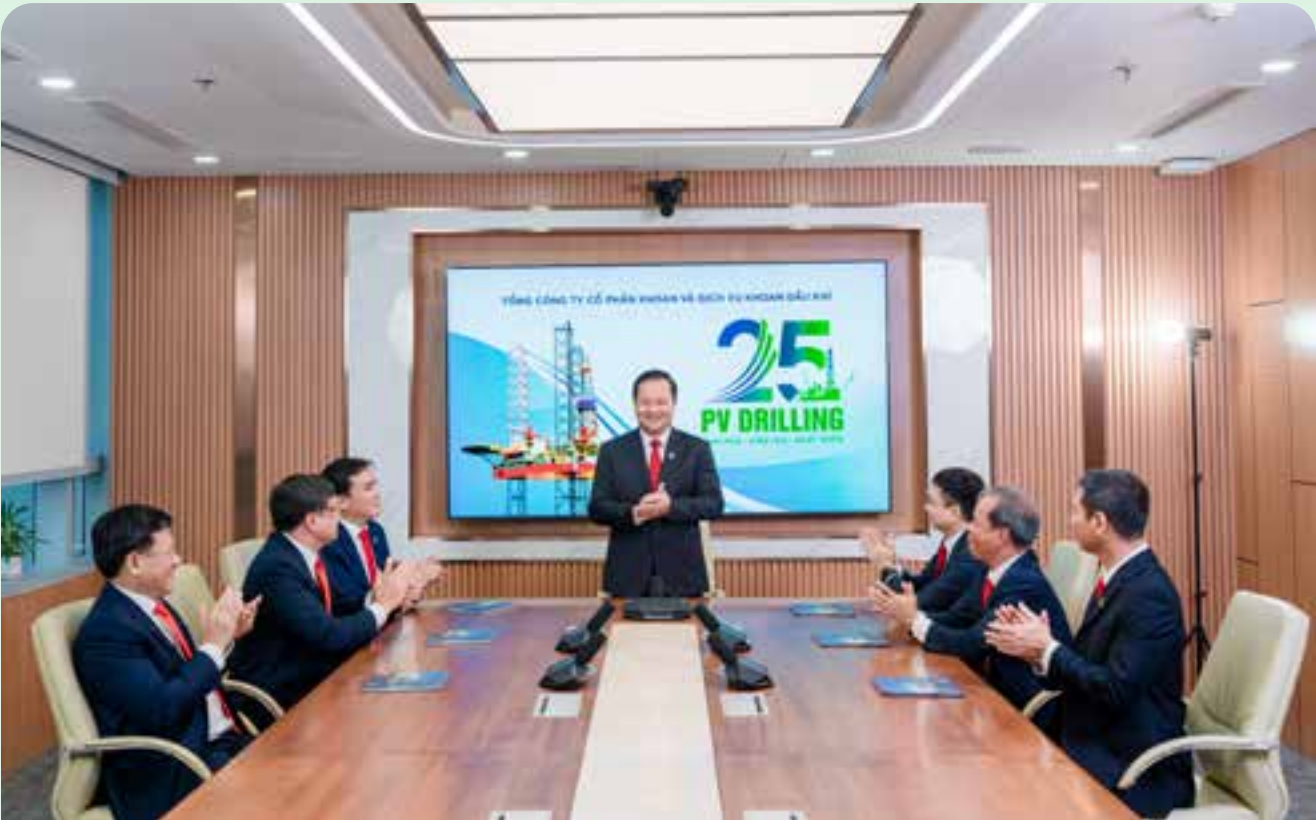
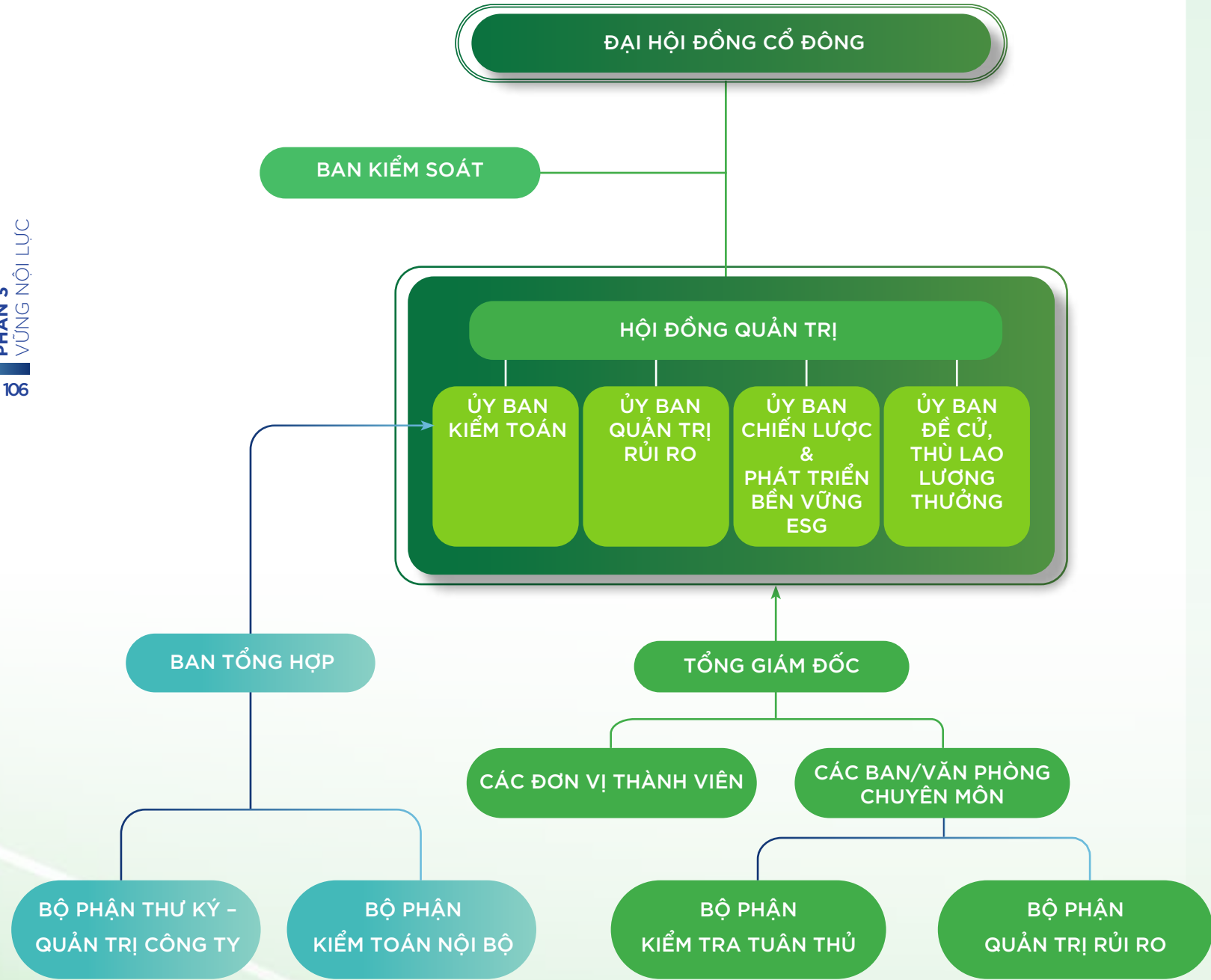
Trong khuôn khổ ESG, mô hình quản trị không chỉ là cấu trúc tổ chức mà còn là cơ chế tích hợp các yếu tố môi trường và xã hội vào quá trình ra quyết định, gắn kết giữa chiến lược, quản trị rủi ro và vận hành. Tại PV Drilling, các nội dung ESG được lồng ghép vào quy trình quản trị từ xây dựng chiến lược, phê duyệt kế hoạch, quản trị rủi ro đến giám sát kết quả thực hiện, thay vì chỉ được xem như một nội dung báo cáo độc lập.



QUẢN TRỊ CÔNG TY – NỀN TẢNG CHO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI PV DRILLING (TIẾP THEO)

1.1. Cấu trúc quản trị và tuyến trách nhiệm

PV Drilling vận hành mô hình quản trị theo cấu trúc của công ty đại chúng/niêm yết, phù hợp quy định pháp luật và tiệm cận các thông lệ quản trị tốt. Cấu trúc quản trị của PV Drilling như sau:



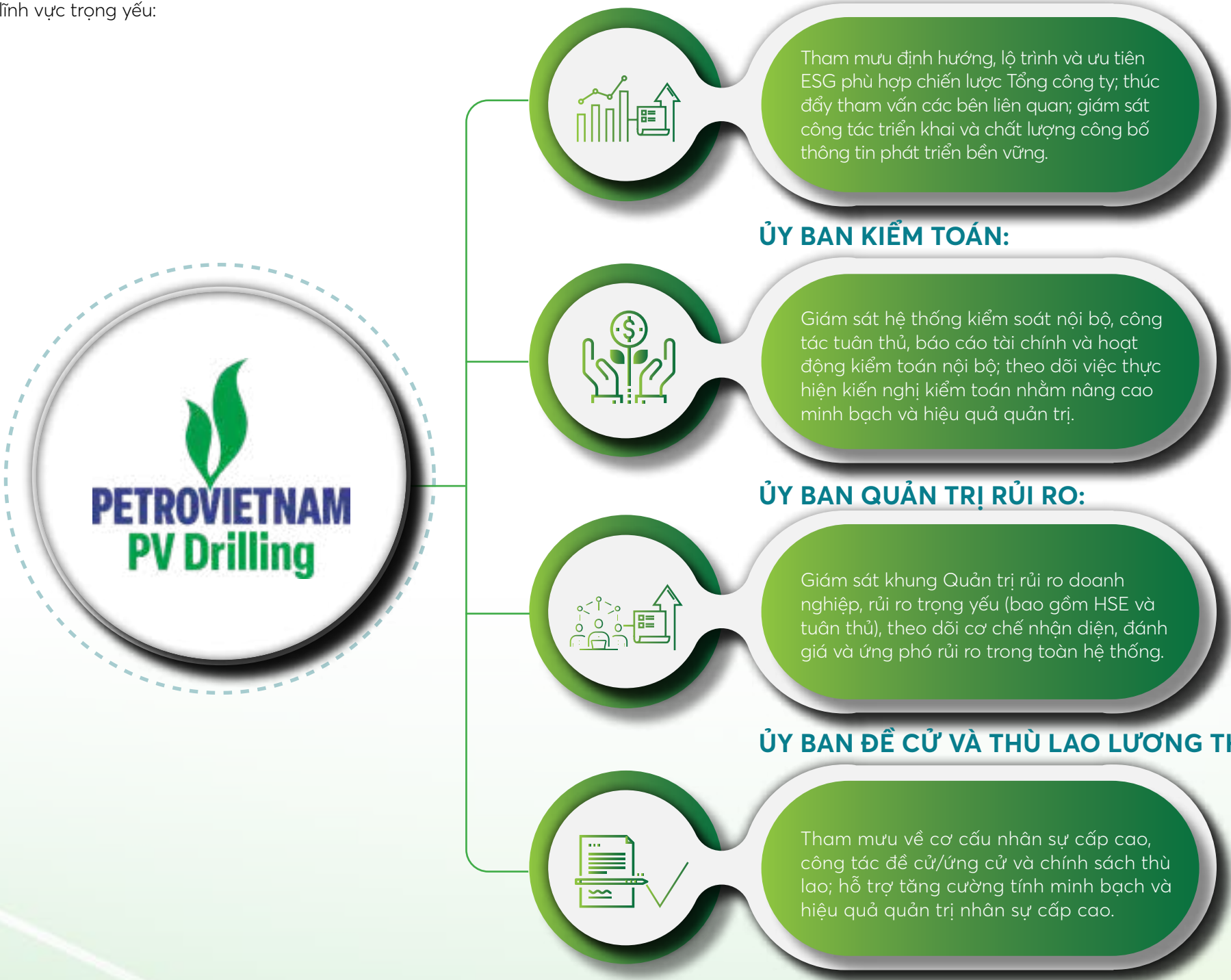
- ▶ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định các vấn đề trọng yếu theo quy định pháp luật và Điều lệ, bao gồm định hướng phát triển, kế hoạch trọng yếu và các nội dung thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.
- ▶ **Hội đồng quản trị (HĐQT):** cơ quan quản trị cao nhất được thể hiện thông qua hai vai trò trọng yếu: (i) vai trò định hướng và hoạch định chiến lược, chính sách: HĐQT quyết định định hướng chiến lược phát triển, ban hành hoặc phê duyệt các chính sách quản trị quan trọng, trong đó bao gồm chiến lược và mục tiêu ESG; bảo đảm các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị được tích hợp vào chiến lược dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các quyết định đầu tư; (ii) vai trò giám sát và đảm bảo trách nhiệm giải trình: HĐQT giám sát hoạt động điều hành của Ban điều hành, giám sát hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, theo dõi việc thực hiện các mục tiêu và cam kết đã được phê duyệt; đồng thời bảo đảm tính minh bạch, tuân thủ và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ hoạt động của Tổng công ty.

Trong đó, các Ủy ban trực thuộc HĐQT được thành lập nhằm hỗ trợ HĐQT thực hiện định

- hướng và giám sát chuyên sâu theo từng lĩnh vực. Ở khía cạnh tham mưu định hướng, các Ủy ban nghiên cứu, đề xuất và kiến nghị về chính sách, chiến lược và các vấn đề trọng yếu thuộc phạm vi phụ trách, giúp HĐQT có cơ sở đầy đủ khi xem xét, quyết định. Ở khía cạnh giám sát, các Ủy ban theo dõi việc triển khai thực hiện các quyết nghị, đánh giá mức độ tuân thủ và hiệu quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công, qua đó nâng cao chất lượng ra quyết định và hiệu lực giám sát của HĐQT. Các Ủy ban hoạt động theo quy chế riêng, bảo đảm tính chuyên môn hóa và khách quan trong thực hiện nhiệm vụ.
- ▶ **Ban Kiểm soát (BKS):** thực hiện chức năng giám sát theo quy định đối với hoạt động quản trị và điều hành, góp phần tăng cường cơ chế đối trọng và kiểm soát trong mô hình quản trị công ty.
- ▶ **Tổng giám đốc:** chịu trách nhiệm tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chương trình ESG đã được HĐQT phê duyệt; bảo đảm tuân thủ pháp luật, hiệu quả vận hành và thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

QUẢN TRỊ CÔNG TY – NỀN TẢNG CHO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI PV DRILLING (TIẾP THEO)

1.2. Cơ chế giám sát chuyên sâu của HĐQT và vai trò thành viên độc lập
Các Ủy ban trực thuộc HĐQT của PV Drilling hỗ trợ tham mưu và giám sát theo các lĩnh vực trọng yếu:



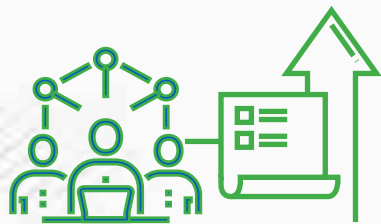
Bên cạnh đó, PV Drilling đề cao vai trò của các thành viên độc lập HĐQT trong việc bảo đảm tính khách quan, tăng cường phản biện và hạn chế xung đột lợi ích trong hoạt động quản trị. Các thành viên độc lập HĐQT tham gia giám sát các quyết định trọng yếu, đặc biệt đối với giao dịch với người có liên quan và các vấn đề tiềm ẩn rủi ro quản trị.

Từ tháng 11/2025, PV Drilling chính thức thiết lập vai trò thành viên độc lập HĐQT đứng đầu nhằm tăng cường hiệu quả điều phối tiếng nói độc lập trong HĐQT và củng cố cơ chế giám sát khách quan. Vai trò này tập trung vào: (i) điều phối và tổng hợp quan điểm độc lập đối với các vấn đề chiến lược và nội dung tiềm ẩn xung đột lợi ích; (ii) giám sát giao dịch với người có liên quan, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ; (iii) tham gia đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT và các Ủy ban; và (iv) phối hợp thúc đẩy thực hành quản trị minh bạch, công bằng, đặc biệt trong các tình huống quản trị nhạy cảm.

Đồng thời, thành viên độc lập HĐQT đứng đầu còn góp phần tăng cường kênh trao đổi độc lập giữa HĐQT với cổ đông và nhà đầu tư về các vấn đề liên quan đến quản trị và tính độc lập; hỗ trợ duy trì sự cân bằng giữa chức năng điều hành và chức năng giám sát; tạo cơ chế bảo đảm rằng các quyết định của HĐQT được xem xét đa chiều, thận trọng và phù hợp với lợi ích dài hạn của Tổng công ty và các bên liên quan. Điều này góp phần duy trì các chuẩn mực quản trị về minh bạch và liêm chính trong hoạt động của HĐQT.

QUẢN TRỊ CÔNG TY – NỀN TẢNG CHO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI PV DRILLING (TIẾP THEO)

2. CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TẠI PV DRILLING



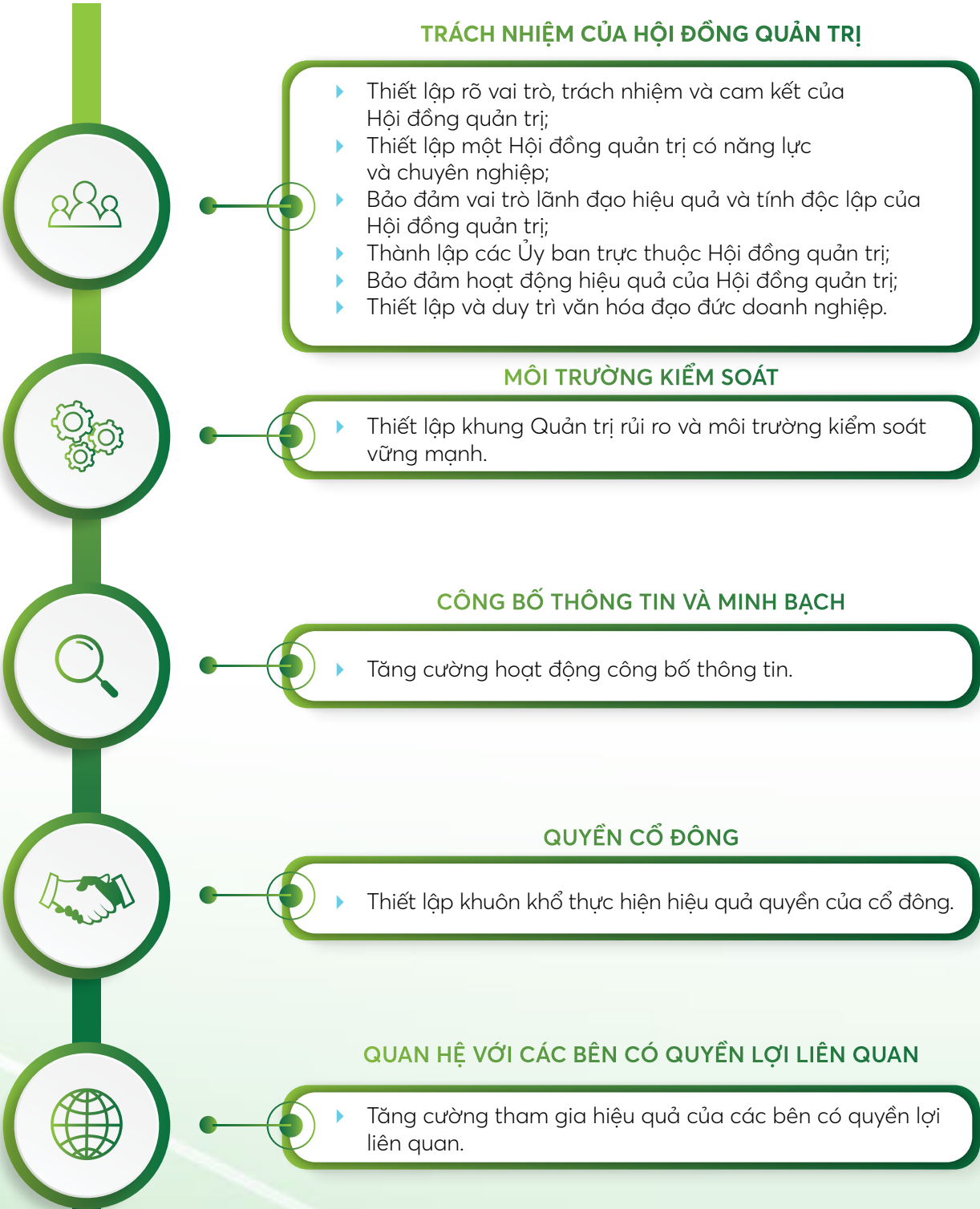
Các nguyên tắc quản trị tại PV Drilling được xây dựng trên cơ sở tham chiếu bộ Nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt của IFC và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời được điều chỉnh phù hợp với đặc thù hoạt động của Tổng công ty. Việc áp dụng hệ thống chuẩn mực kép này trước hết khẳng định cam kết của Tổng công ty trong việc minh bạch hóa thông tin và tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp lý trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bằng cách tiệm cận với các thông lệ quốc tế của IFC, PV Drilling không chỉ nâng cao uy tín và hình ảnh thương hiệu trên thị trường vốn toàn cầu mà còn tạo ra một “ngôn ngữ chung” về chuẩn mực quản trị, giúp nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động điều hành của Tổng công ty. Đặc biệt, việc nội địa hóa các nguyên tắc này dựa trên đặc thù ngành khoan dầu khí giúp bộ máy quản trị của PV Drilling giữ được sự linh hoạt, kiểm soát hiệu quả các rủi ro vận hành đặc thù và đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan. Đây chính là nền tảng vững chắc để PV Drilling duy trì sự phát triển bền vững, gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông và khẳng định vị thế trong khu vực và trên thế giới.



QUẢN TRỊ CÔNG TY – NỀN TẢNG CHO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI PV DRILLING (TIẾP THEO)

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TẠI PV DRILLING



A. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyên tắc 1: thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng quản trị

HĐQT giữ vai trò trung tâm trong hệ thống quản trị của PV Drilling, chịu trách nhiệm định hướng chiến lược và giám sát các rủi ro trọng yếu. Trong khuôn khổ ESG, HĐQT thực hiện giám sát lồng ghép các yếu tố Môi trường – Xã hội – Quản trị vào chu trình quản trị doanh nghiệp thông qua việc xem xét, cho ý kiến và/hoặc phê duyệt các nội dung liên quan đến chiến lược, kế hoạch, quản trị rủi ro và báo cáo định kỳ. Công tác giám sát ESG được thực hiện trên cơ sở các báo cáo về an toàn – môi trường, tuân thủ, rủi ro và tiến độ triển khai chương trình phát triển bền vững.

Nguyên tắc 2: thiết lập một Hội đồng quản trị có năng lực và chuyên nghiệp

Cơ cấu và tiêu chuẩn năng lực của HĐQT được thiết kế nhằm bảo đảm phù hợp với tính chất hoạt động có mức độ phức tạp và rủi ro đặc thù của ngành khoan và dịch vụ kỹ thuật dầu khí, đặc biệt đối với rủi ro an toàn, vận hành và tuân thủ. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hóa phương thức làm việc của HĐQT và các Ủy ban chuyên trách được duy trì để nâng cao năng lực giám sát chuyên sâu trong các lĩnh vực chiến lược, tài chính, quản trị rủi ro và ESG.

Nguyên tắc 3: bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của Hội đồng quản trị

PV Drilling chú trọng tăng cường tính độc lập và khách quan của HĐQT thông qua cơ chế hoạt động của các Ủy ban chuyên trách và quy trình đề cử/ứng cử minh bạch. Vai trò của thành viên độc lập và thành viên không điều hành được đề cao nhằm tăng cường giám sát, hạn chế xung đột lợi ích và nâng cao chất lượng thảo luận, ra quyết định. Vai trò điều phối của đầu mối/đứng đầu trong số các thành viên độc lập HĐQT hỗ trợ bảo đảm các quan điểm độc lập được xem xét đầy đủ trong quá trình thảo luận và ra quyết định.

Nguyên tắc 4: thành lập các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Hệ thống Ủy ban trực thuộc HĐQT được kiện toàn với 04 Ủy ban chuyên trách, hỗ trợ HĐQT thực hiện giám sát chuyên sâu theo lĩnh vực. Trong đó, Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững ESG đóng vai trò đầu mối tham mưu về

định hướng và giám sát các nội dung phát triển bền vững, hỗ trợ bảo đảm yếu tố ESG được tích hợp trong chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư của Tổng công ty.

Nguyên tắc 5: bảo đảm hoạt động hiệu quả của Hội đồng quản trị

HĐQT duy trì cơ chế họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản khi cần thiết nhằm bảo đảm tính kịp thời trong công tác quản trị. Nội dung giám sát tập trung vào chiến lược, đầu tư, tình hình tài chính, quản trị rủi ro, tuân thủ, an toàn – môi trường và tiến độ thực hiện các mục tiêu ESG trọng yếu. Hiệu quả hoạt động của HĐQT và các Ủy ban trực thuộc được theo dõi và đánh giá thông qua báo cáo hoạt động hằng năm, làm cơ sở rà soát và cải tiến phương thức quản trị trong các giai đoạn tiếp theo.

Nguyên tắc 6: thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức doanh nghiệp

PV Drilling duy trì các chuẩn mực về liêm chính, tuân thủ và phòng ngừa tham nhũng trong toàn hệ thống. Các quy tắc đạo đức, cơ chế quản lý xung đột lợi ích, cơ chế tiếp nhận phản ánh và xử lý vi phạm được xây dựng và triển khai nhằm tăng cường kỷ luật tuân thủ, củng cố văn hóa doanh nghiệp và niềm tin của các bên liên quan.

B. MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

Nguyên tắc 7: thiết lập khung Quản trị rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

Môi trường kiểm soát được củng cố thông qua việc phân tách và chuyên sâu hóa chức năng giám sát giữa Ủy ban Kiểm toán và Ủy ban Quản trị rủi ro. Khung Quản trị rủi ro doanh nghiệp, hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ tiếp tục được tăng cường; việc theo dõi thực hiện kiến nghị kiểm toán được thực hiện có hệ thống. HĐQT và các Ủy ban chuyên trách giám sát các rủi ro trọng yếu ở cấp độ chiến lược, bao gồm rủi ro HSE và rủi ro tuân thủ. Đồng thời, PV Drilling từng bước tăng cường nhận diện và theo dõi các rủi ro ESG mới nổi (biến đổi khí hậu, chuyển dịch năng lượng, yêu cầu tuân thủ ESG, quản lý chuỗi cung ứng) nhằm hỗ trợ ra quyết định phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững dài hạn.

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TẠI PV DRILLING (TIẾP THEO)



C. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH Nguyên tắc 8: tăng cường hoạt động công bố thông tin

PV Drilling chú trọng nâng cao chất lượng công bố thông tin và minh bạch, đặc biệt thông qua việc thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững theo chuẩn mực GRI và củng cố hệ thống dữ liệu ESG. Việc ban hành mục tiêu và chỉ số ESG định lượng cho giai đoạn 2026-2030 tạo cơ sở để theo dõi, đo lường và công bố tiến độ thực hiện một cách nhất quán, nâng cao tính so sánh theo thời gian và độ tin cậy của thông tin đối với nhà đầu tư và các bên liên quan.

D. QUYỀN CỔ ĐÔNG Nguyên tắc 9: thiết lập khuôn khổ thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông

PV Drilling duy trì khuôn khổ bảo vệ quyền cổ đông thông qua việc bảo đảm kênh thông tin, minh bạch tài liệu hợp và nghị quyết ĐHĐCĐ, đồng thời thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định. Cơ chế tiếp nhận và phản hồi ý kiến cổ đông được triển khai nhằm tăng cường đối thoại và củng cố niềm tin của thị trường.

E. QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Nguyên tắc 10: tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan

PV Drilling duy trì cơ chế gắn kết các bên liên quan thông qua đối thoại với người lao động, nhà thầu/đối tác, khách hàng, cơ quan quản lý và cộng đồng. Ý kiến và phản hồi được tổng hợp và xem xét theo quy trình nội bộ, làm cơ sở rà soát và cải tiến chính sách quản trị, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến HSE và điều kiện làm việc. Các yêu cầu về HSE và ESG được tích hợp vào hoạt động vận hành, đào tạo và quản lý chuỗi cung ứng nhằm bảo đảm tính nhất quán giữa cam kết và thực thi.

Thông qua việc hoàn thiện hệ thống quản trị theo thông lệ tốt và gắn kết với cơ chế giám sát ESG, PV Drilling củng cố nền tảng quản trị minh bạch và hiệu quả, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và trách nhiệm giải trình; đồng thời hướng tới cân bằng giữa hiệu quả kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, tạo giá trị dài hạn cho cổ đông và các bên liên quan.

QUẢN TRỊ ESG



1. CHÍNH SÁCH VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ ESG TẠI PV DRILLING

PV Drilling xác định phát triển bền vững và quản trị ESG là định hướng dài hạn, gắn với chiến lược phát triển, hiệu quả sản xuất – kinh doanh và quản trị rủi ro, đồng thời là cơ sở thực hiện trách nhiệm đối với các bên liên quan. ESG được triển khai theo cách tiếp cận tích hợp, lồng ghép xuyên suốt trong hệ thống quản trị doanh nghiệp và quá trình ra quyết định, phù hợp với đặc thù hoạt động dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan của Tổng công ty.

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển từ triển khai ESG theo từng mảng chức năng sang mô hình quản trị ESG có hệ thống, được tích hợp trong khung quản trị doanh nghiệp. Hội đồng quản trị đã phê duyệt mục tiêu ESG, khung Chính sách Phát triển bền vững và bộ mục tiêu ESG định lượng năm 2026, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, mục tiêu ESG và bộ mục tiêu định lượng được áp dụng trong phạm vi nội bộ toàn hệ thống PV Drilling, còn khung Chính sách Phát triển bền vững được áp dụng cho toàn hệ thống và mở rộng đến các đối tác và nhà cung cấp chuỗi giá trị. Các văn bản này xác lập khuôn khổ định hướng tổng thể cho công tác quản trị ESG, đồng thời tạo nền tảng để tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh, kế hoạch sản xuất – kinh doanh và

hệ thống quản trị rủi ro của Tổng công ty. Việc xây dựng và triển khai các nội dung này bám sát định hướng chiến lược dài hạn của PV Drilling, các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và Tập đoàn, đồng thời tham chiếu các chuẩn mực và thông lệ quốc tế như GRI, SASB, và các tiêu chuẩn ngành như IPIECA và IADC.

Song song với các văn bản định hướng ở cấp chiến lược, ESG được cụ thể hóa thông qua hệ thống quy định quản trị nội bộ hiện hành, bảo đảm các yêu cầu ESG được áp dụng nhất quán trong quản trị, điều hành và giám sát, phù hợp với mô hình tổ chức và điều kiện hoạt động của Tổng công ty.

Trên nền tảng đó, các yêu cầu ESG tại PV Drilling được triển khai thông qua hệ thống các quy định và công cụ quản trị, được thiết kế theo hướng phân tầng giữa khung quản trị và kiểm soát ở cấp doanh nghiệp và các công cụ triển khai gắn với hoạt động vận hành, nhằm bảo đảm các yêu cầu ESG được chuyển hóa thành hành động cụ thể, có thể theo dõi, đánh giá và phù hợp với đặc thù hoạt động dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan. Cụ thể, các nội dung ESG được triển khai thông qua hệ thống chính sách, nguyên tắc và các công cụ quản trị chủ yếu sau:

NHÓM CÔNG CỤ	NỘI DUNG TRỌNG TÂM	VAI TRÒ & MỤC TIÊU CỤ THỂ
 Quản trị & Tuân thủ	Quy định pháp luật, công bố thông tin và trách nhiệm giải trình.	Làm nền tảng bảo đảm tính minh bạch, kỷ cương và chuẩn mực trong quản trị doanh nghiệp.
 Đạo đức & Liêm chính	Bộ Quy tắc ứng xử; Quy định phòng chống tham nhũng, hối lộ và xung đột lợi ích.	Cụ thể hóa các chuẩn mực hành vi, bảo đảm sự liêm chính trong toàn hệ thống.
 Kiểm soát & Quản lý rủi ro	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tích hợp yếu tố ESG.	Xem xét ESG đồng thời với rủi ro chiến lược, tài chính để hỗ trợ ra quyết định bền vững.
 Năng lực & Đổi mới	Đào tạo quản lý; ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Nâng cao chất lượng giám sát và hiệu quả thực hiện các mục tiêu ESG trong dài hạn.
 Gắn kết các bên liên quan	Cơ chế đối thoại, tham vấn và phản hồi của các bên liên quan.	Tích hợp ý kiến các bên vào công tác quản trị, công bố thông tin và cải tiến hoạt động.
 HSEQ	Hệ thống quản lý HSEQ theo tiêu chuẩn quốc tế.	Công cụ trọng yếu để kiểm soát rủi ro, bảo vệ con người, tài sản và môi trường trong dịch vụ giếng khoan.

QUẢN TRỊ ESG (TIẾP THEO)

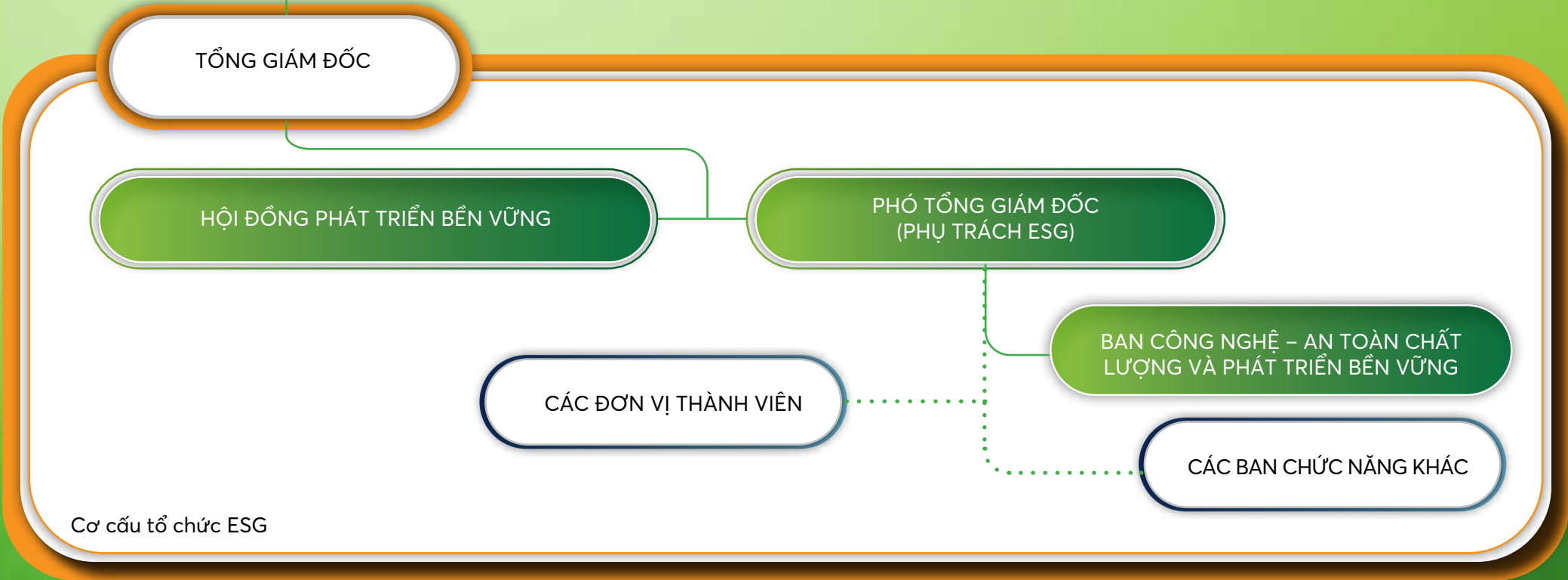
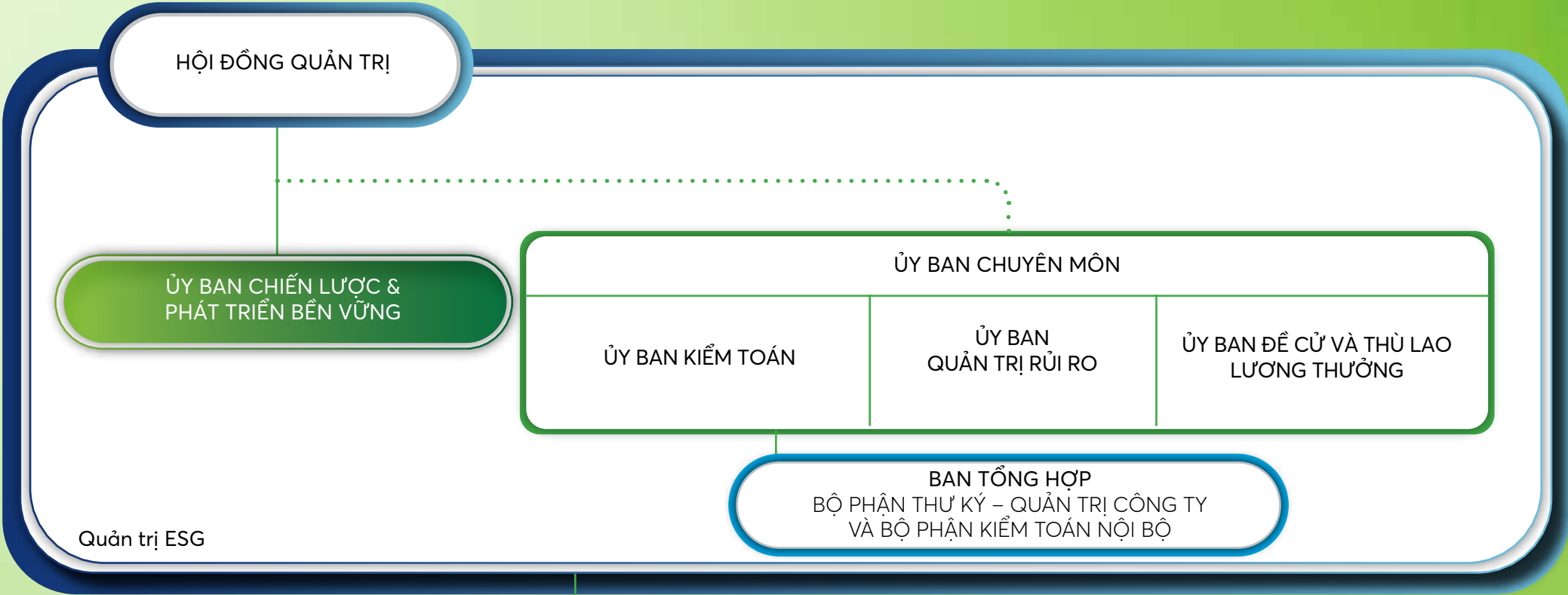
2. CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI ESG

GRI 2-14

Cơ cấu quản trị, tổ chức và triển khai ESG tại PV Drilling được thiết kế theo nguyên tắc tích hợp, đa tầng và có trách nhiệm giải trình, bảo đảm các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị được lồng ghép xuyên suốt vào hệ thống quản trị doanh nghiệp. Theo đó, ESG được tích hợp vào quá trình ra quyết định chiến lược, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của Tổng công ty, đồng thời được xem xét tại các kỳ họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cùng với các yếu tố chiến lược, tài chính và rủi ro, nhằm bảo đảm sự giám sát và chỉ đạo nhất quán ở cấp quản trị cao nhất.

Cơ chế giám sát ESG được tổ chức theo nhiều lớp, dựa trên hệ thống báo cáo, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Trên cơ sở đó, các quyết định về chiến lược, đầu tư và điều chỉnh chính sách được xem xét có tính đến các tác động ESG, nhằm nâng cao tính bền vững và hiệu quả dài hạn trong hoạt động của PV Drilling.

Ở cấp triển khai, cơ cấu tổ chức ESG được thiết kế nhằm cụ thể hóa các định hướng, chính sách và mục tiêu phát triển bền vững trong toàn hệ thống, gắn với chức năng quản lý và vận hành hiện hữu, phù hợp với đặc thù hoạt động dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan.



QUẢN TRỊ ESG (TIẾP THEO)

Bảng 2.1: Vai trò, trách nhiệm và tần suất giám sát ESG tại PV Drilling

CẤP QUẢN TRỊ	HÌNH THỨC GIÁM SÁT/BÁO CÁO ESG	TẦN SUẤT GIÁM SÁT
Hội đồng quản trị	Định hướng và phê duyệt chiến lược ESG, phê duyệt các mục tiêu chính; giám sát kế hoạch hoạt động, giám sát việc lập báo cáo và tham vấn với các bên có lợi ích liên quan.	Hàng năm và khi cần thiết thông qua các kỳ họp Hội đồng quản trị.
Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	Giám sát chuyên sâu các khía cạnh ESG theo phạm vi chức năng của từng Ủy ban, bao gồm: - Ủy ban Chiến lược & Phát triển bền vững ESG: tham mưu, giám sát thực hiện chiến lược PTBV; - Ủy ban Kiểm toán: giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ; giám sát minh bạch báo cáo ESG; - Ủy ban Quản trị rủi ro: giám sát rủi ro ESG và rủi ro chiến lược; - Ủy ban Đề cử và Thù lao lương thưởng: kiến nghị, đề xuất chính sách nhân sự, đãi ngộ gắn với mục tiêu ESG.	Định kỳ theo chương trình làm việc của từng Ủy ban và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
Ban Tổng hợp	Bộ phận Kiểm toán nội bộ: thực hiện kiểm soát, đánh giá tuân thủ và hiệu quả kiểm soát nội bộ; hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác kiểm toán, tài chính – kế toán và giám sát hoạt động của Ban điều hành, bao gồm các nội dung liên quan đến ESG.	Theo kế hoạch kiểm soát, kiểm toán nội bộ và yêu cầu của Hội đồng quản trị.
	Bộ phận Quản trị công ty: tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc thực thi công tác Quản trị công ty và quản lý mối quan hệ với các bên liên quan; hỗ trợ HĐQT và các Ủy ban trong việc giám sát hoạt động của Ban điều hành, bao gồm công tác công bố thông tin và các nội dung liên quan đến ESG.	Hàng quý hoặc theo yêu cầu về tiến độ triển khai các NQ/QĐ & kết luận của HĐQT, về công tác CBTT và quan hệ với các bên liên quan.

Bảng 2.2: Cơ cấu tổ chức và triển khai ESG tại PV Drilling

CẤP ĐIỀU HÀNH	VAI TRÒ TRONG TRIỂN KHAI ESG
Ban Tổng giám đốc	Chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu và chương trình ESG trong toàn Tổng công ty; bảo đảm phân công nguồn lực và phối hợp giữa các đơn vị trong quá trình triển khai.
Hội đồng Phát triển bền vững	Theo dõi, tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, sáng kiến ESG; báo cáo, đề xuất điều chỉnh và cải tiến trong quá trình triển khai.
Ban đầu mối về PTBV (Ban Công nghệ – An toàn Chất lượng và Phát triển bền vững)	Làm đầu mối, tham mưu, điều phối và theo dõi việc triển khai các chương trình, kế hoạch ESG và PTBV; tổng hợp dữ liệu, đánh giá kết quả và thực hiện báo cáo ESG, PTBV.
Các ban chức năng khác	Triển khai các yêu cầu ESG trong phạm vi chức năng quản lý; lồng ghép các nội dung ESG vào quy trình nhân sự, tài chính, đầu tư, pháp chế, mua sắm, chuỗi cung ứng và vận hành.
Đơn vị thành viên	Tổ chức thực hiện các yêu cầu ESG phù hợp với điều kiện hoạt động của từng đơn vị; bảo đảm tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ và mục tiêu PTBV đã được phê duyệt.

3. QUẢN LÝ RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (ESG RISK MANAGEMENT)

GRI 2-16

3.1 Khung Quản trị rủi ro PTBV (Sustainability Risk Management Framework)

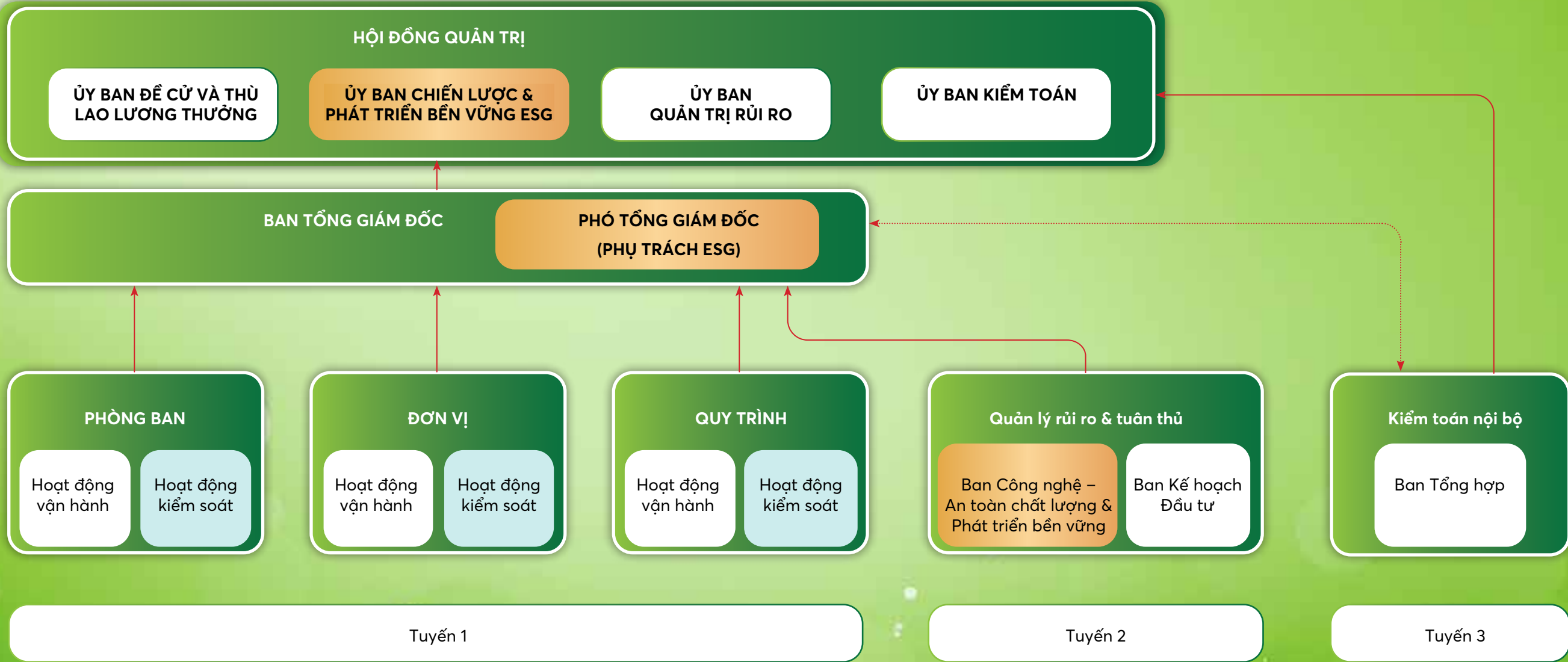
Trong bối cảnh ngành dầu khí và dịch vụ khoan ngày càng chịu tác động từ các rủi ro môi trường, xã hội và quản trị (ESG), việc quản lý hiệu quả các rủi ro phát triển bền vững đóng vai trò then chốt đối với khả năng duy trì hoạt động ổn định, năng lực cạnh tranh và giá trị dài hạn của PV Drilling. Đối với một nhà thầu khoan hoạt động tại nhiều thị trường, các rủi ro ESG không chỉ ảnh hưởng đến an toàn, môi trường và tuân thủ pháp lý, mà còn tác động trực tiếp đến hiệu quả tài chính, uy

tín doanh nghiệp và khả năng tiếp cận các cơ hội kinh doanh quốc tế.

PV Drilling tiếp cận quản trị ESG trên cơ sở tích hợp, coi rủi ro phát triển bền vững là một bộ phận cấu thành của hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp, thay vì một lĩnh vực quản lý tách biệt. Cách tiếp cận này cho phép Tổng công ty nhận diện, đánh giá và quản lý các rủi ro ESG một cách nhất quán, có hệ thống và gắn chặt với chiến lược phát triển, hiệu quả vận hành và các mục tiêu dài hạn. Mục này trình bày khung quản trị rủi ro phát triển bền vững của PV Drilling, các rủi ro ESG trọng yếu, vai trò giám sát độc lập cũng như cơ chế báo cáo, đánh giá và cải tiến liên tục trong toàn hệ thống.

QUẢN TRỊ ESG (TIẾP THEO)

Hệ thống được vận hành theo mô hình ba tuyến (Three Lines Model) cải tiến:



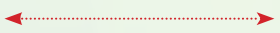
Rủi ro ESG



Báo cáo theo chức năng



Chuyên trách ESG



Báo cáo hành chính/
trao đổi phối hợp

- ▶ **Tuyến 1 (Vận hành – Risk Ownership):** các giàn khoan, nhà xưởng có trách nhiệm nhận diện rủi ro tại chỗ, tuân thủ các quy trình an toàn và báo cáo thẻ STOP/PVD Cards.
- ▶ **Tuyến 2 (Giám sát – Risk Oversight):** các Ban chức năng/Văn phòng TCT phối hợp với Ban Công nghệ – An toàn Chất lượng & Phát triển bền vững (CNATCL) xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp, thiết lập khẩu vị rủi ro, thước đo rủi ro, theo dõi các chỉ số KRI (Key Risk Indicators) về môi trường, an toàn lao động, vận hành,...
- ▶ **Tuyến 3 (Đảm bảo – Risk Assurance):** kiểm toán nội bộ (KTNB) đánh giá độc lập tính hiệu lực của các chốt kiểm soát ESG và tính xác thực của dữ liệu PTBV.

QUẢN TRỊ ESG (TIẾP THEO)

3.2 Rủi ro phát triển bền vững trọng yếu và Bảng xếp hạng

Căn cứ trên kết quả phân tích đa chiều tại mục 2.3 Xác định chủ đề trọng yếu, PV Drilling đã nhận diện các rủi ro ESG có tác động trực tiếp đến giá trị doanh nghiệp và kỳ vọng của các bên liên quan.

Việc xếp hạng rủi ro ESG được thực hiện nhằm phục vụ công tác quản trị nội bộ, phản ánh mức độ ưu tiên và xu hướng biến động rủi ro theo từng giai đoạn, trên cơ sở đánh giá tác động tiềm tàng và khả năng xảy ra. Các mức xếp hạng không mang tính dự báo hay cam kết định lượng tuyệt đối, mà là cơ sở để PV Drilling xác định trọng tâm quản lý và phân bổ nguồn lực phù hợp.

MÃ	CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU	NHẬN DIỆN RỦI RO	RATING 2024	RATING 2025	BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ
E2	Phát thải khí nhà kính (GHG Emissions)	Áp lực từ các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và thị trường về kiểm soát phát thải khí nhà kính, các chính sách liên quan đến định giá carbon, cũng như các rào cản kỹ thuật xanh trong chuỗi cung ứng dịch vụ khoan.			Thực hiện kiểm kê khí nhà kính (phạm vi 1, 2); xây dựng lộ trình giảm phát thải; đầu tư và triển khai các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng cho các giàn khoan/nhà xưởng/văn phòng.
S1	An toàn, sức khỏe lao động (OHS)	Tai nạn lao động nghiêm trọng, rò rỉ khí/dầu trên giàn khoan gây gián đoạn hoạt động.			Duy trì tính hiệu lực của hệ thống quản lý HSEQ; củng cố văn hóa an toàn dựa trên vai trò lãnh đạo và hành vi an toàn; tổ chức diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp định kỳ.
E1	Rủi ro khí hậu vật lý	Các hiện tượng thời tiết cực đoan (bão, nước biển dâng,...) gây thiệt hại tài sản và gián đoạn vận hành.			Tích hợp rủi ro khí hậu vật lý vào hệ thống ERM; thực hiện đánh giá bước đầu các kịch bản rủi ro khí hậu; nâng cấp và duy trì hạ tầng kỹ thuật giàn khoan nhằm thích ứng với điều kiện thời tiết ngày càng khắc nghiệt.
E7	Sự cố môi trường	Rủi ro tràn dầu, hóa chất gây thảm họa sinh thái và gánh nặng pháp lý/tài chính khổng lồ.			Tăng cường kiểm soát an toàn quy trình (Process Safety); duy trì hệ thống ứng phó sự cố tràn dầu 24/7 theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế của ngành khoan.
G1	Quản trị công ty	Rủi ro liên quan đến việc đáp ứng kịp thời các yêu cầu mới về chuẩn mực Báo cáo Phát triển bền vững (IFRS Sustainability Disclosure Standards – ISSB) và nâng cao mức độ minh bạch, nhất quán trong quản trị doanh nghiệp.			Áp dụng thẻ điểm quản trị công ty ASEAN (ACGS); minh bạch hóa dữ liệu ESG thông qua hệ thống phần mềm quản trị tập trung.
G2	Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)	Rủi ro tham nhũng, vi phạm quy định tại các thị trường nước ngoài, đặc biệt tại các thị trường mới.			Thực thi nghiêm bộ Quy tắc ứng xử (Code of Conduct); tăng cường xem xét các yếu tố ESG trong quản lý quan hệ với nhà thầu phụ và đối tác, hướng tới từng bước áp dụng các thông lệ phù hợp về đánh giá rủi ro ESG trong chuỗi cung ứng.

Ghi chú: Các rủi ro ESG được rà soát và cập nhật định kỳ trong hệ thống ERM của PV Drilling



QUẢN TRỊ ESG
(TIẾP THEO)



3.3 Vai trò của kiểm toán nội bộ trong PTBV

Trong mô hình quản trị rủi ro “Ba tuyến phòng vệ” của PV Drilling, KTNB đóng vai trò là tuyến thứ ba, thực hiện việc đánh giá độc lập về tính hiệu quả của toàn bộ hệ thống quản trị rủi ro. Điều này đảm bảo rằng các rủi ro liên quan đến ESG được nhận diện và kiểm soát một cách khách quan. Không chỉ giới hạn ở tài chính, phạm vi kiểm toán giám sát của PV Drilling đã được mở rộng sang các yếu tố phi tài chính cốt lõi của PTBV như:

- ▶ **Công tác HSEQ:** kiểm toán việc tuân thủ các quy định về an toàn và môi trường, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh không gây hại đến người lao động và môi trường.
- ▶ **Quản trị rủi ro:** đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của việc thực hiện các quy trình quản trị rủi ro tại đơn vị; rà soát và đánh giá việc quản lý các rủi ro ESG trọng yếu; đánh giá khung quản trị và thực hành ESG.
- ▶ **Nhân sự và Đào tạo:** giám sát công tác tổ chức nhân sự và đào tạo, đảm bảo phát triển nguồn nhân lực bền vững.

KTNB đóng vai trò tư vấn để kiện toàn hệ thống quản trị doanh nghiệp, một trụ cột quan trọng của ESG:

- ▶ **Cải tiến kiểm soát nội bộ:** đưa ra các ý kiến tư vấn, kiến nghị độc lập để nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, giúp các đơn vị vận hành minh bạch và tuân thủ pháp luật;
- ▶ **Cập nhật quy chế:** tham gia hỗ trợ và đóng góp ý kiến để cập nhật các quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với thay đổi của pháp luật và thực tiễn kinh doanh;
- ▶ **Cam kết tuân thủ:** đảm bảo việc thực hiện nghiêm các quy định về thuế, kế toán và kiểm toán nội bộ như một phần của cam kết quản trị công ty theo thông lệ tốt; cung cấp các đảm bảo đối với Báo cáo Phát triển bền vững.



PV Drilling đã thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT). Ủy ban này có trách nhiệm xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác PTBV.

3.4 Cơ chế báo cáo, đánh giá và cải tiến liên tục

Cơ chế báo cáo, đánh giá và cải tiến liên tục đối với hoạt động phát triển bền vững tại PV Drilling được thiết lập bài bản từ cấp HĐQT xuống đến các đơn vị vận hành, cụ thể như sau:

3.4.1. Cơ chế báo cáo và thu thập dữ liệu

PV Drilling áp dụng công nghệ và các tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo dữ liệu báo cáo minh bạch và chính xác:

- ▶ **Hệ thống phần mềm trực tuyến:** Sử dụng phần mềm PVD HSEQ Reporting Online để giám sát mức tiêu thụ năng lượng, nhiên liệu và các chỉ số phát thải hàng tháng. Hệ thống

này giúp truy xuất và quản lý dữ liệu môi trường một cách nhanh chóng và chính xác;

- ▶ **Tiêu chuẩn báo cáo:** báo cáo thường niên và báo cáo PTBV được xây dựng dựa trên các thông lệ quản trị tiến bộ thế giới, các tiêu chuẩn và hướng dẫn chuyên ngành dầu khí (GRI, SASB, IPIECA, IADC);
- ▶ **Minh bạch thông tin:** cam kết thực hiện minh bạch thông tin về các hoạt động môi trường nhằm đảm bảo sự bền vững.

3.4.2. Cơ chế đánh giá và tuân thủ

Việc đánh giá hiệu quả được thực hiện thông qua nhiều kênh:

- ▶ **Đánh giá định kỳ:** các mục tiêu ESG được Hội đồng phát triển bền vững của Tổng công ty đánh giá hàng năm và xem xét đề xuất Hội đồng quản trị Tổng công ty cập nhật (nếu cần thiết) nhằm đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp

với điều kiện thị trường và tình hình mới;

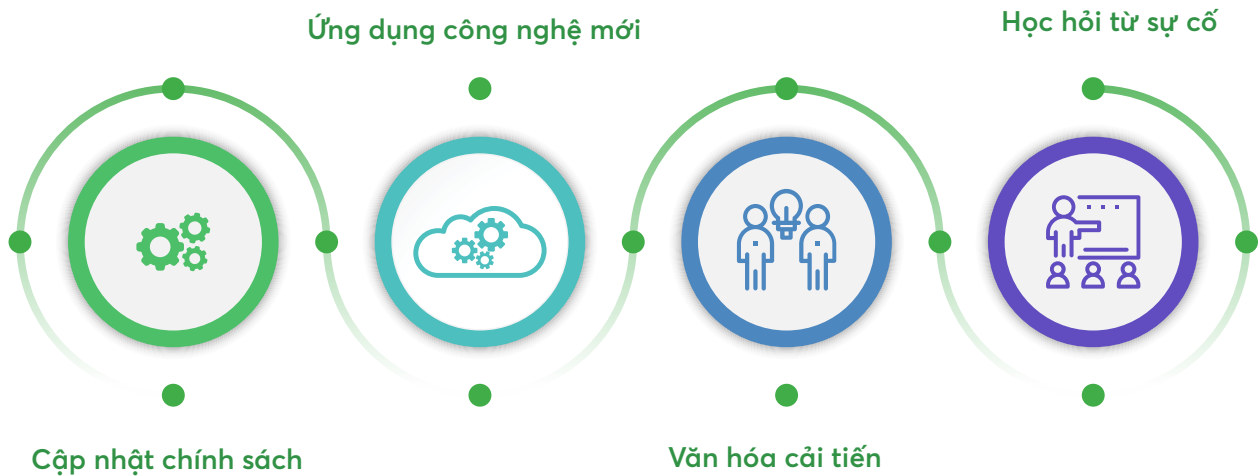
- ▶ **Hệ thống quản lý tiêu chuẩn:** duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý tích hợp HSEQ theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001.
- ▶ **Đánh giá chuỗi cung ứng:** thực hiện đánh giá định kỳ các yếu tố bền vững trong chuỗi cung ứng, yêu cầu các nhà cung cấp tuân thủ các tiêu chuẩn về ESG, nhân quyền và đạo đức kinh doanh.
- ▶ **Gắn kết các bên liên quan:** đánh giá việc thực hiện quy trình xác định, đánh giá và gắn kết các bên liên quan của PV Drilling tại mục 2.2 Gắn kết các bên liên quan nhằm đảm bảo triển khai một cách liên tục, xuyên suốt trong hệ thống quản trị, gắn chặt với công tác hoạch định chiến lược, quản trị và vận hành của Tổng công ty.

QUẢN TRỊ ESG (TIẾP THEO)

3.4.3. Cơ chế cải tiến liên tục

PV Drilling không dừng lại ở sự tuân thủ mà liên tục tìm kiếm các giải pháp tối ưu hóa:

- ▶ **Cập nhật chính sách:** chính sách bảo vệ môi trường được cập nhật thường xuyên với phương châm cải tiến liên tục hệ thống quản lý.
- ▶ **Ứng dụng công nghệ mới:** triển khai các sáng kiến kỹ thuật để giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng, ví dụ như phần mềm MAESTRO™ trên giàn khoan để giám sát và giảm tiêu thụ nhiên liệu, hay thay thế đèn LED trên toàn bộ giàn khoan.
- ▶ **Văn hóa cải tiến:** khuyến khích người lao động đưa ra các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật thông qua các phong trào thi đua và chương trình thẻ báo cáo quan sát an toàn (PVD Card).
- ▶ **Học hỏi từ sự cố:** thông qua các đợt kiểm tra, giám sát (walkabout, unannounced visit,...), các đơn vị có cơ hội nhận diện điểm yếu để cải tiến công tác an toàn trong quá trình sản xuất.



Thông qua việc tích hợp quản lý rủi ro ESG vào khung Quản trị rủi ro doanh nghiệp, PV Drilling từng bước xây dựng một hệ thống quản trị phát triển bền vững có tính hệ thống, minh bạch và hướng tới cải tiến liên tục. Cách tiếp cận này giúp Tổng công ty chủ động ứng phó với các rủi ro ESG trọng yếu, đồng thời tận dụng các cơ hội phát sinh từ quá trình chuyển dịch năng lượng, yêu cầu ngày càng cao của khách hàng quốc tế và sự thay đổi của khung pháp lý và chuẩn mực báo cáo toàn cầu.

Việc phân định rõ vai trò giữa các tuyến phòng thủ, tăng cường giám sát độc lập và chuẩn hóa dữ liệu ESG tạo nền tảng để nâng cao chất lượng quản trị, độ tin cậy của thông tin công bố và năng lực ra quyết định ở cấp chiến lược. Trên cơ sở đó, quản trị ESG không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ, mà trở thành công cụ hỗ trợ PV Drilling bảo vệ giá trị doanh nghiệp, củng cố niềm tin của các bên liên quan và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.

4. QUẢN TRỊ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PV Drilling coi Báo cáo Phát triển bền vững là một công cụ quản trị và trách nhiệm giải trình quan trọng đối với các bên liên quan. Công tác lập và công bố báo cáo ESG/Phát triển bền vững được tổ chức với sự tham gia của nhiều ban, đơn vị, dưới sự điều phối của ban đầu mối phụ trách PTBV, bảo đảm sự phối hợp xuyên suốt giữa cấp quản trị, điều hành và các cấp triển khai.

Quy trình quản trị báo cáo được thiết kế theo cách tiếp cận nhiều lớp, gắn kết với hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và công bố thông tin của Tổng công ty. Ban điều hành chịu trách nhiệm tổ chức rà soát, thẩm định và trình Báo cáo Phát triển bền vững; Hội đồng quản trị thực hiện giám sát và phê duyệt, qua đó bảo đảm tính nhất quán, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong công bố thông tin ESG.

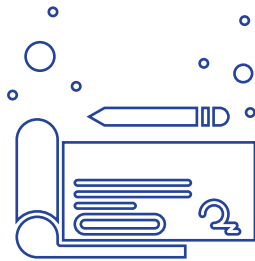
Trong khuôn khổ hệ thống kiểm soát nội bộ, bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Tổng hợp tham gia cung cấp đảm bảo nội bộ đối với công tác lập Báo cáo Phát triển bền vững, thông qua việc rà soát quy trình thu thập, tổng hợp và báo cáo thông tin ESG theo các quy định nội bộ hiện hành, góp phần nâng cao độ tin cậy của thông tin được công bố.

Việc chuẩn hóa quy trình quản trị báo cáo giúp PV Drilling từng bước nâng cao chất lượng công bố thông tin ESG, đồng thời hỗ trợ các cấp quản lý sử dụng thông tin ESG như một đầu vào trong công tác điều hành, đánh giá hiệu quả và cải thiện hoạt động theo định hướng phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Tổng công ty có sự hỗ trợ của tư vấn độc lập tại các giai đoạn trọng yếu nhằm chuẩn hóa phương pháp tiếp cận, hệ thống chỉ số ESG và rà soát nội dung theo thông lệ quốc tế, tạo nền tảng duy trì tính nhất quán và nâng cao chất lượng báo cáo trong các kỳ tiếp theo.



QUẢN TRỊ ESG (TIẾP THEO)

QUY TRÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI LẬP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



ĐỊNH HƯỚNG VÀ THIẾT KẾ BÁO CÁO

Ban Tổng giám đốc

- ▶ Xác lập chủ đề và thông điệp của Báo cáo PTBV;
- ▶ Phê duyệt cấu trúc, phạm vi và các nội dung trọng tâm của báo cáo.

Ban đầu mối

- ▶ Lập kế hoạch tổng thể và lộ trình lập báo cáo;
- ▶ Đề xuất cấu trúc, phạm vi và nội dung báo cáo theo định hướng nội bộ và các chuẩn mực áp dụng;
- ▶ Xây dựng đề cương chi tiết, hướng dẫn phương pháp thu thập và tổng hợp dữ liệu ESG;
- ▶ Phối hợp tổ chức phỏng vấn lãnh đạo và xác định các nội dung trọng yếu, bộ chỉ số ESG theo định hướng quản trị.

Các ban chuyên môn và đơn vị

- ▶ Góp ý về phạm vi và mức độ chi tiết nội dung theo đặc thù hoạt động; xác nhận tính phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ và thực tiễn triển khai;
- ▶ Cử đầu mối tham gia phối hợp xây dựng nội dung báo cáo.



THU THẬP DỮ LIỆU VÀ LẬP BÁO CÁO

Ban Tổng giám đốc

- ▶ Xem xét và thẩm định nội dung, dữ liệu báo cáo theo từng giai đoạn;
- ▶ Cho ý kiến đối với các nội dung trọng yếu;
- ▶ Quyết định mức độ đảm bảo báo cáo khi áp dụng;
- ▶ Chỉ đạo kiểm tra, rà soát đối với một số chỉ tiêu trọng yếu.

Ban đầu mối

- ▶ Tổng hợp dữ liệu ESG và nội dung báo cáo từ các ban chuyên môn;
- ▶ Rà soát chéo, đối chiếu tính nhất quán giữa các nhóm chỉ tiêu và nội dung;
- ▶ Chuẩn hóa cấu trúc và nội dung báo cáo;
- ▶ Phối hợp với các bên liên quan để rà soát, phản hồi và hoàn thiện báo cáo qua nhiều vòng.

Các ban chuyên môn và đơn vị

- ▶ Thu thập, tổng hợp, rà soát và xác nhận tính chính xác của dữ liệu ESG và nội dung chuyên môn theo lĩnh vực phụ trách;
- ▶ Xây dựng nội dung báo cáo;
- ▶ Phối hợp làm rõ và điều chỉnh thông tin theo yêu cầu rà soát trong quá trình lập báo cáo.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ (Ban Tổng hợp)

- ▶ Rà soát quy trình và cung cấp đảm bảo nội bộ với công tác lập báo cáo theo quy định.



PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ VÀ CẢI THIỆN LIÊN TỤC

Hội đồng quản trị

- ▶ Định hướng chiến lược ESG;
- ▶ Phê duyệt công bố chính thức Báo cáo PTBV trên cơ sở ý kiến đề xuất của Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững ESG;
- ▶ Định hướng cải thiện chất lượng báo cáo và công tác quản trị ESG cho các kỳ tiếp theo.

Ban đầu mối

- ▶ Tổ chức hoàn thiện nội dung và hình thức trình bày báo cáo;
- ▶ Phối hợp công bố và truyền thông báo cáo;
- ▶ Trao đổi thông tin với các bên liên quan;
- ▶ Tổng hợp phản hồi, đánh giá và kiến nghị cải thiện cho kỳ báo cáo tiếp theo.

Các ban chuyên môn và đơn vị

- ▶ Rà soát nội dung công bố công khai liên quan đến lĩnh vực phụ trách;
- ▶ Phối hợp giải trình, cập nhật và hoàn thiện thông tin khi cần thiết;
- ▶ Tham gia rút kinh nghiệm và cải thiện chất lượng dữ liệu, nội dung cho các kỳ báo cáo sau.

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

GRI 2-25, 2-27

01



CAM KẾT VỀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Con người – sự chính trực – sự chuyên nghiệp là ba giá trị cốt lõi, giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành văn hóa doanh nghiệp và định hướng toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh tại PV Drilling. Trên cơ sở đó, Tổng công ty nhất quán theo đuổi các nguyên tắc đạo đức kinh doanh, liêm chính và tuân thủ như những yêu cầu bắt buộc trong mọi hoạt động. PV Drilling cam kết tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và hệ thống quy định nội bộ, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động, đồng thời xây dựng niềm tin vững chắc với khách hàng, đối tác và các bên liên quan, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững dài hạn.

Ban Lãnh đạo PV Drilling cam kết nêu gương trong việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử, các chính sách nội bộ và quy định pháp luật hiện hành; đồng thời chỉ đạo triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Tổng công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc cởi mở, an toàn và minh bạch, khuyến khích người lao động chủ động phản ánh các quan ngại liên quan đến đạo đức kinh doanh và tuân thủ, qua đó góp phần củng cố văn hóa chính trực và trách nhiệm trong toàn PV Drilling.

02



BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ

Bộ Quy tắc ứng xử ban hành theo Quyết định số 270/QĐ-PVD ngày 08/8/2023 được xây dựng dựa trên các giá trị cốt lõi của PV Drilling và các quy định pháp luật hiện hành, đóng vai trò là kim chỉ nam cho hành vi và ứng xử trong mọi hoạt động của PV Drilling. Tất cả người lao động làm việc tại PV Drilling và các đơn vị do PV Drilling kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử, đồng thời truyền thông và khuyến khích khách hàng, nhà cung cấp và các đối tác kinh doanh tôn trọng, thực hiện các nguyên tắc ứng xử phù hợp với bộ Quy tắc này. Nội dung bộ Quy tắc ứng xử tập trung vào các nguyên tắc cốt lõi sau:

- ▶ Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức;
- ▶ Chính trực, minh bạch và trách nhiệm;
- ▶ Không phân biệt đối xử, tôn trọng quyền con người;
- ▶ Phòng, chống tham nhũng và xung đột lợi ích;
- ▶ Bảo vệ tài sản, thông tin và uy tín doanh nghiệp;
- ▶ Trách nhiệm với khách hàng, đối tác và cổ đông;
- ▶ Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Thông qua việc triển khai bộ Quy tắc ứng xử, PV Drilling hướng tới việc duy trì kỷ cương, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân và góp phần xây dựng môi trường làm việc minh bạch, lành mạnh và bền vững.

03



TRUYỀN THÔNG VÀ TRIỂN KHAI VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ TUÂN THỦ

PV Drilling chú trọng công tác truyền thông nội bộ nhằm bảo đảm các nguyên tắc đạo đức và tuân thủ được phổ biến đầy đủ và thống nhất trong toàn Tổng công ty. Trong năm 2023-2024, PV Drilling đã thực hiện 10 khóa học chuyên sâu về văn hóa doanh nghiệp với 291 lượt người tham gia. Nội dung khóa học được lồng ghép với bộ Quy tắc ứng xử và sổ tay Văn hóa PV Drilling.

Bên cạnh đó, Tổng công ty đã ban hành Chính sách Phòng, chống tham nhũng và hối lộ theo Nghị quyết số 33/12/2025/NQ-HĐQT ngày 31/12/2025 làm cơ sở cho việc phòng ngừa, nhận diện và xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến tham nhũng. Các chính sách này được truyền thông đến các thành viên tại Tổng công ty thông qua hệ thống tài liệu nội bộ, email đồng thời được lồng ghép trong các chương trình đào tạo về HSE, tuân thủ và quản trị rủi ro.

04



CƠ CHẾ CẢNH BÁO SAI PHẠM

Nhằm kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, đạo đức và quy định nội bộ, PV Drilling đã ban hành Quy chế Cảnh báo sai phạm, quy định rõ các nguyên tắc, kênh tiếp nhận và quy trình xử lý phản ánh theo Nghị quyết số 34/12/2025/NQ-HĐQT ngày 31/12/2025.

Theo Quy chế Cảnh báo sai phạm, người phản ánh có thể gửi báo cáo sai phạm tại bất cứ thời điểm nào thông qua đa dạng các kênh tiếp nhận như: thư điện tử đến địa chỉ bcsp@pvdriilling.com.vn; gửi thư qua đường bưu chính về trụ sở Tổng công ty; hoặc thông qua hòm thư góp ý đặt tại trụ sở Tổng công ty.

Các phản ánh được tiếp nhận và xử lý theo quy trình rõ ràng, bảo đảm tính khách quan, độc lập và minh bạch. Tổng công ty cam kết bảo mật thông tin, bảo vệ danh tính người phản ánh và không có hành vi trả đũa đối với người phản ánh thiện chí. Cơ chế này được quy định cụ thể trong Quy chế Cảnh báo sai phạm và các văn bản nội bộ liên quan.

Kết quả thực hành trong 2025 tại PV Drilling như sau:

- ▶ 100% thành viên HĐQT đã được thông báo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng;
- ▶ Cán bộ công nhân viên tại PV Drilling cũng đã được truyền thông về các Chính sách Phòng, chống tham nhũng và hối lộ theo Nghị quyết số 33/12/2025/NQ-HĐQT thông qua hệ thống tài liệu nội bộ, email, đồng thời được lồng ghép trong các chương trình đào tạo về HSE, tuân thủ và quản trị rủi ro;
- ▶ Các thực hành này tạo cơ sở vững chắc cho PV Drilling trong phòng ngừa, nhận diện và xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến tham nhũng;
- ▶ Số vụ tham nhũng được xác nhận trong năm: 0.

QUẢN LÝ RỦI RO

SB EM-SV-540a.1

PV Drilling xác định Quản trị rủi ro doanh nghiệp (Enterprise Risk Management – ERM) không chỉ là công cụ bảo vệ giá trị mà còn là động lực để kiến tạo giá trị bền vững, đảm bảo tính liên tục trong vận hành tại các thị trường quốc tế khắt khe.

1. QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP

Khung ERM và mức độ tích hợp với quản trị công ty: PV Drilling áp dụng khung Quản trị rủi ro tiệm cận chuẩn mực quốc tế COSO ERM 2017 và ISO 31000. Hệ thống ERM được tích hợp sâu rộng vào cơ cấu quản trị công ty (Corporate Governance), đảm bảo mọi quyết định chiến lược của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đều được đánh giá dựa trên khẩu vị rủi ro đã phê duyệt. PV Drilling nhận diện và phân loại rủi ro thành các nhóm chính để có biện pháp kiểm soát phù hợp.

01

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Bao gồm biến động giá dầu, cạnh tranh gay gắt từ nhà thầu nước ngoài, và bất ổn địa chính trị. Giải pháp là tập trung vào lĩnh vực cốt lõi và mở rộng ra thị trường quốc tế.



02

RỦI RO VẬN HÀNH

- ▶ **Nhân lực:** rủi ro thiếu hụt nhân sự trình độ cao và chảy máu chất xám;
- ▶ **HSEQ:** rủi ro tai nạn lao động, sự cố thiết bị được quản lý qua các tiêu chuẩn ISO và phần mềm bảo trì Maximo.



03

RỦI RO TÀI CHÍNH

Biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất tăng cao và rủi ro thanh khoản. PV Drilling sử dụng các công cụ phái sinh và kiểm soát chặt chẽ dòng tiền để giảm thiểu.



04

RỦI RO TUÂN THỦ

Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế, đặc biệt là các quy định về thuế và môi trường.



05

RỦI RO ESG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- ▶ **Biến đổi khí hậu:** bao gồm rủi ro vật lý (thời tiết cực đoan ảnh hưởng giàn khoan) và rủi ro chuyển đổi (chính sách giảm phát thải, thuế carbon, xu hướng chuyển dịch năng lượng làm giảm nhu cầu dầu khí);
- ▶ **ESG:** cam kết giảm phát thải nhà kính, quản lý rác thải và đảm bảo quyền lợi người lao động, quản trị tốt,...



06

RỦI RO AN TOÀN THÔNG TIN & DỮ LIỆU

Quản trị dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin được chú trọng để giảm thiểu rủi ro số.



Quy trình QTRDN được thực hiện một cách hệ thống và nhất quán:

- ▶ **Nhận diện:** khuyến khích tất cả nhân viên tham gia nhận diện rủi ro trong hoạt động hàng ngày và tích hợp vào quy trình hoạch định chiến lược;
- ▶ **Đánh giá:** sử dụng các thước đo rủi ro được rà soát định kỳ để đánh giá mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra;
- ▶ **Kiểm soát:** triển khai các chốt kiểm soát (như quy trình phê duyệt, hạn mức tài chính, bảo trì thiết bị) và các kế hoạch hành động cụ thể cho từng loại rủi ro.
- ▶ **Giám sát:**
 - » Sử dụng hệ thống Báo cáo Quản trị rủi ro, sơ đồ rủi ro, KRIs,... để theo dõi, dự báo;
 - » Đẩy mạnh chuyển đổi số trong Báo cáo Quản trị rủi ro (Dashboard Power BI) để tăng cường khả năng giám sát và tính minh bạch.

Hoạt động quản trị rủi ro là một quá trình liên tục gắn liền với kế hoạch kinh doanh:

- ▶ **Rà soát định kỳ:** hàng tháng, Báo cáo Quản trị rủi ro được cập nhật để phản ánh kịp thời những thay đổi của thị trường và hoạt động nội bộ;
- ▶ **Cập nhật hệ thống:** PV Drilling thường xuyên rà soát và cập nhật hệ thống theo các phiên bản mới nhất của chuẩn mực quốc tế để tăng cường khả năng thích ứng;
- ▶ **Gắn với mục tiêu kinh doanh:** các rủi ro được xem xét trong mối liên hệ trực tiếp với các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo hỗ trợ Tổng công ty đạt được mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững.

QUẢN LÝ RỦI RO (TIẾP THEO)



2. QUẢN LÝ RỦI RO AN TOÀN NGHIÊM TRỌNG (MAJOR SAFETY EVENTS)

PV Drilling là nhà thầu khoan hàng đầu trong khu vực, hoạt động trong môi trường có mức độ rủi ro cao, đặc thù bởi các yếu tố như giếng khoan áp suất cao, sự hiện diện của hydrocarbon và điều kiện vận hành ngoài khơi khắc nghiệt. Nhằm bảo đảm hoạt động an toàn, liên tục và bền vững, PV Drilling đã thiết lập và triển khai Hệ thống Quản lý rủi ro tích hợp, được áp dụng xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động kỹ thuật và các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.

Ngay từ khi thành lập, PV Drilling đã áp dụng hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường (HSE) theo các tiêu chuẩn quốc tế như OHSAS (sau này là ISO 45001) và ISO 14001, đảm bảo việc nhận diện – đánh giá – kiểm soát rủi ro được thực hiện nhất quán trong mọi hoạt động khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan. Hệ thống này được duy trì và đánh giá định kỳ bởi tổ chức chứng nhận quốc tế DNV, tạo nền tảng vững chắc cho văn hóa quản trị rủi ro và an toàn tại Tổng công ty.

Song song với quản lý vận hành, PV Drilling chú trọng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch và chuẩn hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế, thông qua việc công bố đầy đủ các báo cáo thường niên và triển khai các chương trình nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp.

Hệ thống HSEQ của PV Drilling bao gồm các quy trình, tiêu chuẩn và hướng dẫn vận hành nhằm kiểm soát toàn diện các rủi ro an toàn nghiêm trọng (Major Safety Events), bao gồm nhưng không giới hạn ở các nhóm rủi ro sau:

- ▶ Kiểm soát giếng khoan (Well Control);
- ▶ Quản lý các hạng mục an toàn trọng yếu (Safety Critical Elements – SCEs) như thiết bị chống phun (BOP), hệ thống Fire & Gas;
- ▶ Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng và kiểm định thiết bị áp lực thông qua hệ thống quản lý tài sản Maximo;
- ▶ Xây dựng và duy trì các kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp, bao gồm cháy nổ, blowout và tràn dầu.

Nhờ việc triển khai đồng bộ và hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro, PV Drilling nhiều năm liên tiếp được ghi nhận về thành tích an toàn (Zero LTI) trong hoạt động khoan, qua đó củng cố niềm tin của khách hàng và đối tác. Tính đến hết quý IV/2025, các cột mốc an toàn tiêu biểu bao gồm:

- ▶ **PV DRILLING II:** 16 năm Zero LTI;
- ▶ **PV DRILLING VI:** 10 năm Zero LTI;
- ▶ **PV DRILLING III:** 6 năm Zero LTI;

Những kết quả này phản ánh hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro và năng lực vận hành đã được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn quốc tế của PV Drilling.

TÁC ĐỘNG KINH TẾ

GRI 11.14.1, 11.21.1

1. NHẬN DIỆN TÁC ĐỘNG KINH TẾ TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHOAN

Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan của PV Drilling tạo ra các tác động kinh tế quan trọng đối với doanh nghiệp, ngành dầu khí nói riêng và nền kinh tế nói chung.



TẠO GIÁ TRỊ KINH TẾ VÀ ĐÓNG GÓP VÀO TĂNG TRƯỞNG DOANH THU NGÀNH DỊCH VỤ DẦU KHÍ

Dịch vụ khoan là một trong những lĩnh vực cốt lõi của PV Drilling, đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị thăm dò và khai thác dầu khí. Thông qua việc cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật liên quan cho các dự án trong nước và quốc tế, Tổng công ty tạo ra nguồn doanh thu đáng kể, góp phần duy trì ổn định hoạt động chuỗi cung ứng dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Hoạt động này không chỉ mang lại giá trị kinh tế trực tiếp cho doanh nghiệp mà còn thúc đẩy sự phát triển của các ngành dịch vụ liên quan như logistics dầu khí, cung ứng thiết bị, bảo dưỡng kỹ thuật và dịch vụ hỗ trợ ngoài khơi.



ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

PV Drilling thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước thông qua các khoản thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định. Việc duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả giúp Tổng công ty gia tăng mức đóng góp vào ngân sách nhà nước, qua đó góp phần tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế – xã hội và hạ tầng quốc gia.



TẠO VIỆC LÀM VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KỸ THUẬT CAO

Ngành dịch vụ khoan đòi hỏi lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, bao gồm kỹ sư khoan, kỹ sư cơ khí – tự động hóa, chuyên gia kỹ thuật giếng khoan và đội ngũ vận hành giàn khoan ngoài khơi. Hoạt động của PV Drilling góp phần duy trì và phát triển đội ngũ nhân lực kỹ thuật chất lượng cao trong ngành dầu khí Việt Nam.

Bên cạnh việc tạo việc làm ổn định với thu nhập cạnh tranh, Tổng công ty còn đầu tư vào đào tạo, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực chuyên môn cho người lao động, qua đó đóng góp vào sự phát triển dài hạn của nguồn nhân lực kỹ thuật trong nước.



THÚC ĐẨY CHUỖI CUNG ỨNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NGÀNH

Thông qua hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị và logistics, hoạt động của PV Drilling tạo ra các tác động kinh tế lan tỏa đối với hệ sinh thái doanh nghiệp trong ngành dầu khí. Sự hợp tác này góp phần thúc đẩy sự phát triển của chuỗi cung ứng trong nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam.

Đồng thời, việc tham gia các dự án tại thị trường quốc tế giúp nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ khoan tại thị trường khu vực Đông Nam Á.

TÁC ĐỘNG KINH TẾ (TIẾP THEO)

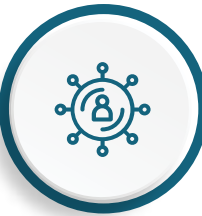
2. CÁCH TIẾP CẬN QUẢN LÝ RỦI RO VÀ DUY TRÌ HIỆU QUẢ

PV Drilling triển khai các biện pháp nhằm tăng cường khả năng chống chịu tài chính và ổn định dòng tiền. Đồng thời, Tổng công ty tiếp tục tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động quản trị, nâng chuẩn HSEQ và hướng tới mô hình tăng trưởng bền vững dài hạn.

2.1 Cơ chế quản lý và giám sát

PV Drilling vận hành theo mô hình quản trị hướng tới tạo giá trị bền vững trong dài hạn, dựa trên các nguyên tắc minh bạch, chính trực, tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro chủ động.

Hệ thống quản trị được thiết kế phù hợp với thông lệ quản trị công ty niêm yết và tích hợp trong khung Quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM), nhằm đảm bảo sự liên kết giữa chiến lược, phân bổ nguồn lực và quản lý rủi ro.



Quản trị rủi ro tích hợp (Integrated Risk Management)

PV Drilling triển khai hệ thống ERM nhằm nhận diện, đánh giá và giám sát các rủi ro trọng yếu, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tài chính, rủi ro vận hành, rủi ro pháp lý và rủi ro ESG.

Các rủi ro được phân loại theo mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra, gắn với các biện pháp kiểm soát và đơn vị chịu trách nhiệm cụ thể. Báo cáo rủi ro được cập nhật định kỳ và trình cấp có thẩm quyền xem xét, đảm bảo tính chủ động trong điều hành.



Tuân thủ và đạo đức kinh doanh

Việc tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế tại Việt Nam và các quốc gia hoạt động được xem là một phần trong cam kết vận hành có trách nhiệm. PV Drilling duy trì cơ chế cập nhật chính sách pháp lý, rà soát tuân thủ nội bộ và tham vấn chuyên gia pháp lý tại nước ngoài nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý và duy trì uy tín doanh nghiệp.

PV Drilling đã ban hành Chính sách Phòng chống tham nhũng và hối lộ vào ngày 31/12/2025 nhằm khẳng định cam kết của PV Drilling trong việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, phòng ngừa và không khoan nhượng đối với mọi hành vi tham nhũng, hối lộ.



Liên kết giữa quản trị và hiệu quả hoạt động

Hệ thống quản trị và quản lý rủi ro được gắn chặt với cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua bộ chỉ tiêu KPI cho từng đơn vị và dự án. Việc kiểm soát năng suất khai thác tài sản, tối ưu hóa lịch vận hành và quản lý chi phí theo ngân sách phê duyệt góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tạo giá trị ổn định cho cổ đông.



Tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ thuế và quản lý hiệu quả hoạt động

PV Drilling thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ thuế, phí và các khoản phải nộp ngân sách tại Việt Nam cũng như tại các quốc gia nơi Tổng công ty hoạt động. Hệ thống tuân thủ được xây dựng trên cơ chế cập nhật định kỳ các thay đổi chính sách pháp luật, rà soát tuân thủ nội bộ và tham vấn chuyên gia pháp lý, thuế tại thị trường sở tại nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý, đảm bảo tính minh bạch và duy trì uy tín doanh nghiệp trong môi trường hoạt động quốc tế.

Việc tuân thủ pháp luật và thực hiện nghĩa vụ thuế được xem là một cấu phần trong quản trị doanh nghiệp có trách nhiệm, góp phần củng cố nền tảng tài chính công và đóng góp vào sự phát triển kinh tế – xã hội tại các địa bàn hoạt động.



Quản trị nguồn vốn và hệ thống kiểm soát nội bộ

Trong khuôn khổ quản trị nguồn vốn, PV Drilling ban hành và áp dụng thống nhất hệ thống quy chế tài chính điều chỉnh toàn bộ chu trình quản lý ngân sách, đầu tư, dòng tiền và báo cáo tài chính. Hệ thống này bao gồm: quy chế quản lý ngân sách và kiểm soát chi phí; quy chế quản lý đầu tư và sử dụng vốn; quy định quản lý công nợ và dòng tiền; cùng quy trình lập, công bố và kiểm soát báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

2.2. Tác động kinh tế

2.2.1. Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ

GRI 11.14.2, 11.21.2

GRI 201-1

Năm 2025, PV Drilling ghi nhận:

- ▶ Tổng doanh thu hợp nhất: 10.897 tỷ đồng
- ▶ Lợi nhuận sau thuế: 1.052 tỷ đồng
- ▶ Đóng góp ngân sách Nhà nước: 1.033 tỷ đồng (số phải nộp)

So với năm 2024, các chỉ tiêu trên tăng trưởng lần lượt 17%, 51% và 24%.

Giá trị kinh tế tạo ra được phân bổ cho các bên liên quan chính thông qua:

- ▶ Thu nhập và phúc lợi cho người lao động;
- ▶ Nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước;
- ▶ Thanh toán đúng hạn/đầy đủ cho nhà cung cấp;
- ▶ Lợi ích cho cổ đông thông qua cổ tức và gia tăng giá trị doanh nghiệp.

Kết quả này phản ánh hiệu quả điều hành linh hoạt, quản trị tài chính thận trọng và năng lực thích ứng trước biến động thị trường.

2.2.2. Tác động kinh tế gián tiếp

GRI 11.14.5

GRI 203-2

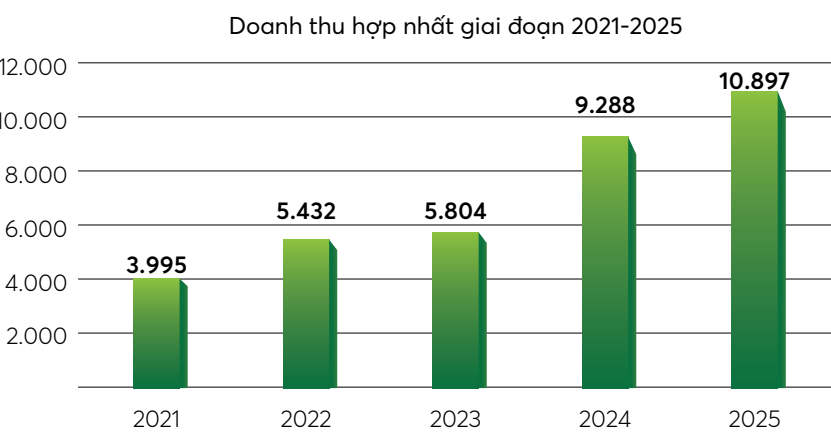
Hoạt động của PV Drilling tạo ra các tác động kinh tế gián tiếp đáng kể thông qua:

- ▶ Duy trì và phát triển đội ngũ lao động kỹ thuật cao trong ngành dầu khí;
- ▶ Thúc đẩy chuỗi cung ứng trong nước thông qua hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư và logistics;
- ▶ Đóng góp vào ổn định hoạt động thăm dò – khai thác, qua đó hỗ trợ an ninh năng lượng quốc gia.

Thông qua chiến lược mở rộng thị trường quốc tế và nâng cao tiêu chuẩn quản trị, PV Drilling không chỉ gia tăng năng lực cạnh tranh mà còn góp phần nâng cao vị thế của doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam trên thị trường khu vực.

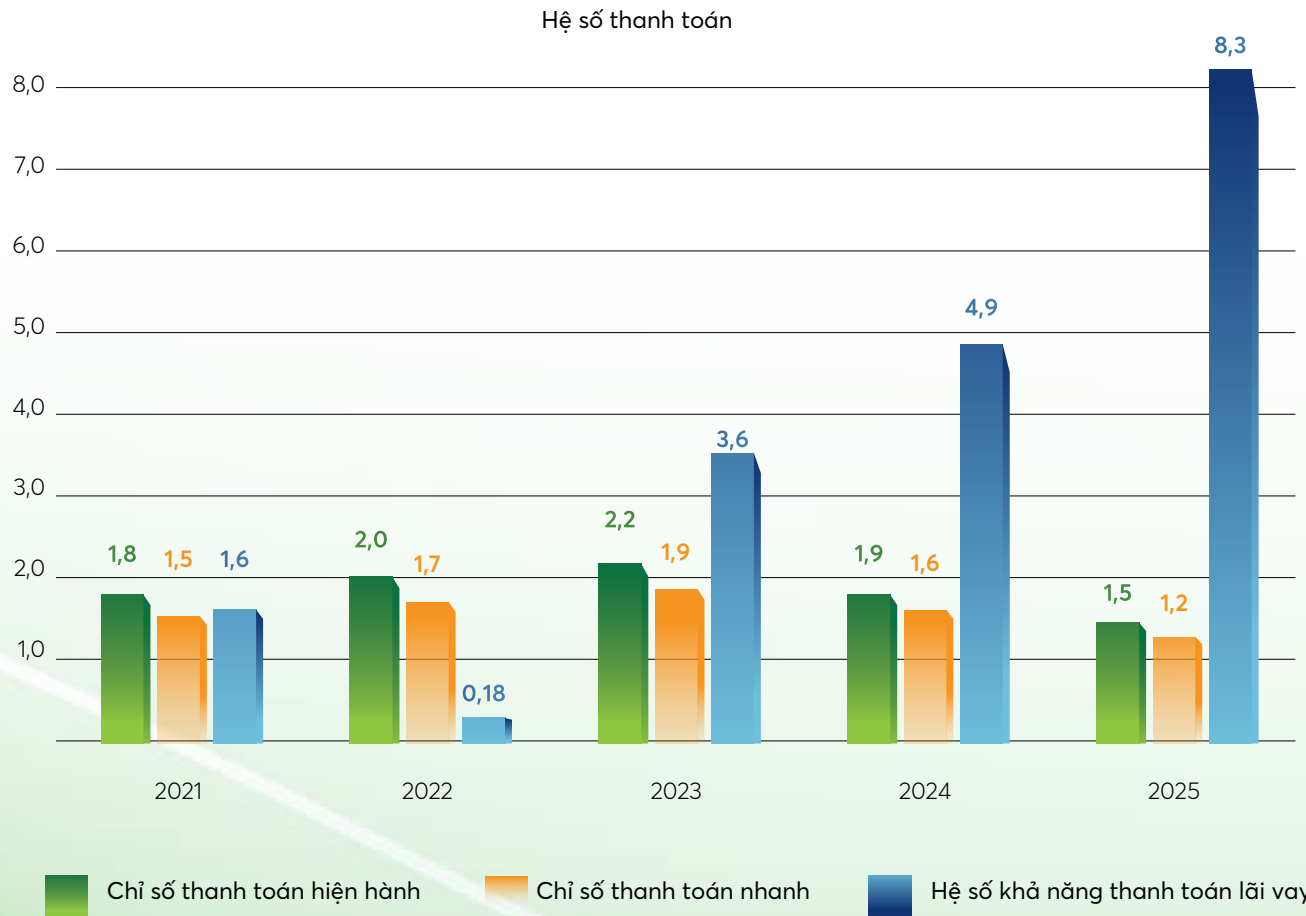
TÁC ĐỘNG KINH TẾ (TIẾP THEO)

2.2.3. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling mang lại



Hiệu quả hoạt động mảng dịch vụ khoan

Năm 2025, doanh thu hợp nhất (chưa bao gồm thu nhập khác) của PV Drilling đạt 10.897 tỷ đồng, tăng trưởng 17% so với năm 2024 và 173% so với năm 2021, đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2021-2025. Kết quả này phản ánh hiệu quả vận hành và năng lực thích ứng của Tổng công ty trong bối cảnh thị trường còn biến động.

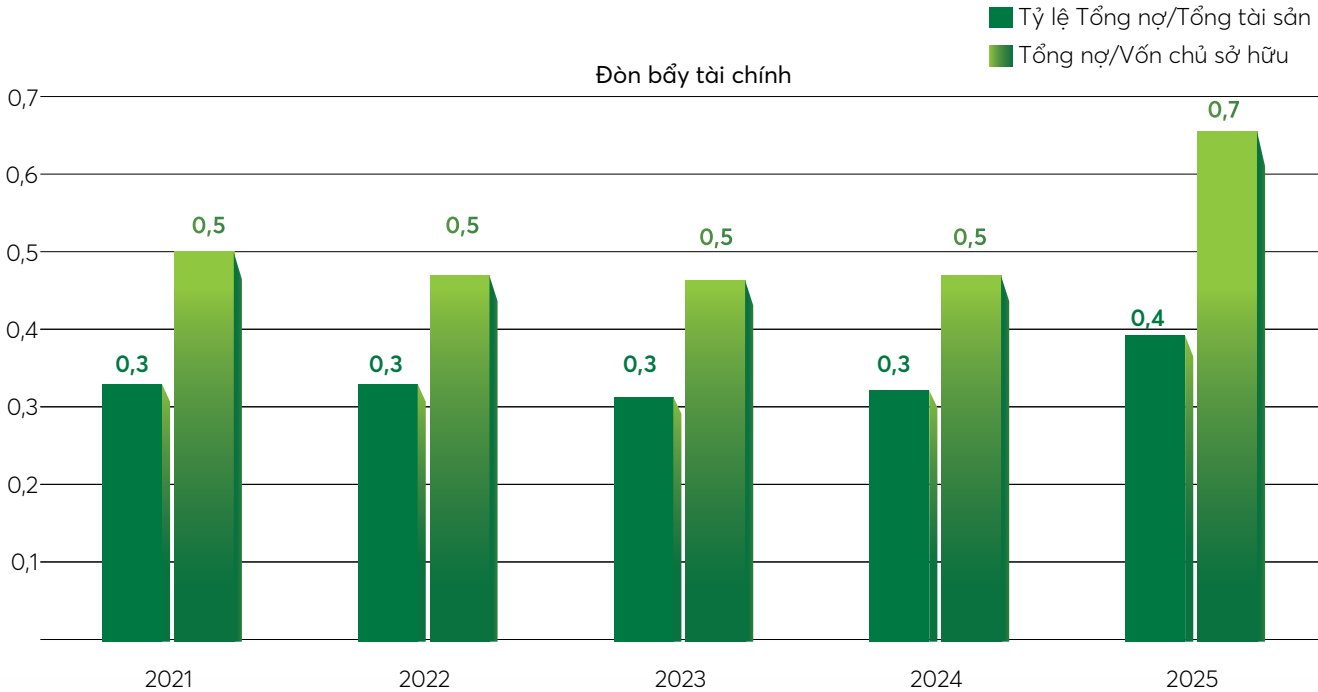


Thanh khoản

Giai đoạn 2021-2025 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về chất lượng và mức độ bền vững của nền tảng tài chính PV Drilling. Mặc dù các hệ số thanh toán ngắn hạn (Current ratio và Quick ratio) có sự điều chỉnh nhẹ từ năm 2024, các chỉ số này vẫn duy trì trên ngưỡng an toàn (> 1), phản ánh khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn một cách ổn định và có kiểm soát.

Đáng chú ý, hệ số khả năng thanh toán lãi vay (Interest Coverage ratio) cải thiện đáng kể, từ mức thấp trong năm 2022 lên 8,3 lần vào năm 2025. Diễn biến này cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của hiệu quả hoạt động, đồng thời mở rộng dư địa tài chính cho doanh nghiệp trong việc quản trị rủi ro và tối ưu cấu trúc vốn.

Xu hướng tích cực này thể hiện quá trình chuyển dịch từ trạng thái phòng thủ sang thế chủ động về tài chính, củng cố sức chống chịu trước biến động chu kỳ ngành và tạo nền tảng vững chắc cho các kế hoạch đầu tư, mở rộng và phát triển dài hạn trong giai đoạn tiếp theo.



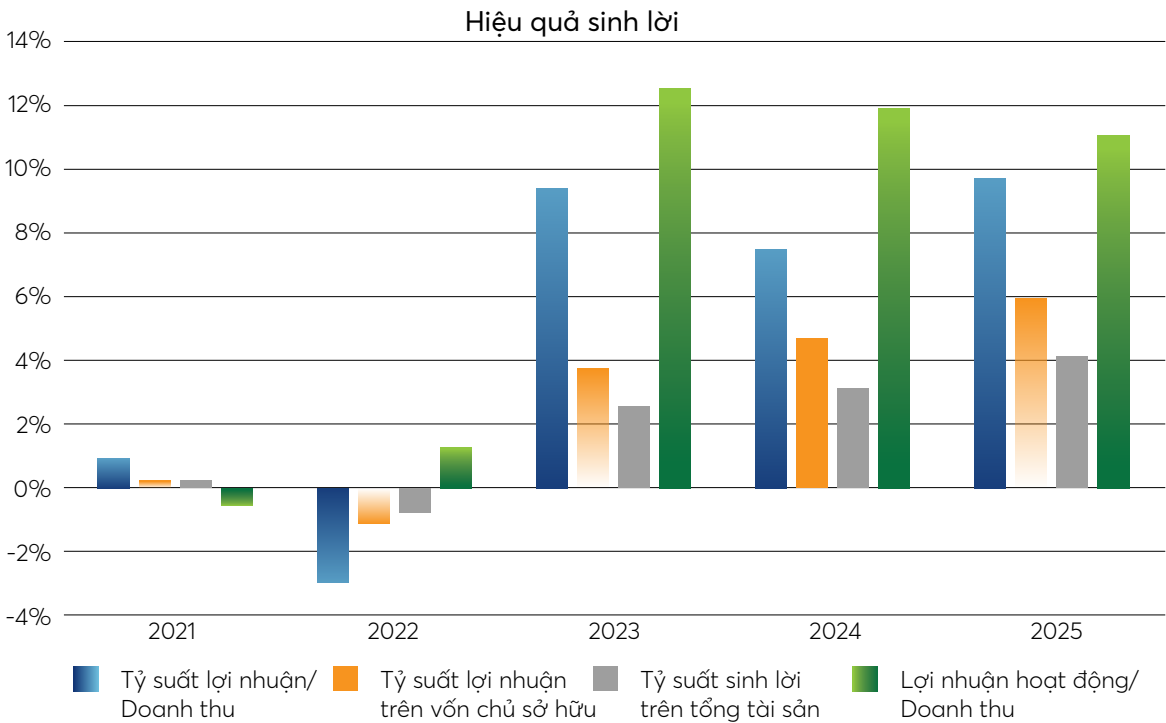
Sử dụng đòn bẩy tài chính

Tỷ lệ Tổng nợ/Tổng tài sản được duy trì ổn định quanh mức 0,3 trong phần lớn giai đoạn khó khăn trước đây và tăng lên 0,4 vào năm 2025, phản ánh việc gia tăng sử dụng vốn vay một cách chủ động, phù hợp với nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động.

Tương tự, tỷ lệ Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu duy trì quanh mức 0,5 nhiều năm trước đó và tăng lên 0,7 vào năm 2025 – vẫn nằm trong ngưỡng an toàn đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành thâm dụng vốn.

Trong bối cảnh hệ số khả năng thanh toán lãi vay được cải thiện đáng kể, mức đòn bẩy hiện tại cho thấy PV Drilling đang quản trị cấu trúc vốn theo hướng tối ưu hóa chi phí vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính. Cách tiếp cận này hỗ trợ chiến lược tăng trưởng trong khi vẫn duy trì nền tảng tài chính vững chắc và khả năng chống chịu trước biến động chu kỳ ngành.

TÁC ĐỘNG KINH TẾ (TIẾP THEO)



Hiệu quả sinh lời và tạo giá trị

Giai đoạn 2021-2025 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về hiệu quả sinh lời, đặc biệt từ năm 2023 khi hoạt động kinh doanh bước vào chu kỳ phục hồi tích cực. Sau giai đoạn suy giảm năm 2022, các chỉ tiêu lợi nhuận không chỉ phục hồi mà còn duy trì đà tăng trưởng ổn định qua các năm tiếp theo.

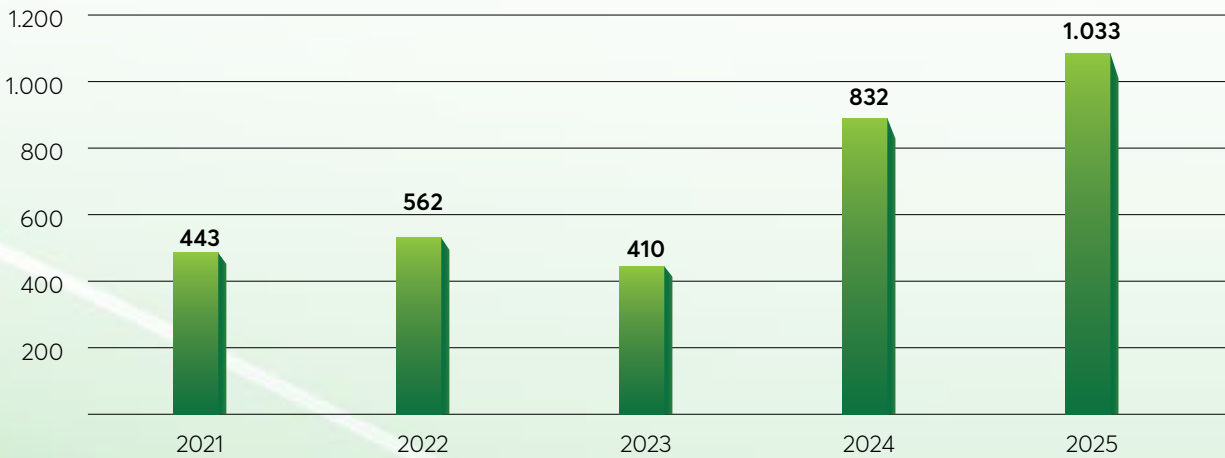
Biên lợi nhuận hoạt động và biên lợi nhuận sau thuế được cải thiện đáng kể, phản ánh hiệu quả kiểm soát chi phí, tối ưu vận hành và khả năng tận dụng điều kiện thị trường thuận lợi. Đồng thời, các chỉ số tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ

sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) tăng dần qua từng năm, cho thấy năng lực tạo lợi nhuận trên cả vốn chủ sở hữu và tổng tài sản được nâng cao, hàm ý chất lượng tăng trưởng được củng cố thay vì phụ thuộc đơn thuần vào mở rộng quy mô.

Đến năm 2025, các chỉ số sinh lời đạt mức cao nhất trong giai đoạn, thể hiện PV Drilling đã chuyển từ trạng thái phục hồi sang quỹ đạo tăng trưởng bền vững, với nền tảng lợi nhuận vững chắc và hiệu quả sử dụng vốn ngày càng cải thiện.

Đóng góp ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

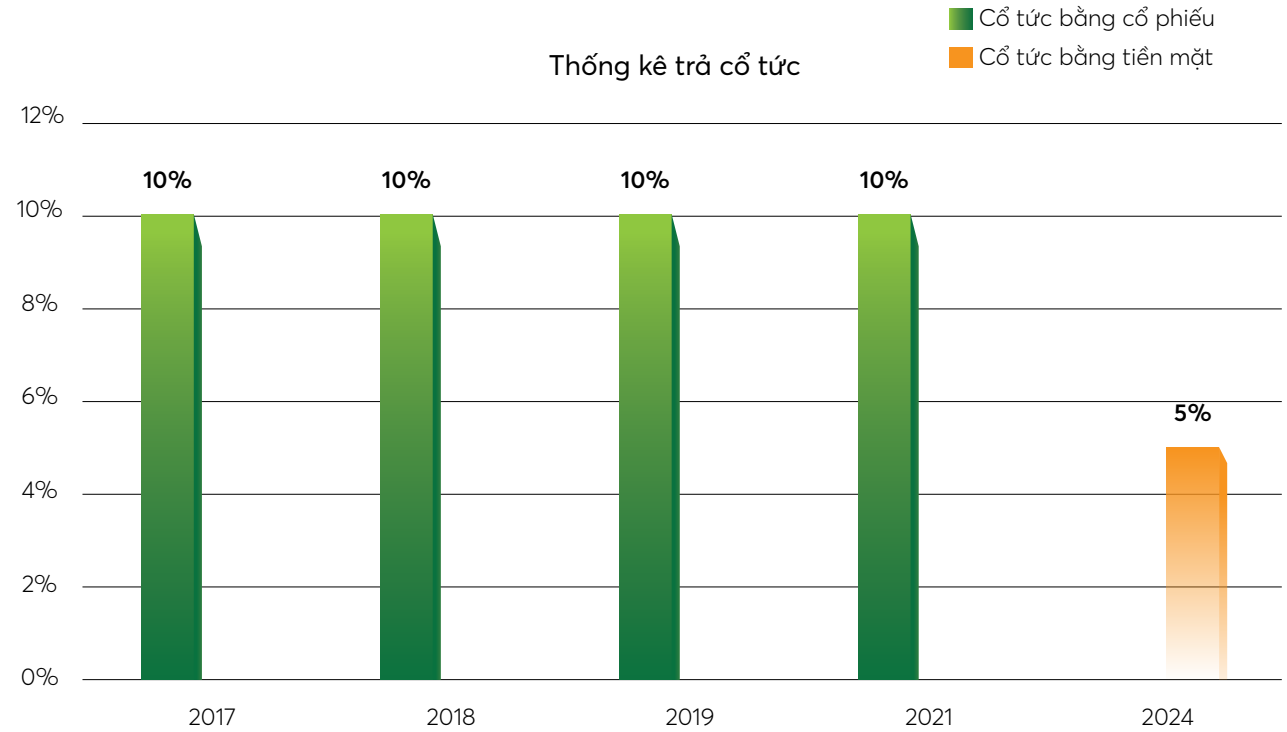
Nộp ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025



Giai đoạn 2021-2025 ghi nhận sự gia tăng rõ rệt trong mức đóng góp ngân sách nhà nước của PV Drilling, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đặc biệt trong năm 2024 và 2025.

Mức tăng trưởng này không chỉ phản ánh sự cải thiện về kết quả kinh doanh, mà còn thể hiện trách nhiệm của PV Drilling trong việc đồng hành cùng Nhà nước, đóng góp nguồn lực cho phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt trong bối cảnh ngành năng lượng giữ vai trò trụ cột của nền kinh tế quốc gia.

Phân bổ giá trị kinh tế cho cổ đông và tái đầu tư phát triển



PV Drilling thực hiện chính sách phân phối lợi nhuận hài hòa giữa việc đảm bảo quyền lợi cổ đông và duy trì nguồn lực cho đầu tư phát triển dài hạn. Trong điều kiện hoạt động kinh doanh cho phép, Tổng công ty duy trì chi trả cổ tức bằng tiền mặt nhằm tạo giá trị ổn định cho cổ đông.

Kể từ khi cổ phần hóa năm 2006 đến hết năm 2025, PV Drilling đã chi trả tổng cộng hơn 6.692 tỷ đồng cổ tức cho cổ đông, với tỷ lệ cổ tức dao động từ 5% đến 30%.

Song song với việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông, PV Drilling duy trì chính sách trích lập Quỹ đầu tư phát triển nhằm củng cố năng lực tài chính và tạo nguồn vốn cho các dự án đầu tư dài hạn. Việc tái đầu tư này hướng tới nâng cao năng lực

cạnh tranh, hiện đại hóa tài sản, nắm bắt cơ hội thị trường và đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Trong năm 2025, Tổng công ty đã trích 30% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển, thể hiện định hướng cân bằng giữa lợi ích ngắn hạn và giá trị dài hạn cho cổ đông, đồng thời tăng cường nền tảng tài chính cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

6.692 tỷ đồng
cổ tức cho cổ đông

QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

GRI 11.10.3, 11.10.4, 11.11.2
GRI 201-3, 401-2, 401-3

1. LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Chính sách tiền lương, thưởng

Thu nhập bình quân trong năm 2025 của người lao động là 29,5 triệu đồng/người/tháng, tăng 11% so với năm 2024. PV Drilling duy trì hệ thống lương, thưởng minh bạch, cạnh tranh, gắn với chức danh, vị trí công việc và hiệu quả công việc. Công ty cam kết thực hiện chi trả lương công bằng, không phân biệt giới tính, độ tuổi hay quốc tịch. Các chênh lệch thu nhập (nếu có) chủ yếu xuất phát từ sự khác biệt về tính chất công việc, thâm niên và điều kiện làm việc. PV Drilling có chế độ xem xét tăng lương gắn liền với hiệu quả công việc và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chế độ phúc lợi

PV Drilling triển khai chính sách hỗ trợ đa dạng bao gồm các khoản trợ cấp phục vụ đời sống và điều kiện làm việc như ăn trưa, trang phục, đi lại, điện thoại, cùng các chế độ trợ cấp người lao động trong các sự kiện cá nhân và hoàn cảnh đặc biệt cũng như Tổng công ty thành lập Quỹ tương trợ dầu khí nhằm mục đích hỗ trợ nhân viên và gia đình.

Bên cạnh đó, chính sách thưởng của Tổng công ty cũng được thực hiện dựa trên kết quả công việc cá nhân, tập thể và hiệu quả hoạt động chung của công ty, bao gồm: thưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; thưởng theo hiệu quả và mức độ hoàn thành công việc; thưởng vào các dịp tết Dương lịch, tết Nguyên đán, ngày 30/4, ngày 2/9; ngày kỷ niệm thành lập Tổng công ty; thưởng sáng kiến, thưởng an toàn lao động,...

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Trong năm 2025, tổng số tiền bảo hiểm (BHYT, BHTN, BHXH) cho người lao động PV Drilling đã nộp là 65.097.981.103 đồng. Bên cạnh các chế độ bảo hiểm bắt buộc, căn cứ vào tình hình hoạt động



sản xuất – kinh doanh và tính chất công việc, PV Drilling bổ sung các sản phẩm bảo hiểm khác dành cho người lao động bao gồm bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo hiểm du lịch, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm PVI Care, bảo hiểm nhân thọ.

PV Drilling thực hiện khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần mỗi năm cho người lao động. Năm 2025, chi phí khám sức khỏe định kỳ đạt 5.497.483.333 đồng, tương ứng 1.407 người khám. Con số này chưa bao gồm người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được tổ chức khám sức khỏe hai lần/năm theo quy định, do các đơn vị thành viên thực hiện.

PV Drilling thực hiện đầy đủ các chế độ nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ phép hưởng lương, nghỉ không hưởng lương và nghỉ thai sản theo quy định pháp luật. Công ty bảo đảm quyền lợi người lao động thông qua các chính sách nghỉ hưởng lương trong các sự kiện đặc biệt của cá nhân hoặc gia đình.

Các chế độ thai sản, chăm sóc gia đình và quyền lợi liên quan đến lao động nữ, lao động nam và các hình thức chăm sóc con được thực hiện theo quy định pháp luật bảo đảm cân bằng công việc – cuộc sống và quyền lợi người lao động.

Chăm lo đời sống người lao động và gia đình

Công ty triển khai nhiều chương trình chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động và gia đình, bao gồm các hoạt động hỗ trợ trong các dịp lễ, tết, thăm hỏi người lao động khi ốm đau, tai nạn, cũng như các chương trình phúc lợi dành cho con em nhân viên như quà cho ngày Quốc tế Thiếu nhi, tết Trung thu, ngày Gia đình Việt Nam, khen thưởng khi thành tích học tập tốt. Các hoạt động nhằm thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp bền vững, bao gồm:

- ▶ Chương trình tham quan, nghỉ mát do Tổng công ty và/hoặc Công đoàn tổ chức;
- ▶ Chính sách trợ cấp cho người lao động trong các dịp quan trọng như kết hôn, sinh con, lễ, tết và các sự kiện đặc biệt khác;

- ▶ Trợ cấp ăn trưa, hỗ trợ chi phí đi lại khi nghỉ phép hằng năm và hỗ trợ trang phục lao động;
- ▶ Trợ cấp khi người lao động nghỉ hưu, đủ tuổi nghỉ hưu nhưng chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc trong trường hợp người lao động qua đời, với mức hỗ trợ căn cứ vào thời gian công tác và đối tượng cụ thể.

Ngoài ra, công ty tạo điều kiện tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao như các chương trình PVD Run, hội thao PV Drilling hằng năm, góp phần nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và tăng cường sự gắn kết nội bộ.

PVD Run được tổ chức vào 17/5/2025 thu hút hơn 1.200 người đăng ký tham gia, số lượng gấp đôi so với lần đầu tiên tổ chức.

Tháng 11/2025 hội thao PV Drilling tổ chức 9 môn thi đấu gồm: bóng đá nam, cầu lông, quần vợt, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng, bơi lội, điền kinh và pickleball với gần 500 lượt vận động viên tranh tài ở 37 bộ huy chương.

QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)

GRI 2-30

2. ĐỐI THOẠI VÀ GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG

Cơ chế đối thoại, vai trò

Ban Nhân sự – Đào tạo phối hợp với Công đoàn tại PV Drilling tổ chức hội nghị Người lao động và đối thoại định kỳ hàng năm nhằm trực tiếp lắng nghe, tìm hiểu khó khăn và nguyện vọng của người lao động, từ đó xem xét có sự điều chỉnh và đề xuất các chính sách phù hợp. Hội nghị Người lao động và đối thoại được tổ chức vào ngày 25/3/2025 với sự tham dự của đầy đủ lãnh đạo thuộc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Công đoàn Tổng công ty, Công đoàn CSTV Cơ quan Tổng công ty, Ban Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan và 50 đại biểu đại diện cho 517 công đoàn viên, người lao động Công ty Mẹ. Tại hội nghị, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc và Chủ tịch Công đoàn đã trực tiếp đối thoại, lắng nghe và giải đáp các ý kiến, thắc mắc của người lao động.

Tại PV Drilling, công đoàn giữ vai trò đại diện người lao động tham gia đối thoại định kỳ với Ban Lãnh đạo, tham gia thương lượng tập thể, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tiếp nhận, phản ánh và phối hợp giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của người lao động theo cơ chế đối thoại và quy trình nội bộ. Các nội dung liên quan đến quyền lợi người lao động, điều kiện làm việc, tiền lương, thưởng, phúc lợi và an toàn lao động đều được thực hiện trên cơ sở đối thoại, đồng thuận và minh bạch. Ngoài các hoạt động đối thoại định kỳ, PV Drilling xây dựng văn hóa trao đổi thông tin liên tục và khuyến khích trao đổi cởi mở giữa người lao động và Ban Lãnh đạo, tạo môi trường làm việc tôn trọng và gắn kết.

Bên cạnh đó, Công đoàn giữ vai trò là cầu nối giữa người lao động và PV Drilling, tích cực tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đoàn viên. Công đoàn đóng vai trò phát động các phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tạo động lực để người lao động nỗ lực hoàn thành mục tiêu công việc.

Công đoàn duy trì và phát huy hiệu quả các phong trào nữ công, văn hóa, thể thao nhân các dịp kỷ niệm; đồng thời phối hợp với Đoàn thanh niên đa dạng hóa các hoạt động văn nghệ, thể thao, giao lưu văn hóa phù hợp với các đơn vị. Ngoài ra, căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh, Công đoàn thường xuyên đề xuất tổ chức các hoạt động như team building, tham quan, nghỉ mát nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết và tạo động lực làm việc cho người lao động.

Văn hóa gắn kết

PV Drilling triển khai đa dạng các hoạt động nhằm tăng cường gắn kết nội bộ và xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua các chương trình team building, hoạt động tập thể, sinh hoạt văn hóa – thể thao, các hoạt động vinh danh, khen thưởng và ghi nhận đóng góp của người lao động, cùng hệ thống truyền thông nội bộ nhằm lan tỏa giá trị văn hóa doanh nghiệp, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm nghề nghiệp trong toàn hệ thống.

PV Drilling cam kết xây dựng môi trường làm

việc tôn trọng quyền con người và quyền lao động, thúc đẩy bình đẳng, đa dạng và hòa nhập, bảo đảm an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và điều kiện làm việc phù hợp với đặc thù ngành. Đồng thời, PV Drilling tôn trọng quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể theo pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực lao động quốc tế, phù hợp với khung Phát triển bền vững của PV Drilling (Nghị quyết số 31/12/2025/NQ-HĐQT).

Một số chỉ số thể hiện tính gắn kết nhân viên tại PV Drilling như sau:

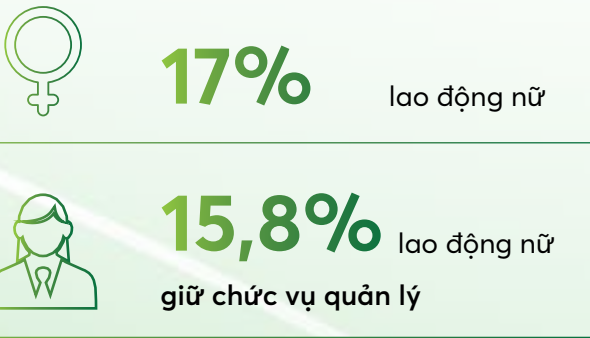
MÔ TẢ	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tỷ lệ nhân viên quay trở lại làm việc sau khi nghỉ thai sản	100%	100%	100%
Tỷ lệ giữ chân nhân sự	95%	88%	91%



PV Drilling duy trì 100% nhân viên quay trở lại làm việc sau khi nghỉ thai sản và tỷ lệ giữ chân nhân sự rất cao qua các năm. Đây là minh chứng rõ ràng cho tính gắn kết giữa người lao động và Tổng Công ty.

BÌNH ĐẲNG VÀ KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

GRI 11.11.1, 11.11.5, 11.12.1, 11.12.2
GRI 2-7, 202-2, 405-1, 408-1, 409-1



1. CAM KẾT BÌNH ĐẲNG VÀ KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

PV Drilling cam kết bảo đảm bình đẳng và không phân biệt đối xử trong toàn bộ quá trình quản lý và sử dụng lao động, bao gồm tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, thăng tiến, đãi ngộ và chấm dứt hợp đồng lao động. Mọi quyết định liên quan đến người lao động được thực hiện trên cơ sở năng lực và yêu cầu công việc, không phân biệt giới tính hoặc nhận dạng giới tính, chủng tộc, màu da, dân tộc, nguồn gốc quốc tịch, tôn giáo, tình trạng khuyết tật, sở thích cá nhân hay bất kỳ tình trạng nào khác được pháp luật bảo vệ.

Cam kết về bình đẳng và không phân biệt đối xử được PV Drilling lồng ghép trong bộ Quy tắc ứng xử và các chính sách, nghị quyết của Tổng công ty, bao gồm Nghị quyết số 31/12/2025/NQ-HĐQT về khung Phát triển bền vững. Theo đó, PV Drilling tôn trọng quyền con người, không sử dụng lao động cưỡng bức hay lao động trẻ em và thúc đẩy môi trường làm việc đa dạng, công bằng, hòa nhập. Tại điều 7 của bộ Quy tắc ứng xử, Tổng công ty quy định rõ nguyên tắc không phân biệt đối xử đối với người lao động trên cơ sở giới tính, chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo, tình trạng khuyết tật hoặc các yếu tố cá nhân khác; đồng thời các cam kết này cũng được áp dụng đối với đối tác, nhà thầu và nhà cung cấp trong toàn bộ chuỗi giá trị.

Việc thực thi và giám sát các cam kết được bảo đảm thông qua các quy trình tiếp nhận phản ánh, khiếu nại (bao gồm hình thức ẩn danh), cơ chế bảo vệ người phản ánh và xử lý vi phạm. Nội dung chi tiết về cơ chế cảnh báo và xử lý sai phạm được trình bày tại mục 3.3 – Đạo đức kinh doanh.

2. CÂN BẰNG GIỚI

Tính đến ngày 31/12/2025, PV Drilling có 1.885 người lao động, trong đó lao động nữ chiếm 17% và tỷ lệ nữ trong đội ngũ quản lý đạt 15,8%. Cơ cấu về giới trong lực lượng lao động tại PV Drilling phản ánh đúng thực tế về thực trạng tuyển dụng và làm việc tại Tổng công ty cũng như phù hợp với tính chất công việc, đặc thù môi trường làm việc của ngành khoan. Tổng công ty thực hiện các chính sách nhân sự theo nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử, góp phần thúc đẩy cân bằng giới phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp.

PV Drilling luôn tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến chế độ thai sản dành cho nhân viên nữ nhằm đảm bảo 100% nhân viên quay lại làm việc sau khi nghỉ thai sản. Một số nhân viên sau khi sinh được 4 tháng có đủ điều kiện sức khỏe và sự chấp thuận của cơ sở y tế đã quay trở lại làm việc sớm hơn so với quy định.

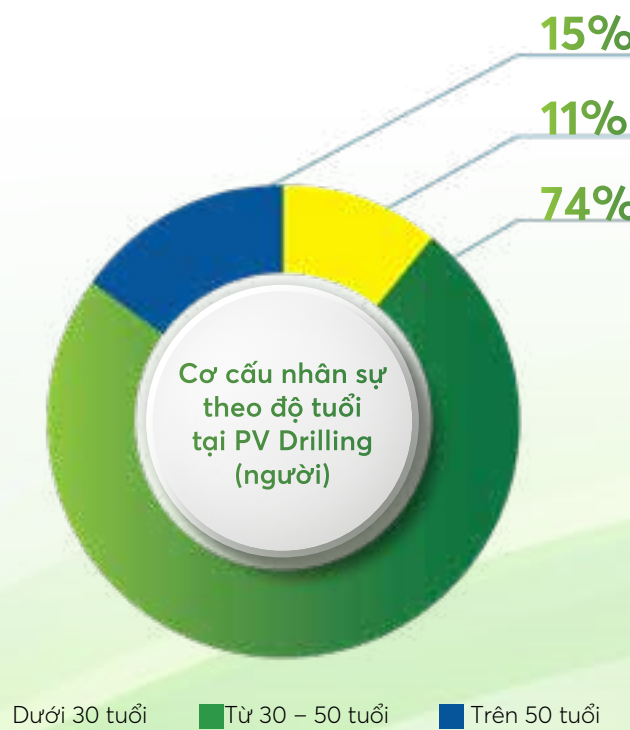
3. CHỈ SỐ ĐỊNH LƯỢNG

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số nhân sự tại PV Drilling là 1.885 người. Tỷ lệ lao động nữ: 17%. Tỷ lệ lao động nữ giữ chức vụ quản lý chiếm 15,8%.

Về độ tuổi, cơ cấu nhân sự theo độ tuổi tại PV Drilling như sau: dưới 30 tuổi là 206 người (11%); từ 30 đến 50 là 1.386 người (74%); và trên 50 tuổi là 293 người (15%).

Trong năm 2025, tỷ lệ nhân sự được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương của PV Drilling đạt 84%, tương đương 1.583 người. Trong đó, tỷ lệ quản lý cấp cao là người địa phương đạt 100%. Điều này thể hiện cam kết của Tổng Công ty trong việc đảm bảo cơ hội việc làm bình đẳng, không phân biệt đối xử, đồng thời đóng góp vào phát triển nguồn nhân lực địa phương.

Ghi chú: Cộng đồng địa phương được hiểu là các cá nhân sinh sống hoặc có quyền cư trú hợp pháp tại khu vực nơi PV Drilling đặt văn phòng (Thành phố Hồ Chí Minh).





4

CHUẨN VẬN HÀNH

4.1 An toàn sức khỏe lao động	154
4.2 Quản lý nước, hóa chất và chất thải	168
4.3 Quản lý Sự cố môi trường	174
4.4 Đào tạo, phát triển kỹ năng và thu hút nhân lực khoan	180
4.5 Tối ưu hóa vận hành	184

AN TOÀN – SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

GRI 11.9.1



Nhằm hiện thực hóa tầm nhìn "Trở thành nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ khoan dầu khí tin cậy, có uy tín trên thế giới", ngay từ khi thành lập, PV Drilling đã chú trọng xây dựng, duy trì và không ngừng cải tiến Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng (HSEQ). Hệ thống này được xác định là nền tảng quan trọng trong quản trị rủi ro, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững của Tổng công ty.

1. HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN – SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP – MÔI TRƯỜNG – CHẤT LƯỢNG

GRI 11.9.2, 403-1

SASB EM-SV-320a.2

Ngay từ khi thành lập, PV Drilling xác định Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng (HSEQ) là nền tảng cốt lõi trong quản trị rủi ro, bảo đảm hoạt động an toàn, liên tục và bền vững.

Hệ thống HSEQ được xây dựng theo các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001, đồng thời tích hợp các tiêu chuẩn chuyên ngành như API Q1, API Q2 đối với một số đơn vị thành viên theo đặc thù hoạt động dịch vụ. Hệ thống được triển khai thống nhất trên toàn Tổng công ty, từ khối văn phòng, căn cứ sản xuất trong bờ đến các giàn khoan ngoài khơi.

Hệ thống bao gồm các cấu phần chức năng thiết yếu như chính sách, tiêu chuẩn, quy trình, hướng dẫn, quy định pháp luật và các quy tắc kiểm soát rủi ro liên quan đến an toàn, chất lượng và môi trường, được áp dụng xuyên suốt từ công tác quản trị, phát triển và đào tạo nhân sự, hoạt động thương mại cho đến các quy trình vận hành giàn khoan như khoan và kiểm soát giếng, bảo trì

– bảo dưỡng thiết bị, an toàn hàng hải, ứng phó sự cố và ứng phó tình huống khẩn cấp.

Hệ thống được hỗ trợ bởi các nền tảng số hóa như Simplesoft Central, hệ thống quản lý tài liệu HSEQ, phần mềm JSA và quản lý sự thay đổi, giúp người lao động dễ dàng tiếp cận và áp dụng trong quá trình làm việc.

Hiệu quả vận hành của Hệ thống quản lý HSEQ được theo dõi và đánh giá thông qua các chỉ số An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp, môi trường và chất lượng, được trình bày chi tiết tại các nội dung bên dưới.

2. TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

EM-SV-530a.1

PV Drilling tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật Việt Nam về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường, đồng thời chủ động cập nhật các văn bản mới theo định kỳ và khi có thay đổi. Trong năm 2025, Tổng công ty đã cập nhật nhiều văn bản quan trọng liên quan đến môi trường, phòng cháy chữa cháy, hóa chất và an toàn lao động.

Là nhà thầu khoan hoạt động trong môi trường quốc tế, bên cạnh việc tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, PV Drilling còn chủ động cập nhật và tuân thủ các quy định pháp luật của các quốc gia nơi có giàn khoan và hoạt động dịch vụ đang được triển khai, như Malaysia, Indonesia, Brunei,... cũng như các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế của các tổ chức uy tín trong ngành và lĩnh vực liên quan, bao gồm ISO, IADC, API, OPITO Global, Global Wind Organisation,...

Hệ thống HSEQ được đánh giá định kỳ thông qua kiểm tra nội bộ và đánh giá từ các tổ chức chứng nhận, khách hàng và cơ quan quản lý, nhằm bảo đảm tính tuân thủ và hiệu lực vận hành.

Việc tuân thủ đầy đủ và nhất quán các yêu cầu pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế là nền tảng để PV Drilling triển khai hiệu quả các chương trình quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường và chất lượng, được trình bày chi tiết tại các nội dung tiếp theo.

3. NHẬN DIỆN MỐI NGUY VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO

GRI 11.9.3, 403-2

Nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro là yêu cầu

bắt buộc trong toàn bộ hoạt động của PV Drilling, áp dụng cho mọi công việc từ quy mô nhỏ đến các hoạt động vận hành phức tạp. Các mối nguy chính về An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp trong hoạt động sản xuất của PV Drilling bao gồm, nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- ▶ Các mối nguy liên quan đến áp suất cao, cháy nổ, khí H₂S, phun trào, tràn đổ dầu và hóa chất trong hoạt động kiểm soát giếng và các công đoạn của quá trình khoan;
- ▶ Rủi ro mất an toàn thiết bị trong quá trình vận hành;
- ▶ Nguy cơ va chạm và va đâm của tàu thuyền;
- ▶ Điều kiện môi trường làm việc đặc thù như làm việc trên cao, làm việc trong không gian hạn chế, hoạt động cầu kéo;
- ▶ Rủi ro trong quá trình vận hành phương tiện, xe nâng và thiết bị nâng hạ.

Để triển khai hiệu quả công tác nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và phân tích an toàn công việc, PV Drilling đã xây dựng và áp dụng hệ thống các quy trình, hướng dẫn ở cấp Tổng công ty, bao gồm:

- ▶ Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội về An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng, bao gồm quản lý sự thay đổi;
- ▶ Quy trình báo cáo và điều tra tai nạn, sự cố;
- ▶ Quy trình ứng phó tình huống khẩn cấp.

Trên cơ sở các quy trình chung của Tổng công ty, các đơn vị thành viên của PV Drilling, tùy theo đặc thù hoạt động, ban hành và áp dụng bổ sung các tài liệu và công cụ phù hợp, bao gồm:

- ▶ Hệ thống giấy phép làm việc trên giàn khoan;
- ▶ Hệ thống nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp;
- ▶ Hệ thống phân tích an toàn công việc;
- ▶ Nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường;
- ▶ Các giàn khoan đều xây dựng HSE Case theo tiêu chuẩn IADC.

Trên cơ sở kết quả nhận diện và đánh giá rủi ro, PV Drilling triển khai các biện pháp kiểm soát, theo dõi và đánh giá hiệu quả thông qua chương trình quản lý sức khỏe người lao động, quan trắc môi trường lao động, đào tạo huấn luyện về an toàn, kiểm tra giám sát, ứng phó tính huống khẩn cấp và các chỉ số an toàn được trình bày tại các nội dung tiếp theo.

AN TOÀN – SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

(TIẾP THEO)

4. CÔNG TÁC QUẢN LÝ Y TẾ VÀ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ, KHÁM BỆNH NGHỀ NGHIỆP

GRI 11.9.4, 11.9.5

GRI 403-3, 403-4

PV Drilling triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện nhằm bảo vệ người lao động và phòng ngừa bệnh nghề nghiệp.

Chương trình khám sức khỏe định kỳ được thực hiện hằng năm, phân loại theo nhóm đối tượng (người lao động làm việc trên bờ, người lao động làm việc trên giàn khoan, nhân viên lái xe). Trên cơ sở đó, người lao động được tư vấn y tế, theo dõi sức khỏe và áp dụng các hình thức hỗ trợ phù hợp nhằm hạn chế rủi ro về sức khỏe, đồng thời bảo đảm bố trí công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe của người lao động.

Đối với các giàn khoan ngoài khơi, PV Drilling thiết lập phòng y tế và bố trí bác sỹ làm việc thường trực 24/7 trên tất cả các giàn khoan, nhằm kịp thời tiếp nhận, xử lý và hỗ trợ các tình huống y tế phát sinh trong quá trình vận hành. Hệ thống y tế tại chỗ đóng vai trò quan trọng trong công tác ứng phó khẩn cấp và bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động làm việc trong điều kiện đặc thù ngoài khơi.

Bên cạnh đó, định kỳ hằng quý, Xí nghiệp Điều hành Khoan triển khai các chiến dịch truyền thông về sức khỏe trên các giàn khoan. Chủ đề truyền thông tập trung vào các vấn đề như sức khỏe tim mạch, bệnh truyền nhiễm, mệt mỏi và sức khỏe tinh thần.



AN TOÀN – SỨC KHỎE LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)



Biểu đồ 4.1: Kết quả đo môi trường lao động năm 2025

Bảng 4.1: Chủ đề của các Chiến dịch truyền thông về sức khỏe trên giàn khoan biển

NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Heart Attack	COVID-19	Hemorrhagic Fever
Contact Dermatitis	Mental Health	Tuberculosis Awareness
Fatigue	Mpox	Hypertension
Distraction	Fatigue & Ergonomic	Fatigue Management

5. QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Công tác quan trắc môi trường lao động được PV Drilling triển khai nghiêm túc và thường xuyên như một nội dung quan trọng trong chương trình quản lý An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp, nhằm giám sát các yếu tố nguy hại tại nơi làm việc, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và không ngừng cải thiện điều kiện lao động cho người lao động.

Chương trình quan trắc môi trường lao động tập trung đo kiểm và đánh giá các yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động

như vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió), ánh sáng, tiếng ồn, rung, bức xạ nhiệt, từ trường, bụi và hơi khí độc,... đáp ứng các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về môi trường làm việc và vệ sinh lao động.

Trong năm 2025, PV Drilling chỉ ghi nhận 1,6% số mẫu quan trắc chưa đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn quốc gia về môi trường làm việc và vệ sinh lao động. Toàn bộ các trường hợp này đều được PV Drilling triển khai khắc phục kịp thời.

AN TOÀN – SỨC KHỎE LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)



Bảng 4.2: Kết quả quan trắc môi trường lao động (giai đoạn 2023-2025)

	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng số mẫu đo	2.798	2.376	2.791
Số mẫu ĐẠT	2.705	2.272	2.746
Số mẫu KHÔNG ĐẠT	93	104	45

Kết quả đo kiểm và quan trắc môi trường lao động được Ban Công nghệ – An toàn chất lượng và Phát triển bền vững phối hợp với các đơn vị thành viên liên quan thực hiện phân tích, đánh giá và xây dựng các biện pháp khắc phục đối với các chỉ số vượt ngưỡng quy định. Các biện pháp cải thiện được triển khai kịp thời nhằm nâng cao điều kiện làm việc và hạn chế đến mức thấp nhất nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp đối với người lao động PV Drilling.

6. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ AN TOÀN

GRI 11.9.6, 403-5

Công tác đào tạo và huấn luyện về An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng được PV Drilling xác định là một trong những trụ cột quan trọng của Hệ thống quản lý HSEQ, nhằm trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và nhận thức cho người lao động, qua đó phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu sự cố và bảo đảm hoạt động sản xuất – kinh doanh được triển khai an toàn, hiệu quả.

Hoạt động đào tạo nội bộ tại PV Drilling được triển khai theo chương trình phát triển nghề nghiệp của từng cá nhân, trên cơ sở xác định ma trận đào tạo phù hợp với yêu cầu năng lực của từng vị trí công việc.

Các nội dung đào tạo nội bộ trọng tâm: hệ thống giấy phép làm việc (Permit to Work), làm việc trong không gian hạn chế, khóa – treo thẻ (Lock Out – Tag Out), phân tích an toàn công việc (Job Safety Analysis), làm việc trên cao, an toàn nâng hạ, nhận diện nguy cơ rơi rớt vật (Dropped Objects), nhận thức về H₂S, phòng cháy chữa cháy, quyền dừng công việc (Stop Work Authority), quan sát an toàn (PVD Card), quản lý hóa chất nguy hại (COSHH), quản lý môi trường và hệ thống quản lý an toàn,...

Bên cạnh đào tạo nội bộ, PV Drilling tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện bên ngoài như BOSIET, HUET, IWCF,... nhằm đáp ứng yêu cầu khách hàng và tiêu chuẩn ngành.

SASB EM-SV-320a.1

Bảng 4.3: Kết quả đào tạo HSEQ (giai đoạn 2023-2025)

	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng số được đào tạo HSEQ (lượt người)	12.441	17.974	15.270
Đào tạo HSEQ nội bộ (lượt người)	11.064	13.847	12.739
Đào tạo HSEQ bên ngoài (lượt người)	1.377	4.127	2.531

(*) Năm 2024, Tổng công ty PV Drilling tổ chức chương trình huấn luyện tập trung về An toàn – Vệ sinh lao động cho người lao động của PV Drilling (bao gồm các đơn vị thành viên), được quy định bởi Nghị định số 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 15/5/2016 về Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Đã có 2.427 lượt người lao động tham gia chương trình huấn luyện này. Năm 2025, PV Drilling không tổ chức chương trình huấn luyện nói trên do chưa đến thời hạn.

AN TOÀN – SỨC KHỎE LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)

7. CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

PV Drilling duy trì hệ thống kiểm tra, giám sát nhiều tầng, bao gồm:

- ▶ Giám sát hằng ngày trên giàn khoan và tại căn cứ sản xuất
- ▶ HSE walkabout
- ▶ Đánh giá nội bộ
- ▶ Đánh giá từ tổ chức chứng nhận
- ▶ Đánh giá từ khách hàng, cơ quan quản lý nhà nước

Các kết quả kiểm tra, giám sát là cơ sở quan trọng để PV Drilling đánh giá mức độ tuân thủ, xác định các cơ hội cải tiến và không ngừng nâng cao hiệu quả Hệ thống quản lý HSEQ.

Thông qua hệ thống kiểm tra, giám sát nhiều tầng và cơ chế cải tiến liên tục, PV Drilling duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý HSEQ và tạo nền tảng vững chắc cho việc kiểm soát các rủi ro an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường và chất lượng trong toàn bộ hoạt động.

Bảng 4.4: Kết quả kiểm tra, giám sát HSEQ (giai đoạn 2023-2025)

	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng số lượt kiểm tra, giám sát về HSEQ	294	304	308
Kiểm tra, giám sát bởi tổ chức Chứng nhận, khách hàng, cơ quan ban ngành	52	66	50
Kiểm tra, giám sát nội bộ PV Drilling	242	238	258

308
Lượt

TỔNG SỐ LƯỢT KIỂM TRA
GIÁM SÁT VỀ HSEQ NĂM 2025

50
Lượt

KIỂM TRA, GIÁM SÁT BỞI TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN,
KHÁCH HÀNG, CƠ QUAN BAN NGÀNH NĂM 2025

AN TOÀN – SỨC KHỎE LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)



8. CÔNG TÁC ỨNG PHÓ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Chính sách HSEQ của PV Drilling nhấn mạnh việc chủ động phòng ngừa và giảm thiểu các mối nguy có thể gây ảnh hưởng đến con người, môi trường, tài sản và chất lượng dịch vụ. Trên cơ sở đó, công tác ứng phó tình huống khẩn cấp được xác định là nội dung trọng tâm trong Hệ thống quản lý HSEQ.

PV Drilling triển khai các chương trình diễn tập ứng phó khẩn cấp tại cả giàn khoan ngoài khơi và các cơ sở trong bờ, nhằm nâng cao năng lực

xử lý và khả năng phối hợp của người lao động. Các kế hoạch ứng phó được xây dựng dựa trên các kịch bản rủi ro, xác định rõ vai trò và phương án xử lý cho từng tình huống.

Thông qua các diễn tập định kỳ, Tổng công ty đánh giá tính hiệu quả và mức độ sẵn sàng của hệ thống. Năm 2025, PV Drilling đã tổ chức diễn tập bàn giấy cho giàn PV DRILLING VIII, qua đó kiểm tra khả năng phối hợp và ứng phó trong điều kiện vận hành thực tế.

Bảng 4.5: Công tác diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp (giai đoạn 2023-2025)

	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng số lượt diễn tập Ứng phó tình huống khẩn cấp	670	629	723
Diễn tập ứng phó khẩn cấp trên giàn khoan	644	601	692
Diễn tập ứng phó khẩn cấp trong bờ	26	28	31

9. CHƯƠNG TRÌNH THẺ BÁO CÁO QUAN SÁT AN TOÀN PVD (PVD CARD)

GRI 11.9.7, 11.9.8, 11.9.9

GRI 403-6, 403-7, 403-8

Chương trình PVD Card là sáng kiến thúc đẩy văn hóa an toàn chủ động tại PV Drilling, khuyến khích người lao động tham gia nhận diện rủi ro, đề xuất cải tiến và lan tỏa các hành vi an toàn tại nơi làm việc.

Các nội dung ghi nhận được tổng hợp, phân tích nhằm nhận diện xu hướng và triển khai các biện pháp cải tiến kịp thời, đồng thời tạo kênh thông tin hai chiều hiệu quả giữa người lao động và bộ phận quản lý trong công tác HSEQ.

Bảng 4.6: Chương trình PVD Card (giai đoạn 2023-2025)

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng số PVD Card	136.691	187.717	187.739
Hành vi không an toàn	16.553	16.815	16.918
Điều kiện không an toàn	6.900	8.017	9.153
Nội dung khác	1.122	1.312	1.916
Hành vi, điều kiện tốt (cần phát huy)	112.116	161.573	159.752

Số lượng PVD Card duy trì ở mức cao và ổn định trong giai đoạn 2023-2025, phản ánh mức độ tham gia tích cực của người lao động trong công tác quan sát và báo cáo an toàn. Đáng chú ý, tỷ trọng lớn các thẻ ghi nhận hành vi và điều kiện làm việc tốt cho thấy văn hóa an toàn tại PV Drilling ngày càng được củng cố theo hướng tích cực, chủ động và phòng ngừa.

AN TOÀN – SỨC KHỎE LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)

10. CÁC CHỈ SỐ AN TOÀN – SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP – MÔI TRƯỜNG – CHẤT LƯỢNG

Trong chương trình phát triển bền vững năm 2026 và định hướng đến năm 2030, Tổng công ty PV Drilling đã xác định mục tiêu “An toàn cho người lao động”, cụ thể như sau:

MỤC TIÊU	ĐỊNH LƯỢNG	MỤC TIÊU NĂM 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030
An toàn cho người lao động	Số sự cố gây mất thời gian lao động (LTI)	Không có LTI (Zero LTI)	Không có LTI (Zero LTI)
	Tần suất xảy ra sự cố cần ghi nhận (số sự cố cần ghi nhận/1 triệu giờ công) – TRFR	1,00	1,00

(Chi tiết tại Nghị quyết số 32/12/2025/NQ-HĐQT ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty PV Drilling về việc Ban hành Định lượng mục tiêu Môi trường – Xã hội – Quản trị năm 2026 và đến năm 2030 của PV Drilling).

Số giờ công lao động

Cùng với sự phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh, quy mô lực lượng lao động của PV Drilling không ngừng gia tăng, dẫn đến tổng số giờ công làm việc trong toàn Tổng công ty duy trì ở mức cao, đạt trên 5 triệu giờ trong năm 2025. Việc theo dõi và phân tích số giờ công lao động theo từng khu vực làm việc (giàn khoan, căn cứ sản xuất và khối văn phòng) là cơ sở quan trọng để đánh giá quy mô hoạt động, mức độ phân bổ nguồn lực, cũng như tính toán và theo dõi các chỉ số an toàn liên quan, qua đó hỗ trợ công tác hoạch định và triển khai các chương trình An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp phù hợp với từng điều kiện làm việc.

SASB EM-SV-000.D

Bảng 4.7: Giờ công lao động (giai đoạn 2023-2025)

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng số giờ công làm việc (giờ)	5.039.724	4.763.828	5.210.484
Khối văn phòng (giờ)	1.305.896	1.353.688	1.534.455
Căn cứ sản xuất, nhà xưởng (giờ)	631.393	675.998	600.549
Giàn khoan (giờ)	3.102.435	2.734.142	3.075.480

Bảng 4.8: Thống kê chỉ số an toàn (giai đoạn 2023-2025)

LOẠI SỰ CỐ AN TOÀN	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Fatality (FTL – Tai nạn chết người của nhà thầu)	0	0	1
Fatality (FTL – Tai nạn chết người của PV Drilling)	0	0	0
Lost Time Incident (LTI – Tai nạn mất ngày công lao động)	0	1	4
Medical Treatment Only (MTO – Trường hợp chấn thương chỉ điều trị y tế)	3	1	1
Restricted Work/Transfer Case (RWTC – Trường hợp chuyển giao/làm việc hạn chế)			
First Aid Case (FAC – Trường hợp sơ cứu)	3	3	5
Property Damage (Hư hỏng tài sản/thiết bị)	3	8	1
Near miss (Tình huống cận nguy)	3	2	2

Chỉ số LTIFR và TRFR

Tỷ lệ tần suất xảy ra sự cố gây mất thời gian lao động (Lost Time Incident Frequency Rate – LTIFR) và tỷ lệ tần suất xảy ra sự cố cần ghi nhận (Total Recordable Frequency Rate – TRFR) là các chỉ số quan trọng được sử dụng rộng rãi trong ngành khoan dầu khí để đánh giá hiệu quả quản lý an toàn, đồng thời phục vụ so sánh với mặt bằng chung của ngành. Các chỉ số này được PV Drilling thống kê và báo cáo định kỳ cho Hiệp hội các Nhà thầu Khoan Quốc tế (International Association of Drilling Contractors – IADC).

CHỈ SỐ	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
LTIFR = (LTIs + FTLs) * 1.000.000/Tổng số giờ công	0,00	0,37	1,63
LTIFR (IADC – Asia Pacific Water/Vùng biển Châu Á – Thái Bình Dương)	0,23	0,37	0,13
TRFR = (MTOs + RWTCs + LTIs + FTLs) * 1.000.000/Tổng số giờ công	0,97	0,73	1,95
TRFR (IADC – Asia Pacific Water/Vùng biển Châu Á – Thái Bình Dương)	1,11	0,99	0,94

Trong giai đoạn 2023-2024, các chỉ số LTIFR và TRFR của PV Drilling duy trì ở mức thấp và tương đương hoặc tốt hơn so với mặt bằng chung của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương theo thống kê của IADC. Năm 2025, các chỉ số này ghi nhận mức tăng do phát sinh một sự cố vận hành nghiêm trọng trong quá trình cung cấp dịch vụ trên công trình biển của khách hàng, làm ảnh hưởng đến số vụ tai nạn mất giờ công lao động. Trên cơ sở đó, PV Drilling đã tiến hành phân tích nguyên nhân, triển khai các biện pháp khắc phục

và tăng cường các chương trình kiểm soát rủi ro nhằm cải thiện hiệu quả quản lý an toàn trong các giai đoạn tiếp theo.

Các chỉ số An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng là cơ sở quan trọng để PV Drilling đánh giá hiệu quả vận hành Hệ thống quản lý HSEQ, nhận diện các điểm cần cải thiện và không ngừng nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong toàn bộ hoạt động.

Các chỉ số về sự cố an toàn

GRI 11.9.10, 11.9.11
GRI 403-9, 403-10
SASB EM-SV-320a.1

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khoan dầu khí với mức độ rủi ro cao, PV Drilling thực hiện ghi nhận, thống kê và báo cáo đầy đủ, công khai các sự cố an toàn tại tất cả các đơn vị thành viên. Bên cạnh các sự cố gây mất giờ công lao động (LTI), PV Drilling còn theo dõi và phân tích các sự cố nhẹ, sự cố cận nguy (near miss) và các hư hỏng tài sản nhằm nhận diện nguyên nhân gốc rễ, triển khai các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tái diễn.

QUẢN LÝ NƯỚC, HÓA CHẤT VÀ CHẤT THẢI

GRI 11.5.1, 11.6.1

1. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ

Công tác quản lý nước, hóa chất và chất thải tại PV Drilling được triển khai thống nhất trong khuôn khổ Khung chính sách Phát triển bền vững và Mục tiêu ESG do Hội đồng quản trị ban hành, trong đó xác định rõ các ưu tiên môi trường trọng yếu gắn với hoạt động cung cấp dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan. Quản lý nước thải và chất thải được xem là một cấu phần quan trọng nhằm hạn chế tác động đến môi trường, bảo đảm tuân thủ pháp luật và đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan.

Theo định hướng ESG năm 2026 và tầm nhìn đến năm 2030, PV Drilling cam kết:

- ▶ Duy trì 100% nước thải được xử lý đúng quy định pháp luật tại các giàn khoan và cơ sở sản xuất;
- ▶ Bảo đảm 100% chất thải nguy hại được phân loại, thu gom và xử lý đúng quy định;
- ▶ Giảm cường độ phát sinh chất thải trên doanh thu, lấy năm 2025 làm năm cơ sở;
- ▶ Tăng cường sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và thúc đẩy tái sử dụng, tuần hoàn nước trong phạm vi cho phép của điều kiện kỹ thuật và đặc thù dịch vụ.

Cách tiếp cận này bảo đảm sự nhất quán giữa quản lý môi trường, hệ thống HSEQ và các mục tiêu ESG trung – dài hạn của Tổng công ty.

PV Drilling xác định quản lý hiệu quả tài nguyên nước, hóa chất và chất thải là một nội dung trọng tâm trong quản trị môi trường, góp phần giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái biển và môi trường xung quanh, đồng thời bảo đảm an toàn, tuân thủ và tính liên tục trong quá trình cung cấp dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.

Với đặc thù là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ dầu khí, PV Drilling không trực tiếp khai thác hay chế biến dầu khí. Tuy nhiên, các hoạt động vận hành giàn khoan ngoài khơi, căn cứ và nhà xưởng bảo dưỡng trên bờ vẫn phát sinh nhu cầu sử dụng nước, sử dụng hóa chất kỹ thuật, đồng thời tạo ra nước thải, chất thải sinh hoạt cũng như chất thải công nghiệp. PV Drilling không khai thác nước ngọt tự nhiên quy mô lớn và việc sử dụng hóa chất trên giàn khoan được thực hiện theo yêu cầu kỹ thuật và phê duyệt của khách hàng/chủ mỏ.

Trên cơ sở đó, công tác quản lý được triển khai theo các nguyên tắc sau:

- ▶ Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật Việt Nam, yêu cầu của khách hàng/chủ mỏ và các tiêu chuẩn quốc tế liên quan;
- ▶ Kiểm soát chặt chẽ tại nguồn phát sinh;
- ▶ Ưu tiên phòng ngừa, giảm thiểu và cải tiến liên tục;
- ▶ Bảo đảm phân định rõ trách nhiệm của PV Drilling trong vai trò là nhà thầu dịch vụ.

Phạm vi quản lý bao gồm toàn bộ các giàn khoan do PV Drilling vận hành, các văn phòng, căn cứ và nhà xưởng trên bờ trong kỳ báo cáo.

2. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

GRI 11.6.2, 11.6.3, 11.6.4, 11.6.6

GRI 303-1, 303-2, 303-3, 303-5

EM-SV-140a.2

a. Nguồn nước và mục đích sử dụng

Nguồn nước sử dụng tại PV Drilling bao gồm:

- ▶ Nước biển được xử lý thành nước sinh hoạt trên các giàn khoan;
- ▶ Nước ngọt mua từ các nhà cung cấp hợp pháp trên bờ cung cấp cho văn phòng, căn cứ và nhà xưởng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người lao động và một phần cho hoạt động vận hành thiết bị, vệ sinh nhà xưởng.

Nước được sử dụng chủ yếu cho mục đích sinh hoạt của người lao động trên các giàn khoan và tại các cơ sở trên bờ, phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ dầu khí. PV Drilling không khai thác nước ngọt tự nhiên quy mô lớn trong quá trình hoạt động.

b. Biện pháp quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước

PV Drilling áp dụng các biện pháp quản lý tài nguyên nước nhằm kiểm soát mức tiêu thụ, hạn chế thất thoát và nâng cao hiệu quả sử dụng, bao gồm:

- ▶ Theo dõi, tổng hợp và phân tích số liệu sử

- dụng nước định kỳ theo từng đơn vị;
- ▶ Tăng cường công tác bảo trì hệ thống cấp – thoát nước nhằm hạn chế rò rỉ và thất thoát;
- ▶ Nâng cao ý thức tiết kiệm nước cho người lao động thông qua đào tạo và truyền thông nội bộ.

c. Kết quả sử dụng nước giai đoạn 2023-2025

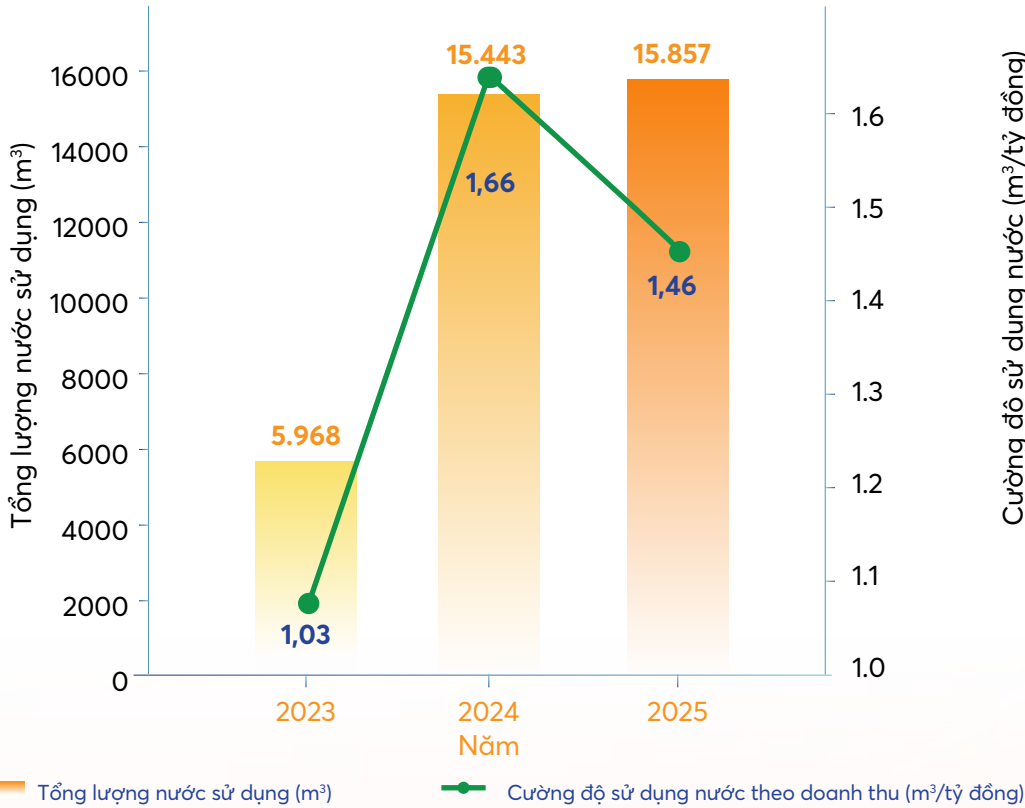
Trong giai đoạn 2023-2025, tổng lượng nước sử dụng của PV Drilling ghi nhận xu hướng tăng rõ rệt, phù hợp với sự mở rộng và gia tăng quy mô hoạt động. Cụ thể, tổng lượng nước sử dụng đạt

5.968 m³ năm 2023, tăng mạnh lên 15.443 m³ năm 2024 và tiếp tục tăng nhẹ lên 15.857 m³ năm 2025.

Đáng chú ý, mặc dù tổng lượng nước sử dụng tăng, cường độ sử dụng nước trên doanh thu có xu hướng cải thiện trong năm 2025 (giảm từ 1,66 xuống 1,46 m³/tỷ đồng), cho thấy hiệu quả bước đầu của các biện pháp quản lý và tối ưu hóa sử dụng tài nguyên nước. Điều này phản ánh việc Công ty không chỉ đáp ứng nhu cầu vận hành gia tăng mà còn từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

EM-SV-140a.1

Tổng lượng nước sử dụng giai đoạn 2023-2025



Bên cạnh việc kiểm soát tiêu thụ, PV Drilling từng bước thúc đẩy tái sử dụng nước và các mô hình sử dụng nước tuần hoàn tại các đơn vị thành viên, góp phần giảm nhu cầu khai thác nước mới và hạn chế phát sinh nước thải ra môi trường. Cụ thể, xưởng cơ khí của PVD Offshore (công ty con trực thuộc PV Drilling) đã lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống rửa tuần hoàn khép kín, cho phép lọc và tái sử dụng nước rửa cần ống khoan. Nhờ đó, trong năm 2025, PVD Offshore đã tái sử dụng được 10.058 m³ nước, góp phần giảm nhu cầu khai thác nước mới, hạn chế phát sinh nước thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm áp lực lên môi trường.

PV Drilling thực hiện theo dõi, tổng hợp và phân tích dữ liệu sử dụng nước định kỳ theo từng đơn vị nhằm đánh giá xu hướng tiêu thụ và xác định các cơ hội cải thiện hiệu quả sử dụng nước. Việc gia tăng tổng lượng nước sử dụng trong giai đoạn 2023-2025 được xem xét trong mối tương quan với quy mô hoạt động và tổng doanh thu thuần, thay vì đánh giá đơn lẻ theo giá trị tuyệt đối.

QUẢN LÝ NƯỚC, HÓA CHẤT VÀ CHẤT THẢI (TIẾP THEO)



100%

Lượng nước thải 2023-2025 được xử lý đúng quy định pháp luật



Nước thải công nghiệp có xu hướng giảm từ 11.643 m³ xuống còn

5.250 m³ năm 2025

3. QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

a. Phân loại và xử lý nước thải

GRI 11.6.5
EM-SV-150a.1, EM-SV-150a.2

Nước thải phát sinh từ hoạt động của PV Drilling được phân loại thành:

- ▶ Nước thải sinh hoạt;
- ▶ Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động kỹ thuật của thiết bị và công tác vệ sinh thiết bị.

Tất cả nước thải phát sinh tại các giàn khoan và các cơ sở trên bờ đều được thu gom và xử lý thông qua các hệ thống phù hợp trước khi xả ra môi trường hoặc chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý. Công tác xử lý nước thải được thực hiện bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu của khách hàng/chủ mỏ.

b. Kết quả quản lý nước thải

Trong giai đoạn 2023-2025, tổng lượng nước thải phát sinh của PV Drilling lần lượt đạt 72.807 m³ (2023), 78.064 m³ (2024) và 78.219 m³ (2025), cho thấy xu hướng tăng trong năm 2024 và duy trì ổn định trong năm 2025.

Trong cơ cấu nước thải, nước thải sinh hoạt tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu, với lượng phát sinh tương ứng là 61.164 m³, 72.008 m³ và 72.968 m³ qua các năm. Ngược lại, nước thải công nghiệp ghi nhận xu hướng giảm rõ rệt, từ 11.643 m³ năm 2023 xuống 6.056 m³ năm 2024 và tiếp tục giảm còn 5.250 m³ năm 2025, phản ánh hiệu quả của các biện pháp kiểm soát, tối ưu hóa quy trình và cải tiến kỹ thuật trong hoạt động vận hành.

Đáng chú ý, 100% lượng nước thải phát sinh tại các giàn khoan và căn cứ/nhà xưởng của PV Drilling trong cả ba năm 2023, 2024 và 2025 đều được xử lý đúng quy định pháp luật. Kết quả này thể hiện cam kết tuân thủ, trách nhiệm môi trường và nỗ lực duy trì hoạt động bền vững của Tổng công ty.

CHỈ SỐ	ĐƠN VỊ	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng lượng nước xả thải	m³	72.807	78.064	78.219
Nước thải sinh hoạt	m³	61.164	72.008	72.968
Nước thải công nghiệp	m³	11.643	6.056	5.250
Tỷ lệ lượng nước thải trên giàn khoan & căn cứ/xưởng sản xuất được xử lý đúng quy định pháp luật	%	100	100	100

4. QUẢN LÝ HÓA CHẤT

Với vai trò là nhà thầu khoan, tại các giàn khoan, PV Drilling sử dụng hóa chất theo các yêu cầu kỹ thuật đã được khách hàng/chủ mỏ phê duyệt. Đối với các cơ sở sản xuất trên bờ, PV Drilling trực tiếp quản lý và sử dụng hoá chất theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Công tác quản lý hóa chất được triển khai theo hướng phân định rõ trách nhiệm và kiểm soát rủi ro trong vận hành, bao gồm các nội dung chính sau:

- ▶ Phân loại hóa chất thành hóa chất nguy hại và không nguy hại, đồng thời quản lý theo mục đích sử dụng như dung dịch khoan, hóa

- chất bảo dưỡng, hóa chất vệ sinh thiết bị,...;
- ▶ Tiếp nhận, lưu trữ và vận chuyển hóa chất tại các cơ sở trên bờ và trên giàn khoan theo đúng quy trình, bảo đảm đầy đủ nhãn mác và hồ sơ an toàn hóa chất (MSDS);
- ▶ Kiểm soát việc sử dụng hóa chất trên giàn khoan theo kế hoạch và các quy trình đã được phê duyệt;
- ▶ Tổ chức đào tạo cho người lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân và xây dựng, duy trì kế hoạch ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất.

QUẢN LÝ NƯỚC, HÓA CHẤT VÀ CHẤT THẢI (TIẾP THEO)

Thông qua các biện pháp trên, PV Drilling kiểm soát hiệu quả các rủi ro liên quan đến hóa chất, đồng thời bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

GRI 11.5.2, 11.5.3, 11.5.4, 11.5.6

GRI 306-1, 306-2, 306-3, 306-5

Công tác quản lý chất thải tại PV Drilling được triển khai đồng bộ tại tất cả các giàn khoan và cơ sở sản xuất trên bờ, trong đó nhấn mạnh các nguyên tắc phân loại tại nguồn, kiểm soát toàn bộ vòng đời chất thải và bảo đảm khả năng truy xuất hồ sơ xử lý. Các chỉ tiêu về chất thải nguy hại và không nguy hại được theo dõi định kỳ, đồng thời gắn với chỉ tiêu cường độ chất thải trên doanh thu thuần hợp nhất nhằm phản ánh hiệu quả quản lý trong bối cảnh quy mô hoạt động có sự thay đổi.

a. Phân loại và quy trình quản lý chất thải

Chất thải phát sinh từ hoạt động của PV Drilling được phân loại thành:

- ▶ Chất thải nguy hại;
- ▶ Chất thải không nguy hại.

Quy trình quản lý chất thải được triển khai thống nhất từ khâu phân loại tại nguồn, thu gom, lưu trữ, vận chuyển đến xử lý bởi các đơn vị có chức năng theo đúng quy định pháp luật. Hồ sơ và chứng từ liên quan đến công tác xử lý chất thải được kiểm soát và lưu trữ đầy đủ nhằm bảo đảm tính minh bạch và khả năng truy xuất trong toàn bộ quá trình quản lý.

b. Kết quả quản lý chất thải giai đoạn 2023-2025

- ▶ Trong giai đoạn 2023-2025, tổng lượng chất thải phát sinh giảm trong năm 2024 và tăng mạnh trở lại trong năm 2025, đạt 349,60 tấn. Chất thải nguy hại và không nguy hại đều ghi nhận xu hướng tăng trong năm 2025 sau giai đoạn giảm trước đó.
- ▶ Cường độ chất thải trên doanh thu cải thiện so với năm 2023 và duy trì ở mức 0,032 tấn/tỷ đồng năm 2025, cho thấy hiệu quả của các biện pháp kiểm soát và tối ưu hóa vận hành.



CHỈ SỐ	ĐƠN VỊ	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Lượng chất thải phát sinh	tấn	264,66	190,27	349,60
Lượng chất thải nguy hại	tấn	168,12	108,11	189,92
Lượng chất thải không nguy hại	tấn	96,54	82,16	159,68
Tỷ lệ lượng chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn (tại giàn khoan/căn cứ/xưởng của PV Drilling) và xử lý theo đúng quy định pháp luật	%	100	100	100
Cường độ chất thải phát sinh trong năm trên doanh thu	tấn chất thải/tỷ đồng	0,046	0,020	0,032

Theo định hướng ESG giai đoạn 2026-2030, PV Drilling tiếp tục duy trì mục tiêu tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật về môi trường, đồng thời từng bước nghiên cứu các giải pháp giảm phát sinh, tái sử dụng và tái chế chất thải phù hợp với điều kiện kỹ thuật, đặc thù giàn khoan và yêu cầu của khách hàng/chủ mỏ.

6. ĐỊNH HƯỚNG CẢI TIẾN TRONG THỜI GIAN TỚI

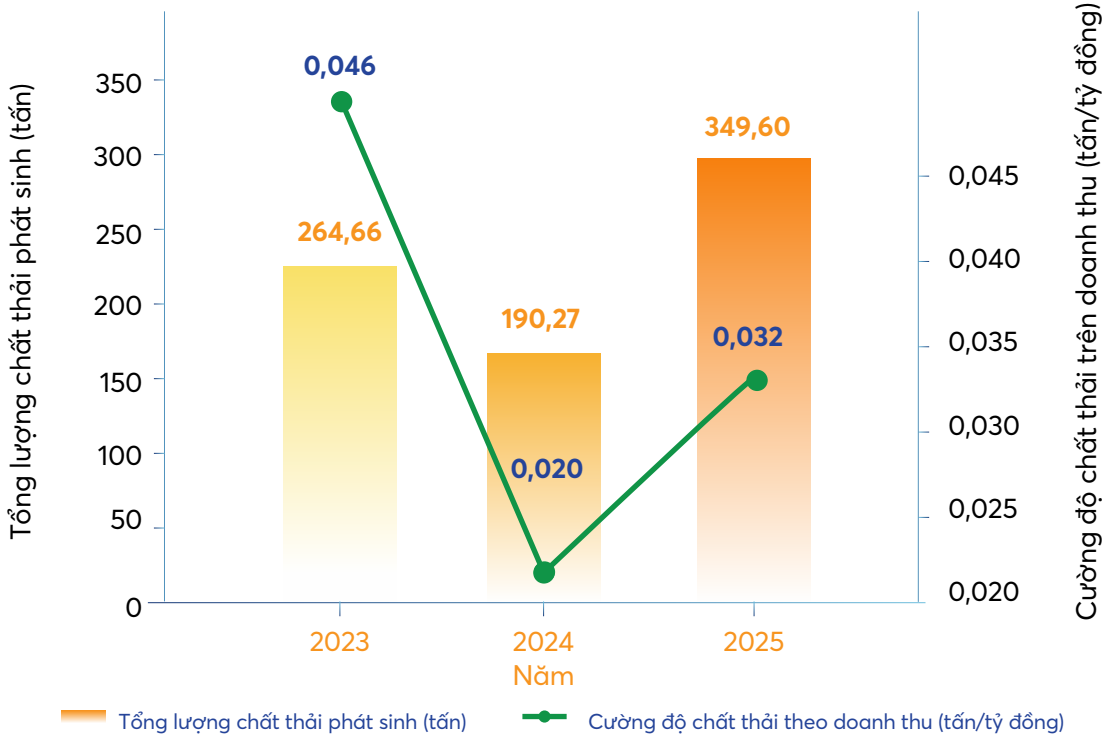
Trên cơ sở các kết quả đã đạt được, PV Drilling tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nước, hóa chất và chất thải theo hướng tuân thủ, hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu ESG. Trong thời gian tới, Tổng công ty tập trung triển khai các định hướng chính sau:

- ▶ Tăng cường kiểm soát định mức sử dụng nước, tối ưu hóa vận hành và từng bước giảm phát sinh nước thải phù hợp với quy mô hoạt động và điều kiện kỹ thuật;

- ▶ Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý hóa chất, nâng cao năng lực phòng ngừa rủi ro và ứng phó sự cố, bảo đảm tuân thủ các yêu cầu của khách hàng/chủ mỏ và quy định pháp luật;
- ▶ Đẩy mạnh phân loại chất thải tại nguồn, giảm phát sinh và tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải phù hợp với điều kiện thực tế;
- ▶ Gắn kết công tác quản lý môi trường với hệ thống quản lý HSEQ và các mục tiêu ESG đã được Hội đồng quản trị định lượng, lấy năm 2025 làm năm cơ sở để theo dõi và cải thiện;
- ▶ Tăng cường công tác giám sát, phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định quản lý và nâng cao tính minh bạch trong công bố thông tin.

Các định hướng trên góp phần củng cố nền tảng quản trị môi trường, giảm thiểu rủi ro ESG và hỗ trợ PV Drilling thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

Chất thải PV Drilling phát sinh giai đoạn 2023-2025



QUẢN LÝ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

GRI 11.8.1, 11.8.2

GRI 306-3

1. NHẬN DIỆN RỦI RO SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động khoan dầu khí ngoài khơi luôn tiềm ẩn các rủi ro về môi trường do đặc thù vận hành trong điều kiện biển, sử dụng nhiên liệu, hóa chất và các hệ thống thiết bị kỹ thuật có độ phức tạp cao. PV Drilling xác định rằng việc nhận diện đầy đủ và kịp thời các rủi ro sự cố môi trường là nền tảng quan trọng nhằm phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình hoạt động.

Công tác nhận diện rủi ro sự cố môi trường được triển khai một cách có hệ thống và nhất quán, thông qua các hoạt động đánh giá rủi ro định kỳ, rà soát điều kiện vận hành thực tế tại giàn khoan, cũng như xem xét các thay đổi liên quan đến dự án, công nghệ, thiết bị và phạm vi công việc. Việc đánh giá rủi ro không chỉ tập trung vào các sự cố đã từng xảy ra mà còn chú trọng đến các nguy cơ tiềm ẩn và các tình huống có khả năng phát sinh trong tương lai.

Các nhóm nguy cơ sự cố môi trường chính được nhận diện bao gồm:

- ▶ Nguy cơ tràn dầu và nhiên liệu, có thể phát sinh từ hệ thống nhiên liệu, thiết bị cơ khí, đường ống, quá trình tiếp nhiên liệu hoặc bảo dưỡng thiết bị;
- ▶ Nguy cơ rò rỉ và phát tán hóa chất, liên quan đến việc lưu trữ, vận chuyển, pha chế và sử dụng hóa chất phục vụ công tác khoan, bảo dưỡng và vận hành;
- ▶ Nguy cơ ô nhiễm nước biển, phát sinh từ nước thải, chất thải lỏng, chất thải nguy hại hoặc sự cố không mong muốn trong quá trình vận hành;
- ▶ Các tác động môi trường thứ cấp có thể phát sinh từ sự cố thiết bị, cháy nổ, điều kiện thời tiết bất lợi hoặc yếu tố con người.

Kết quả nhận diện và đánh giá rủi ro được ghi nhận, phân tích mức độ ảnh hưởng và tích hợp vào hệ thống quản lý HSEQ, làm cơ sở cho việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa, kế hoạch ứng phó và chương trình huấn luyện phù hợp.

2. HỆ THỐNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở các rủi ro đã được nhận diện,

PV Drilling xây dựng và duy trì hệ thống ứng phó sự cố môi trường nhằm đảm bảo khả năng phản ứng kịp thời, hiệu quả và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường khi sự cố xảy ra.

Kế hoạch và quy trình ứng phó sự cố

Các kế hoạch và quy trình ứng phó sự cố môi trường được xây dựng phù hợp với đặc thù hoạt động khoan dầu khí ngoài khơi và điều kiện vận hành của từng loại giàn khoan. Các kế hoạch này quy định rõ:

- ▶ Các kịch bản sự cố môi trường có thể xảy ra;
- ▶ Trình tự hành động khi phát hiện sự cố;

- ▶ Cơ chế báo cáo và thông tin liên lạc trong tình huống khẩn cấp;
- ▶ Các biện pháp kiểm soát, cô lập và khắc phục sự cố.

Kế hoạch và quy trình ứng phó được phổ biến đến các bộ phận liên quan, đồng thời được rà soát và cập nhật định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp với điều kiện thực tế và các yêu cầu pháp luật hiện hành.

Trang thiết bị và nguồn lực ứng phó

Để đảm bảo tính sẵn sàng trong công tác ứng phó, PV Drilling trang bị các phương tiện và thiết bị cần thiết phục vụ xử lý sự cố môi trường, bao

gồm các bộ dụng cụ chống tràn, thiết bị thu gom và kiểm soát sự cố. Các trang thiết bị này được kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng sử dụng.

Bên cạnh đó, nguồn lực con người được bố trí phù hợp, với các vị trí chức danh được phân công rõ ràng vai trò và trách nhiệm trong tình huống sự cố môi trường.

Phân công trách nhiệm

Hệ thống ứng phó sự cố môi trường xác định rõ trách nhiệm của từng cấp quản lý, bộ phận và cá nhân trong quá trình ứng phó. Việc phân công rõ ràng giúp đảm bảo:



QUẢN LÝ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)



Thông qua các hoạt động diễn tập và phối hợp, năng lực ứng phó sự cố môi trường của đơn vị được củng cố và cải thiện liên tục.

- ▶ Quy trình ứng phó được kích hoạt kịp thời;
- ▶ Thông tin được truyền đạt nhanh chóng và chính xác;
- ▶ Các biện pháp xử lý được triển khai thống nhất và hiệu quả.

3. DIỄN TẬP VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC ỨNG PHÓ

Nhằm đảm bảo hệ thống ứng phó sự cố môi trường hoạt động hiệu quả trong thực tế, Xí nghiệp Điều hành khoan chú trọng công tác huấn luyện, diễn tập và nâng cao năng lực cho người lao động và các bộ phận liên quan.

Trong năm 2025, PV Drilling đã hoàn thành 100% mục tiêu thực hiện các buổi diễn tập chống tràn dầu được quy định trong Quy trình diễn tập ứng

phó tình huống khẩn cấp với 12 buổi diễn tập trên mỗi giàn khoan. Bên cạnh đó, tất cả các giàn khoan luôn duy trì tỷ lệ hoàn thành khóa đào tạo PVD Environmental Awareness trên 95%.

Huấn luyện định kỳ

Các chương trình huấn luyện về ứng phó sự cố môi trường được tổ chức định kỳ nhằm trang bị cho người lao động kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận diện, báo cáo và xử lý các tình huống sự cố. Nội dung huấn luyện tập trung vào:

- ▶ Nhận thức về các nguy cơ môi trường;
- ▶ Hiểu biết về kế hoạch và quy trình ứng phó;
- ▶ Thực hành các biện pháp xử lý ban đầu trong tình huống khẩn cấp.

Diễn tập ứng phó sự cố

Song song với huấn luyện lý thuyết, PV Drilling tổ chức các hoạt động diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt. Các buổi diễn tập được thiết kế dựa trên các kịch bản giả định sát với điều kiện vận hành thực tế, nhằm:

- ▶ Kiểm tra tính hiệu quả của kế hoạch và quy trình ứng phó;
- ▶ Nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận;
- ▶ Đánh giá mức độ sẵn sàng của trang thiết bị và nguồn lực.

Phối hợp với các bên liên quan

Trong các hoạt động diễn tập, PV Drilling chú trọng việc phối hợp với các bên liên quan và cơ

quan chức năng khi cần thiết. Việc phối hợp này nhằm:

- ▶ Nâng cao khả năng phối hợp, trao đổi thông tin trong tình huống khẩn cấp;
- ▶ Đảm bảo sự đồng bộ giữa các đơn vị liên quan trong công tác ứng phó;
- ▶ Đáp ứng các yêu cầu về tuân thủ và quản lý môi trường theo quy định.

Thông qua các hoạt động diễn tập và phối hợp, năng lực ứng phó sự cố môi trường của đơn vị được củng cố và cải thiện liên tục.

QUẢN LÝ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(TIẾP THEO)

4. ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

PV Drilling coi trọng công tác đánh giá và cải tiến như một phần không thể thiếu trong quản lý sự cố môi trường, nhằm đảm bảo hệ thống luôn phù hợp và hiệu quả.

Đánh giá sự cố và rút kinh nghiệm

Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường (nếu có), đơn vị thực hiện:

- ▶ Đánh giá nguyên nhân, diễn biến và mức độ ảnh hưởng của sự cố;
- ▶ Xem xét hiệu quả của các biện pháp ứng phó đã triển khai;
- ▶ Rút ra các bài học kinh nghiệm nhằm ngăn ngừa sự cố tương tự trong tương lai.

Hoạt động đánh giá sau diễn tập được thực hiện định kỳ nhằm xác định các điểm mạnh cũng như những nội dung cần cải thiện trong hệ thống ứng phó sự cố môi trường. Thông qua quá trình rà soát và rút kinh nghiệm sau mỗi đợt diễn tập, hệ thống ứng phó của PVD Drilling được liên tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả.

Đáng ghi nhận, trong ba năm liên tiếp từ 2023 đến 2025, PV Drilling không ghi nhận bất kỳ sự cố nào gây ảnh hưởng đến môi trường. Đồng thời, không có trường hợp vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường được ghi nhận tại tất cả các giàn khoan cũng như các cơ sở thuộc PV Drilling.

Cải tiến liên tục

Trên cơ sở kết quả đánh giá, PV Drilling triển khai các hoạt động cải tiến nhằm:

- ▶ Hoàn thiện kế hoạch và quy trình ứng phó sự cố môi trường;
- ▶ Nâng cao chất lượng huấn luyện và diễn tập;
- ▶ Cải thiện công tác phòng ngừa và kiểm soát rủi ro môi trường.

Việc cải tiến liên tục giúp tăng cường khả năng phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro và đảm bảo hoạt động quản lý môi trường phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.



0

Sự cố tràn dầu nghiêm trọng
TRONG NĂM 2025



0

Sự cố gây ảnh hưởng môi trường
**BA NĂM LIÊN TIẾP
TỪ 2023-2025**

ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VÀ THU HÚT NHÂN LỰC KHOAN

1. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

PV Drilling xác định nguồn nhân lực là tài sản chiến lược, giữ vai trò then chốt đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh, đặc biệt tại các vị trí kỹ thuật cao, vận hành giàn khoan và HSE. Công tác đào tạo và phát triển được triển khai gắn với chiến lược kinh doanh và mục tiêu phát triển bền vững, tập trung nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực vận hành an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật – pháp lý, đồng thời thúc đẩy tinh thần đổi mới và khả năng thích ứng. Bên cạnh đó, Tổng công ty chú trọng phát triển đội ngũ kế thừa và cán bộ quản lý nhằm bảo đảm tính liên tục, ổn định và bền vững của nguồn nhân lực trong dài hạn.

2. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

GRI 11.10.6, 11.11.4

GRI 404-1

Trong năm 2025, PV Drilling tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho công tác đào tạo với tổng số 70.424 giờ đào tạo, tương đương 37,36 giờ/người/năm. Các chương trình đào tạo được triển khai đa dạng, bao phủ các nội dung về chuyên môn kỹ thuật khoan, an toàn – HSE, quản lý, lãnh đạo, kỹ năng mềm và tuân thủ, phù hợp với đặc thù công việc.

Hoạt động đào tạo tập trung vào người lao động trực tiếp vận hành giàn khoan, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý và khối hỗ trợ. Trong bối cảnh Tổng công ty tiếp nhận và đưa vào vận hành thêm các giàn khoan mới, đặc biệt là các giàn khoan hiện đại, các chương trình đào tạo được tăng cường nhằm bảo đảm sẵn sàng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực vận hành, trách nhiệm nghề nghiệp, hiệu quả quản lý và khả năng thích ứng với yêu cầu công nghệ ngày càng cao.

3. ĐÀO TẠO HỘI NHẬP

GRI 11.10.7, 404-2

Tổng công ty tiếp tục triển khai chương trình đào tạo hội nhập dành cho nhân viên mới, người lao động chuyển vị trí hoặc quay lại làm việc sau thời gian gián đoạn, nhằm giúp người lao động nhanh chóng làm quen với văn hóa doanh nghiệp, các quy định nội bộ, yêu cầu an toàn – HSE và quy trình vận hành cơ bản.

Việc tham gia và hoàn thành các chương trình đào tạo được thực hiện theo cơ chế bắt buộc, đặc biệt đối với các vị trí làm việc tại giàn khoan. Người lao động phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo ma trận đào tạo (Training Matrix) trước khi được bố trí tham gia vận hành, qua đó góp phần bảo đảm an toàn, tuân thủ và hiệu quả trong quá trình đảm nhận công việc.

Năm 2025, tỷ lệ chứng chỉ còn hiệu lực theo ma trận đào tạo của Tổng công ty đạt 90,82%, phản ánh mức độ tuân thủ cao đối với các yêu cầu về đào tạo, chứng nhận chuyên môn và an toàn đối với người lao động. Kết quả này cho thấy công tác quản lý đào tạo và theo dõi hiệu lực chứng chỉ được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm đội ngũ nhân sự luôn đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu vận hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng công ty cũng thường xuyên rà soát ma trận đào tạo, chủ động tổ chức các khóa đào tạo và gia hạn chứng chỉ kịp thời nhằm duy trì năng lực chuyên môn của người lao động và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng cũng như quy định của ngành.



Trong năm 2025, PV Drilling tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho công tác đào tạo với tổng số 70.424 giờ đào tạo, tương đương 37,36 giờ/người/năm.

ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VÀ THU HÚT NHÂN LỰC KHOAN (TIẾP THEO)



4. THU HÚT VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI
GRI 11.10.2, 401-1

PV Drilling thực hiện tuyển dụng dựa trên năng lực, gắn với yêu cầu an toàn và tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng công ty đặc biệt chú trọng xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho các nhóm kỹ sư, chuyên gia và cán bộ quản lý, đồng thời áp dụng chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với đặc thù ngành. Bên cạnh đó, các biện pháp như đào tạo nâng cao, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực nội bộ được triển khai nhằm giữ chân và phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao.

Trong giai đoạn 2023-2025, tỷ lệ thôi việc của Tổng công ty có sự biến động giữa các năm (6% năm 2023; 8% năm 2024; 8% năm 2025) nhưng chưa hình thành xu hướng tăng hoặc giảm rõ rệt. Sự thay đổi này chủ yếu phản ánh nhu cầu nhân lực theo từng giai đoạn hoạt động của Tổng công ty và đặc thù của ngành dịch vụ khoan. Bên cạnh đó, số lượng tuyển dụng mới tăng đáng kể trong năm 2025 nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và bổ sung nguồn nhân lực kỹ thuật cho các dự án và giàn khoan. Điều này cho thấy Tổng công ty tiếp tục duy trì các chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực nhằm bảo đảm lực lượng lao động ổn định và đáp ứng yêu cầu vận hành trong từng giai đoạn.

5. CÁC CHỈ SỐ NHÂN SỰ

CÁC CHỈ SỐ NHÂN SỰ	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tỷ lệ thôi việc	6%	8%	8%
Số lượng tuyển dụng mới	107	237	297

TỐI ƯU HÓA VẬN HÀNH & HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG

1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA TỐI ƯU HÓA VẬN HÀNH

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao và yêu cầu phát triển bền vững, PV Drilling xác định tối ưu hóa vận hành là định hướng chiến lược nhằm đảm bảo hoạt động khoan an toàn, liên tục và hiệu quả. Việc nâng cao hiệu suất vận hành giúp giảm thời gian dừng giàn, kiểm soát chi phí và tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Đồng thời, tối ưu vận hành gắn liền với các mục tiêu ESG thông qua việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (E), đảm bảo môi trường làm việc an toàn (S) và củng cố năng lực quản trị theo chuẩn mực quốc tế (G).

2. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ ĐÃ TRIỂN KHAI

Để hiện thực hóa các định hướng trên, bám sát Nghị quyết số 09/01/2025/NQ-HDQT, PV Drilling đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị và vận hành nhằm tối ưu hóa quy trình, quản lý tài sản hiệu quả, nâng cao hiệu suất sử dụng nguồn lực và kiểm soát chi phí cho cả Tổng công ty lẫn khách hàng. Các giải pháp này được triển khai một cách có hệ thống và xuyên suốt qua bốn trụ cột chính:

2.1. Giải pháp về con người và năng lực vận hành:

PV Drilling đặt con người là yếu tố quyết định hiệu quả vận hành. Hệ thống quản lý năng lực được xây dựng bài bản với các công cụ như ma trận đào tạo, chương trình đào tạo tại chỗ (OJT), kế hoạch kế thừa và hệ thống đánh giá năng lực (CAMS), góp phần nâng cao hiệu suất, an toàn và tính kế thừa nguồn nhân lực.

2.2 Giải pháp về bảo trì và độ tin cậy thiết bị:

PV Drilling áp dụng chiến lược bảo trì phòng ngừa và theo tình trạng thiết bị, kết hợp hệ thống Computerized Maintenance Management System (CMMS) nhằm quản lý toàn bộ vòng đời tài sản.

- Tỷ lệ quá hạn bảo dưỡng định kỳ (Preventive maintenance - PM - overdue): < 3%;
- Nhiều giàn đạt chỉ số thời gian dừng giàn do bảo trì (Non-Productive Time – NPT due to maintenance) = 0%.



TỐI ƯU HÓA VẬN HÀNH & HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Các thiết bị trọng yếu (Blowout Preventer system – BOP, hệ thống nâng hạ, điện – điều khiển...) được kiểm soát chặt chẽ thông qua kiểm tra và giám sát định kỳ.

Song song với công tác bảo trì phòng ngừa, các dự án nâng cấp, cải hoán thiết bị trên các giàn khoan được triển khai nhằm tăng công năng và đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn, công nghệ mới, cũng như đáp ứng các yêu cầu từ khách hàng.

Đặc biệt, PV Drilling đang phát triển Trung tâm Điều hành số (DOC), ứng dụng AI và dữ liệu thời gian thực để:

- ▶ Triển khai bảo trì dự báo (Predictive Maintenance);
- ▶ Hỗ trợ ra quyết định thời gian thực;
- ▶ Tối ưu hiệu suất thông qua việc xác định các điểm nghẽn kỹ thuật (Invisible Lost Time), từ đó tối ưu hóa quy trình khoan và tiết giảm chi phí vận hành cho khách hàng.

Dự án này không chỉ khẳng định vị thế tiên phong về công nghệ của PV Drilling mà còn là cam kết mạnh mẽ trong việc kiến tạo một môi trường vận hành an toàn hơn, thông minh hơn và hiệu quả hơn trong tương lai.

2.3 Giải pháp phòng ngừa và xử lý sự cố:

PV Drilling triển khai hệ thống quản lý rủi ro dựa trên HSE Case và mô hình Bow-tie nhằm kiểm soát các rủi ro nghiêm trọng (Major Accident Hazards – MAH) theo nguyên tắc ALARP.

Các giải pháp trọng tâm gồm:

- ▶ Đánh giá rủi ro công việc (JSA) bắt buộc trước khi thực hiện;
- ▶ Hệ thống PVD Card để nhận diện rủi ro từ hiện trường;
- ▶ Điều tra sự cố theo phương pháp phân tích nguyên nhân gốc rễ (Root Cause Analysis – RCA);
- ▶ Chia sẻ bài học kinh nghiệm trên toàn hệ thống.

Đồng thời, PV Drilling duy trì trạng thái sẵn sàng thông qua:

- ▶ Diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp định kỳ;



- ▶ Triển khai chiến dịch an toàn (HSE Campaigns);
- ▶ Kiểm soát tuyệt đối sự cố môi trường. Năm 2025, PV Drilling đã đạt thành tích xuất sắc với 0 sự cố môi trường (Zero environmental spills).

2.4 Giải pháp quản trị và cải tiến liên tục: PV Drilling duy trì cơ chế kiểm soát đa tầng:

- ▶ 100% kế hoạch đánh giá nội bộ được hoàn thành;
- ▶ Tổ chức kiểm tra giàn khoan và đánh giá nhà thầu định kỳ;
- ▶ Cập nhật 100% quy trình quản lý chất lượng tại Xí nghiệp Điều hành Khoan theo tiêu chuẩn API Q2.

Các dữ liệu từ:

- ▶ PVD Card;
- ▶ Non-Conformity Report (NCR).

- ▶ Phản hồi của khách hàng được phân tích để cải tiến liên tục.

Năm 2025:

- ▶ Tỷ lệ đóng NCR đúng hạn: 88%;
- ▶ Không có khiếu nại khách hàng;
- ▶ Đánh giá sự hài lòng của khách hàng trên các giàn khoan: đạt mức xuất sắc, từ 96-99%.

3. TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG VÀ DẤU ẤN THÀNH TỰU

Hiệu quả vận hành được đo lường thông qua các chỉ số:

- ▶ **Hiệu suất hoạt động của các giàn khoan (Operating Efficiency):** gần như tuyệt đối, từ 99,7% – 100%;
- ▶ **Hiệu suất sử dụng của các giàn khoan**

(Utilization rate): rất cao, nhiều giàn đạt 365/365 ngày.

- ▶ **Thời gian dừng giàn không kế hoạch (Unplanned NPT):** rất thấp, nhiều giàn khoan có Unplanned NPT = 0.

PV Drilling duy trì thành tích an toàn nổi bật:

- ▶ **Giàn PV DRILLING II:** đạt 16 năm Zero LTI;
- ▶ **Giàn PV DRILLING VI:** đạt 10 năm Zero LTI;

Năm 2025, PV DRILLING I nhận giải Mission: Zero Possible từ Petronas, giàn PV DRILLING VI nhận giải thưởng “Giàn khoan tốt nhất năm 2025” tại Malaysia, khẳng định năng lực vận hành an toàn và hiệu quả theo tiêu chuẩn quốc tế.

TỐI ƯU HÓA VẬN HÀNH & HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 17/11/2025, trong khuôn khổ Hội nghị Gặp gỡ Lãnh đạo cấp cao các đối tác cung cấp dịch vụ năm 2025 với chủ đề "Chung tay vì một ngày mai an toàn hơn", Petronas đã trao tặng PV Drilling giải thưởng "Mission: Zero Possible" cho giàn khoan PV DRILLING I. Giải thưởng danh giá này là sự công nhận cho nỗ lực liên tục của PV Drilling trong việc thực hiện dự án với hiệu quả cao nhất, đi kèm với an toàn tuyệt đối, một trong những tiêu chí hàng đầu của ngành khoan dầu khí.



Trong khuôn khổ các hoạt động tại thị trường quốc tế, giàn khoan tự nâng PV DRILLING VI đã vinh dự được Cơ quan Quản lý các hoạt động dầu khí Malaysia (MPM) trao tặng giải thưởng "Best Rig – Giàn khoan tốt nhất năm 2025". Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng trong việc duy trì hiệu suất vận hành vượt trội và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn quốc tế. Đặc biệt, trong suốt năm 2025, giàn PV DRILLING VI đã đạt thành tích ấn tượng với chỉ số Zero LTI và hiệu suất hoạt động tuyệt đối 100%, minh chứng cho một nền tảng quản trị rủi ro vững chắc và văn hóa an toàn lao động bền vững. Thành tựu này không chỉ khẳng định năng lực cạnh tranh của PV Drilling tại khu vực Đông Nam Á mà còn hiện thực hóa cam kết phát triển bền vững thông qua việc tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và bảo vệ nguồn lực con người – tài sản quý giá nhất của Tổng công ty.





5

BỀN TƯƠNG LAI

5.1	Ứng phó với biến đổi khí hậu	192
5.2	Quản lý năng lượng và giảm phát thải	194
5.3	Đa dạng sinh học	204
5.4	Tuân thủ môi trường và sáng kiến giảm thiểu tác động trong vận hành giàn khoan	210
5.5	Cộng đồng địa phương	216

ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

GRI 11.2.1, 11.2.2
GRI 201-2
SASB EM-SV-110a.2

Tại PV Drilling, chúng tôi không chỉ coi Biến đổi khí hậu (BĐKH) là một rủi ro môi trường mà là một rủi ro chiến lược có tác động trực tiếp đến mô hình kinh doanh và hiệu quả tài chính dài hạn. Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu tại PV Drilling được xây dựng bài bản, chuyển hóa từ thách thức thành động lực để chuyển đổi bền vững:

1. KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO KHÍ HẬU

PV Drilling không tách biệt rủi ro khí hậu mà tích hợp chặt chẽ vào hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) tổng thể để đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả:

- ▶ **Tích hợp chiến lược:** rủi ro khí hậu được tích hợp vào chiến lược kinh doanh nhằm nhận diện và thích ứng với những thay đổi trong môi trường kinh doanh.
- ▶ **Tiêu chuẩn áp dụng:** hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế như ISO 31000 và khung COSO ERM 2017, giúp tích hợp chặt chẽ giữa quản trị rủi ro với chiến lược và hiệu suất hoạt động.
- ▶ **Mô hình quản trị:** áp dụng mô hình ba tuyến để đảm bảo sự giám sát liên tục từ cấp đơn vị vận hành đến cấp Hội đồng quản trị, giúp nhận diện sớm các rủi ro khí hậu tiềm ẩn. COSO ERM 2017, giúp tích hợp chặt chẽ giữa quản trị rủi ro với chiến lược và hiệu suất hoạt động.

2. RỦI RO VẬT LÝ (PHYSICAL RISKS)

PV Drilling nhận diện các tác động trực tiếp của môi trường tự nhiên lên tài sản và hoạt động khoan, đặc biệt là các hiện tượng thời tiết cực đoan:

- ▶ **Tác động môi trường làm việc:** sự gia tăng nhiệt độ, nước biển dâng và bão lũ bất thường đe dọa trực tiếp đến môi trường làm việc trên biển.
- ▶ **Gia tăng chi phí:** các điều kiện khắc nghiệt buộc Tổng công ty phải tăng chi phí đầu tư để nâng cấp thiết bị, tăng chi phí bảo dưỡng, bảo hiểm giàn khoan và chi phí cho các biện pháp ứng phó khẩn cấp.
- ▶ **Gián đoạn chuỗi cung ứng:** các hiện tượng như lũ lụt, lốc xoáy có thể gây gián đoạn vận chuyển, tăng chi phí logistics và hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vật tư đầu vào quan trọng.

3. RỦI RO CHUYỂN DỊCH (TRANSITION RISKS)

Đây là nhóm rủi ro liên quan đến quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp, tác động mạnh mẽ đến chiến lược kinh doanh của PV Drilling:

- ▶ **Pháp lý và Chính sách:** áp lực từ các quy định giảm phát thải khí nhà kính (GHG), thuế carbon hoặc phí phát thải. Các yêu cầu bắt buộc về báo cáo ESG làm gia tăng chi phí tuân thủ.
- ▶ **Thay đổi nhu cầu thị trường:** xu hướng chuyển dịch từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo có thể làm giảm nhu cầu dịch vụ khoan dầu khí truyền thống, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu.
- ▶ **Yêu cầu từ khách hàng và nhà đầu tư:** khách hàng ngày càng ưu tiên các giải pháp công nghệ ít phát thải. Điều này tạo áp lực buộc PV Drilling phải đầu tư đổi mới công nghệ để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe, nếu không sẽ mất lợi thế cạnh tranh.

4. CƠ HỘI TỪ CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG

PV Drilling xem biến đổi khí hậu là động lực để đổi mới công nghệ và mở rộng sang các lĩnh vực mới, hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050. PV Drilling đang nghiên cứu và phát triển và định hướng chuyển dịch sang nguồn năng lượng tái tạo, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

Nghiên cứu áp dụng CCUS/CCS, phát triển lĩnh vực mới về dịch vụ điện gió ngoài khơi.

Ứng dụng công nghệ mới và Giảm phát thải:

- ▶ Phần mềm giám sát năng lượng: triển khai phần mềm MAESTRO™ trên giàn khoan giúp tối ưu hóa công suất phát điện, dự kiến giảm khoảng 7% tổng năng lượng tiêu thụ, tương đương 577,8 tấn dầu DO/năm, qua đó giảm khoảng 1.847 tấn CO₂e/năm.
- ▶ Chuyển đổi thiết bị: thay thế đèn huỳnh quang bằng đèn LED trên toàn bộ giàn

khoan. Số lượng đèn LED thay thế lũy kế đạt 3.872 bóng vào năm 2025, tương ứng tỷ lệ thay thế 81%. Lượng dầu DO tiết kiệm đạt 838 tấn/năm (2023), 1.004 tấn/năm (2024) và 1.119 tấn/năm (2025), góp phần giảm đáng kể phát thải khí nhà kính.

- ▶ **Nhiên liệu sạch:** sử dụng nhiên liệu Bio-Diesel thay cho Diesel truyền thống để chạy máy phát trên giàn khoan PV DRILLING II (từ 12/2022) và PV DRILLING III (từ 5/2025), giúp giảm khoảng 6.898 tấn CO₂e, trong đó PV DRILLING II giảm 3.830 tấn CO₂e/năm và PV DRILLING III giảm 3.068 tấn CO₂e/năm.

Định hướng dài hạn và nâng cao hiệu quả:

- ▶ **Mở rộng sang năng lượng tái tạo:** PV Drilling đang nghiên cứu đầu tư và phát triển dịch vụ cho lĩnh vực điện gió ngoài khơi, tham gia vào chuỗi cung ứng năng lượng tái tạo để đa dạng hóa nguồn thu và giảm phụ thuộc vào dầu khí truyền thống.
- ▶ **Nâng cao năng lực cạnh tranh:** việc chủ động áp dụng công nghệ xanh và tuân thủ các chuẩn mực ESG giúp PV Drilling nâng cao uy tín thương hiệu, đáp ứng yêu cầu của các khách hàng quốc tế khó tính và các tổ chức tài chính xanh.
- ▶ **Trồng cây gây rừng:** thực hiện dự án trồng cây xanh (góp phần thực hiện cam kết trồng 3 triệu cây xanh cùng Petrovietnam) nhằm tạo ra các giá trị bền vững cho môi trường và cộng đồng.

5. CÔNG BỐ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

TRỤ CỘT	MÃ CHỈ SỐ	DIỄN GIẢI	ĐƠN VỊ	NĂM 2025
Môi trường	E1.1	Tổng số ngày khoan/vận hành bị mất do điều kiện thời tiết cực đoan gây ảnh hưởng đến doanh thu (Zero rate hoặc standby rate theo hợp đồng)	ngày	PV DRILLING I: 16 ngày PV DRILLING II: 0 ngày PV DRILLING III: 0 ngày PV DRILLING V: 104,8 ngày PV DRILLING VI: 0 ngày PV DRILLING VIII: 0 ngày
	E1.2	Chi phí đầu tư (CapEx) được phân bổ cho kế hoạch/hoạt động liên quan đến phát triển bền vững	tỷ đồng	262
	E1.3	Chi phí hoạt động (OpEx) được phân bổ cho hoạt động liên quan đến phát triển bền vững	tỷ đồng	3.025



QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG VÀ GIẢM PHÁT THẢI

GRI 11.1.1



1. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG – PHÁT THẢI

Trong bối cảnh ngành dầu khí toàn cầu chịu tác động ngày càng rõ nét từ xu hướng chuyển dịch năng lượng, các cam kết giảm phát thải khí nhà kính và yêu cầu gia tăng về minh bạch ESG, PV Drilling xác định quản lý năng lượng hiệu quả và kiểm soát phát thải khí nhà kính là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững và quản trị doanh nghiệp. Định hướng này đã được thể chế hóa thông qua Khung chính sách Phát triển bền vững của PV Drilling do Hội đồng quản trị ban hành, trong đó nhấn mạnh việc tích hợp quản lý năng lượng và phát thải vào hoạt động vận hành, quản trị rủi ro và cải tiến hiệu quả trong dài hạn.

Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, PV Drilling không trực tiếp thực hiện hoạt động khai thác hay chế biến dầu khí. Tuy nhiên, hoạt động vận hành giàn khoan ngoài khơi và cung cấp dịch vụ khoan có đặc thù tiêu thụ năng lượng lớn, chủ yếu là nhiên liệu hóa thạch (dầu DO) phục vụ phát điện, vận hành thiết bị khoan, phương tiện vận tải và các hệ thống hỗ trợ. Trên cơ sở đó, công tác quản lý năng lượng và giảm phát thải tại PV Drilling được tiếp cận theo hướng gắn liền với hiệu quả vận hành và an toàn, phù hợp với đặc thù doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật

cao, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, đồng thời hướng tới cải tiến liên tục và giảm cường độ phát thải, thay vì chỉ tập trung vào giảm tuyệt đối.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị PV Drilling đã ban hành Mục tiêu Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG), trong đó xác định rõ các ưu tiên liên quan đến quản lý phát thải khí nhà kính phạm vi 1 và 2, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tuân thủ pháp luật về môi trường và hạn chế các tác động môi trường tiêu cực trong quá trình vận hành. Trên cơ sở các mục tiêu này, Tổng công ty tiếp tục triển khai các chương trình quản lý năng lượng theo định hướng cải tiến liên tục, tập trung vào việc giảm cường độ tiêu thụ năng lượng và cường độ phát thải trên doanh thu, phản ánh phù hợp với bối cảnh mở rộng quy mô hoạt động.

Đặc biệt, PV Drilling đã phê duyệt Định lượng mục tiêu ESG giai đoạn 2026 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó các chỉ tiêu về môi trường được xác định rõ ràng và có thể đo lường. Cụ thể, đối với phát thải khí nhà kính phạm vi 1 và phạm vi 2, Tổng công ty đặt mục tiêu giảm 2% cường độ phát thải trên doanh thu trong năm 2026 và giảm 10% cường độ phát thải trên doanh thu đến năm 2030, so với dữ liệu năm 2025 được lựa chọn làm năm cơ sở.

Bên cạnh đó, các mục tiêu về tiết kiệm điện năng, kiểm soát chất thải và tuân thủ pháp luật về môi trường cũng được xây dựng trên cùng nguyên tắc định lượng và lộ trình cải thiện cụ thể cho từng giai đoạn. Các mục tiêu này tạo nền tảng để PV Drilling tiếp tục mở rộng các sáng kiến công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý năng lượng, đồng thời tăng cường phối hợp với khách hàng và đối tác nhằm nâng cao hiệu quả giảm phát thải trong toàn bộ chuỗi giá trị dịch vụ dầu khí.

QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG VÀ GIẢM PHÁT THẢI (TIẾP THEO)

2. PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG



a) Phạm vi quản lý năng lượng

Công tác quản lý năng lượng tại PV Drilling được triển khai trên toàn bộ phạm vi hoạt động, bao gồm các giàn khoan ngoài khơi, văn phòng – nhà xưởng – cơ sở trên bờ và tàu ứng phó sự cố tràn dầu. Các dạng năng lượng chính được theo dõi và quản lý được sử dụng cho các thiết bị và cơ sở cụ thể như sau:

- ▶ Điện năng (từ lưới điện): được sử dụng chủ yếu tại văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi và các cơ sở trên bờ, phục vụ cho chiếu sáng, điều hòa không khí, vận hành máy móc, thiết bị văn phòng và các hệ thống kỹ thuật phụ trợ.
- ▶ Xăng: được sử dụng với khối lượng hạn chế cho một số phương tiện, thiết bị cơ giới phục vụ vận hành, hậu cần. Lượng tiêu thụ này có quy mô nhỏ và thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của PV Drilling.
- ▶ Dầu DO: được sử dụng chủ yếu cho hoạt động vận hành các giàn khoan ngoài khơi (bao gồm giàn khoan tự nâng và giàn khoan nửa nổi nửa chìm), nhằm vận hành hệ thống phát điện, thiết bị khoan, động cơ và các hệ thống kỹ thuật phục vụ hoạt động khoan. Phần lớn lượng dầu DO này do khách hàng/chủ mỏ cung cấp và chi trả, do đó không thuộc phạm vi phát thải phạm vi 1 của PV Drilling, mà được ghi nhận trong chuỗi giá trị (phạm vi 3) theo thông lệ GHG Protocol.

- ▶ Nhiên liệu sinh học (Bio-Diesel): được sử dụng thay thế một phần dầu DO tại một số giàn khoan theo yêu cầu của khách hàng trong từng hợp đồng cụ thể, góp phần giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong quá trình vận hành. Tương tự dầu DO trên giàn khoan, lượng nhiên liệu Bio-Diesel này không thuộc phạm vi 1 của PV Drilling, mà được xem là một phần phát thải trong chuỗi giá trị (phạm vi 3), thể hiện vai trò hỗ trợ khách hàng giảm phát thải.

Việc xác định rõ mối liên hệ giữa loại năng lượng – thiết bị – cơ sở sử dụng giúp PV Drilling kiểm soát hiệu quả tiêu thụ năng lượng, phục vụ công tác theo dõi phát thải khí nhà kính theo từng phạm vi (phạm vi 1, phạm vi 2) đồng thời làm cơ sở triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải trong toàn bộ chuỗi giá trị hoạt động.

b) Phương pháp theo dõi và đánh giá

PV Drilling thực hiện việc theo dõi và quản lý tiêu thụ năng lượng cũng như phát thải khí nhà kính thông qua hệ thống báo cáo nội bộ PVD HSEQ Reporting Online từ năm 2018. Dữ liệu được các đơn vị thành viên và Văn phòng Tổng công ty cập nhật định kỳ hằng tháng, cho phép PV Drilling tổng hợp, phân tích và theo dõi diễn biến tiêu thụ năng lượng và phát thải theo thời gian. Trên cơ sở đó, PV Drilling tăng cường công tác giám sát, hỗ trợ điều hành và sử dụng thông tin làm đầu vào cho việc xây dựng, theo dõi các chỉ tiêu môi trường, đánh giá hiệu quả triển khai các giải pháp kỹ thuật, đồng thời phục vụ việc rà soát và điều chỉnh kế hoạch quản lý năng lượng và phát thải trong các giai đoạn tiếp theo.

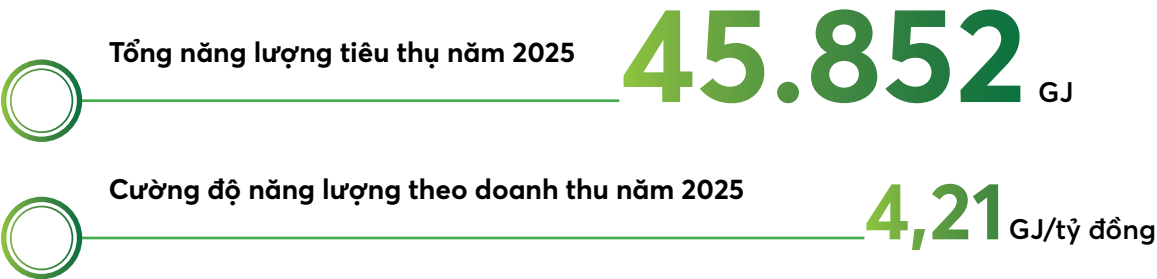
Do đặc thù hoạt động dịch vụ, PV Drilling không phân bổ tiêu thụ năng lượng theo đơn vị sản phẩm như các doanh nghiệp sản xuất. Tuy nhiên, PV Drilling vẫn thực hiện theo dõi, giám sát và phân tích tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính theo thời gian và theo quy mô doanh thu. Hiệu quả sử dụng năng lượng được đánh giá thông qua tổng mức tiêu thụ năng lượng và các chỉ số cường độ tiêu thụ năng lượng theo doanh thu, qua đó phản ánh mức độ hiệu quả sử dụng tài nguyên trong bối cảnh quy mô hoạt động và doanh thu có sự thay đổi qua các năm.

3. HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2023-2025

GRI 11.1.2, 11.1.4
GRI 302-1, 302-3, 302-4

Trong giai đoạn 2023-2025, tổng mức tiêu thụ năng lượng của PV Drilling tăng mạnh theo quy mô hoạt động, từ 10.789 GJ năm 2023 lên 24.846 GJ năm 2024 và đạt 45.852 GJ năm 2025. Đồng thời, cường độ năng lượng theo doanh thu cũng gia tăng từ 2,68 GJ/tỷ đồng trong năm 2024 lên 4,21 GJ/tỷ đồng trong năm 2025.

Nguyên nhân chủ yếu của sự gia tăng đáng kể cường độ năng lượng theo doanh thu là do hoạt động thuê tàu NASOS để triển khai dịch vụ của PVD Offshore tăng mạnh trong năm 2025, dẫn đến lượng dầu DO tiêu thụ tăng từ 215 tấn năm 2024 lên 661 tấn năm 2025 (chiếm khoảng 92% tổng lượng DO tiêu thụ trong năm). Đây là yếu tố mang tính thời điểm, tuy không phản ánh xu hướng dài hạn nhưng cho thấy nhu cầu tiếp tục tối ưu hóa tiêu thụ nhiên liệu và nâng cao hiệu quả vận hành trong thời gian tới.

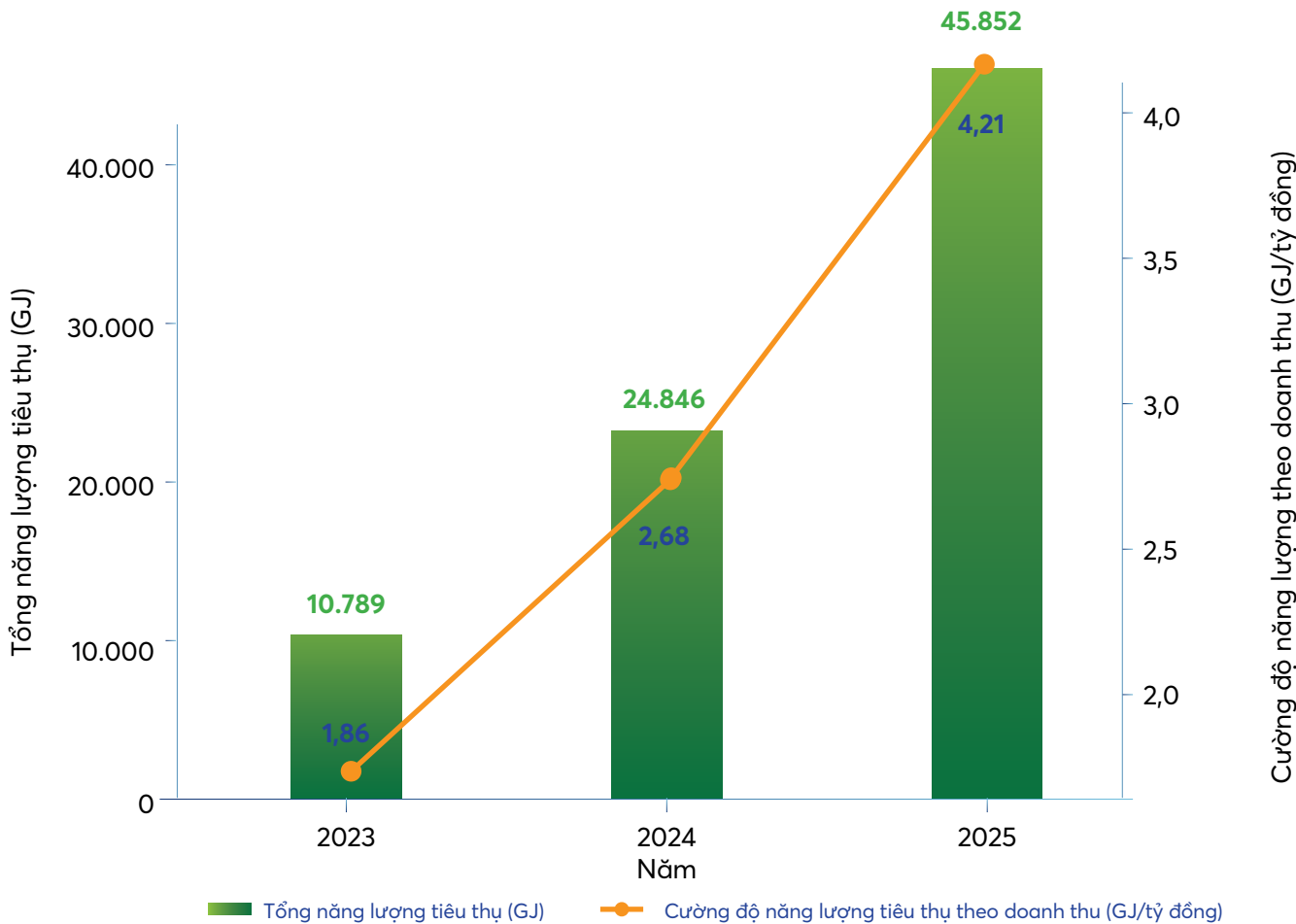


Tổng hợp tiêu thụ năng lượng của PV Drilling giai đoạn 2023-2025

LOẠI NĂNG LƯỢNG	ĐƠN VỊ	2023	2024	2025
Nhiên liệu hóa thạch (DO + xăng)	Tấn	44	362	850
	GJ	1.901	15.624	36.465
Điện	kWh	2.469.130	2.561.694	2.607.599
	GJ	8.889	9.222	9.387
Tổng năng lượng	GJ	10.789	24.846	45.852

QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG
VÀ GIẢM PHÁT THẢI (TIẾP THEO)

Năng lượng PV Drilling tiêu thụ giai đoạn 2023-2025



Điện năng tiêu thụ của PV Drilling ghi nhận xu hướng tăng nhẹ, từ 2.469.130 kWh năm 2023 lên 2.561.694 kWh năm 2024 và đạt 2.607.599 kWh năm 2025. Trong khi đó, cường độ tiêu thụ điện theo doanh thu giảm rõ rệt từ 425,42 kWh/tỷ đồng năm 2023 xuống 275,81 kWh/tỷ đồng năm 2024 và còn 239,30 kWh/tỷ đồng năm 2025. Xu hướng này cho thấy hiệu quả của các biện pháp quản lý, kiểm soát và tối ưu sử dụng điện năng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong toàn hệ thống.

Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật và tối ưu vận hành, PV Drilling chú trọng duy trì công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc và thiết bị theo quy trình nghiêm ngặt, tuân thủ đầy đủ hướng dẫn của nhà sản xuất, các tiêu chuẩn công nghiệp và các công ước quốc tế liên quan. Công tác bảo trì được thực hiện định kỳ trên cơ sở ứng dụng các hệ thống quản lý tài sản hiện đại, trong đó IBM Maximo được sử dụng để theo dõi tình trạng thiết bị, lập kế hoạch bảo dưỡng và kiểm soát vòng đời tài

sản một cách hệ thống và nhất quán. Việc đảm bảo máy móc, thiết bị luôn ở trạng thái vận hành an toàn và hiệu quả không chỉ góp phần nâng cao độ tin cậy và an toàn trong hoạt động khoan mà còn giúp giảm mức tiêu thụ nhiên liệu, qua đó hạn chế phát thải khí nhà kính phát sinh trong quá trình vận hành. Cách tiếp cận này thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa hiệu quả sử dụng năng lượng, an toàn vận hành và mục tiêu giảm phát thải của PV Drilling trong trung và dài hạn.

Lượng dầu DO tiết kiệm nhờ sử dụng đèn LED năm 2025

4. CÁC SÁNG KIẾN NÂNG CAO HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

GRI 302-5

a) Ứng dụng công nghệ số trong kiểm soát tiêu thụ năng lượng

PV Drilling tiếp tục thúc đẩy đổi mới công nghệ trong vận hành giàn khoan, tiêu biểu là việc triển khai phần mềm MAESTRO™ tại giàn PV DRILLING V nhằm tăng cường giám sát và tối ưu mức tiêu thụ nhiên liệu cho các thiết bị khoan và hệ thống liên quan. Giải pháp này được lắp đặt và vận hành thử nghiệm trong giai đoạn từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2025, dự kiến chính thức vận hành từ năm 2026.

MAESTRO™ là ứng dụng bổ trợ được tích hợp trên nền tảng hệ thống điều khiển Amphion™, cho phép thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu vận hành theo thời gian thực. Thông qua việc giám sát liên tục các thông số khoan và chế độ vận hành của giàn, phần mềm tự động tính toán nhu cầu công suất phát điện phù hợp, từ đó xác định mức phát điện tối ưu cho từng giai đoạn hoạt động, hạn chế tình trạng phát điện dư thừa và tiêu thụ nhiên liệu không cần thiết.

Theo ước tính, khi được vận hành ổn định, MAESTRO™ có thể giúp giảm khoảng 7% tổng năng lượng tiêu thụ, tương đương 577,8 tấn dầu DO mỗi năm, qua đó giảm khoảng 1.847 tấn CO₂e/năm. Giải pháp này dự kiến triển khai chính thức từ năm 2026, đóng góp tích cực vào các mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính trong trung và dài hạn của Tổng công ty.

1.119

tấn/năm



Thông qua việc cân đối hợp lý giữa nhu cầu năng lượng và yêu cầu kỹ thuật, MAESTRO™ không chỉ góp phần giảm tiêu thụ nhiên liệu mà còn đảm bảo an toàn, độ ổn định và hiệu quả hoạt động khoan. Việc ứng dụng giải pháp này thể hiện rõ định hướng của PV Drilling trong việc kết hợp chuyển đổi số và cải tiến công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, hỗ trợ quản lý năng lượng và phát thải theo thông lệ quốc tế, đồng thời phù hợp với chiến lược phát triển bền vững và quản trị ESG của Tổng công ty.

b) Chuyển đổi sang thiết bị tiết kiệm năng lượng

Kế thừa các chương trình đã triển khai từ năm 2022, PV Drilling tiếp tục đẩy mạnh dự án thay thế hệ thống chiếu sáng truyền thống bằng đèn LED trên các giàn khoan và cơ sở vận hành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính. Số lượng bóng đèn LED được thay thế tăng đều qua các năm, từ 2.470 bóng năm 2023 lên 3.530 bóng năm 2024 và đạt 3.872 bóng năm 2025 (số lượng lũy kế). Tương ứng, tỷ lệ thay thế đèn LED trên các giàn khoan đã được cải thiện rõ rệt, từ 52% năm 2023, tăng lên 74% năm 2024 và đạt 81% vào cuối năm 2025, phản ánh tiến độ triển khai ổn định và hiệu quả của chương trình.

Việc thay thế đèn LED đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc giảm tiêu thụ nhiên liệu cho phát điện trên giàn khoan. Lượng dầu DO tiết kiệm được nhờ sử dụng đèn LED ghi nhận 838 tấn/năm (2023), tăng lên 1.004 tấn/năm (2024) và đạt 1.119 tấn/năm (2025). Các kết quả này cho thấy chương trình không chỉ góp phần giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính mà còn hỗ trợ PV Drilling cải thiện hiệu quả vận hành và

QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG VÀ GIẢM PHÁT THẢI (TIẾP THEO)

kiểm soát chi phí năng lượng trong bối cảnh quy mô hoạt động gia tăng.

c) Chuyển đổi sang nhiên liệu có mức phát thải thấp hơn

Trong khuôn khổ các hợp đồng khoan với khách hàng quốc tế, PV Drilling phối hợp triển khai giải pháp sử dụng nhiên liệu sinh học Bio-Diesel (B30) thay thế Diesel truyền thống tại một số giàn khoan thực hiện dự án cho khách hàng Pertamina. Cụ thể, giàn PV DRILLING II bắt đầu sử dụng Bio-Diesel từ tháng 12/2022 và giàn PV DRILLING III triển khai từ tháng 5/2025.

Riêng trong năm 2025, tổng lượng Bio-Diesel sử dụng tại các giàn khoan đạt 6.241 tấn, tương ứng lượng phát thải khoảng 13.056 tấn CO₂e. Việc chuyển đổi từ Diesel sang Bio-Diesel đã giúp giảm tổng lượng phát thải khí nhà kính khoảng 6.898 tấn CO₂e trong năm 2025, trong đó giàn PV DRILLING II đóng góp mức giảm khoảng 3.830 tấn CO₂e/năm và giàn PV DRILLING III khoảng 3.068 tấn CO₂e/năm.

Lượng nhiên liệu dầu DO tiêu thụ trên các giàn khoan của PV Drilling trong khuôn khổ các hợp đồng khoan do khách hàng chịu trách nhiệm chi trả được ghi nhận là phát thải phạm vi 1 (phạm vi 1) của khách hàng. Đối với PV Drilling, các phát thải này được xác định là phát thải gián tiếp phạm vi 3 (phạm vi 3) trong chuỗi giá trị, phát sinh từ hoạt động cung cấp dịch vụ khoan.

Mặc dù không thuộc phạm vi phát thải phạm vi 1 của PV Drilling, PV Drilling vẫn theo dõi, tính toán và công bố thông tin đối với các phát thải phạm vi 3 liên quan, đồng thời chủ động phối hợp với khách hàng triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả năng lượng, như thay thế hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED, triển khai phần mềm MAESTRO™ và sử dụng nhiên liệu Bio-Diesel. Cách tiếp cận này thể hiện vai trò chủ động của PV Drilling trong hỗ trợ khách hàng giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thúc đẩy giảm phát thải trong toàn bộ chuỗi giá trị và phù hợp với định hướng quản lý phát thải theo thông lệ quốc tế.

5. KIỂM KÊ VÀ QUẢN LÝ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

GRI 11.1.5, 11.1.6, 11.1.8, 11.2.3

GRI 305-1, 305-2, 305-4, 305-5

a) Phạm vi kiểm kê

PV Drilling thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính định kỳ hằng năm phù hợp với tham chiếu theo GRI 305, thông lệ quốc tế và đáp ứng chương trình của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), phạm vi kiểm kê bao gồm:

- ▶ **Phạm vi 1:** phát thải trực tiếp từ tiêu thụ dầu DO cho phương tiện, máy phát điện, tàu ứng phó sự cố;
- ▶ **Phạm vi 2:** phát thải gián tiếp từ điện năng tiêu thụ tại văn phòng, nhà xưởng.

b) Kết quả phát thải giai đoạn 2023-2025

SASB EM-SV-110a.1

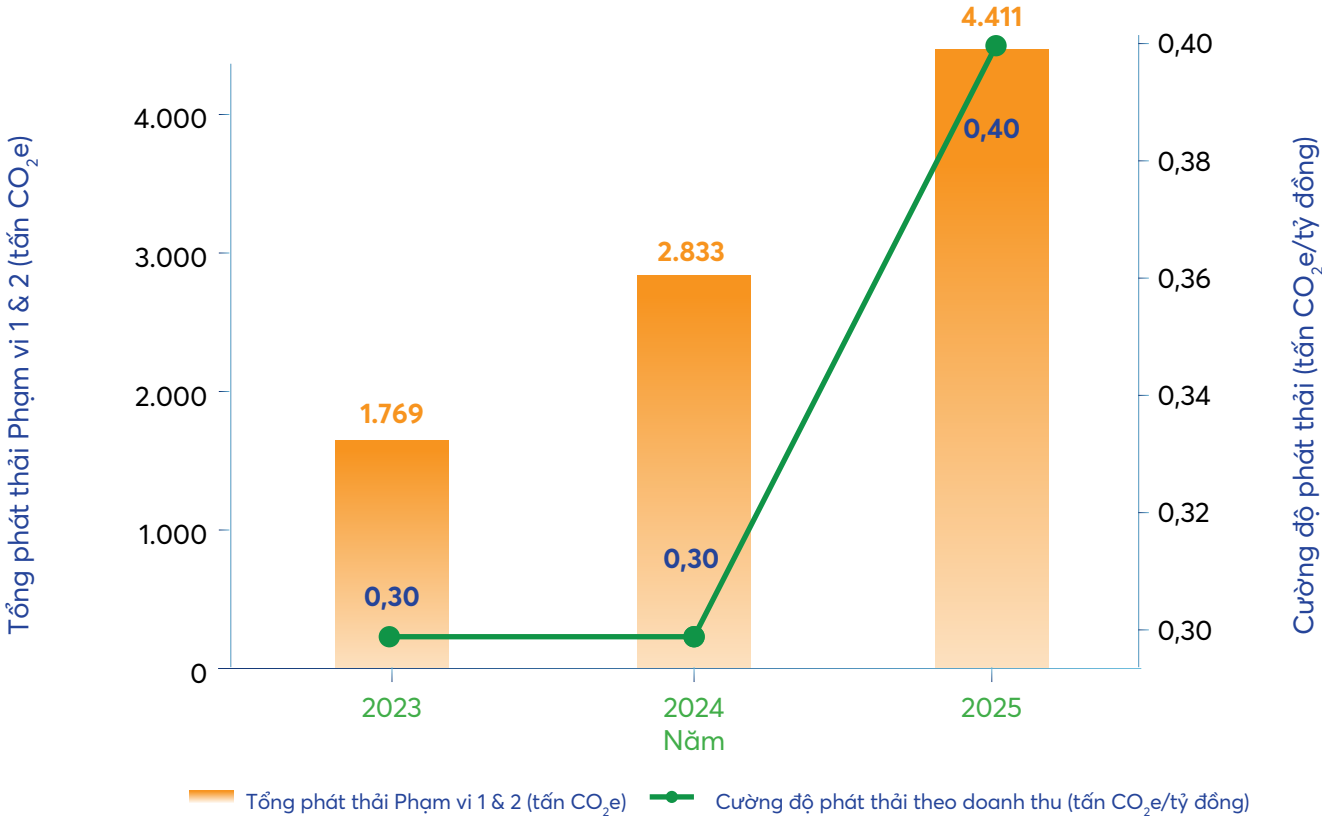
Trong giai đoạn 2023-2025, tổng phát thải khí nhà kính Phạm vi 1 & 2 của PV Drilling lần lượt đạt 1.769 tấn CO₂e (2023), 2.833 tấn CO₂e (2024) và 4.411 tấn CO₂e (2025), ghi nhận xu hướng tăng theo quy mô hoạt động. Đồng thời, cường độ phát thải theo doanh thu duy trì ở mức 0,30 tấn CO₂e/tỷ đồng trong hai năm 2023-2024 và tăng lên 0,40 tấn CO₂e/tỷ đồng năm 2025.

Sự gia tăng cường độ phát thải trong năm 2025 chủ yếu đến từ việc hoạt động thuê tàu NASOS để triển khai dịch vụ của PVD Offshore tăng mạnh, kéo theo lượng dầu DO tiêu thụ gia tăng đáng kể như đã trình bày ở phần trên. Đây là nguồn phát thải trực tiếp (phạm vi 1) có cường độ cao, làm gia tăng tổng phát thải trong kỳ.

Cường độ phát thải theo doanh thu tăng theo quy mô hoạt động

0,40 tấn CO₂e/tỷ đồng

Phát thải khí nhà kính PV Drilling giai đoạn 2023-2025



6. KIỂM KÊ VÀ KIỂM SOÁT CÁC CHẤT Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ

GRI 11.3.1, 11.3.2

GRI 305-7

Bên cạnh kiểm kê phát thải khí nhà kính, PV Drilling thực hiện theo dõi và kiểm soát các chất ô nhiễm không khí phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu phục vụ vận hành phương tiện, máy móc và thiết bị hỗ trợ, bao gồm NO_x và SO_x. Công tác kiểm kê được thực hiện định kỳ hằng năm, trên cơ sở số liệu tiêu thụ nhiên liệu dầu DO và các hệ số phát thải phù hợp, nhằm đánh giá mức độ phát sinh và hỗ trợ công tác quản lý môi trường trong quá trình vận hành.

Trong giai đoạn 2023-2025, lượng nhiên liệu dầu DO tiêu thụ và các chất ô nhiễm không khí phát sinh có sự biến động tương ứng với quy mô hoạt động của PV Drilling. Dữ liệu tiêu thụ nhiên liệu và phát thải không khí được thu thập, cập nhật và tổng hợp thông qua hệ thống HSEQ Reporting Online, trên cơ sở báo cáo định kỳ từ các đơn vị, làm căn cứ xác định và theo dõi các chỉ tiêu môi trường.

Cụ thể, lượng dầu DO tiêu thụ tăng mạnh từ 43,89 tấn năm 2023 lên 239,56 tấn năm 2024 và đạt 721,54 tấn năm 2025. Tương ứng, lượng NO_x phát

thải tăng từ 2,61 tấn lên 14,23 tấn và 42,86 tấn, trong khi SO_x duy trì ở mức thấp nhưng cũng tăng dần từ 0,02 tấn lên 0,10 tấn và 0,29 tấn qua các năm.

Lượng khí thải của PV Drilling giai đoạn 2023-2025:

NĂM	LƯỢNG DO TIÊU THỤ (tấn)	LƯỢNG NO _x PHÁT THẢI (tấn)	LƯỢNG SO _x PHÁT THẢI (tấn)
2025	721,54	42,86	0,29
2024	239,56	14,23	0,10
2023	43,89	2,61	0,02

Việc kiểm soát các chất ô nhiễm không khí được thực hiện thông qua duy trì chế độ vận hành và bảo trì thiết bị nghiêm ngặt, tối ưu hiệu suất đốt nhiên liệu, tối ưu công suất phát điện và ứng dụng các công cụ số trong giám sát vận hành. Cách tiếp cận này giúp PV Drilling hạn chế phát sinh các chất ô nhiễm không khí, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về môi trường và góp phần giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình cung cấp dịch vụ.

QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG VÀ GIẢM PHÁT THẢI (TIẾP THEO)

7. THEO DÕI, KIỂM SOÁT VÀ CẢI TIẾN LIÊN TỤC

PV Drilling duy trì hệ thống theo dõi tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính thông qua phần mềm PVD HSEQ Reporting Online, cho phép thu thập dữ liệu hàng tháng, phân tích xu hướng và hỗ trợ ra quyết định quản lý. Các dữ liệu này được sử dụng làm cơ sở để xây dựng KPI môi trường, đánh giá hiệu quả các sáng kiến kỹ thuật và cập nhật định hướng cải tiến trong các năm tiếp theo.

8. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

Trong trung và dài hạn, PV Drilling tiếp tục ưu tiên:

- ▶ Mở rộng ứng dụng công nghệ số trong tối ưu vận hành;
- ▶ Tăng cường các giải pháp tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu;
- ▶ Phối hợp với khách hàng và đối tác trong triển khai nhiên liệu ít phát thải;
- ▶ Từng bước nâng cao chất lượng kiểm kê và quản lý phát thải phù hợp với các yêu cầu ESG và lộ trình giảm phát thải của Petrovietnam.

Thông qua các nỗ lực này, công tác quản lý năng lượng và giảm phát thải của PV Drilling không chỉ góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường mà còn trực tiếp cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực, tối ưu chi phí vận hành, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh và nền tảng phát triển bền vững của Tổng công ty trong giai đoạn tới.

Các hoạt động quản lý năng lượng và giảm phát thải năm 2025 của PV Drilling không chỉ dừng lại ở

các giải pháp kỹ thuật đơn lẻ, mà từng bước được định hình như một cấu phần trong định hướng quản trị và chiến lược phát triển bền vững của PV Drilling, tạo cơ sở cho việc triển khai các mục tiêu ESG trong trung và dài hạn.



ĐA DẠNG SINH HỌC

GRI 11.4.1, 11.4.3, 11.4.4
GRI 304-2, 304-3
EM-SV-160a.2



Thông qua các biện pháp kiểm soát kỹ thuật và quản lý nêu trên, PV Drilling hướng tới việc hạn chế tối đa các tác động bất lợi đối với hệ sinh thái biển và góp phần bảo vệ đa dạng sinh học tại các khu vực hoạt động.

Tỷ lệ dự án có đánh giá rủi ro đa dạng sinh học từ 2023-2025 đạt

100%

Tác động của hoạt động khoan dầu khí đến đa dạng sinh học

Hoạt động khoan dầu khí ngoài khơi đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an ninh năng lượng, đồng thời có thể phát sinh các tác động tiềm tàng đến hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học nếu không được quản lý hiệu quả. Đối với các giàn khoan tự nâng và giàn TAD do PV Drilling vận hành, các tác động tiềm tàng đến đa dạng sinh học chủ yếu phát sinh trong các giai đoạn di chuyển, lắp đặt giàn khoan và vận hành giàn khoan, với mức độ ảnh hưởng khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm kỹ thuật, điều kiện tự nhiên và mức độ nhạy cảm của môi trường tiếp nhận.

Các tác động liên quan đến đa dạng sinh học đã được chủ mở nhận diện và đánh giá trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành tại quốc gia triển khai dự án. Trong phạm vi vai trò là nhà thầu khoan, PV Drilling tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý hiện hành, áp dụng hệ thống quản lý HSEQ thống nhất, phối hợp chặt chẽ với khách hàng trong công tác quản lý nguồn thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Thông qua các biện pháp kiểm soát kỹ thuật và quản lý nêu trên, PV Drilling hướng tới việc hạn chế tối đa các tác động bất lợi đối với hệ sinh thái biển và góp phần bảo vệ đa dạng sinh học tại các khu vực hoạt động.

Một số chỉ số đo lường

Chỉ số – đa dạng sinh học	2023	2024	2025
Số lần thực hiện đánh giá tác động đến đa dạng sinh học	Khách hàng (chủ mở) thực hiện		
Tỷ lệ dự án có đánh giá rủi ro đa dạng sinh học (tích hợp trong hồ sơ khía cạnh môi trường và đánh giá tác động)	100%	100%	100%
Số dự án thực hiện ở khu vực nhạy cảm về môi trường, đa dạng sinh học	0	0	0

ĐA DẠNG SINH HỌC (TIẾP THEO)



1. CÁC NGUỒN TÁC ĐỘNG CHÍNH ĐẾN HỆ SINH THÁI

Các hoạt động và quá trình liên quan đến khoan dầu khí có thể gây ra những tác động nhất định đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học đại dương, bao gồm:

Di chuyển và định vị giàn khoan

Sự hiện diện và di chuyển của giàn khoan khi tiến hành khoan giếng có thể ảnh hưởng đến lớp trầm tích và hệ sinh vật đáy. Đối với giàn khoan tự nâng, việc nâng và hạ các chân đế gây ra sự xáo trộn trầm tích cục bộ tại khu vực đáy biển. Tuy nhiên, các tác động này thường mang tính ngắn hạn và cục bộ do thời gian chiếm giữ vị trí của giàn khoan tương đối ngắn, phạm vi ảnh hưởng nhỏ và khả năng phục hồi tự nhiên của hệ sinh thái đáy biển tương đối cao.

Chất thải từ dung dịch khoan và mùn khoan

Trong quá trình khoan, chất thải từ dung dịch khoan và mùn khoan có thể gây ra tác động vật lý, hóa học và sinh học đối với môi trường biển xung quanh khu vực thải. Mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào khối lượng và thành phần chất thải, điều kiện thủy văn cũng như mức độ nhạy cảm của môi trường tiếp nhận. Những biến đổi này có thể dẫn đến tác động tạm thời đối với cấu trúc và mật độ quần xã sinh vật đáy tại khu vực lân cận điểm thải. Các tác động này thường mang tính cục bộ, có thể kiểm soát và suy giảm theo thời gian khi hoạt động khoan kết thúc và điều kiện môi trường được phục hồi.

Các sự cố môi trường

Mặc dù có xác suất xảy ra thấp, các sự cố như rò rỉ hoặc tràn dầu, tràn đổ hóa chất, cháy nổ vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây tác động nghiêm trọng đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển. Trong trường hợp xảy ra, những sự cố này có thể gây tổn thương sinh học đối với cá, động vật biển có vú và chim biển, đồng thời gây ô nhiễm môi trường nước và trầm tích, ảnh hưởng đến chuỗi thức ăn và khả năng phục hồi của hệ sinh thái trong nhiều năm.

Một số tác động khác

Trong quá trình vận hành giàn khoan và các hoạt động hỗ trợ, một số yếu tố môi trường có thể phát sinh như mùn khoan, chất thải trong quá trình khoan và tiếng ồn từ hoạt động vận hành thiết bị. Việc phát sinh mùn khoan có thể gây gia tăng độ đục và lắng đọng trầm tích cục bộ tại khu vực lân cận điểm thải, với phạm vi ảnh hưởng phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và biện pháp quản lý áp dụng. Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khoan cũng là một yếu tố môi trường cần được kiểm soát, do có khả năng ảnh hưởng đến hành vi di chuyển, kiếm ăn và sinh sản của một số loài sinh vật biển. Tuy nhiên, mức độ tác động phụ thuộc vào cường độ, tần suất tiếng ồn và mức độ nhạy cảm của từng loài, và thường được quản lý thông qua các biện pháp vận hành phù hợp.

ĐA DẠNG SINH HỌC (TIẾP THEO)

2. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐA DẠNG SINH HỌC

PV Drilling nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì hệ sinh thái biển trong các hoạt động dầu khí ngoài khơi. Với vai trò là nhà thầu cung cấp dịch vụ khoan, PV Drilling không quyết định vị trí khoan, không sở hữu mỏ và không chịu trách nhiệm thực hiện Đánh giá tác động môi trường hay các nghiên cứu nền về đa dạng sinh học tại khu vực triển khai giàn khoan. Các nội dung này thuộc trách nhiệm của chủ mỏ/nhà điều hành (operator) theo quy định pháp luật của quốc gia sở tại và các yêu cầu của dự án.

Trong phạm vi kiểm soát và trách nhiệm của mình, PV Drilling tập trung vào quản lý rủi ro môi trường trong quá trình vận hành, tuân thủ

ng nghiêm ngặt các quy định pháp luật, công ước quốc tế và yêu cầu về HSE của khách hàng nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiềm ẩn đến hệ sinh thái biển.

Hệ thống xử lý mùn khoan trên giàn khoan

Mùn khoan là các nguồn ô nhiễm chính phát sinh từ các hoạt động khoan. Liên quan tới các vấn đề môi trường, chủ mỏ và các nhà thầu có liên quan sẽ có trách nhiệm tiến hành các biện pháp giảm thiểu cụ thể nhằm kiểm soát và hạn chế tác động của các chất thải khoan đối với môi trường.

Trong phạm vi vai trò là nhà thầu khoan, PV Drilling áp dụng và vận hành các hệ thống kiểm soát chất rắn hiệu suất cao trên các giàn khoan, đồng thời chủ động tìm kiếm và triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm tối đa lượng

dung dịch khoan bám dính trên mùn khoan, bao gồm việc lắp đặt và sử dụng các thiết bị sấy chân không trên giàn khoan.

Sử dụng dung dịch khoan thân thiện hơn với môi trường

Dung dịch khoan gốc dầu tổng hợp sử dụng dầu nền tổng hợp được phát triển theo hướng có khả năng phân hủy sinh học trong điều kiện trầm tích ngoài khơi, qua đó giúp giảm độc tính và hạn chế nguy cơ tích tụ lâu dài trong trầm tích so với dung dịch khoan gốc dầu truyền thống.

Dung dịch khoan gốc nước (WBM) là loại dung dịch được sử dụng phổ biến, đặc biệt tại các khu vực có yêu cầu bảo vệ môi trường nghiêm ngặt. So với dung dịch khoan gốc dầu hoặc gốc tổng hợp, WBM có khả năng phân hủy sinh học nhanh

hơn, độc tính thấp hơn, không gây ô nhiễm trầm tích đáy và ít nguy cơ gây tác động lâu dài đến hệ sinh thái biển. Nhờ các đặc tính này, mùn khoan từ dung dịch khoan gốc nước thường đáp ứng các yêu cầu pháp lý để được phép xả thải ra biển trong giới hạn cho phép.

Các biện pháp bảo vệ và quản lý môi trường khác

Ngoài các biện pháp liên quan trực tiếp đến quản lý mùn khoan và dung dịch khoan, PV Drilling triển khai đồng bộ nhiều biện pháp kỹ thuật và quản lý khác nhằm hạn chế tác động đến môi trường biển và bảo vệ đa dạng sinh học biển trong quá trình cung cấp dịch vụ khoan.

- ▶ PV Drilling chỉ thực hiện dịch vụ có lựa chọn, tránh các khu vực nhạy cảm về đa dạng sinh học như rạn san hô, thảm cỏ biển, vùng tập trung ấu trùng;
- ▶ Sử dụng công nghệ neo hoặc định vị hiện đại dynamic positioning để tránh kéo neo gây hư hại đáy biển;
- ▶ Giảm phủ trầm tích từ bùn khoan;
- ▶ Tránh xả thải gần khu vực san hô hoặc nơi có loài sống đáy nhạy cảm;
- ▶ Lưu trữ đúng quy định, tránh rò rỉ, tuân thủ MARPOL Annex V khi xả thải ra biển;
- ▶ Giảm phát sinh nhựa;
- ▶ Kiểm soát hàm lượng dầu trong nước thải;
- ▶ Quản lý hóa chất, ngăn ngừa rò rỉ, tràn đổ. Thay thế hóa chất độc hại bằng phụ gia xanh (biocide, corrosion inhibitor thân thiện môi trường);
- ▶ Chọn phụ gia đạt chuẩn OSPAR/IFC;
- ▶ Phòng ngừa và ứng phó tràn dầu;
- ▶ Giảm tiếng ồn trong khoan và địa chấn: thiết bị giảm âm, Công nghệ Marine Vibroseis thay thế air gun;
- ▶ Tăng cường công tác đào tạo nhân viên về môi trường, ứng phó sự cố, quản lý, xử lý hóa chất, kiểm soát nhà thầu bằng audit HSE.

Hoạt động khoan dầu khí đặt ra nhiều thách thức đối với công tác bảo vệ đa dạng sinh học biển, từ các tác động vật lý, hóa học và tiếng ồn. Tuy nhiên, thông qua việc áp dụng các chuẩn mực ESG, công nghệ khoan thân thiện với môi trường và quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, các tác động tiêu cực có thể được kiểm soát và giảm thiểu, góp phần hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động dầu khí ngoài khơi.

TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG VÀ SÁNG KIẾN GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TRONG VẬN HÀNH GIÀN KHOAN

EM-SV-530a.1



1. CÁCH TIẾP CẬN QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG

Quản lý và giám sát tuân thủ môi trường là một trong những trụ cột quan trọng trong công tác vận hành giàn khoan của PV Drilling, nhằm bảo đảm mọi hoạt động cung cấp dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam, các tiêu chuẩn quốc tế và các cam kết ESG của Tổng công ty. Công tác quản lý môi trường được triển khai một cách hệ thống và xuyên suốt, trên cơ sở xác định bảo vệ môi trường là một cấu phần không tách rời của hiệu quả vận hành dài hạn và mục tiêu phát triển bền vững.

Ngay từ giai đoạn đầu hình thành, PV Drilling đã tiếp cận quản lý môi trường theo nguyên tắc phòng ngừa, chú trọng nhận diện sớm rủi ro và kiểm soát tại nguồn, thay vì chỉ tập trung xử lý khi sự cố phát sinh. Cách tiếp cận này giúp hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời góp phần bảo vệ hệ sinh thái biển trong suốt vòng đời hoạt động khoan.

Từ năm 2006, PV Drilling đã áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. Đến nay, các yêu cầu về bảo vệ môi trường được tích hợp đầy đủ trong Hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường – Chất lượng (HSEQ) và được triển khai thống nhất tại các giàn khoan, căn cứ bờ và khối văn phòng. Chính sách môi trường của Tổng công ty được cập nhật định kỳ, gần nhất vào tháng 10/2024, trong đó nhấn mạnh yêu cầu mọi rủi ro có khả năng gây tác động bất lợi đến môi trường phải được nhận diện, đánh giá và kiểm soát ở mức thấp nhất trong toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ khoan.

Các yêu cầu bảo vệ môi trường được lồng ghép ngay từ giai đoạn lập kế hoạch vận hành, đánh giá rủi ro, phê duyệt công việc đến tổ chức thực hiện, nhằm bảo đảm việc kiểm soát rủi ro được thực hiện một cách chủ động và hiệu quả.



TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG VÀ SÁNG KIẾN GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TRONG VẬN HÀNH GIÀN KHOAN (TIẾP THEO)

2. KHUNG PHÁP LÝ, TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH ÁP DỤNG

Hoạt động tuân thủ môi trường của PV Drilling được triển khai trên cơ sở hệ thống pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn áp dụng đối với ngành dầu khí, bao gồm Luật Bảo vệ môi trường, Luật Dầu khí, các nghị định, thông tư hướng dẫn và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến quản lý nước thải, khí thải và chất thải. Đồng thời, các công ước quốc tế như MARPOL, UNCLOS và OPRC được áp dụng như những chuẩn mực bắt buộc trong quản lý xả thải, chất thải và ứng phó sự cố môi trường ngoài khơi.

Song song với việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý hiện hành, PV Drilling đã tích hợp các nguyên tắc bảo vệ môi trường vào Khung Chính sách Phát triển bền vững (PTBV) do Hội đồng quản trị ban hành, nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa tuân thủ môi trường, quản trị doanh nghiệp và định hướng phát triển dài hạn của Tổng công ty.

Trên cơ sở Khung Chính sách PTBV, PV Drilling đã xây dựng và ban hành các mục tiêu môi trường và mục tiêu ESG được định lượng cho giai đoạn 2026-2030, làm căn cứ cho việc lập kế hoạch hành động, phân bổ nguồn lực, theo dõi kết quả thực hiện và thúc đẩy cải tiến liên tục công tác quản lý môi trường trong toàn hệ thống.

Các yêu cầu pháp lý và cam kết nêu trên được cụ thể hóa thành các quy trình vận hành nội bộ, bao gồm quản lý chất thải, nước thải, khí thải, hóa chất, kiểm soát xả thải, quan trắc môi trường và ứng phó sự cố môi trường. Việc cập nhật và rà soát tuân thủ pháp luật được thực hiện định kỳ nhằm bảo đảm các quy trình luôn phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quản lý tốt của ngành.

3. CƠ CHẾ GIÁM SÁT VÀ VAI TRÒ CÁC BỘ PHẬN

Cơ chế giám sát tuân thủ môi trường tại PV Drilling được triển khai theo nhiều lớp kiểm



soát nhằm bảo đảm hiệu lực và tính nhất quán trong toàn hệ thống. Bộ phận HSEQ chịu trách nhiệm xây dựng các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi việc thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong quá trình triển khai thực tế. Ban điều hành giữ vai trò phê duyệt kế hoạch vận hành, phân bổ nguồn lực và chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề không phù hợp phát sinh.

Để tăng cường hiệu lực thực thi, PV Drilling quy định rõ trách nhiệm của Ban Lãnh đạo trong công tác quản lý môi trường. Phó Tổng Giám đốc phụ trách HSEQ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, giám sát và duy trì việc tuân thủ các chính sách, mục tiêu và chương trình môi trường của Tổng công ty.

Việc cập nhật và kiểm soát tuân thủ các yêu cầu pháp luật về môi trường được thực hiện theo Quy trình kiểm soát sự tuân thủ yêu cầu pháp luật và yêu cầu khác (PVD/HSEQ/007) của Tổng

công ty. Các yêu cầu mới và thay đổi của pháp luật được phổ biến thường xuyên đến các đơn vị thông qua thư điện tử, hội thảo định kỳ, bản tin HSEQ Newsletter và các hình thức truyền thông nội bộ khác.

Song song với giám sát nội bộ, công tác đánh giá nội bộ và đánh giá bởi bên thứ ba được thực hiện định kỳ nhằm bảo đảm tính khách quan và độc lập trong việc đánh giá hiệu lực của hệ thống quản lý môi trường. Hệ thống quản lý môi trường của PV Drilling thường xuyên được khách hàng và các tổ chức chứng nhận độc lập, tiêu biểu là DNV, tiến hành đánh giá và tiếp tục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001 cũng như các nghĩa vụ môi trường theo hợp đồng và quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, PV Drilling chú trọng đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật và các tác động môi trường của nhà thầu phụ, nhà cung cấp thông

qua các chương trình đánh giá HSEQ hằng năm. Năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện đánh giá hệ thống quản lý HSEQ đối với nhiều nhà thầu trong và ngoài nước, làm cơ sở nâng cao công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật trong chuỗi cung ứng.

Trong quá trình vận hành, các giàn khoan thực hiện kiểm tra định kỳ tại hiện trường, tổ chức quan trắc môi trường theo quy định, ghi chép nhật ký xả thải và lập báo cáo tuân thủ theo yêu cầu của cơ quan quản lý, khách hàng và các tiêu chuẩn quốc tế áp dụng. Trong giai đoạn 2023-2025, PV Drilling không ghi nhận bất kỳ trường hợp bị xử phạt nào liên quan đến môi trường, không phát sinh sự cố môi trường và không có khiếu nại của cộng đồng xung quanh.

TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG VÀ SÁNG KIẾN GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TRONG VẬN HÀNH GIÀN KHOAN (TIẾP THEO)

4. SÁNG KIẾN GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRONG VẬN HÀNH GIÀN KHOAN

Bên cạnh việc tuân thủ các yêu cầu pháp luật, PV Drilling chủ động triển khai nhiều sáng kiến kỹ thuật và cải tiến quy trình nhằm hạn chế tác động môi trường trong hoạt động khoan. Các sáng kiến được triển khai theo nguyên tắc phòng ngừa, phù hợp với đặc thù kỹ thuật và điều kiện vận hành ngoài khơi, hướng tới cải thiện hiệu quả môi trường trong dài hạn.

Trong nhóm giải pháp giảm tiêu hao năng lượng và phát thải, PV Drilling thực hiện bảo trì định kỳ thiết bị, tối ưu vận hành máy phát điện và hệ thống thiết bị, đồng thời từng bước thay thế hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED nhằm giảm tiêu thụ nhiên liệu, hạn chế phát thải khí nhà kính, CO₂, NO_x, SO_x và giảm phát sinh chất thải nguy hại.

Đối với quản lý chất thải và nước thải, PV Drilling áp dụng phân loại chất thải tại nguồn, kiểm soát dung dịch khoan, tăng cường thu gom và tái sử dụng trong phạm vi kỹ thuật cho phép. Các biện pháp hạn chế rác thải nhựa dùng một lần được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống.

Song song đó, Tổng công ty duy trì các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường, bao gồm kiểm soát rủi ro từ hệ thống ống dẫn, bồn chứa và manifold; giám sát thiết bị xử lý nước nhiễm dầu; duy trì kế hoạch ứng phó khẩn cấp và tổ chức diễn tập tràn dầu định kỳ theo yêu cầu của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế áp dụng.

Các sáng kiến môi trường được gắn kết chặt chẽ với việc chuẩn hóa quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị và nâng cao nhận thức của người lao động, đồng thời được tích hợp vào các quy trình quản lý năng lượng – nhiên liệu, quản lý chất thải và đánh giá nhà thầu phụ, nhằm bảo đảm hiệu quả triển khai trong thực tiễn.

5. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CẢI TIẾN LIÊN TỤC

PV Drilling thực hiện đánh giá tác động môi trường thông qua quan trắc định kỳ, đánh giá nội bộ hệ thống quản lý HSEQ, rà soát tuân thủ giấy phép môi trường và phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến Đánh giá tác động môi trường theo trách nhiệm của nhà thầu dịch vụ. Kết quả đánh giá được sử dụng làm đầu vào quan trọng cho quá trình cải tiến liên tục.

Trên cơ sở kết quả quan trắc, đánh giá nội bộ và phản hồi từ các bên liên quan, Tổng công ty cập nhật quy trình, hoàn thiện biện pháp kiểm soát và tăng cường đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường của đội ngũ nhân sự. Nhờ việc duy trì hệ thống quản lý môi trường bài bản, nhất quán và được giám sát thường xuyên, trong kỳ báo cáo PV Drilling không ghi nhận các vi phạm nghiêm trọng về môi trường phát sinh từ hoạt động vận hành giàn khoan.



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 11.15.1, 11.15.2, 11.15.3
GRI 413-1, 413-2

1. CÁCH TIẾP CẬN QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

PV Drilling nhận thức rằng, mặc dù hoạt động khoan dầu khí chủ yếu được thực hiện ngoài khơi và ở khoảng cách xa đất liền, các hoạt động vận hành giàn khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan vẫn có thể phát sinh những tác động gián tiếp đến môi trường xã hội và cộng đồng địa phương tại các khu vực có liên quan. Do đó, việc nhận diện, quản lý và giảm thiểu các tác động này được xem là một cấu phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Tổng công ty.

Cách tiếp cận của PV Drilling đối với cộng đồng địa phương được triển khai theo nguyên tắc "nhận diện – tham vấn – quản lý – phản hồi", bảo đảm các rủi ro môi trường – xã hội được kiểm soát phù hợp với đặc thù hoạt động và phạm vi trách nhiệm của nhà thầu khoan.

2. NHẬN DIỆN CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG

2.1. Tác động môi trường có liên quan đến cộng đồng

Tác động môi trường tích cực:

- ▶ Giảm thiểu ô nhiễm & bảo vệ hệ sinh thái ven biển thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế API/ISO giúp giảm thiểu rủi ro tràn dầu và sự cố môi trường
- ▶ Nâng cao nhận thức môi trường trong cộng đồng thông qua các hoạt động phân loại rác, làm sạch bờ biển của đoàn thanh niên PV Drilling.
- ▶ Tăng cường chất lượng môi trường thông qua hoạt động trồng cây xanh giúp cải tạo cảnh quan, bảo vệ rừng ngập mặn, giảm xói mòn – tăng hấp thụ CO₂,...

Tác động môi trường tiềm ẩn:

- ▶ Phát thải khí, tiếng ồn, nước thải và chất thải phát sinh từ hoạt động khoan và vận hành thiết bị;
- ▶ Rủi ro tràn dầu hoặc tràn đổ hóa chất trong quá trình lưu chứa, bơm xả, vận chuyển hoặc di chuyển giàn khoan;

- ▶ Tác động cục bộ đến hệ sinh thái biển trong các giai đoạn di chuyển, định vị và vận hành giàn khoan.

Mặc dù các tác động này có khả năng ảnh hưởng gián tiếp đến cộng đồng ven biển trong trường hợp xảy ra sự cố, PV Drilling duy trì hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường (HSE) ở mức cao, nhằm phòng ngừa và hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh.

2.2. Tác động xã hội và sinh kế

Tác động xã hội và sinh kế tích cực:

- ▶ Tạo việc làm ổn định & nâng cao thu nhập cho lao động địa phương;
- ▶ Nâng cao năng lực nghề nghiệp và đào tạo phát triển kỹ năng cho lao động địa phương;
- ▶ Hỗ trợ sinh kế bền vững cho người dân;
- ▶ Nâng cao phúc lợi cộng đồng & cải thiện cơ sở hạ tầng;
- ▶ Đóng góp vào an sinh xã hội tại địa phương.

Tác động xã hội và sinh kế tiềm ẩn:

- ▶ Ảnh hưởng đến các khu dân cư ven biển nơi có cảng dịch vụ, tàu tiếp vận và các hoạt động logistics hỗ trợ;
- ▶ Rủi ro liên quan đến an toàn và sức khỏe cộng đồng trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường;
- ▶ Tác động gián tiếp đến sinh kế của ngư dân ven biển và việc sử dụng không gian biển;
- ▶ Nhu cầu hỗ trợ cộng đồng trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, bão lũ hoặc các hiện tượng khí hậu cực đoan.

Các tác động này được PV Drilling đánh giá là mang tính gián tiếp, có thể kiểm soát và không gây ảnh hưởng đáng kể đến đời sống cộng đồng nếu các biện pháp phòng ngừa và quản lý được triển khai hiệu quả.



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (TIẾP THEO)

3. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG VÀ CƠ CHẾ PHẢN HỒI

Trong quá trình triển khai hoạt động tại các khu vực trong và ngoài nước, PV Drilling duy trì việc trao đổi và phối hợp thường xuyên với chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức liên quan nhằm nắm bắt các mối quan ngại của cộng đồng.

Các phản ánh và kiến nghị của cộng đồng được tiếp nhận thông qua các kênh chính thức của PV Drilling và được xử lý kịp thời theo quy trình nội bộ của Tổng công ty. Trong giai đoạn 2023-2025, PV Drilling không ghi nhận bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến tác động môi trường – xã hội phát sinh từ hoạt động vận hành giàn khoan và cung cấp dịch vụ khoan.

4. TẠO GIÁ TRỊ CHO CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

4.1. Nội địa hóa và phát triển năng lực địa phương

Đến nay, đội ngũ nhân sự chủ chốt trên giàn khoan, với 70% là người Việt Nam, đã trở thành lực lượng nòng cốt, góp phần quan trọng vào việc duy trì và phát triển văn hóa PV Drilling trên toàn cầu.

Trong quá trình cung cấp dịch vụ khoan tại thị trường quốc tế, PV Drilling tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật của nước sở tại, đặc biệt là các yêu cầu về nội địa hóa nhân lực và phát triển doanh nghiệp địa phương. Tại một số quốc gia có yêu cầu bảo hộ cao như Malaysia, Indonesia và Brunei, Tổng công ty thực hiện đầy đủ các cam kết về sử dụng lao động địa phương, đào tạo và chuyển giao kỹ năng.

Điển hình tại Brunei, PV Drilling đã thực hiện thành công các cam kết trong hợp đồng khoan với Brunei Shell Petroleum, đạt tỷ lệ 69% về hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương (Local Business Development – LBD) theo đúng lộ trình cam kết, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và khẳng định uy tín của Tổng công ty tại thị trường sở tại.

4.2. Chương trình vì cộng đồng

GRI 203-1

Với trách nhiệm của một doanh nghiệp dịch vụ dầu khí chủ lực, PV Drilling gắn kết hoạt động sản xuất kinh doanh với trách nhiệm xã hội, triển khai các chương trình an sinh xã hội theo ba trụ cột chính: Giáo dục – Bảo vệ môi trường – An sinh xã hội và cứu trợ.

Hằng năm, bên cạnh việc chủ động triển khai các chương trình an sinh xã hội, PV Drilling còn thực hiện các chương trình theo phân công của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch và phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương. Trong năm 2025, tổng ngân sách dành cho các hoạt động an sinh xã hội của Tổng công ty đạt khoảng 30,2 tỷ đồng, bao gồm cả phần theo phân công của Petrovietnam và các chương trình do PV Drilling chủ động triển khai.

Các chương trình tiêu biểu trong giai đoạn báo cáo tập trung vào:

- ▶ Hỗ trợ giáo dục thông qua đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập, trong đó có việc lắp đặt và bàn giao 03 phòng học thực hành STEM tại tỉnh An Giang; xây dựng khu giáo dục thể chất Hiệp Cường – Hưng Yên;
- ▶ Hỗ trợ 145 nhà ở cho các hộ gia đình khó khăn tại một số địa phương;
- ▶ Hỗ trợ 2,6 tỷ đồng cho cộng đồng khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ;
- ▶ Triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, khuyến khích lối sống xanh tại cộng đồng như trồng 112.000 cây xanh tại Hậu Giang (Cần Thơ);
- ▶ Hiến máu nhân đạo thông qua 2 đợt phát động tại Vũng Tàu ngày 25/3/2025 và Hồ Chí Minh ngày 24/4/2025 với tổng số người tham gia khoảng 100 người;
- ▶ Và các hoạt động hỗ trợ khác,...



5. QUẢN TRỊ VÀ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CỘNG ĐỒNG

PV Drilling đã thành lập Ban An sinh xã hội do Lãnh đạo Tổng công ty phụ trách, với sự tham gia của các bộ phận chức năng và tổ chức Công đoàn. Việc lựa chọn, triển khai và giám sát các chương trình được thực hiện theo quy trình rõ ràng, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển bền vững và khả năng hỗ trợ thực tế của Tổng công ty.

Các chương trình được triển khai thông qua phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng và đơn vị thụ hưởng, bảo đảm tính minh bạch trong thẩm định, giải ngân, nghiệm thu và bàn giao. Trong giai đoạn báo cáo, không ghi nhận trường hợp chậm tiến độ, đầu tư kém hiệu quả hoặc phát sinh khiếu nại liên quan đến các chương trình cộng đồng của PV Drilling.

6. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ CẢI TIẾN LIÊN TỤC

Thông qua việc triển khai đồng bộ các chương trình cộng đồng theo cả hai hướng: thực hiện nhiệm vụ do Petrovietnam giao và các sáng kiến chủ động của Tổng công ty, PV Drilling không chỉ thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mà còn góp phần cải thiện đời sống cộng đồng, hỗ trợ kịp thời các nhóm yếu thế và thúc đẩy phát triển giáo dục – môi trường bền vững tại các địa phương.

Kết quả đánh giá cho thấy các hoạt động cộng đồng của PV Drilling trong giai đoạn báo cáo không phát sinh khiếu nại, phù hợp với nhu cầu địa phương và góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp dịch vụ dầu khí có trách nhiệm, gắn kết với cộng đồng và định hướng phát triển bền vững trong dài hạn.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (TIẾP THEO)

Lễ khánh thành phòng học thực hành STEM tại Trường THPT & THCS Võ Văn Kiệt, tỉnh An Giang.



Đ/c Trần Quang Dũng – Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Petrovietnam và Đ/c Mai Thế Toàn – Chủ tịch HĐQT PV Drilling trao tặng phòng học STEM cho nhà trường, góp phần nâng cao điều kiện học tập và thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng giáo dục STEM



Thầy Đào Viết An – Hiệu trưởng trường THPT & THCS Võ Văn Kiệt – tỉnh An Giang cho biết, việc PV Drilling đầu tư và bàn giao phòng học thực hành STEM đã tạo thêm nguồn lực quan trọng để nhà trường nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường khả năng gắn kết giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đồng thời hỗ trợ giáo viên và học sinh phát huy tư duy sáng tạo trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học

Tất cả các chương trình/dự án đầu tư cho an sinh xã hội mà PV Drilling cam kết đầu tư đã được triển khai xây dựng và bàn giao cho địa phương vận hành hiệu quả. Không có công trình chậm tiến độ hay đầu tư không hiệu quả.

Trong quá trình triển khai, Tổng công ty và các đơn vị thành viên không có khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến các dự án, chương trình an sinh xã hội.

Trong các năm qua, PV Drilling luôn dành trên 10 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng.

6

THÔNG TIN VỀ BC PTBV

6.1	Tổng quan về báo cáo Phát triển bền vững	224
6.2	Chuẩn mực báo cáo	228
6.3	Nguyên tắc xây dựng báo cáo	230
6.4	Kỳ báo cáo	232
6.5	Phạm vi báo cáo	232
6.6	Định dạng báo cáo	232
6.7	Thông tin liên hệ	232
6.8	Kiểm toán/Đảm bảo các thông tin liên quan	234

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



25
PV DRILLING

Trên hành trình gần 25 năm hình thành và phát triển, PV Drilling kiên định theo đuổi chiến lược xây dựng nội lực vững mạnh, vận hành hệ thống quản lý tích hợp theo các chuẩn mực quốc tế và duy trì văn hóa an toàn, trách nhiệm và chuyên nghiệp trong toàn bộ hoạt động.

TỔNG QUAN

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn PV Drilling tiếp tục khẳng định vị thế là nhà thầu khoan chuyên nghiệp, an toàn và tin cậy, không chỉ tại thị trường nội địa mà còn tại các thị trường quốc tế có yêu cầu cao và mức độ cạnh tranh ngày càng lớn. Trên hành trình gần 25 năm hình thành và phát triển, PV Drilling kiên định theo đuổi chiến lược xây dựng nội lực vững mạnh, vận hành hệ thống quản lý tích hợp theo các chuẩn mực quốc tế và duy trì văn hóa an toàn, trách nhiệm và chuyên nghiệp trong toàn bộ hoạt động.

Chủ đề của Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 – **“Vững nội lực – Chuẩn vận hành – Bền tương lai”** – phản ánh rõ định hướng và tinh thần phát triển bền vững của PV Drilling, được cụ thể hóa qua ba trụ cột chính:

- ▶ **Vững nội lực:** thể hiện nền tảng năng lực cốt lõi của PV Drilling, bao gồm năng lực kỹ thuật và vận hành giàn khoan, hệ thống quản trị theo chuẩn mực quốc tế, nguồn nhân lực chất lượng cao và văn hóa an toàn – tuân thủ – kỷ luật. Đây là cơ sở giúp PV Drilling nâng cao khả năng

chống chịu, thích ứng trước rủi ro, chu kỳ thị trường và các biến động của ngành năng lượng.

- ▶ **Chuẩn vận hành:** nhấn mạnh cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và môi trường của ngành khoan dầu khí theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế như API, IADC, IMO, ISO, đồng thời đáp ứng đầy đủ yêu cầu pháp lý của Việt Nam và các quốc gia sở tại. Việc chuẩn hóa vận hành là tiền đề bảo đảm tính tin cậy, hiệu suất và an toàn trong hoạt động của giàn khoan.
- ▶ **Bền tương lai:** thể hiện quyết tâm lồng

ghép phát triển bền vững vào chiến lược tăng trưởng dài hạn của PV Drilling, gắn kết quản trị rủi ro ESG với hiệu quả tài chính, năng lực cạnh tranh và việc tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

MỤC TIÊU CỦA BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2025

Báo cáo Phát triển bền vững 2025 của PV Drilling được xây dựng nhằm cung cấp thông tin một cách nhất quán, minh bạch và toàn diện về định hướng, cách tiếp cận và kết quả triển khai phát triển bền vững của PV Drilling trong năm báo cáo.

Báo cáo được công bố dưới hai phiên bản, đáp ứng đồng thời yêu cầu tuân thủ và nhu cầu thông tin của các bên liên quan:

- ▶ **Phiên bản tích hợp trong Báo cáo Thường niên:** trình bày các nội dung cốt lõi liên quan đến chiến lược phát triển bền vững, các kết quả nổi bật về môi trường, xã hội và quản trị (ESG), cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng, phù hợp với yêu cầu công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- ▶ **Phiên bản Báo cáo Phát triển bền vững đầy đủ (bản độc lập):** cung cấp cái nhìn toàn diện và chuyên sâu về các chủ đề ESG trọng yếu, được xây dựng và tham chiếu theo các yêu cầu pháp lý tại Việt Nam, chuẩn mực và thông lệ quốc tế như SDGs, GRI, SASB, GHG Protocol, IPIECA và IADC. Báo cáo phản ánh đầy đủ chiến lược, mô hình quản trị, mục tiêu và các kết quả thực tiễn về phát triển bền vững của PV Drilling trong năm 2025.

Bên cạnh việc công bố thông tin, Báo cáo Phát triển bền vững 2025 còn hướng tới các mục tiêu sau:

- ▶ Trình bày cách thức PV Drilling quản lý và triển khai các nội dung ESG theo ba trụ cột Môi trường (E), Xã hội (S) và Quản trị (G), gắn với đặc thù hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- ▶ Phân tích kết quả đạt được, những tiến bộ và các cải thiện trong bối cảnh mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế và yêu cầu tuân thủ ngày càng cao.

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

► Cung cấp thông tin chính xác, minh bạch và có thể kiểm chứng cho cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, cơ quan quản lý và các bên liên quan. Là cơ sở để PV Drilling đánh giá mức độ trưởng thành về ESG, nhận diện các thách thức và xác lập các trọng tâm chiến lược cho giai đoạn phát triển bền vững tiếp theo.

VAI TRÒ CỦA BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu công bố thông tin, Báo cáo Phát triển Bền vững còn là công cụ quan trọng hỗ trợ PV Drilling trong công tác quản trị và hội nhập, cụ thể:

- Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định pháp luật Việt Nam và các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về ESG.
- Nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với các vấn đề ESG trọng yếu, bao gồm biến đổi khí hậu, an toàn vận hành, sử dụng năng lượng – tài nguyên và bảo vệ quyền lợi người lao động.
- Tăng cường niềm tin của khách hàng và đối tác quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh ESG ngày càng trở thành tiêu chí quan trọng trong hoạt

động đầu thầu và lựa chọn nhà thầu khoan.
► Là cơ sở dữ liệu và công cụ quản trị giúp PV Drilling đánh giá mức độ trưởng thành ESG, nhận diện khoảng trống và xác lập các ưu tiên cải tiến trong trung và dài hạn, phù hợp với định hướng của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và chiến lược hội nhập của Tổng công ty.

CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG TÂM TRONG NĂM BÁO CÁO

Trên cơ sở đánh giá các lĩnh vực ESG trọng yếu, PV Drilling đã xác định và thống nhất hệ thống các thông điệp cốt lõi nhằm định hướng nội dung và cách tiếp cận của Báo cáo Phát triển bền vững 2025. Các thông điệp này phản ánh rõ nét câu chuyện phát triển bền vững của Tổng công ty, đồng thời làm nổi bật các vấn đề ESG trọng tâm trong năm, gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu tăng trưởng, hiệu quả vận hành và trách nhiệm đối với các bên liên quan.

Theo đó, PV Drilling kiên định theo đuổi mục tiêu tăng trưởng bền vững gắn với hội nhập quốc tế, từng bước mở rộng tầm vóc và khẳng định

vị thế khu vực trên nền tảng năng lực kỹ thuật, quản trị và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế. Quá trình phát triển của Tổng công ty luôn gắn liền với yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đồng hành cùng sự phát triển của đất nước và đóng góp tích cực vào tiến trình hiện đại hóa, hội nhập kinh tế.

Song song với định hướng tăng trưởng, PV Drilling tập trung củng cố nội lực và nâng cao hiệu quả vận hành thông qua việc đầu tư cho con người, công nghệ và hệ thống quản trị. Con người được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển, với trọng tâm là phát triển năng lực, tăng cường gắn kết, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và nuôi dưỡng đội ngũ kế thừa cho sự phát triển lâu dài. Việc tiên phong ứng dụng công nghệ, cải tiến kỹ thuật và chuẩn hóa quy trình vận hành giúp Tổng công ty không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh mà còn kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn và tối ưu hiệu quả sử dụng tài nguyên trong dài hạn.

Bên cạnh đó, PV Drilling đề cao kỷ cương, tính chính trực và minh bạch trong quản trị doanh

nh nghiệp, coi đây là nền tảng để xây dựng niềm tin với cổ đông, khách hàng và các bên liên quan. Tổng công ty kiên định tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực quản trị doanh nghiệp và thông lệ tốt của ngành, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng quản trị ESG, minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình. Các nỗ lực này hướng tới bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên có lợi ích liên quan, đặc biệt trong vai trò là doanh nghiệp đại chúng.

Trên nền tảng các thông điệp cốt lõi nêu trên, Báo cáo Phát triển bền vững 2025 tập trung làm rõ các vấn đề trọng tâm ESG trong năm, bao gồm quản lý rủi ro an toàn và vận hành, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ, quản lý tài nguyên và môi trường, cũng như nâng cao năng lực quản trị và minh bạch ESG. Thông qua đó, Báo cáo thể hiện cam kết của PV Drilling trong việc tạo ra giá trị bền vững, hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần củng cố nền tảng phát triển ổn định trong trung và dài hạn.

CHUẨN MỰC BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PV DRILLING

Báo cáo Phát triển Bền vững 2025 của PV Drilling được xây dựng dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa các chuẩn mực báo cáo quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam, nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả năng so sánh và phản ánh đúng đặc thù hoạt động khoan dầu khí.

PV Drilling tham chiếu các bộ chuẩn sau:

- ▶ **Các yêu cầu pháp lý tại Việt Nam:** bao gồm Thông tư 96/2020/TT-BTC và các quy định liên quan đến công bố thông tin của doanh nghiệp niêm yết.
- ▶ **Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 Sustainable Development Goals):** các mục tiêu toàn cầu được kêu gọi nhằm giải quyết các thách thức lớn như nghèo đói, bất bình đẳng, biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường.
- ▶ **Bộ tiêu chuẩn toàn cầu của tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI):** khung công bố thông tin toàn diện về kinh tế, môi trường và xã hội.
- ▶ **Chuẩn mực kế toán bền vững của Ủy ban chuẩn mực kế toán bền vững (SASB) dành cho ngành Dịch vụ Khai thác Tài nguyên (EM-SV) phiên bản 2023-12:** xác định tính trọng yếu tài chính và nhu cầu thông tin của nhà đầu tư.
- ▶ **GHG Protocol:** cung cấp các hướng dẫn về đo lường phát thải.

- ▶ **IEIECA Reporting Guidance:** hướng dẫn công bố thông tin ESG ngành dầu khí.
- ▶ **IADC Guidelines:** hướng dẫn công bố thông tin ESG, đặc biệt trong quản lý an toàn khoan, năng lực nhân sự (Competency), Well Control và hệ thống báo cáo HSE.

Phạm vi áp dụng chuẩn mực: PV Drilling sử dụng SDGs và GRI làm nền tảng, kết hợp SASB để tăng tính trọng yếu tài chính và khả năng so sánh; đồng thời tham chiếu IEIECA và IADC để phản ánh chính xác đặc thù vận hành giàn khoan và các rủi ro an toàn – môi trường. Các chuẩn mực được áp dụng cho toàn bộ hoạt động của PV Drilling tại Việt Nam và thị trường quốc tế.

Lý do lựa chọn các chuẩn mực xây dựng báo cáo:

- ▶ Đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng quốc tế và nhà đầu tư.
- ▶ Phản ánh đúng bản chất hoạt động khoan dầu khí – lĩnh vực có rủi ro cao và yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt về an toàn.
- ▶ Nâng cao tính minh bạch, độ tin cậy và tính nhất quán trong công bố thông tin ESG.
- ▶ Phù hợp với chiến lược hội nhập và mở rộng quốc tế của PV Drilling.

Việc đáp ứng các tiêu chuẩn của GRI và SASB được trình bày tại danh mục kiểm tra kèm theo báo cáo này.

NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong quá trình xây dựng Báo cáo Phát triển Bền vững 2025, PV Drilling áp dụng đầy đủ các **Nguyên tắc lập Báo cáo theo GRI Standards 2021**, bảo đảm thông tin được trình bày minh bạch, có thể kiểm chứng và phản ánh đúng bản chất hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh ngành khoan dầu khí có mức độ rủi ro cao và yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt, đồng thời phản ánh sự quan tâm sâu sắc của các bên liên quan.



1. NGUYÊN TẮC CỐT LÕI THEO GRI 2021

PV Drilling tuân thủ tám nguyên tắc cơ bản của GRI nhằm bảo đảm chất lượng, độ tin cậy và tính nhất quán của thông tin ESG được công bố, phù hợp với đặc thù hoạt động khoan dầu khí và yêu cầu của các bên liên quan:

Tính chính xác: hoạt động khoan dầu khí đòi hỏi dữ liệu kỹ thuật và dữ liệu HSE có độ chính xác cao do liên quan trực tiếp đến rủi ro an toàn, phát thải khí nhà kính, sự cố môi trường và hiệu quả vận hành. Việc áp dụng các hướng dẫn của GRI về phương pháp đo lường, phạm vi thu thập và cách thức công bố giúp PV Drilling bảo đảm độ chính xác và độ tin cậy của các chỉ tiêu ESG trọng yếu.

Tính cân bằng: GRI yêu cầu doanh nghiệp trình bày đầy đủ cả các kết quả tích cực và các vấn đề

còn tồn tại. Nguyên tắc này đặc biệt quan trọng đối với PV Drilling trong bối cảnh ngành khoan dầu khí chịu sự giám sát chặt chẽ về an toàn, sức khỏe và môi trường, qua đó góp phần nâng cao tính khách quan và củng cố niềm tin của khách hàng quốc tế cũng như cơ quan quản lý.

Tính rõ ràng: GRI chuẩn hóa thuật ngữ, định nghĩa chỉ số và yêu cầu mô tả phương pháp báo cáo một cách minh bạch. Điều này giúp các thông tin ESG của PV Drilling được trình bày dễ hiểu, nhất quán và có khả năng tiếp cận cao đối với các bên liên quan trong và ngoài nước, đặc biệt khi Tổng công ty hoạt động tại nhiều quốc gia với các yêu cầu khác nhau.

Tính so sánh: GRI khuyến nghị công bố dữ liệu theo chuỗi thời gian và áp dụng phương pháp tính nhất quán giữa các kỳ báo cáo. Việc tuân

thủ nguyên tắc này cho phép PV Drilling thể hiện xu hướng cải thiện liên tục về hiệu quả vận hành, an toàn và giảm phát thải, đồng thời hỗ trợ việc so sánh, đánh giá năng lực ESG trong bối cảnh đấu thầu và cạnh tranh quốc tế.

Tính đầy đủ: GRI yêu cầu báo cáo phản ánh đầy đủ các tác động đáng kể của doanh nghiệp trong phạm vi hoạt động. Đối với PV Drilling, điều này đồng nghĩa với việc phạm vi báo cáo không chỉ bao gồm các giàn khoan mà còn mở rộng đến các đơn vị thành viên, nhằm cung cấp bức tranh ESG toàn diện của Tổng công ty.

Phù hợp bối cảnh phát triển bền vững: GRI yêu cầu doanh nghiệp đặt thông tin ESG trong bối cảnh phát triển bền vững của ngành và xu hướng toàn cầu. Trên cơ sở đó, PV Drilling kết hợp các chuẩn mực GRI với SASB, IADC và IPIECA để phản ánh đúng đặc thù của ngành khoan dầu khí, một lĩnh vực đang chịu tác động mạnh mẽ từ quá trình chuyển dịch năng lượng, yêu cầu giảm phát thải và chuẩn hóa an toàn quốc tế.

Tính kịp thời: GRI nhấn mạnh việc công bố thông tin đúng thời hạn và duy trì tính cập nhật. PV Drilling thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm nhằm bảo đảm thông tin ESG phản ánh sát thực tế hoạt động vận hành giàn khoan, kết quả an toàn và tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Có thể kiểm chứng: GRI yêu cầu dữ liệu được thu thập, lưu trữ đầy đủ, có thể truy vết và sẵn sàng cho việc rà soát độc lập. Đối với PV Drilling, việc tuân thủ nguyên tắc này được thực hiện thông qua các quy trình quản lý dữ liệu chặt chẽ trong hệ thống quản lý tích hợp, bảo đảm tính chính xác và nhất quán của các thông tin về HSE, vận hành và môi trường. Với vai trò là thành viên của Hiệp hội Nhà thầu Khoan Quốc tế (IADC), PV Drilling có trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt về báo cáo và công bố dữ liệu an toàn, qua đó củng cố kỷ luật dữ liệu và độ tin cậy của thông tin ESG. Trong Báo cáo Phát triển bền vững 2025, dữ liệu ESG trọng yếu được rà soát thông qua cơ chế kiểm toán nội bộ nhằm tăng cường tính khách quan và độ tin cậy của thông tin được công bố.

2. CÁCH THỨC PV DRILLING ÁP DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO

PV Drilling lồng ghép các nguyên tắc báo cáo của GRI xuyên suốt toàn bộ quy trình xây dựng Báo cáo Phát triển bền vững, từ khâu nhận diện các chủ đề trọng yếu, thu thập và quản lý dữ liệu, xác định các chỉ số đo lường (KPI) đến biên soạn và rà soát nội dung báo cáo. Cách tiếp cận này nhằm bảo đảm thông tin được công bố có chất lượng, nhất quán và phản ánh đúng thực tiễn quản trị ESG của Tổng công ty.

Quá trình lập báo cáo có sự tham gia của các phòng ban và đơn vị chuyên môn liên quan, phù hợp với chức năng, phạm vi quản lý và trách nhiệm dữ liệu của từng đơn vị. Các đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp dữ liệu đầu vào, giải trình phương pháp đo lường và kiểm tra tính chính xác của thông tin trước khi tổng hợp. Việc tham chiếu đồng thời các chuẩn mực và thông lệ quốc tế như SDGs, GRI, SASB, IPIECA và IADC giúp PV Drilling bảo đảm Báo cáo Phát triển bền vững phản ánh đầy đủ cả các tác động ESG trọng yếu và đặc thù kỹ thuật – vận hành của một nhà thầu khoan dầu khí chuyên nghiệp.

Để nâng cao chất lượng và độ tin cậy của thông tin báo cáo, PV Drilling áp dụng quy trình kiểm soát nội bộ nhiều cấp, bao gồm:

- ▶ **Rà soát nội bộ đa cấp:** các đơn vị cung cấp dữ liệu thực hiện tự kiểm tra và xác nhận số liệu; Ban Công nghệ – An toàn Chất lượng và Phát triển bền vững thực hiện tổng hợp, đối chiếu và kiểm soát tính nhất quán; bộ phận Kiểm toán nội bộ tiến hành soát xét độc lập trong phạm vi chức năng nhằm tăng cường tính khách quan của thông tin.
- ▶ **Phê duyệt của Ban Lãnh đạo:** nội dung Báo cáo Phát triển bền vững được Ban Điều hành và Hội đồng quản trị xem xét, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và sự phù hợp với định hướng chiến lược của Tổng công ty.
- ▶ **Sẵn sàng cho việc kiểm chứng:** hệ thống dữ liệu ESG được chuẩn hóa, lưu trữ có thể truy vết và được xây dựng theo hướng sẵn sàng cho việc rà soát hoặc kiểm chứng độc lập khi có yêu cầu trong các giai đoạn tiếp theo.

KỲ BÁO CÁO

GRI 2-3

- Thời gian báo cáo: Báo cáo này được soạn lập cho năm tài chính của PV Drilling – bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và kết thúc ngày 31/12/2025.
- Tần suất lập báo cáo: thường niên.

PHẠM VI BÁO CÁO

GRI 2-2

- Phạm vi tổ chức: trừ phi được nêu cụ thể tại từng nội dung riêng lẻ, Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của PV Drilling được lập cho Công ty Mẹ là Tổng công ty Cổ phần Khoan & Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling), các công ty con do PV Drilling sở hữu 100% vốn trực tiếp (PVD Offshore, PVD Well Services, PVD Logging, PVD Deepwater) hoặc gián tiếp (PVD Tech) và PVD Training – là các đơn vị thành viên có doanh thu được hợp nhất vào doanh thu hợp nhất của PV Drilling trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025.
- Phạm vi địa lý: báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của PV Drilling được thực hiện tại Việt Nam và các khu vực hoạt động ngoài nước, nơi Công ty Mẹ PV Drilling hoặc các công ty con cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.
- Phạm vi hoạt động: bao gồm các dịch vụ khoan, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, các dịch vụ khác và chuỗi giá trị liên quan.

ĐỊNH DẠNG BÁO CÁO

- Nền tảng công bố: báo cáo được xuất bản và công bố trên website của PV Drilling theo địa chỉ sau: <https://www.pvdrilling.com.vn/>



THÔNG TIN LIÊN HỆ

GRI 2-3

PV Drilling rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị để nội dung báo cáo được thực hiện minh bạch và đầy đủ hơn. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề Phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:

- Nhóm phụ trách báo cáo: Ban Công nghệ – An toàn Chất lượng & Phát triển bền vững

Bà Nguyễn Thị Thuỳ Vân – Trưởng nhóm Chất lượng – Môi trường

Điện thoại: (+84-28) 3914 2012 (Ext: 794)

Fax: (+84-28) 3914 2021 – 3914 2022

Email: esg@pvdrilling.com.vn

Website: <https://www.pvdrilling.com.vn/>

KIỂM TOÁN/ĐẢM BẢO CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN



Nhằm tăng cường tính minh bạch và độ tin cậy của các thông tin được công bố, phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp và thông lệ công bố ESG, Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) đã triển khai và tham chiếu kết quả các hoạt động kiểm toán, đảm bảo đối với một số thông tin tài chính và phi tài chính được trình bày trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025. Các hoạt động kiểm toán, đảm bảo được thực hiện bao gồm:

- ▶ Đảm bảo/kiểm toán độc lập của bên thứ ba đối với một số thông tin tài chính và phi tài chính trọng yếu và;
- ▶ Đảm bảo có giới hạn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ PV Drilling đối với một số thông tin được lựa chọn.

Cách tiếp cận này thể hiện cam kết và định hướng của PV Drilling trong việc minh bạch, từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng đảm bảo thông tin phát triển bền vững theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

I. ĐẢM BẢO CỦA BÊN THỨ BA ĐỐI VỚI CÁC THÔNG TIN TÀI CHÍNH VÀ PHI TÀI CHÍNH

GRI 2-5

1. Đảm bảo đối với các thông tin tài chính:

Các thông tin tài chính được trình bày trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 được sử dụng nhất quán từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của PV Drilling cho cùng kỳ báo cáo. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán độc lập theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành, cung cấp mức độ đảm bảo về tính trung thực và hợp lý đối với các thông tin tài chính trọng yếu.



Kiểm toán/Đảm bảo các thông tin liên quan (TIẾP THEO)



2. Đảm bảo đối với một số thông tin phi tài chính

a) Bảo đảm tính độc lập trong việc duy trì hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng (HSEQ):

PV Drilling duy trì và vận hành Hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng (HSEQ) theo các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001 nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, kiểm soát rủi ro và bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường. Trong năm báo cáo, Công ty TNHH DNV Business Assurance Việt Nam – tổ chức chứng nhận độc lập bên thứ ba – đã thực hiện đánh giá giám sát định kỳ đối với hệ thống quản lý HSEQ của PV Drilling tại khối văn phòng Tổng công ty và các đơn vị thành viên; kết quả đánh giá cho thấy hệ thống quản lý tiếp tục đáp ứng các yêu cầu của các tiêu chuẩn ISO áp dụng. Việc duy trì chứng chỉ ISO và kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận độc lập là cơ sở hỗ trợ, tham chiếu cho việc đánh giá mức độ tuân thủ và hiệu quả của hệ thống quản lý liên quan.

b) Quan trắc môi trường: PV Drilling thực hiện công tác quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các yêu cầu trong giấy phép môi trường, đồng thời đáp ứng các yêu cầu liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Trong năm 2025, Tổng công ty đã phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh – đơn vị có đủ điều kiện pháp lý và năng lực chuyên môn theo quy định – để thực hiện quan trắc môi trường lao động tại khối văn phòng Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Kết quả quan trắc được sử dụng làm cơ sở khách quan để đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp, đồng thời hỗ trợ triển khai các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao hiệu quả quản lý HSE. Hoạt động quan trắc và kết quả đánh giá của đơn vị độc lập được sử dụng như cơ sở tham chiếu độc lập, cung cấp mức độ đảm bảo khách quan cho việc đánh giá tính tuân thủ pháp luật về môi trường, độ tin cậy của các thông tin môi trường được công bố trong Báo cáo Phát triển bền vững.

II. ĐẢM BẢO CÓ GIỚI HẠN CỦA BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ PV DRILLING

1. Mục tiêu và trách nhiệm của Kiểm toán nội bộ:
Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Tổng hợp Tổng công ty PV Drilling đã lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ theo Quyết định số 01/02/2026/QĐ-HĐQT ngày 10/02/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty PV Drilling nhằm đưa ra đảm bảo có giới hạn đối với một số thông tin trọng yếu được trình bày trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của PV Drilling. Hoạt động kiểm toán nhằm tăng cường độ tin cậy và chất lượng thông tin trong Báo cáo Phát triển bền vững, được thực hiện phù hợp với các Quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm toán nội bộ, chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam, Quy chế Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty PV Drilling và các quy định có liên quan.

2. Phạm vi và nguyên tắc đảm bảo của KTNB:
Việc xác định phạm vi và lựa chọn các chỉ tiêu ESG để thực hiện đảm bảo có giới hạn được thực hiện trên cơ sở đánh giá tính trọng yếu, mức độ rủi ro sai sót tiềm tàng, mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ hoàn thiện của hệ thống thu thập, kiểm soát và báo cáo dữ liệu của Tổng công ty, không đưa ra đảm bảo cho toàn bộ nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững. Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán đảm bảo đối với một số chỉ tiêu và nội dung công bố ESG được lựa chọn trong Báo cáo PTBV thuộc các trụ cột sau:

- ▶ Môi trường (E): Tổng mức tiêu thụ nhiên liệu từ các nguồn năng lượng không tái tạo – E3.4; Cường độ năng lượng theo doanh thu hợp nhất – E3.5; Tổng phát thải Phạm vi 2 – E2.3; Điện năng tiêu thụ – E3.1 và Cường độ tiêu thụ điện theo doanh thu hợp nhất – E3.2.
- ▶ Xã hội (S): Số sự cố cần ghi nhận – S1.5a; Tỷ lệ tần suất xảy ra sự cố cần ghi nhận (TRFR) – S1.6; sự cố tai nạn mất thời gian làm việc (LTIs) – S1.7; Tỷ lệ tần suất xảy ra sự cố gây mất thời gian lao động (LTIFR) – S1.8; Số giờ đào tạo bình quân trên mỗi nhân viên – S4.3 và Số tiền đóng góp thực hiện công tác an sinh xã hội hàng năm – S5.1.
- ▶ Quản trị (G): Số khuyến nghị KTNB đến hạn được xử lý – G1.7 và Hiệu suất sử dụng giàn khoan thực tế – G4.5.

3. Phương pháp thực hiện:
Trong phạm vi hoạt động kiểm toán đảm bảo có giới hạn, Kiểm toán nội bộ đã áp dụng các thủ tục

phù hợp, bao gồm: phỏng vấn, trao đổi với các đơn vị, đầu mối, bộ phận chức năng nhằm làm rõ và đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp thu thập, xử lý và tổng hợp dữ liệu; đánh giá tính hợp lý, nhất quán của thông tin được trình bày tại thời điểm thực hiện; kiểm tra chọn mẫu đối với hồ sơ, tài liệu, báo cáo và dữ liệu nội bộ liên quan và xem xét mức độ tuân thủ các quy định nội bộ, yêu cầu pháp luật liên quan. Các thủ tục này được thiết kế nhằm thu thập bằng chứng ở mức độ phù hợp cho hoạt động đảm bảo có giới hạn và không nhằm mục đích phát hiện hoặc loại trừ toàn bộ các sai sót tiềm tàng có thể tồn tại của thông tin được đảm bảo. Bên cạnh đó, Kiểm toán nội bộ đã tham chiếu các chuẩn mực và khuôn khổ báo cáo được thừa nhận rộng rãi, bao gồm: Bộ Chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI); Chuẩn mực Kiểm toán nội bộ toàn cầu (Global Internal Audit Standards) và Khung thực hành nghề nghiệp quốc tế (IPPF) của Viện Kiểm toán nội bộ (IIA) để xem xét, đánh giá mức độ phù hợp của thông tin được công bố.

4. Mức độ và hạn chế của hoạt động đảm bảo:
Đây là hoạt động kiểm toán đảm bảo có giới hạn đối với các thông tin, dữ liệu và nội dung công bố về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) được trình bày trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của PV Drilling. Theo đó, hoạt động đảm bảo này không nhằm đưa ra ý kiến đảm bảo hợp lý và không bao phủ toàn bộ các thông tin ESG được trình bày trong Báo cáo Phát triển bền vững.

Các thông tin được đảm bảo với mức độ có giới hạn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ PV Drilling nhằm tăng cường chất lượng, tính minh bạch và độ tin cậy đối với một số thông tin được lựa chọn tại thời điểm lập báo cáo; Kiểm toán nội bộ không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng các thông tin này cho các mục đích khác ngoài phạm vi công bố của Báo cáo Phát triển bền vững.

5. Kết luận
Dựa trên các thủ tục đã thực hiện và bằng chứng thu thập được, Kiểm toán nội bộ cho rằng các thông tin, chỉ số ESG được lựa chọn để thực hiện đảm bảo có giới hạn trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của PV Drilling đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và phù hợp với các yêu cầu công bố của Bộ Chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) và các quy định, chuẩn mực, quy chế, chính sách và phương pháp luận đã được công bố áp dụng.

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC GRI

TIÊU CHUẨN GRI	CHỈ SỐ GRI	NỘI DUNG THỂ HIỆN TRONG BÁO CÁO PTBV 2025	VỊ TRÍ TRONG BÁO CÁO	LÝ DO KHÔNG CÔNG BỐ	CHỈ SỐ GRI NGÀNH DẦU KHÍ
GRI 2: Thông tin chung	2-1 Thông tin chi tiết về tổ chức	Phần 1 – Thông tin doanh nghiệp	22		
	2-2 Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo	Phần 6 – Phạm vi báo cáo	232		
	2-3 Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	Phần 6 - Kỳ báo cáo - Thông tin liên hệ	232		
	2-4 Trình bày lại thông tin	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	2-5 Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	Phần 6 – Đảm bảo của bên thứ ba đối với các thông tin tài chính và phi tài chính	234		
	2-6 Hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	Phần 1 - Lĩnh vực kinh doanh - Chuỗi giá trị và mô hình tạo giá trị của PV Drilling	32		
	2-7 Nhân viên	Phần 3 – Bình đẳng và không phân biệt đối xử	150		
	2-8 Người lao động không phải là nhân viên	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	2-9 Cơ cấu quản trị	Phần 3 – Mô hình quản trị	104		
	2-10 Đề cử và lựa chọn cấp quản trị cao nhất	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-11 Chủ tịch của cấp quản trị cao nhất	Phần 3 – Mô hình quản trị	104		
	2-12 Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc giám sát việc quản lý các tác động	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-13 Phân cấp trách nhiệm trong việc quản lý các tác động	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-14 Vai trò của cấp quản trị cao nhất trong báo cáo phát triển bền vững	Phần 3 – Cơ cấu quản trị và tổ chức triển khai ESG	118		
	2-15 Xung đột lợi ích	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-16 Truyền thông về các mối quan tâm nghiêm trọng	Phần 3 – Quản lý rủi ro Phát triển bền vững	121		
	2-17 Kiến thức tập thể của cấp quản trị cao nhất	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-18 Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản trị cao nhất	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-19 Chính sách lương thưởng	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-20 Quy trình xác định lương thưởng	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-21 Tỷ lệ tổng thù lao hằng năm	BCTN 2025	BCTN 2025		

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC GRI (TIẾP THEO)

TIÊU CHUẨN GRI	CHỈ SỐ GRI	NỘI DUNG THỂ HIỆN TRONG BÁO CÁO PTBV 2025	VỊ TRÍ TRONG BÁO CÁO	LÝ DO KHÔNG CÔNG BỐ	CHỈ SỐ GRI NGÀNH DẦU KHÍ
GRI 2: Thông tin chung	2-22 Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	Phần 2 – Khung định hướng Phát triển bền vững	58		
	2-23 Các cam kết chính sách	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-24 Lồng ghép các cam kết chính sách	BCTN 2025	BCTN 2025		
	2-25 Quy trình khắc phục các tác động tiêu cực	Phần 3 – Đạo đức kinh doanh	132		
	2-26 Tham vấn các bên liên quan	Phần 2 – Gắn kết các bên liên quan	74		
	2-27 Tuân thủ pháp luật và các quy định	Phần 3 – Đạo đức kinh doanh	132		
	2-28 Thành viên của các Hiệp hội	Phần 2 – Gắn kết các bên liên quan	74		
	2-29 Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	Phần 2 – Gắn kết các bên liên quan	74		
	2-30 Thỏa ước thương lượng tập thể	BCTN 2025	BCTN 2025		
GRI 3: Chủ đề trọng yếu (2021)	3-1 Quy trình xác định các chủ đề trọng yếu	Phần 2 – Chủ đề trọng yếu	88		
	3-2 Danh sách các chủ đề trọng yếu	Phần 2 – Chủ đề trọng yếu	88		
	3-3 Quản trị các chủ đề trọng yếu	Phần 2 – Chủ đề trọng yếu	88		
GRI 201: Hiệu quả hoạt động kinh tế (2016)	201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Phần 3 – Tác động kinh tế	141		11.14.2 11.21.2
	201-2 Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và các cơ hội do biến đổi khí hậu	Phần 5 – Ứng phó biến đổi khí hậu	192		11.2.2
	201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	Phần 3 – Quan hệ lao động và phúc lợi người lao động	146		
	201-4 Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.21.4
GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường (2016)	202-1 Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	202-2 Tỷ lệ thành viên Ban Lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương	Phần 3 – Bình đẳng và không phân biệt đối xử	150		11.11.2 11.14.3
GRI 203: Tác động kinh tế gián tiếp (2016)	203-1 Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	Phần 5 – Cộng đồng địa phương	218		11.14.4
	203-2 Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	Phần 3 – Tác động kinh tế	141		11.14.5
GRI 204: Thông lệ mua sắm (2016)	204-1 Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.14.6

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC GRI (TIẾP THEO)

TIÊU CHUẨN GRI	CHỈ SỐ GRI	NỘI DUNG THỂ HIỆN TRONG BÁO CÁO PTBV 2025	VỊ TRÍ TRONG BÁO CÁO	LÝ DO KHÔNG CÔNG BỐ	CHỈ SỐ GRI NGÀNH DẦU KHÍ
GRI 205: Chống tham nhũng (2016)	205-1 Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	BCTN 2025	BCTN 2025		11.20.2
	205-2 Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	BCTN 2025	BCTN 2025		11.20.3
	205-3 Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	BCTN 2025	BCTN 2025		11.20.4
GRI 206: Hành vi cạnh tranh (2016)	206-1 Các chế tài đối với hành vi cản trở cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.19.2
GRI 207: Thuế (2019)	207-1 Phương pháp tiếp cận thuế	BCTN 2025	BCTN 2025		11.21.4
	207-2 Quản lý thuế, kiểm soát và quản lý rủi ro	BCTN 2025	BCTN 2025		11.21.5
	207-3 Sự tham gia của các bên liên quan và quản lý các mối quan tâm liên quan đến thuế	Phần 2 – Gắn kết các bên liên quan	74		11.21.6
	207-4 Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.21.7
GRI 301: Vật liệu (2016)	301-1 Vật liệu đã được sử dụng theo khối lượng hay thể tích	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	301-2 Vật liệu tái chế đã được sử dụng	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	301-3 Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
GRI 302: Năng lượng 2016	302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	Phần 5 – Hiệu quả sử dụng năng lượng giai đoạn 2023-2025	197		11.1.2
	302-2 Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.1.3
	302-3 Cường độ sử dụng năng lượng	Phần 5 – Hiệu quả sử dụng năng lượng giai đoạn 2023-2025	197		11.1.4
	302-4 Giảm tiêu hao năng lượng	Phần 5 – Hiệu quả sử dụng năng lượng giai đoạn 2023-2025	197		
	302-5 Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	Phần 5 – Các sáng kiến nâng cao hiệu quả năng lượng và đổi mới công nghệ	199		
GRI 303: Nước và nước thải 2018	303-1 Tương tác với nước như một nguồn tài nguyên chung	Phần 4 – Quản lý và sử dụng tài nguyên nước	168		11.6.2
	303-2 Quản lý các tác động liên quan đến xả nước	Phần 4 – Quản lý và sử dụng tài nguyên nước	168		11.6.3
	303-3 Nước đầu vào	Phần 4 – Quản lý và sử dụng tài nguyên nước	168		11.6.4
	303-4 Nước thải	Phần 4 – Quản lý và xử lý nước thải	168		11.6.5
	303-5 Nước tiêu thụ	Phần 4 – Quản lý và sử dụng tài nguyên nước	168		11.6.6

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC GRI (TIẾP THEO)

TIÊU CHUẨN GRI	CHỈ SỐ GRI	NỘI DUNG THỂ HIỆN TRONG BÁO CÁO PTBV 2025	VỊ TRÍ TRONG BÁO CÁO	LÝ DO KHÔNG CÔNG BỐ	CHỈ SỐ GRI NGÀNH DẦU KHÍ
GRI 304: Đa dạng sinh học 2016	304–1 Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.4.2
	304–2 Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	Phần 5 – Đa dạng sinh học	204		11.4.3
	304–3 Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	Phần 5 – Đa dạng sinh học	204		11.4.4
	304–4 Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.4.5
GRI 305: Phát thải 2016	305–1 Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	Phần 5 – Kiểm kê và quản lý phát thải khí nhà kính	200		11.1.5
	305–2 Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	Phần 5 – Kiểm kê và quản lý phát thải khí nhà kính	200		11.1.6
	305–3 Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	N/A			11.1.7
	305–4 Cường độ phát thải khí nhà kính (GHG)	Phần 5 – Kiểm kê và quản lý phát thải khí nhà kính	200		11.1.8
	305–5 Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	Phần 5 – Kiểm kê và quản lý phát thải khí nhà kính	200		11.2.3
	305–6 Phát thải chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	305–7 Nitrogen oxides (NO _x), sulfur oxides (SO _x) và các phát thải khí đáng kể khác	Phần 5 – Kiểm kê và kiểm soát các chất ô nhiễm không khí	201		11.3.2
GRI 306: Nước thải và chất thải 2016	306–3 Các sự cố tràn dầu đáng kể	Phần 4 – Quản lý chất thải	172		11.8.2
GRI 306: Chất thải 2020	306–1 Phát sinh chất thải và các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	Phần 4 – Quản lý chất thải	172		11.5.2
	306–2 Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	Phần 4 – Quản lý chất thải	172		11.5.3
	306–3 Chất thải phát sinh	Phần 4 – Quản lý chất thải	172		11.5.4
	306–4 Chất thải được chuyển hướng khỏi việc thải bỏ	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.5.5
	306–5 Chất thải được xử lý	Phần 4 – Quản lý chất thải	172		11.5.6
GRI 308: Đánh giá Nhà cung cấp về Môi trường 2016	308–1 Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	308–2 Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
GRI 401: Việc làm 2016	401–1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	Phần 4 – Thu hút và giữ chân nhân tài	182		11.10.2
	401–2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	Phần 3 – Quan hệ lao động và phúc lợi người lao động	146		11.10.3
	401–3 Nghỉ thai sản	Phần 3 – Quan hệ lao động và phúc lợi người lao động	146		11.10.4 11.11.3
GRI 402: Mối quan hệ Lao động/Quản lý 2016	402–1 Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.7.2 11.10.5

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC GRI(TIẾP THEO)

TIÊU CHUẨN GRI	CHỈ SỐ GRI	NỘI DUNG THỂ HIỆN TRONG BÁO CÁO PTBV 2025	VỊ TRÍ TRONG BÁO CÁO	LÝ DO KHÔNG CÔNG BỐ	CHỈ SỐ GRI NGÀNH DẦU KHÍ
GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp 2018	403-1 Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	154		11.9.2
	403-2 Nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	155		11.9.3
	403-3 Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	156		11.9.4
	403-4 Sự tham gia của người lao động, tham vấn và truyền thông về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	158		11.9.5
	403-5 Huấn luyện nhân viên về sức khỏe và an toàn lao động	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	161		11.9.6
	403-6 Nâng cao sức khỏe người lao động	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	165		11.9.7
	403-7 Phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp liên kết trực tiếp bởi các mối quan hệ kinh doanh	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	165		11.9.8
	403-8 Người lao động được bảo đảm bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	165		11.9.9
	403-9 Thương tật liên quan đến công việc	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	166		11.9.10
	403-10 Sức khỏe kém liên quan đến công việc	Phần 4 – An toàn – Sức khỏe lao động	166		11.9.11
GRI 404: Giáo dục và đào tạo 2016	404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	Phần 4 – Hoạt động đào tạo	180		11.10.6 11.11.4
	404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	Phần 4 – Đào tạo hội nhập	180		11.10.7
	404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
GRI 405: Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng 2016	405-1 Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	Phần 3 – Bình đẳng và không phân biệt đối xử	150		11.11.5
	405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	BCTN 2025	151		11.11.6
GRI 406: Không phân biệt đối xử 2016	406-1 Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.11.7
GRI 407: Tự do lập hội, Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể 2016	407-1 Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.13.2
GRI 408: Lao động trẻ em 2016	408-1 Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Phần 3 – Bình đẳng và không phân biệt đối xử	150		
GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc 2016	409-1 Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Phần 3 – Bình đẳng và không phân biệt đối xử	150		11.12.2
GRI 410: Thông lệ về an ninh 2016	410-1 Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách liên quan đến quyền con người	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.18.2
GRI 411: Quyền của Người Bản địa 2016	411-1 Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.17.2

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC GRI (TIẾP THEO)

TIÊU CHUẨN GRI	CHỈ SỐ GRI	NỘI DUNG THỂ HIỆN TRONG BÁO CÁO PTBV 2025	VỊ TRÍ TRONG BÁO CÁO	LÝ DO KHÔNG CÔNG BỐ	CHỈ SỐ GRI NGÀNH DẦU KHÍ
GRI 413: Cộng đồng địa phương 2016	413-1 Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	Phần 5 – Cộng đồng địa phương	216		11.15.2
	413-2 Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương	Phần 5 – Cộng đồng địa phương	216		11.15.3
GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về mặt Xã hội 2016	414-1 Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về mặt xã hội	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.10.8 11.12.3
	414-2 Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.10.9
GRI 415: Chính sách công 2016	415-1 Đóng góp chính trị	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.22.2
GRI 416: Sức khỏe và An toàn của Khách hàng 2016	416-1 Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	11.3.3
	416-2 Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
GRI 417: Tiếp thị và Nhãn hiệu 2016	417-1 Các yêu cầu đối với thông tin và nhãn hiệu sản phẩm và dịch vụ	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	417-2 Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
	417-3 Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	
GRI 418: Quyền bảo mật thông tin khách hàng 2016	418-1 Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	N/A	N/A	Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này	

Các chủ đề trong GRI 11 áp dụng được PV Drilling xác định là không trọng yếu	GRI 11.7 Đóng cửa và phục hồi môi trường	GRI 11.16 Quyền về đất đai và tài nguyên	GRI 11.18 Xung đột và an ninh	GRI 11.19 Hành vi chống cạnh tranh	GRI 11.22 Chính sách công
	Hoạt động đóng cửa giếng/mỏ và phục hồi môi trường thuộc trách nhiệm của chủ mỏ. Phạm vi ảnh hưởng trực tiếp của PV Drilling đối với giai đoạn này là rất hạn chế và gián tiếp.	Các vấn đề liên quan đến quyền đất đai, tái định cư hoặc tranh chấp tài nguyên thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư dự án dầu khí.	Tổng công ty không hoạt động tại các khu vực có xung đột vũ trang hoặc rủi ro an ninh cao.	PV Drilling tuân thủ hoàn toàn các quy định pháp luật về cạnh tranh và chống độc quyền tại các thị trường hoạt động.	Các tương tác của PV Drilling với cơ quan quản lý mang tính tuân thủ pháp lý và vận hành thông thường

PHỤ LỤC 2 – DANH MỤC SASB

THAM CHIẾU SASB		CHỈ SỐ SASB	NỘI DUNG THỂ HIỆN TRONG BÁO CÁO PTBV 2025		VỊ TRÍ TRONG BÁO CÁO	LÝ DO KHÔNG CÔNG BỐ
Giảm phát thải & Quản lý dịch vụ và nhiên liệu						
EM-SV-110a.1	Tổng nhiên liệu tiêu thụ, tỷ lệ năng lượng tái tạo, tỷ lệ sử dụng trong (1) thiết bị & phương tiện đường bộ và (2) thiết bị ngoài đường bộ	Phần 5 – Kiểm kê và quản lý phát thải khí nhà kính	200			
EM-SV-110a.2	Mô tả chiến lược/kế hoạch xử lý rủi ro, cơ hội và tác động liên quan đến phát thải khí	Phần 5 – Ứng phó với biến đổi khí hậu	192			
EM-SV-110a.3	Tỷ lệ động cơ đang vận hành tuân thủ mức tiêu chuẩn phát thải cao nhất đối với động cơ diesel ngoài đường bộ.	N/A	N/A			Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này
Quản lý nước						
EM-SV-140a.1	(1) Tổng lượng nước sử dụng trong vận hành, (2) tỷ lệ được tái chế	Phần 4 – Quản lý và sử dụng tài nguyên nước	168			
EM-SV-140a.2	Mô tả chiến lược/kế hoạch xử lý rủi ro, cơ hội và tác động liên quan đến tiêu thụ và thải nước	Phần 4 – Quản lý và sử dụng tài nguyên nước	168			
Quản lý hóa chất						
EM-SV-150a.1	(1) Khối lượng dung dịch nứt vỡ thủy lực sử dụng, (2) tỷ lệ các chất nguy hại	Phần 4 – Quản lý hóa chất	171			
EM-SV-150a.2	Mô tả chiến lược/kế hoạch xử lý rủi ro, cơ hội và tác động liên quan đến hóa chất	Phần 4 – Quản lý hoá chất	171			
Quản lý tác động sinh thái						
EM-SV-160a.1	Diện tích đất bị ảnh hưởng trung bình trên mỗi khu vực (1) giếng dầu và (2) giếng khí	N/A	N/A			PV Drilling chỉ có hoạt động ngoài khơi, không có ảnh hưởng trực tiếp từ giếng tới đất liền
EM-SV-160a.2	Mô tả chiến lược/kế hoạch xử lý rủi ro và cơ hội liên quan đến tác động sinh thái từ hoạt động khai thác	Phần 5 – Đa dạng sinh học	204			
Sức khỏe & an toàn lao động						
EM-SV-320a.1	(1) Tỷ lệ tai nạn ghi nhận (TRIR), (2) tỷ lệ tử vong, (3) tỷ lệ sự cố suýt xảy ra (NMFR), (4) số giờ đào tạo trung bình về an toàn, sức khỏe và ứng phó khẩn cấp cho (a) nhân viên trực tiếp và (b) nhân viên hợp đồng	Phần 4 - Chương trình đào tạo, huấn luyện về An toàn - Các chỉ số An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng	161 166			
EM-SV-320a.2	Mô tả hệ thống quản lý nhằm xây dựng văn hóa an toàn trong toàn bộ chuỗi giá trị và vòng đời dự án	Phần 4 – Hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng	154			
EM-SV-320a.3	Số vụ tai nạn và sự cố giao thông đường bộ	N/A	N/A			Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này
Đạo đức kinh doanh & minh bạch thanh toán						
EM-SV-510a.1	Doanh thu ròng tại các quốc gia thuộc 20 thứ hạng thấp nhất theo Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng của minh bạch quốc tế (Transparency International's Corruption Perception Index)	N/A	N/A			Không có thông tin liên quan được trình bày trong báo cáo này
EM-SV-510a.2	Mô tả hệ thống quản lý phòng chống tham nhũng và hối lộ trong toàn bộ chuỗi giá trị	BCTN 2025	BCTN 2025			
Quản lý môi trường pháp lý & quy định						
EM-SV-530a.1	Mô tả quan điểm của doanh nghiệp đối với các quy định hoặc đề xuất chính sách liên quan đến môi trường và xã hội ảnh hưởng đến ngành	Phần 4 – An toàn sức khỏe nghề nghiệp Phần 5 – Tuân thủ môi trường và sáng kiến giảm thiểu tác động trong vận hành giàn khoan	155 210			
Quản lý rủi ro sự cố nghiêm trọng						
EM-SV-540a.1	Mô tả hệ thống quản lý nhằm xác định và giảm thiểu rủi ro thảm họa và rủi ro cuối chuỗi	Phần 3 – Quản lý rủi ro	134			
Chỉ số hoạt động						
EM-SV-000.A	Số lượng giàn khoan đang hoạt động	Phần 1 – Địa bàn kinh doanh	23			
EM-SV-000.B	Số lượng địa điểm giếng đang hoạt động	Phần 1 – Địa bàn kinh doanh	23			
EM-SV-000.C	Tổng số mét khoan đã thực hiện	Phần 1 – Địa bàn kinh doanh	23			
EM-SV-000.D	Tổng số giờ làm việc của tất cả nhân viên	Phần 4 – Các chỉ số An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp – Môi trường – Chất lượng	166			

PHỤ LỤC 3 – DỮ LIỆU BỘ CHỈ SỐ

TRỤ CỘT	CHỦ ĐỀ	MÃ CHỈ SỐ	CHỈ SỐ	CƠ BẢN (C)/ MỞ RỘNG (A)	ĐƠN VỊ	2023	2024	2025
Môi trường	E1. Ứng phó biến đổi khí hậu	E1.1	Tổng số ngày khoan/vận hành bị mất do điều kiện thời tiết cực đoan gây ảnh hưởng đến doanh thu (zero rate hoặc stand by rate theo hợp đồng)	A	ngày	PV DRILLING I: 0 PV DRILLING II: 0,42 PV DRILLING III: 5,79 PV DRILLING V: 8,5 PV DRILLING VI: 3,04	PV DRILLING I: 14 PV DRILLING II: 0 PV DRILLING III: 0 PV DRILLING V: 23,54 PV DRILLING VI: 0,5	PV DRILLING I: 16 PV DRILLING II: 0 PV DRILLING III: 0 PV DRILLING V: 104,8 PV DRILLING VI: 0 PV DRILLING VIII: 0
Môi trường	E1. Ứng phó biến với đổi khí hậu	E1.2	Chi phí đầu tư (CapEx) được phân bổ cho kế hoạch/ hoạt động liên quan đến phát triển bền vững	A	tỷ đồng	18	26	262
Môi trường	E1. Ứng phó biến với đổi khí hậu	E1.3	Chi phí hoạt động (OpEx) được phân bổ cho hoạt động liên quan đến phát triển bền vững	A	tỷ đồng	1.972	2.386	3.025
Môi trường	E2. Phát thải khí nhà kính	E2.1	Tổng phát thải Phạm vi 1 & 2	C	tấn CO ₂ e	1.769	2.833	4.411
Môi trường	E2. Phát thải khí nhà kính	E2.2	Tổng phát thải Phạm vi 1	C	tấn CO ₂ e	141	1.144	2.692
Môi trường	E2. Phát thải khí nhà kính	E2.3	Tổng phát thải Phạm vi 2	C	tấn CO ₂ e	1.628	1.689	1.719
Môi trường	E2. Phát thải khí nhà kính	E2.4	Cường độ phát thải phạm vi 1 & 2 theo doanh thu hợp nhất	A	tấn CO ₂ e/tỷ đồng	0,30	0,30	0,40
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.1	Điện năng tiêu thụ	C	kWh	2.469.130	2.561.694	2.607.599
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.2	Cường độ tiêu thụ điện theo doanh thu hợp nhất	A	kWh/tỷ đồng	425,42	275,81	239,30
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.3	Tổng năng lượng tiêu thụ	C	GJ	10.789	24.846	45.852
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.4	Tổng mức tiêu thụ nhiên liệu từ các nguồn năng lượng không tái tạo	C	GJ	1.901	15.624	36.465
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.5	Cường độ năng lượng theo doanh thu hợp nhất	C	GJ/tỷ đồng	1,86	2,68	4,21
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.6	Lượng nhiên liệu sinh học – Bio-diesel sử dụng	C	tấn	3.408	2.865	6.241
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.7	Lượng phát thải CO ₂ e từ Bio-diesel (phạm vi 3)	C	tấn CO ₂ e	6.538	5.497	13.056
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.8	Số lượng bóng đèn đã thay thế trên các giàn khoan	C	bóng đèn	2.470	3.530	3.872
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.9	Tỷ lệ thay bóng đèn LED trên các giàn khoan	C	%	52	74	81
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.10	Lượng dầu DO tiêu thụ giảm khi sử dụng đèn LED trên các giàn khoan	C	tấn/năm	838	1.004	1.119
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.11	Tổng lượng nước sử dụng	C	m ³	5.968	15.443	15.857
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.12	Tổng lượng nước xả thải	C	m ³	72.807	78.064	78.219
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.13	Nước thải sinh hoạt	C	m ³	61.164	72.008	72.968
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.14	Nước thải công nghiệp	C	m ³	11.643	6.056	5.250
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.15	Tỷ lệ lượng nước thải trên giàn khoan & căn cứ/xưởng sản xuất được xử lý đúng quy định pháp luật	A	%	100	100	100
Môi trường	E3. Quản lý & sử dụng tài nguyên	E3.16	Cường độ sử dụng nước theo doanh thu hợp nhất	C	m ³ /tỷ đồng	1,03	1,66	1,46
Môi trường	E4. Quản lý chất thải	E4.1	Lượng chất thải phát sinh	C	tấn	264,66	190,27	349,60
Môi trường	E4. Quản lý chất thải	E4.2	Lượng chất thải nguy hại	C	tấn	168,12	108,11	189,92
Môi trường	E4. Quản lý chất thải	E4.3	Lượng chất thải không nguy hại	C	tấn	96,54	82,16	159,68

PHỤ LỤC 3 – DỮ LIỆU BỘ CHỈ SỐ (TIẾP THEO)

TRỤ CỘT	CHỦ ĐỀ	MÃ CHỈ SỐ	CHỈ SỐ	CƠ BẢN (C)/ MỞ RỘNG (A)	ĐƠN VỊ	2023	2024	2025
Môi trường	E4. Quản lý chất thải	E4.4	Tỷ lệ lượng chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn (tại giàn khoan/cần cẩu/xưởng của PV Drilling) & xử lý theo đúng quy định pháp luật	A	%	100	100	100
Môi trường	E4. Quản lý chất thải	E4.5	Cường độ chất thải phát sinh trong năm trên doanh thu hợp nhất	C	tấn chất thải/tỷ đồng	0,046	0,020	0,032
Môi trường	E5. Sự cố môi trường	E5.1	Số lượng sự cố tràn dầu không đáng kể (<= 100 lít)	C	số lượng	0	0	0
Môi trường	E5. Sự cố môi trường	E5.2	Số lượng sự cố tràn dầu đáng kể (> 100 lít)	C	số lượng	0	0	0
Môi trường	E5. Sự cố môi trường	E5.3	Tổng lượng dầu tràn đổ ra môi trường	C	lít	0	0	0
Môi trường	E5. Sự cố môi trường	E5.4	Số lượng vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường	C	số lượng	0	0	0
Môi trường	E6. Đa dạng sinh học	E6.1	Ngân sách chi cho hoạt động trồng rừng	A	triệu đồng	515	357	959
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.1	Số sự cố cận nguy	A	số lượng	3	2	2
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.2	Số ca tử vong do thương tích hoặc bệnh tật liên quan đến công việc	C	số lượng	0	0	0
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.3	Số ca tử vong của nhân viên do sự cố an toàn lao động	C	số lượng	0	0	0
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.4	Số ca tử vong của nhà thầu do sự cố an toàn lao động	A	số lượng	0	0	1
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.5	Tỷ lệ tần suất tử vong của nhân viên do sự cố an toàn lao động	C	sự cố/1 triệu giờ làm việc	0	0	0
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.5a	Số sự cố cần ghi nhận	C	số lượng	3	1	1
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.6	Tỷ lệ tần suất xảy ra sự cố cần ghi nhận (TRFR)	C	sự cố/1 triệu giờ làm việc	0,97	0,73	1,95
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.7	Số sự cố gây mất thời gian lao động (LTIs)	C	số lượng	0	1	4
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.8	Tỷ lệ tần suất xảy ra sự cố gây mất thời gian lao động (LTIFR)	C	sự cố/1 triệu giờ làm việc	0	0,37	1,63
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.9	Số trường hợp tử vong của nhân viên do bệnh nghề nghiệp	C	trường hợp	0	0	0
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.10	Tỷ lệ mắc bệnh nghề nghiệp của nhân viên	C	%	0	0	0
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.11	Tỷ lệ vắng mặt – theo số ngày	C	%	0	0	0
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.12	Tỷ lệ vắng mặt – theo đầu người	C	%	0	0	0
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.13	Số lượt nhân viên được đào tạo về tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	C	số lượt	12.441	17.974	15.270
Xã hội	S1. An toàn, sức khỏe lao động	S1.14	Số thẻ PVD Card/người/năm	C	số lượng	90	117	103
Xã hội	S2. Quan hệ lao động	S2.1	Tổng các khoản đóng bảo hiểm y tế của nhân viên	C	tỷ đồng	17,41	19,71	21,39
Xã hội	S2. Quan hệ lao động	S2.2	Tổng số nhân viên được quyền hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con	C	người	58	48	55
Xã hội	S2. Quan hệ lao động	S2.3	Tỷ lệ nhân viên nữ/nam được quyền hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con	C	%	Nữ: 100% (42/42) Nam: 100% (16/16)	Nữ: 100% (41/41) Nam: 100% (7/7)	Nữ: 100% (50/50) Nam: 100% (5/5)

PHỤ LỤC 3 – DỮ LIỆU BỘ CHỈ SỐ (TIẾP THEO)

TRỤ CỘT	CHỦ ĐỀ	MÃ CHỈ SỐ	CHỈ SỐ	CƠ BẢN (C)/ MỞ RỘNG (A)	ĐƠN VỊ	2023	2024	2025
Xã hội	S2. Quan hệ lao động	S2.4	Tỷ lệ nhân viên quay trở lại làm việc sau khi nghỉ thai sản	A	%	100	100	100
Xã hội	S2. Quan hệ lao động	S2.5	Tỷ lệ giữ chân nhân sự	A	%	95	88	91
Xã hội	S3. Bình đẳng và không phân biệt đối xử	S3.1	Tổng số lượng nhân sự	C	người	1.608	1.743	1.885
Xã hội	S3. Bình đẳng và không phân biệt đối xử	S3.2	Tỷ lệ nhân sự theo giới tính	C	%	Tỷ lệ nam: 80% Tỷ lệ nữ: 20%	Tỷ lệ nam: 82% Tỷ lệ nữ: 18%	Tỷ lệ nam: 83% Tỷ lệ nữ: 17%
Xã hội	S3. Bình đẳng và không phân biệt đối xử	S3.3	Tỷ lệ nhân sự bản địa	C	%	76	77	84
Xã hội	S3. Bình đẳng và không phân biệt đối xử	S3.4	Tỷ lệ nhân sự theo độ tuổi	C	%	- Dưới 30 tuổi: 8% - Từ 30 – 50 tuổi: 76% - Trên 50 tuổi: 16%	- Dưới 30 tuổi: 9% - Từ 30 – 50 tuổi: 74% - Trên 50 tuổi: 17%	- Dưới 30 tuổi: 11% - Từ 30 – 50 tuổi: 74% - Trên 50 tuổi: 15%
Xã hội	S4. Đào tạo và phát triển nhân sự	S4.1	Tổng chi phí đào tạo	A	tỷ đồng	21,77	24,69	29,39
Xã hội	S4. Đào tạo và phát triển nhân sự	S4.2	Tổng giờ đào tạo	C	giờ	43.716	58.160	70.424
Xã hội	S4. Đào tạo và phát triển nhân sự	S4.3	Số giờ đào tạo bình quân trên mỗi nhân viên	C	giờ	27,19	33,37	37,36
Xã hội	S4. Đào tạo và phát triển nhân sự	S4.4	Tỷ lệ % các khóa đào tạo cho NLĐ khối giàn khoan được tổ chức/tổng số khóa yêu cầu theo ma trận đào tạo	A	%	86,00	89,53	90,82
Xã hội	S5. Cộng đồng địa phương	S5.1	Số tiền đóng thực hiện công tác an sinh xã hội hàng năm	A	tỷ đồng	1,4	8,4	30,2
Quản trị	G1. Quản trị công ty	G1.1	Số lượng thành viên HĐQT	C	số lượng	7	7	7
Quản trị	G1. Quản trị công ty	G1.2	Số lượng thành viên HĐQT độc lập	C	số lượng	3	3	2
Quản trị	G1. Quản trị công ty	G1.3	Tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập	C	%	43	43	29
Quản trị	G1. Quản trị công ty	G1.4	Tỷ lệ thành viên HĐQT theo độ tuổi	C	%	- Dưới 50 tuổi: 14% - Từ 50 – 60 tuổi: 43% - Trên 60 tuổi: 43%	- Dưới 50 tuổi: 29% - Từ 50 – 60 tuổi: 29% - Trên 60 tuổi: 43%	- Dưới 50 tuổi: 29% - Từ 50 – 60 tuổi: 43% - Trên 60 tuổi: 29%
Quản trị	G1. Quản trị công ty	G1.5	Số cuộc họp HĐQT trong năm	C	số lượng	5	6	7
Quản trị	G1. Quản trị công ty	G1.6	Tỷ lệ tham dự họp HĐQT	C	%	- Ông Mai Thế Toàn: 100% - Ông Đỗ Đức Chiến: 100% - Ông Nguyễn Xuân Cường: 100% - Ông Vũ Thụy Tường: 100% - Ông Văn Đức Tờng: 80% - Ông Nguyễn Văn Toàn: 100% - Ông Hoàng Xuân Quốc: 100%	- Ông Mai Thế Toàn: 100% - Ông Nguyễn Xuân Cường: 100% - Ông Nguyễn Thế Sơn: 100% - Ông Vũ Thụy Tường: 100% - Ông Văn Đức Tờng: 100% - Ông Nguyễn Văn Toàn: 100% - Ông Hoàng Xuân Quốc: 100%	- Ông Mai Thế Toàn: 100% - Ông Nguyễn Xuân Cường: 83% - Ông Nguyễn Thế Sơn: 100% - Ông Vũ Thụy Tường: 100% - Ông Trần Văn Hoạt: 100% - Ông Phạm Xuân Sơn: 100% - Ông Đoàn Đức Tùng: 100%

PHỤ LỤC 3 – DỮ LIỆU BỘ CHỈ SỐ (TIẾP THEO)

TRỤ CỘT	CHỦ ĐỀ	MÃ CHỈ SỐ	CHỈ SỐ	CƠ BẢN (C)/ MỞ RỘNG (A)	ĐƠN VỊ	2023	2024	2025
Quản trị	G1. Quản trị công ty	G1.7	Số khuyến nghị KTNB đến hạn được xử lý	A	khuyến nghị	41	36	74
Quản trị	G2. Đạo đức kinh doanh	G2.1	Tỷ lệ thành viên HĐQT đã được thông báo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	C	%	100	100	100
Quản trị	G2. Đạo đức kinh doanh	G2.2	Số lượng vụ tham nhũng được xác nhận trong năm	C	vụ	0	0	0
Quản trị	G2. Đạo đức kinh doanh	G2.3	Số lượng khiếu nại được xác minh liên quan đến vi phạm quyền riêng tư của khách hàng	A	khiếu nại	0	0	0
Quản trị	G3. Quản lý rủi ro	G3.1	Hiệu suất hoạt động giàn khoan	C	%	PV DRILLING I: 99,6 PV DRILLING II: 99,9 PV DRILLING III: 99,9 PV DRILLING V: 99,9 PV DRILLING VI: 99,6	PV DRILLING I: 99,5 PV DRILLING II: 99,7 PV DRILLING III: 99,4 PV DRILLING V: 98 PV DRILLING VI: 99,9	PV DRILLING I: 99,7 PV DRILLING II: 99,9 PV DRILLING III: 100 PV DRILLING V: 99,8 PV DRILLING VI: 100 PV DRILLING VIII: 99,8
Quản trị	G3. Quản lý rủi ro	G3.2	Tỷ lệ thực hiện bảo trì đúng kế hoạch đối với thiết bị quan trọng trên giàn khoan	A	%	PV DRILLING I: 97,2 PV DRILLING II: 97,9 PV DRILLING III: 96,8 PV DRILLING V: 97,8 PV DRILLING VI: 96,8	PV DRILLING I: 97,6 PV DRILLING II: 99 PV DRILLING III: 97,6 PV DRILLING V: 98,8 PV DRILLING VI: 98,5	PV DRILLING I: 99,2 PV DRILLING II: 99,4 PV DRILLING III: 98,6 PV DRILLING V: 98,8 PV DRILLING VI: 98,7 PV DRILLING VIII: 97,5
Quản trị	G4. Tác động kinh tế	G4.1a	Tổng doanh thu hoạt động	C	tỷ đồng	6.160	9.566	11.553
Quản trị	G4. Tác động kinh tế	G4.1b	Doanh thu hợp nhất	C	tỷ đồng	5.804	9.288	10.897
Quản trị	G4. Tác động kinh tế	G4.2	Lợi nhuận trước thuế	C	tỷ đồng	658	937	1.386
Quản trị	G4. Tác động kinh tế	G4.3	Lợi nhuận sau thuế	C	tỷ đồng	546	698	1.052
Quản trị	G4. Tác động kinh tế	G4.4	Thuế phí đóng góp (nộp ngân sách nhà nước)	C	tỷ đồng	410	832	1.033
Quản trị	G4. Tác động kinh tế	G4.5	Hiệu suất sử dụng giàn khoan thực tế (Utilization rate)	A	%	PV DRILLING I: 93,4 PV DRILLING II: 100 PV DRILLING III: 99,9 PV DRILLING V: 100 PV DRILLING VI: 98	PV DRILLING I: 100 PV DRILLING II: 100 PV DRILLING III: 100 PV DRILLING V: 100 PV DRILLING VI: 100	PV DRILLING I: 98,4 PV DRILLING II: 100 PV DRILLING III: 96,5 PV DRILLING V: 100 PV DRILLING VI: 67,4 PV DRILLING VIII : 33,4

PHỤ LỤC 4 – CÁC TÁC ĐỘNG ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ

STT	CÁC TÁC ĐỘNG PHÙ HỢP VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PV DRILLING	CHI TIẾT TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG	TIỀM TÀNG/ THỰC TẾ	TÍCH CỰC/ TIÊU CỰC	KÝ HIỆU
I. MÔI TRƯỜNG					
1	Rủi ro vận hành do thời tiết cực đoan	Tăng tần suất bão, lũ lụt hoặc nhiệt độ cực đoan gây hư hỏng tài sản, gián đoạn chuỗi cung ứng, đình trệ hoạt động và tăng chi phí bảo hiểm.	Tiềm tàng	Tiêu cực	E1.1
2	Rủi ro chuyển dịch thị trường	Nhu cầu dịch vụ khoan có thể giảm khi thế giới chuyển sang năng lượng thấp carbon, gây rủi ro tài sản bị mắc kẹt (stranded assets).	Tiềm tàng	Tiêu cực	E1.2
3	Cơ hội từ công nghệ mới	Tham gia vào chuỗi giá trị Thu hồi và Lưu trữ Carbon (CCS) bằng cách tận dụng giếng cũ hoặc năng lực khoan.	Tiềm tàng	Tích cực	E1.3
4	Phát thải trực tiếp (phạm vi 1)	Khí nhà kính phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu từ các nguồn do PV Drilling sở hữu hoặc kiểm soát tại hiện trường.	Thực tế	Tiêu cực	E2.1
5	Phát thải gián tiếp (phạm vi 2)	Phát thải khí nhà kính từ việc sử dụng năng lượng điện được mua.	Thực tế	Tiêu cực	E2.2
6	Phát thải gián tiếp (phạm vi 3)	Hoạt động khoan của PV Drilling phát sinh phát thải gián tiếp từ vận chuyển vật tư, nhiên liệu, dịch vụ logistics và các nhà thầu phụ. Việc quản lý chưa hiệu quả phát thải phạm vi 3 có thể làm gia tăng dấu chân carbon và ảnh hưởng đến đánh giá ESG của doanh nghiệp.	Thực tế	Tiêu cực	E2.3
7	Đốt bỏ và xả khí (Flaring/Venting)	Phát thải CO ₂ và CH ₄ từ quá trình xử lý khí hoặc trong các tình huống khẩn cấp/an toàn.	Thực tế	Tiêu cực	E2.4
8	Tiêu thụ năng lượng lớn, chủ yếu từ nhiên liệu hóa thạch.	Hoạt động khoan tiêu tốn nhiều năng lượng, phụ thuộc lớn vào dầu diesel, gây áp lực lên chi phí vận hành và mục tiêu giảm phát thải.	Thực tế	Tiêu cực	E3.1
9	Cường độ năng lượng sử dụng/cường độ phát thải	Mức tiêu thụ năng lượng tính trên mỗi ngày vận hành hoặc mỗi mét khoan.	Thực tế	Tiêu cực	E3.2
10	Cải thiện hiệu suất năng lượng	Giàn khoan và thiết bị khoan tiêu thụ năng lượng lớn trong quá trình vận hành. Nâng cao hiệu suất năng lượng giúp PV Drilling giảm chi phí nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính và tăng khả năng cạnh tranh với các nhà thầu khoan khác.	Thực tế	Tích cực	E3.3
11	Khai thác và sử dụng nước cho khoan, làm mát, sinh hoạt.	Rút nước phục vụ cho quá trình khoan, pha bùn và sinh hoạt của công nhân.	Thực tế	Tiêu cực	E3.4
12	Nguy cơ ô nhiễm nước biển do nước thải khoan và nước thải sinh hoạt	Nước thải khoan và nước thải sinh hoạt từ giàn khoan nếu không được xử lý đạt chuẩn có thể gây ô nhiễm nước biển và ảnh hưởng hệ sinh thái. Điều này tiềm ẩn rủi ro pháp lý và tác động tiêu cực đến uy tín của PV Drilling.	Thực tế	Tiêu cực	E3.5
13	Tái sử dụng, xử lý nước thải đạt chuẩn, giảm cường độ sử dụng nước.	Áp dụng các giải pháp xử lý và tái sử dụng nước thải giúp PV Drilling giảm lượng nước khai thác mới và hạn chế xả thải ra môi trường. Điều này góp phần tuân thủ quy định môi trường và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp bền vững.	Thực tế	Tích cực	E3.6
14	Ô nhiễm không khí cục bộ	Phát thải NO _x , SO _x , bụi mịn (PM) và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs) từ quá trình đốt nhiên liệu trên giàn khoan ảnh hưởng đến sức khỏe con người và hệ sinh thái.	Thực tế	Tiêu cực	E4
15	Phát sinh chất thải nguy hại	Bùn khoan, vụn khoan, mùn thải và dầu thải chứa các phụ gia hóa chất, kim loại nặng hoặc vật liệu phóng xạ tự nhiên (NORM).	Thực tế	Tiêu cực	E5.1
16	Rủi ro xử lý chất thải không phù hợp gây ô nhiễm môi trường.	Chất thải nguy hại từ hoạt động khoan nếu không được quản lý và xử lý đúng quy định có thể gây ô nhiễm môi trường biển và đất liền. Điều này có thể dẫn đến vi phạm pháp luật và phát sinh chi phí khắc phục lớn cho PV Drilling.	Tiềm tàng	Tiêu cực	E5.2
17	Chất thải phát sinh không được tái chế/xử lý an toàn	Việc không tối ưu tái chế và xử lý an toàn chất thải công nghiệp làm gia tăng chi phí vận hành và lãng phí tài nguyên. Đồng thời, điều này có thể ảnh hưởng đến việc đáp ứng yêu cầu ESG của khách hàng dầu khí quốc tế.	Tiềm tàng	Tiêu cực	E5.3
18	Sự cố khoan (bao gồm tràn dầu, hóa chất, mất kiểm soát giếng,...)	Rủi ro bùng phát giếng gây tràn dầu quy mô lớn, dẫn đến thảm họa môi trường và trách nhiệm pháp lý nặng nề.	Tiềm tàng	Tiêu cực	E6.1
19	Rò rỉ khi phá dỡ giàn khoan	Nguy cơ rò rỉ hóa chất độc hại (asbestos, chất bôi trơn, rust) vào đất và nước tại các bãi tháo dỡ không đạt chuẩn.	Tiềm tàng	Tiêu cực	E6.2
20	Ảnh hưởng đến sinh cảnh và chuỗi sinh học khu vực	Việc di chuyển giàn khoan giữa các vùng biển có thể vô tình mang theo các loài xâm lấn qua nước dẫn hoặc sinh vật bám trên thân giàn (biofouling).	Tiềm tàng	Tiêu cực	E7.1
21	Tác động đến hệ sinh thái biển	Gây xáo trộn hệ sinh thái biển do hoạt động khoan, neo đậu, vận hành giàn hoặc sự cố môi trường.	Thực tế	Tiêu cực	E7.2
22	Trách nhiệm giảm thiểu tác động, phục hồi môi trường sau dự án.	Nghĩa vụ trám và hủy giếng, tháo dỡ cơ sở vật chất sau khi kết thúc hợp đồng hoặc kết thúc vòng đời tài sản.	Thực tế	Tích cực	E8.1
23	Sử dụng thép quy mô lớn	Phụ thuộc vào nguồn cung thép cho việc xây dựng, sửa chữa và thay thế cấu trúc giàn khoan, gây tác động gián tiếp từ quá trình sản xuất thép.	Thực tế	Tiêu cực	E9.1
24	Tái sử dụng và tân trang thiết bị	Cơ hội kéo dài tuổi thọ thiết bị thông qua việc sửa chữa, tân trang và sử dụng phụ tùng thay thế đã qua sử dụng để giảm phát thải và chi phí (chiến lược Fleet Spares).	Thực tế	Tích cực	E9.2

PHỤ LỤC 4 – CÁC TÁC ĐỘNG ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ (TIẾP THEO)

STT	CÁC TÁC ĐỘNG PHÙ HỢP VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PV DRILLING	CHI TIẾT TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG	TIỀM TÀNG/ THỰC TẾ	TÍCH CỰC/ TIÊU CỰC	KÝ HIỆU
II. XÃ HỘI					
25	Tai nạn và chấn thương nghiêm trọng	Rủi ro từ vận hành máy móc hạng nặng, cháy nổ, điện giật, ngã từ trên cao và vật rơi tự do trên giàn khoan.	Thực tế	Tiêu cực	S1.1
26	Sự cố trong quá trình đưa đón nhân sự	Rủi ro khi vận chuyển nhân viên và thiết bị bằng trực thăng hoặc tàu dịch vụ ra giàn khoan.	Tiềm tàng	Tiêu cực	S1.2
27	Bệnh nghề nghiệp	Tiếp xúc với hóa chất độc hại (H ₂ S, silica), tiếng ồn, rung động mạnh và các bệnh truyền nhiễm tại nơi làm việc.	Thực tế	Tiêu cực	S1.3
28	Áp lực tâm lý, điều kiện làm việc khắc nghiệt ngoài khơi.	Áp lực từ làm việc xa nhà kéo dài, cách ly xã hội, ca làm việc dài và chế độ làm việc luân phiên (FIFO) gây mệt mỏi và lo âu.	Thực tế	Tiêu cực	S1.4
29	Cải thiện văn hóa an toàn, giảm TRIR/LTIF	Hoạt động khoan tiềm ẩn rủi ro cao về an toàn lao động. Việc củng cố văn hóa an toàn giúp PV Drilling giảm tai nạn, bảo vệ người lao động và đảm bảo hoạt động liên tục của giàn khoan.	Tiềm tàng	Tích cực	S1.5
30	Rủi ro liên quan đến lao động thuê ngoài và nhà thầu.	PV Drilling sử dụng nhiều lao động thuê ngoài và nhà thầu phụ trong vận hành giàn khoan. Nếu không kiểm soát tốt điều kiện lao động và an toàn, doanh nghiệp có thể đối mặt với rủi ro tai nạn và ảnh hưởng đến uy tín.	Thực tế	Tiêu cực	S1.6
31	Không đảm bảo việc làm cho CBCNV	Tính không ổn định của các hợp đồng khoan ngắn hạn và biến động giá dầu gây rủi ro mất việc làm đột ngột.	Tiềm tàng	Tiêu cực	S2.1
32	Phúc lợi cho CBCNV không đủ để giữ chân nhân tài dẫn đến chảy máu chất xám và không đảm bảo được chất lượng dịch vụ	Đảm bảo bảo hiểm y tế, hỗ trợ giáo dục và các khoản trợ cấp chi phí sinh hoạt cho nhân viên và gia đình họ.	Thực tế	Tích cực	S2.2
33	Đảm bảo việc làm ổn định, thu nhập cạnh tranh	Ngành dầu khí có tính chu kỳ cao, ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập người lao động. Việc đảm bảo thu nhập cạnh tranh giúp PV Drilling giữ chân nhân sự chủ chốt và duy trì năng lực vận hành ổn định.	Thực tế	Tích cực	S2.3
34	Mất cân bằng giới tính	Tỷ lệ phụ nữ làm việc trên giàn khoan rất thấp do rào cản về cơ sở hạ tầng (thiếu khu vực sinh hoạt riêng biệt) và văn hóa ngành.	Thực tế	Tiêu cực	S3.1
35	Phân biệt đối xử	Rủi ro phân biệt đối xử về chủng tộc, tôn giáo hoặc tình trạng lao động (giữa nhân viên chính thức và nhà thầu phụ).	Tiềm tàng	Tiêu cực	S3.2
36	Năng lực của CBCNV, đặc biệt là ở cấp độ chuyên gia, không đáp ứng yêu cầu	Đào tạo kỹ sư chất lượng cao và thế hệ nhân lực tiếp nối.	Thực tế	Tích cực	S4.1
37	Thiếu hụt nhân sự kỹ thuật, an toàn, vận hành chuyên sâu trong ngành khoan	Hoạt động khoan yêu cầu đội ngũ kỹ thuật và an toàn có trình độ cao, được đào tạo bài bản. Thiếu hụt nhân sự chất lượng có thể ảnh hưởng đến an toàn, tiến độ và chất lượng dịch vụ của PV Drilling.	Thực tế	Tiêu cực	S4.2
38	Không tham gia vào đóng góp cho cộng đồng	Tạo việc làm và ưu tiên sử dụng nhà thầu địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế vùng nơi có dự án vận hành.	Thực tế	Tích cực	S5
39	Các hoạt động của PV Drilling gây ra ảnh hưởng đến sinh kế của người dân trong khu vực mà PV Drilling hoạt động	Hoạt động khoan ngoài khơi có thể làm hẹp ngư trường của ngư dân; các đường ống dẫn dầu trên đất liền gây hạn chế quyền sử dụng đất của người dân.	Tiềm tàng	Tiêu cực	S6

PHỤ LỤC 4 – CÁC TÁC ĐỘNG ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ (TIẾP THEO)

STT	CÁC TÁC ĐỘNG PHÙ HỢP VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PV DRILLING	CHI TIẾT TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG	TIỀM TÀNG/ THỰC TẾ	TÍCH CỰC/ TIÊU CỰC	KÝ HIỆU
III. QUẢN TRỊ					
40	Trách nhiệm của Hội đồng quản trị	HĐQT chịu trách nhiệm cao nhất về báo cáo bền vững, phê duyệt chiến lược và giám sát việc thực hiện các mục tiêu ESG.	Thực tế	Tích cực	G1.1
41	Không tuân thủ quy định pháp luật	PV Drilling hoạt động trong nhiều khu vực và chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật khác nhau. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến xử phạt, đình chỉ hoạt động và ảnh hưởng đến các hợp đồng khoan.	Thực tế	Tiêu cực	G1.2
42	Lương thưởng không gắn với kết quả/hiệu quả thực hiện ESG	Tích hợp các chỉ số KPI về an toàn và giảm phát thải vào chương trình thưởng hàng năm cho ban điều hành để thúc đẩy trách nhiệm.	Tiềm tàng	Tích cực	G1.3
43	Sự nhất quán trong vận động chính sách	Đảm bảo các hoạt động vận động hành lang hoặc đóng góp chính trị không cản trở các mục tiêu khí hậu hoặc mục tiêu phát triển bền vững.	Tiềm tàng	Tiêu cực	G1.4
44	Người báo cáo sai phạm bị trả đũa	Thiết lập các kênh báo cáo ẩn danh (hotline) để nhân viên và bên thứ ba báo cáo các hành vi phi đạo đức mà không sợ bị trả đũa.	Tiềm tàng	Tiêu cực	G2
45	Các khoản thuế và phí không minh bạch	Công khai các khoản thuế, phí bản quyền, tiền thưởng chữ ký và sản lượng ở cấp độ dự án và quốc gia để ngăn chặn thất thoát ngân sách.	Tiềm tàng	Tiêu cực	G3
46	Các hợp đồng mua bán được ký kết không đảm bảo nguyên tắc thị trường và mang lại lợi ích tốt nhất cho công ty cũng như xã hội	Các doanh nghiệp có thể thông đồng để ép giá trong các đợt đấu thầu quyền khai thác hoặc cung cấp dịch vụ khoan, gây thiệt hại cho chủ mỏ.	Tiềm tàng	Tiêu cực	G4
47	Công ty không đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về môi trường và xã hội	Các công ty dầu khí (E&P) ngày càng yêu cầu nhà thầu khoan phải chứng minh năng lực quản lý khí thải và an toàn trong hồ sơ thầu.	Thực tế	Tích cực	G5.1
48	Nâng cao tiêu chuẩn ESG cho toàn chuỗi cung ứng	Khách hàng dầu khí ngày càng yêu cầu nhà thầu khoan áp dụng tiêu chuẩn ESG đối với cả nhà cung cấp. Việc nâng cao tiêu chuẩn ESG giúp PV Drilling giảm rủi ro chuỗi cung ứng và đáp ứng yêu cầu hợp đồng.	Tiềm tàng	Tích cực	G5.2
49	Rủi ro về quản lý an toàn, môi trường, lao động tại nhà thầu	Các sự cố phát sinh từ nhà thầu phụ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giàn khoan và trách nhiệm của PV Drilling. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường giám sát và quản lý nhà thầu.	Thực tế	Tiêu cực	G5.3
50	Tác động lan tỏa ESG trong chuỗi giá trị	Thực hành ESG hiệu quả của PV Drilling có thể tạo tác động tích cực đến các đối tác và nhà cung cấp. Điều này giúp nâng cao vị thế và hình ảnh doanh nghiệp trong chuỗi giá trị dầu khí.	Thực tế	Tích cực	G5.4
51	Phát triển chuỗi cung ứng địa phương	Thúc đẩy kinh tế vùng bằng cách sử dụng các nhà thầu địa phương cho các dịch vụ phụ trợ như bốc xếp, vận tải.	Thực tế	Tích cực	G5.5
52	Rò rỉ thông tin độc quyền	Các cuộc tấn công mạng có thể làm lộ dữ liệu khách hàng, thông tin địa chất quan trọng hoặc làm gián đoạn hệ thống quản lý vận hành giàn khoan.	Tiềm tàng	Tiêu cực	G6
53	Rủi ro quản lý an toàn quy trình	Quy trình khoan phức tạp đòi hỏi quản lý nghiêm ngặt về kỹ thuật và an toàn. Bất kỳ sai sót nào cũng có thể dẫn đến sự cố nghiêm trọng, gián đoạn hoạt động và thiệt hại tài chính.	Tiềm tàng	Tiêu cực	G7.1
54	Nâng cao tính minh bạch, quản trị rủi ro ESG tích hợp ERM.	Sử dụng hệ thống quản lý tích hợp để kiểm soát rủi ro vận hành và duy trì hiệu suất giàn khoan (Uptime) ở mức cao nhất.	Thực tế	Tích cực	G7.2
55	Rủi ro danh tiếng, uy tín doanh nghiệp	Các sự cố môi trường hoặc tai nạn lao động nghiêm trọng có thể gây tổn hại lớn đến danh tiếng của PV Drilling. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng trúng thầu và hợp tác với khách hàng quốc tế.	Tiềm tàng	Tiêu cực	G8.1
56	Ảnh hưởng trực tiếp đến giấy phép hoạt động	Ưu tiên tuyển dụng và đào tạo lao động địa phương để duy trì "Giấy phép vận hành xã hội" và giảm chi phí thuê chuyên gia nước ngoài.	Tiềm tàng	Tích cực	G8.2
57	Tác động của ESG đến khả năng trúng thầu, tiếp cận vốn, bảo hiểm.	ESG ngày càng là tiêu chí quan trọng trong lựa chọn nhà thầu, tiếp cận vốn và bảo hiểm giàn khoan. Việc đáp ứng tốt ESG giúp PV Drilling nâng cao cơ hội trúng thầu và giảm chi phí tài chính.	Tiềm tàng	Tiêu cực	G8.3
58	Năng lực cạnh tranh, khả năng tiếp cận khách hàng quốc tế.	Tuân thủ các chuẩn mực ESG quốc tế giúp PV Drilling nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực và toàn cầu. Điều này hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường và tiếp cận các khách hàng dầu khí lớn.	Tiềm tàng	Tích cực	G8.4
59	Áp lực lên chi phí vận hành	Áp lực tài chính và nguồn lực để đáp ứng các tiêu chuẩn báo cáo mới khắt khe như chỉ thị Báo cáo PTBV doanh nghiệp (CSRD) của EU hoặc các quy định về an toàn hàng hải.	Thực tế	Tiêu cực	G8.5



PETROVIETNAM PV Drilling

**TỔNG CÔNG
TY CỔ
PHẦN
KHOAN VÀ
DỊCH VỤ
DẦU KHÍ**

Được ký bởi **TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**
Ngày ký: 23.04.2026
16:29

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ

Lầu 4, Sailing Tower, Số 111A Đường Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.pvdrilling.com.vn

Fax: (+84-28) 3914 2021 – 3914 2022
Tel: (+84-28) 3914 2012